

Bảng 56. Phường Bình Phước

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Quốc Lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Đồng Khởi	1,06	1,06	1,06
2	Đường Quốc Lộ 14	Đường Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	1,06	1,06	1,06
3	Đường Quốc Lộ 14	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	1,06	1,06	1,06
4	Đường Quốc Lộ 14	Đường Nguyễn Văn Linh	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,06	1,06	1,06
5	Đường Quốc Lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài	Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tìm đường Phú Riêng Đò + 65m)	1,06	1,06	1,06
6	Đường Quốc Lộ 14	Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (cũ) (tính từ tìm đường Phú Riêng Đò + 65m)	Đường Nguyễn Huệ	1,06	1,06	1,06
7	Đường Quốc Lộ 14	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,06	1,06	1,06
8	Đường Quốc Lộ 14	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2 giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,06	1,06	1,06
9	Đường Phú Riêng Đò	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lý Thường Kiệt	1,06	1,06	1,06
10	Đường Phú Riêng Đò	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trương Công Định	1,06	1,06	1,06
11	Đường Phú Riêng Đò	Đường Trương Công Định	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,06	1,06	1,06
12	Đường Phú Riêng Đò	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su	1,06	1,06	1,06
13	Đường Phú Riêng Đò	Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,06	1,06	1,06
14	Đường Phú Riêng Đò	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,06	1,06	1,06
15	Đường Phú Riêng Đò	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,06	1,06	1,06
16	Đường Phú Riêng Đò	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,06	1,06	1,06
17	Đường Phú Riêng Đò	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiên Hưng (cũ)	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Đường An Dương Vương	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Võ Văn Tần	1,06	1,06	1,06
19	Đường An Dương Vương	Đường Võ Văn Tần	Đường Quốc lộ 14	1,06	1,06	1,06
20	Đường Bạch Đằng	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Quang Diệu	1,06	1,06	1,06
21	Đường Bạch Đằng	Đường Trần Quang Diệu	Đường Trường Chinh	1,06	1,06	1,06
22	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Đặng Thai Mai	1,06	1,06	1,06
23	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Đặng Thai Mai	Đường Hồ Xuân Hương	1,08	1,08	1,08
24	Đường Đặng Trần Thi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	1,06	1,06	1,06
25	Đường Đặng Trần Thi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Cao Xuân Huy	1,06	1,06	1,06
26	Đường ĐT 753	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Cù Chính Lan	1,06	1,06	1,06
27	Đường ĐT 753	Đường Cù Chính Lan	Cầu Rạt nhỏ	1,12	1,12	1,12
28	Đường ĐT 753	Cầu Rạt nhỏ	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đông Phú (cũ))	1,06	1,06	1,06
29	Đường Hà Huy Tập	Đường 6 tháng 1	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
30	Đường Hà Huy Tập	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phạm Đình Hồ	1,06	1,06	1,06
31	Đường Hai Bà Trưng	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trương Công Định	1,06	1,06	1,06
32	Đường Hai Bà Trưng	Đường Trương Công Định	Đường Bùi Thị Xuân	1,06	1,06	1,06
33	Đường Hàm Nghi	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Bình Khiêm	1,06	1,06	1,06
34	Đường Hàm Nghi	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Trường Chinh	1,06	1,06	1,06
35	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Trường Chinh	Đường Hàm Nghi	1,06	1,06	1,06
36	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Hàm Nghi	Đường Lê Trọng Tấn	1,06	1,06	1,06
37	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1,06	1,06	1,06
38	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,06	1,06	1,06
39	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	Đường Quốc lộ 14	1,06	1,06	1,06
40	Đường Lê Duẩn	Đường Quốc Lộ 14	Đường Lý Thường Kiệt	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
41	Đường Lê Lai	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	1,06	1,06	1,06
42	Đường Lê Lợi	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1,06	1,06	1,06
43	Đường Lê Lợi	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Bùi Thị Xuân	1,06	1,06	1,06
44	Đường Lê Lợi	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,06	1,06	1,06
45	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Phú Riêng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tìm đường Phú Riêng Đỏ + 65m)	1,06	1,06	1,06
46	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phú Riêng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tìm đường Phú Riêng Đỏ + 65m)	Đường Ngô Quyền	1,06	1,06	1,06
47	Đường Lê Quý Đôn	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,06	1,06	1,06
48	Đường Lê Văn Sỹ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,06	1,06	1,06
49	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Trần Phú	1,05	1,05	1,05
50	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Phú	Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt	1,06	1,06	1,06
51	Đường Lý Thường Kiệt	Ngã ba đường Lê Duẩn - đường Lý Thường Kiệt	Đường Hàm Nghi	1,06	1,06	1,06
52	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hàm Nghi	Đường Hồ Xuân Hương	1,06	1,06	1,06
53	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	1,06	1,06	1,06
54	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
55	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối đường	1,06	1,06	1,06
56	Đường Nguyễn Huệ	Đường Quốc lộ 14	Đường Lý Thường Kiệt	1,06	1,06	1,06
57	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi	1,06	1,06	1,06
58	Đường Nguyễn Huệ	Đường Quốc lộ 14	Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ	1,06	1,06	1,06
59	Đường Nguyễn Huệ	Tìm đường hẻm 54 đường Nguyễn	Ngã tư Bàu Trúc	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Huệ				
60	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư Bà Trúc	Đường Võ Thị Sáu	1,06	1,06	1,06
61	Đường Nguyễn Huệ	Đường Võ Thị Sáu	Đường Phú Riêng Đỏ	1,05	1,05	1,05
62	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Duẩn	Đường Lương Thế Vinh	1,06	1,06	1,06
63	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lương Thế Vinh	Hết ranh giới đã giải phóng mặt bằng	1,06	1,06	1,06
64	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Văn Sỹ	1,06	1,06	1,06
65	Đường Ông Ích Khiêm	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Văn Sỹ	1,06	1,06	1,06
66	Đường Huỳnh Khương Ninh	Đường Ông Ích Khiêm	Đường Nguyễn Khuyến	1,06	1,06	1,06
67	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lê Lợi	Đường Lê Lai	1,06	1,06	1,06
68	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
69	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	1,06	1,06	1,06
70	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,06	1,06	1,06
71	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thái Tổ	1,06	1,06	1,06
72	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
73	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Phạm Đình Hổ	Đường Hồ Xuân Hương	1,06	1,06	1,06
74	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,06	1,06	1,06
75	Đường Phan Bội Châu	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	1,06	1,06	1,06
76	Đường Phan Bội Châu	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh xã Tiên Hưng	1,06	1,06	1,06
77	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Trần Phú	1,06	1,06	1,06
78	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,06	1,06	1,06
79	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Bình	1,06	1,06	1,06
80	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Bình	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,06	1,06	1,06
81	Đường Triệu Quang Phục	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Xí	1,06	1,06	1,06
82	Đường Triệu Quang Phục	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Văn Linh	1,06	1,06	1,06
83	Đường Trường Chinh	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
84	Đường Trường Chinh	Đường Trần Hưng Đạo	Đập Suối Cam	1,06	1,06	1,06
85	Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường Quốc lộ 14	Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài)	1,06	1,06	1,06
86	Đường Trường Chinh (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài)	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
87	Đường Trương Công Định	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Đặng Thai Mai	1,06	1,06	1,06
88	Đường Trương Công Định	Đường Đặng Thai Mai	Đường Lê Trọng Tấn	1,06	1,06	1,06
89	Đường Võ Văn Tần	Đường Hùng Vương	Đường Nơ Trang Long	1,06	1,06	1,06
90	Đường Võ Văn Tần	Đường Điều Ông	Đường Nơ Trang Long	1,06	1,06	1,06
91	Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường Hùng Vương	Đường Tôn Đức Thắng	1,06	1,06	1,06
92	Đường Võ Văn Tần	Đường Tôn Đức Thắng	Đường số 31	1,06	1,06	1,06
93	Đường Võ Văn Tần (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường số 31	Đường Trường Chinh	1,06	1,06	1,06
94	Đường 6 tháng 1	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	1,06	1,06	1,06
95	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
96	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
97	Đường Nguyễn Chánh	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
98	Đường Nguyễn Bình	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
99	Đường Lê Hồng Phong	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
100	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
101	Đường Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Hồng Phong	1,06	1,06	1,06
102	Đường Trần Văn Trà	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
103	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Trường Chinh	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
104	Đường Hoàng Văn Thái	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Bình	1,06	1,06	1,06
105	Đường Nguyễn Thị Định	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Bình	1,06	1,06	1,06
106	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Bình	1,06	1,06	1,06
107	Đường Ngô Gia Tự	Đường 6 tháng 1	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
108	Đường Trần Phú	Đường Quốc Lộ 14	Đường Lý Thường Kiệt	1,06	1,06	1,06
109	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Nguyễn Chánh	Đường Nguyễn Bình	1,06	1,06	1,06
110	Đường Trần Cao Vân	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
111	Đường Hồ Xuân Hương - khu dân cư Bắc Đông Phú	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường N16 khu dân cư Bắc Đông Phú	1,06	1,06	1,06
112	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hồ Xuân Hương	1,06	1,06	1,06
113	Đường Nguyễn Gia Thiều	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Hồ Xuân Hương	1,06	1,06	1,06
114	Đường Nguyễn Xí	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	1,06	1,06	1,06
115	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Triệu Quang Phục	1,06	1,06	1,06
116	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	1,06	1,06	1,06
117	Đường Nguyễn Văn Siêu	Đường Hàm Nghi	Đường Hồ Xuân Hương	1,06	1,06	1,06
118	Đường Phạm Phú Thứ	Đường Bạch Đằng	Đường Hồ Xuân Hương	1,06	1,06	1,06
119	Đường Phan Văn Đạt	Đường Trần Quang Diệu	Đường Lê Duẩn	1,06	1,06	1,06
120	Đường Phạm Đình Hồ	Đường Trần Quang Diệu	Đường Lê Duẩn	1,06	1,06	1,06
121	Đường Dương Bá Trạc	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường 26 tháng 12	1,06	1,06	1,06
122	Đường 26 tháng 12	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Đặng Thai Mai	1,06	1,06	1,06
123	Đường 9 tháng 6	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Dương Bá Trạc	1,06	1,06	1,06
124	Đường Nguyễn Hữu Huân	Đường 9 tháng 6	Đường số 4	1,06	1,06	1,06
125	Đường Hồ Huân Nghiệp	Đường 26 tháng 12	Đường 9 tháng 6	1,06	1,06	1,06
126	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường 9 tháng 6	1,06	1,06	1,06
127	Đường Cách Mạng	Đường Phú Riêng	Đường Vũ Như Tô	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Tháng Tám	Đò				
128	Đường Đặng Thai Mai	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Lý Thường Kiệt	1,06	1,06	1,06
129	Đường Lê Trọng Tấn	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
130	Đường Đoàn Thị Điểm	Toàn tuyến		1,03	1,03	1,03
131	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
132	Đường Vũ Như Tô	Đường Bùi Thị Xuân	Cuối đường	1,06	1,06	1,06
133	Đường Lương Văn Can	Đường Bùi Thị Xuân	Đường 26 tháng 12	1,06	1,06	1,06
134	Đường Tăng Bạt Hổ	Đường Chu Văn An	Đường Lương Văn Can	1,08	1,08	1,08
135	Đường Hồ Hảo Hớn	Đường Chu Văn An	Đường Đặng Thai Mai	1,06	1,06	1,06
136	Đường Đào Duy Từ	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1,06	1,06	1,06
137	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1,06	1,06	1,06
138	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Lê Lợi	Đường Bùi Thị Xuân	1,06	1,06	1,06
139	Đường Trần Nhật Duật	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1,06	1,06	1,06
140	Đường Tô Ngọc Vân	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
141	Đường Lê Anh Xuân	Đường Quốc Lộ 14	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
142	Đường Hàn Thuyên	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phạm Hùng	1,06	1,06	1,06
143	Đường Diên Hồng	Đường Phạm Hùng	Đường Đặng Thai Mai	1,06	1,06	1,06
144	Đường Chu Văn An	Đường Trương Công Định	Đường 26 tháng 12	1,06	1,06	1,06
145	Đường Phạm Hùng	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
146	Đường Phan Huy Ích	Đường Phạm Hùng	Đường Đặng Thai Mai	1,06	1,06	1,06
147	Đường Đồng Khởi	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
148	Đường Bình Giã	Đường Trần Phú	Đường Đồng Khởi	1,06	1,06	1,06
149	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,06	1,06	1,06
150	Đường Phạm Hữu Trí	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Thượng Hiền	1,06	1,06	1,06
151	Đường Lê Quang Định	Đường Trần Phú	Đường Đặng Trần Thi	1,06	1,06	1,06
152	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Quang Định	1,06	1,06	1,06
153	Đường Lê Quát	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Quang Định	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
154	Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Hữu Huân	1,00	1,00	1,00
155	Đường quy hoạch số 4 (thửa đất hướng Nam) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Hữu Huân	1,00	1,00	1,00
156	Đường N7 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Đường Phú Riêng Đò	Cống thoát nước qua suối giáp ấp Làng Ba, phường Tiến Thành (cũ)	1,06	1,06	1,06
157	Đường N13 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Đường D9 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Đường D7 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,06	1,06	1,06
158	Đường D8, D9, D10 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
159	Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N8, N9, N10, N11, N12, N14, N15, N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
160	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6 khu dân cư Bắc Đồng Phú	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
161	Đường D5, D7A khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên	Toàn tuyến		1,00	1,00	1,00
162	Đường D1, D2, D4 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên	Toàn tuyến		1,00	1,00	1,00
163	Đường N1 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên	Toàn tuyến		1,00	1,00	1,00
164	Đường N2 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên	Toàn tuyến		1,00	1,00	1,00
165	Đường D3 khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên	Toàn tuyến		1,00	1,00	1,00
166	Đường Trần Quang Diệu	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
167	Đường Cao Xuân	Đường Nguyễn	Đường Hai Bà	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Huy	Thượng Hiền	Trung			
168	Đường nhựa ranh giới Tiên Thành - Tân Phú (cũ)	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Cầu suối Cam	1,06	1,06	1,06
169	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Ngô Quyền	1,06	1,06	1,06
170	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Ngô Quyền	1,06	1,06	1,06
171	Đường Bà Triệu	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Ngô Quyền	1,06	1,06	1,06
172	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Phú Riêng Đỏ	Suối Đồng Tiền	1,06	1,06	1,06
173	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Phú Riêng Đỏ	Suối Đồng Tiền	1,06	1,06	1,06
174	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Quý Đôn	Công trường Tiêu học Tân Thiện	1,06	1,06	1,06
175	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Quang Khải	1,06	1,06	1,06
176	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Huệ	Đường số 2	1,06	1,06	1,06
177	Đường số 2	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Quang Khải	1,06	1,06	1,06
178	Đường Lãnh Binh Thăng (N3, N5 cũ)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
179	Đường Hùng Vương	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riêng Đỏ	1,12	1,12	1,12
	Khu vực chợ					
180	Đường số 1	Đường Quốc lộ 14	Đường số 7	1,06	1,06	1,06
181	Đường số 2	Đường số 7	Đường Phú Riêng Đỏ	1,06	1,06	1,06
182	Đường số 3	Đường Quốc lộ 14	Đường số 5	1,06	1,06	1,06
183	Đường số 4	Đường Quốc lộ 14	Đường số 7	1,06	1,06	1,06
184	Đường số 5	Đường Điều Ông	Đường Trần Quốc Toàn	1,06	1,06	1,06
185	Đường số 6	Đường số 1	Đường số 4	1,06	1,06	1,06
186	Đường số 7	Đường Điều Ông	Đường Trần Quốc Toàn	1,06	1,06	1,06
187	Đường số 8	Đường số 2	Đường Trần Quốc Toàn	1,06	1,06	1,06
188	Đường số 9	Đường số 2	Đường Điều Ông	1,06	1,06	1,06
189	Đường Điều Ông	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riêng Đỏ	1,06	1,06	1,06
190	Đường Trần Quốc Toàn	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riêng Đỏ	1,06	1,06	1,06
	Trung tâm thương mại thành phố Đồng Xoài (cũ)					
191	Đường Nơ Trang	Đường Phú Riêng	Đường Võ Văn	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Long	Đò	Tần			
192	Đường Phạm Ngọc Thảo	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
193	Đường Lê Thị Riêng	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
194	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
195	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Lương Bằng	1,06	1,06	1,06
196	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Văn Tần	1,06	1,06	1,06
197	Đường Nguyễn Duy	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Công Hoan	1,06	1,06	1,06
198	Đường Phạm Thế Hiển	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Duy	1,06	1,06	1,06
199	Đường Lương Thế Vinh	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
200	Đường Nguyễn Thi	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
201	Đường Tô Hiệu	Đường Phú Riêng Đò	Đường Võ Văn Tần	1,06	1,06	1,06
202	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phú Riêng Đò	Đường Võ Văn Tần	1,06	1,06	1,06
203	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn đường đã được đầu tư thảm nhựa)	Đường Võ Văn Tần	Đường Nguyễn Chánh	1,06	1,06	1,06
204	Đường Thành Thái	Đường quy hoạch số 5	Đường Võ Văn Tần	1,06	1,06	1,06
205	Đường Nguyễn Hoàn	Đường quy hoạch số 5	Đường Võ Văn Tần	1,06	1,06	1,06
206	Đường số 31	Đường Phú Riêng Đò	Đường Võ Văn Tần	1,06	1,06	1,06
207	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Thành Thái	Đường Tôn Đức Thắng	1,06	1,06	1,06
208	Đường Mai Thúc Loan	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
209	Đường Cao Văn Lầu	Đường Mai Thúc Loan	Đường Võ Văn Tần	1,06	1,06	1,06
210	Đường Văn Cao	Đường Mai Thúc Loan	Đường Võ Văn Tần	1,06	1,06	1,06
211	Đường Hồ Văn Huê	Đường Mai Thúc Loan	Đường Võ Văn Tần	1,06	1,06	1,06
212	Đường số 32 (đường Vành đai phía Nam Đồng Xoài)	Thửa đất số 759, tờ bản đồ số 5 (thửa đất của ông Trịnh Ngọc Vinh)	Đường Phan Bội Châu	1,06	1,06	1,06
213	Đường Nguyễn Chánh (giáp Trường THPT Dân tộc nội)	Đường Quốc lộ 14	Hết đường Nguyễn Chánh	1,08	1,08	1,08

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trú)					
214	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Phú Riềng Đỏ	Hết tuyến (toàn tuyến)	1,06	1,06	1,06
215	Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
216	Đường Cù Chính Lan	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	1,06	1,06	1,06
217	Đường Trần Tế Xương	Đường Cù Chính Lan	Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân (cũ)	1,06	1,06	1,06
218	Đường Nguyễn Thông	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Tế Xương	1,06	1,06	1,06
219	Đường Võ Trường Toản	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Tế Xương	1,06	1,06	1,06
220	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ	1,06	1,06	1,06
221	Đường ĐT 741	Giáp ranh phường Tân Bình, Tân Xuân (cũ)	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,06	1,06	1,06
222	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7	1,06	1,06	1,06
223	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Giáp ranh thửa đất số 383, tờ bản đồ số 7	Đầu ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20	1,06	1,06	1,06
224	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20	Ngã ba giao đường bộ đội	1,06	1,06	1,06
225	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Ngã ba giao đường bộ đội	Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (cũ)	1,06	1,06	1,06
226	Đường Tiến Hưng - Tiến Thành	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,06	1,06	1,06
227	Đường nhựa đi ấp Dên Dên	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,06	1,06	1,06
228	Đường Trường Chinh nối dài	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	Ngõ 129	1,06	1,06	1,06
229	Đường Trường Chinh nối dài	Ngõ 129	Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351)	1,05	1,05	1,05
230	Đường Trường Chinh nối dài	Ngõ 401	Giáp ranh phường Tân Bình (cũ)	1,06	1,06	1,06
231	Đường Long An	Đường ĐT 741	Đường liên xã đi	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	(ngõ 354)		Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ)			
232	Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246)	Đường ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã)	Ngã ba (đường Long An)	1,06	1,06	1,06
233	Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú (cũ) (ngõ 246)	Ngã ba (đường Long An)	Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú (cũ)	1,06	1,06	1,06
234	Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351)	Đường ĐT 741	Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3	1,06	1,06	1,06
235	Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351)	Giáp ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3	Hết ranh đất khu công nghiệp Đồng Xoài 3	1,06	1,06	1,06
236	Đường nhựa cấp Trường Trung học cơ sở Tiên Hưng (ngõ 245)	Đường ĐT 741	Giáp khu dân cư 92 ha	1,06	1,06	1,06
237	Đường nhựa cấp Trường Trung học cơ sở Tiên Hưng (ngõ 245)	Giáp khu dân cư 92 ha	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường)	1,06	1,06	1,06
238	Ngõ 486	Đường ĐT 741	Hết ranh đất nhà máy xử lý rác	1,06	1,06	1,06
239	Ngõ 493, 477	Đường ĐT 741	Khu dân cư Tà Bè Gold	1,06	1,06	1,06
240	Ngõ 401, 393	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
241	Ngõ 551 (đoạn đường nhựa)	Đường ĐT 741	Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11	1,06	1,06	1,06
242	Ngõ 551	Giáp thửa đất số 15, tờ bản đồ số 11	Hết thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04	1,06	1,06	1,06
243	Ngõ 466, 461, 446, 445, 434, 419, 384	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
244	Ngõ 422, 371, 427	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
245	Ngõ 326, 292, 282, 270	Toàn tuyến		1,04	1,04	1,04
246	Ngõ 212, 182	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
247	Ngõ 136, 68	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
248	Ngõ 226, 202, 146	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
249	Ngõ 160	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
250	Ngõ 22	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
251	Ngõ 44	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
252	Ngõ 2	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
253	Ngõ 49, 91, 113, 129, 67, 187, 197, 227	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
254	Ngõ 167, 145	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
255	Ngõ 249, 281, 301	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
256	Ngõ 303	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
257	Đường nhựa thuộc ấp 1	Ngõ 445	Đường vào Khu công nghiệp Đồng Xoài 3 (ngõ 351)	1,06	1,06	1,06
258	Đường nhựa liên ấp 3, ấp 6	Ngõ 49	Đường nhựa cấp Trường Trung học cơ sở Tiến Hưng (ngõ 245)	1,06	1,06	1,06
259	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
260	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (cũ)	Toàn tuyến		1,00	1,00	1,00
261	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất)	Toàn tuyến		1,00	1,00	1,00
262	Các tuyến đường trong phân lô của bà Nguyễn Thị Tâm Phượng (đường quy hoạch 28m khu dân cư phía đông phường Tân Thiện (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
263	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
264	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
265	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
266	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
267	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
268	Các tuyến đường	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng		Đồng Xoài			
269	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
270	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
271	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
272	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến giáp ranh phường Tiên Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
273	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
274	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
275	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
276	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
277	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
278	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
279	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
280	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
281	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
282	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
283	Các tuyến đường	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200 m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
284	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến giáp ranh phường Tiên Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
285	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
286	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
287	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
288	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
289	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
290	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
291	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
292	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến giáp ranh phường Tiên Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
293	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
294	Các tuyến đường	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng		Đồng Xoài			
295	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
296	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến giáp ranh phường Tiên Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
297	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	xi măng					
298	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
299	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu từ 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
300	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu từ 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
301	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu từ	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
302	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu từ 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
303	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
304	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	xi măng					
305	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
306	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
307	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
308	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến giáp ranh phường Tiến Thành (cũ) hoặc đường Lê Duẩn trong phạm vi	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
309	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Lê Duẩn	1,05	1,05	1,05
310	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
311	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
312	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Trương	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đông Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
313	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đông Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
314	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đông Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
315	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đông Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đông Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
316	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đông Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
317	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
318	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
319	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
320	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
321	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
322	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
323	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
324	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
325	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
326	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
327	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
328	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
329	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
330	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
331	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
332	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
333	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
334	Các tuyến đường giao thông đầu nối	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
335	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
336	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
337	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
338	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
339	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
340	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
341	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
342	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đông Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
343	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
344	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đông Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đông Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
345	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
346	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
347	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
348	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
349	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
350	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
351	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
352	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đầu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
353	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
354	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
355	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Trương Công Định trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
356	Các tuyến đường	Đường Trương	Giáp ranh huyện	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Trương Công Định hoặc Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Công Định	Đồng Phú (cũ)			
357	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Trương Công Định	1,05	1,05	1,05
358	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Trương Công Định	Giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ)	1,05	1,05	1,05
359	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
360	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
361	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
362	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
363	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
364	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
365	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
366	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
367	Các tuyến đường giao thông đầu nối	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
368	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
369	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
370	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
371	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
372	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
373	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
374	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
375	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
376	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
377	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
378	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
379	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
380	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
381	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
382	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
383	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
384	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
385	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
386	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
387	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
388	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
389	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
390	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	cách từ điểm đầu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
391	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
392	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
393	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
394	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
395	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đòng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đòng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
396	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
397	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
398	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
399	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
400	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
401	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đường nhựa, bê tông xi măng					
402	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
403	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
404	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
405	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
406	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
407	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
408	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
409	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Hết ranh	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
410	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
411	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
412	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
413	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
414	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
415	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
416	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đòng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
417	Các tuyến đường giao thông đầu nối	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
418	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
419	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
420	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	tông xi măng					
421	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
422	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
423	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
424	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
425	Các tuyến đường giao thông đầu nối	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nguyễn Huệ trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
426	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nguyễn Huệ hoặc Hết ranh quy hoạch đường số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
427	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Hết ranh quy hoạch đường số 2 hoặc Cầu số 2 trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
428	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
429	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh quy hoạch đường số 2	1,05	1,05	1,05
430	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh quy hoạch đường số 2	Cầu số 2	1,05	1,05	1,05
431	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu đến 200 m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,05	1,05	1,05
432	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,05	1,05	1,05
433	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
434	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,05	1,05	1,05
435	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,05	1,05	1,05
436	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,05	1,05	1,05
437	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Phú Riêng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được	Phú Riêng Đỏ	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
438	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bầu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bầu Trúc	1,05	1,05	1,05
439	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
440	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bầu Trúc	1,05	1,05	1,05
441	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Phú Riềng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng	Phú Riềng Đỏ	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
442	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
443	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
444	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
445	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Phú Riêng Đò hoặc Ngô Quyền	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
446	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
447	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riêng Đỏ	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
448	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
449	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Phú	Phú Riêng Đỏ	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Riêng Đò hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
450	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
451	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
452	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
453	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đầu nối đến Phú Riêng Đò hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
454	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bầu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bầu Trúc	1,05	1,05	1,05
455	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
456	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bầu Trúc	1,05	1,05	1,05
457	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Phú Riêng Đò	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
458	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
459	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riêng Đỏ	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
460	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
461	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối	Phú Riêng Đỏ	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đến Phú Riêng Đò hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
462	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
463	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
464	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
465	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đầu nối đến Phú Riêng Đỏ hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
466	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bầu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bầu Trúc	1,05	1,05	1,05
467	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riêng Đỏ	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
468	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bầu Trúc	1,05	1,05	1,05
469	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Phú Riêng Đỏ hoặc Ngô	Phú Riêng Đỏ	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
470	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
471	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
472	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
473	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Phú Riêng Đò	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
474	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
475	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riêng Đỏ	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
476	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
477	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối	Phú Riêng Đỏ	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đến Phú Riêng Đò hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
478	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
479	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
480	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
481	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đầu nối đến Phú Riêng Đò hoặc Ngô Quyền trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
482	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Ngô Quyền hoặc Ngã tư Bàu Trúc trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
483	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Phú Riêng Đò	Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
484	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Quý Đôn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Ngô Quyền	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
485	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
486	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
487	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
488	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
489	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
490	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
491	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
492	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
493	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
494	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
495	Các tuyến đường giao thông đầu nối	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
496	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Bàu Trúc	1,05	1,05	1,05
497	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200 m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riêng Đỏ	1,05	1,05	1,05
498	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riêng Đỏ	1,05	1,05	1,05
499	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông	Ngã tư Bàu Trúc	Đường Phú Riêng Đỏ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	xi măng					
500	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bà Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	1,05	1,05	1,05
501	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bà Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	1,05	1,05	1,05
502	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bà Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	1,05	1,05	1,05
503	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bà Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	1,05	1,05	1,05
504	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường	Ngã tư Bà Trúc	Đường Phú Riềng Đỏ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
505	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bà Trúc	Đường Phú Riêng Đỏ	1,05	1,05	1,05
506	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bà Trúc	Đường Phú Riêng Đỏ	1,05	1,05	1,05
507	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bà Trúc	Đường Phú Riêng Đỏ	1,05	1,05	1,05
508	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Huệ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bà Trúc	Đường Phú Riêng Đỏ	1,05	1,05	1,05
509	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu đến	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riêng Đỏ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
510	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu trên 200 m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	1,05	1,05	1,05
511	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	1,05	1,05	1,05
512	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	1,05	1,05	1,05
513	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc Lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	1,05	1,05	1,05
514	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riềng Đỏ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Hùng Vương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
515	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riêng Đỏ	1,05	1,05	1,05
516	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riêng Đỏ	1,05	1,05	1,05
517	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hùng Vương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Phú Riêng Đỏ	1,05	1,05	1,05
518	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
519	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
520	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
521	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
522	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Đông Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
523	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
524	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
525	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
526	Các tuyến đường giao thông đầu nối	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
527	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
528	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
529	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
530	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
531	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
532	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
533	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
534	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
535	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
536	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
537	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
538	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
539	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
540	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
541	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
542	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
543	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
544	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
545	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
546	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
547	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
548	Các tuyến đường	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng		Long			
549	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
550	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
551	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
552	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
553	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
554	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
555	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
556	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
557	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
558	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
559	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
560	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
561	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
562	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Ngã tư Đồng Xoài hoặc Đường Nơ Trang Long trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
563	Các tuyến đường	Đường Nơ Trang	Đường Hùng	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Nơ Trang Long hoặc Đường Hùng Vương trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Long	Vương			
564	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Đồng Xoài	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
565	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Nơ Trang Long	Đường Hùng Vương	1,05	1,05	1,05
566	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
567	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiên Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiên Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
568	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
569	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiên Hưng cũ	1,05	1,05	1,05
570	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đầu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
571	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
572	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
573	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riềng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
574	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
575	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
576	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đường nhựa, bê tông xi măng					
577	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiên Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
578	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
579	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiên Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiên Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
580	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
581	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
582	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
583	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Tiền Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
584	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
585	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiền Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
586	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước	1,05	1,05	1,05
587	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước	Giáp ranh xã Tiền Hưng cũ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
588	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
589	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
590	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
591	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiên Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiên Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
592	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
593	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiên Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
594	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Hùng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
595	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiên Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiên Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
596	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
597	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đỏ từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiên Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
598	Các tuyến đường	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Vương	cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)			
599	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
600	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
601	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	HLLG vào sâu đến 100m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
602	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
603	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
604	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
605	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 100m đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
606	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
607	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
608	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
609	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
610	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối đến Đường Hùng Vương hoặc Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
611	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có khoảng cách từ điểm đầu nối	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đến Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước hoặc Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ) trong phạm vi 200m trở lên có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
612	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	1,05	1,05	1,05
613	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Phú Riêng Đò từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh đất Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước (cũ)	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,05	1,05	1,05
614	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	1,05	1,05	1,05
615	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
616	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	1,05	1,05	1,05
617	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	1,05	1,05	1,05
618	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	1,05	1,05	1,05
619	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	1,05	1,05	1,05
620	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu	Ngã tư Bàu Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
621	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bà Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	1,05	1,05	1,05
622	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bà Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	1,05	1,05	1,05
623	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bà Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	1,05	1,05	1,05
624	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Ngã tư Bà Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	1,05	1,05	1,05
625	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 753 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường	Ngã tư Bà Trúc	Cầu Rạt lớn (giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ))	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	nhựa, bê tông xi măng					
626	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu đến 200 m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,05	1,05	1,05
627	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,05	1,05	1,05
628	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,05	1,05	1,05
629	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,05	1,05	1,05
630	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
631	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Văn Trỗi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Quốc lộ 14	Đường Lê Lợi	1,05	1,05	1,05
632	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,05	1,05	1,05
633	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,05	1,05	1,05
634	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,05	1,05	1,05
635	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
636	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,05	1,05	1,05
637	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,05	1,05	1,05
638	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,05	1,05	1,05
639	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,05	1,05	1,05
640	Các tuyến đường giao thông đầu nối	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng		Đồng Phú			
641	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,05	1,05	1,05
642	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,05	1,05	1,05
643	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Hồ Xuân Hương từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Trường Trinh	Hết đường N16 khu dân cư Bắc Đồng Phú	1,05	1,05	1,05
644	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
645	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05
646	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05
647	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05
648	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05
649	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
650	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05
651	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05
652	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05
653	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05
654	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
655	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lý Thường Kiệt từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05
656	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
657	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
658	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
659	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
660	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
661	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
662	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
663	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
664	Các tuyến đường	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng		Đồng Xoài			
665	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
666	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
667	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Trần Hưng Đạo từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Đồng Xoài	1,05	1,05	1,05
668	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	mãng					
669	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	1,05	1,05	1,05
670	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	1,05	1,05	1,05
671	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	1,05	1,05	1,05
672	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	1,05	1,05	1,05
673	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đường nhựa, bê tông xi măng					
674	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	1,05	1,05	1,05
675	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	1,05	1,05	1,05
676	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	1,05	1,05	1,05
677	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	1,05	1,05	1,05
678	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
679	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Duẩn từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thường Kiệt	1,05	1,05	1,05
680	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05	1,05	1,05
681	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05	1,05	1,05
682	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05	1,05	1,05
683	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
684	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05	1,05	1,05
685	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05	1,05	1,05
686	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05	1,05	1,05
687	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05	1,05	1,05
688	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05	1,05	1,05
689	Các tuyến đường	Đường Phú Riềng	Đường Nguyễn	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đò	Văn Trỗi			
690	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đò	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05	1,05	1,05
691	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lợi từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đò	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05	1,05	1,05
692	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đò	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
693	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đò	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
694	Các tuyến đường giao thông đầu nối	Đường Phú Riềng Đò	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
695	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
696	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
697	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
698	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
699	Các tuyến đường giao thông đầu nối	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
700	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
701	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu đến 200m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
702	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 200m đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
703	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Lê Lai từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Nguyễn Huệ	1,05	1,05	1,05
704	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tiến Hưng cũ được đầu tư	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường trên 3,5m					
705	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tiến Hưng cũ được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 3,5m	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
706	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tiến Hưng (cũ)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
707	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
708	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
709	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 7m	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
710	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 7m	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
711	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 4m	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
712	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 4m	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
713	Các tuyến đường trong Khu dân cư Sando	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
714	Khu dân cư Thuận Hòa	Đường liên xã		1,06	1,06	1,06
715	Khu dân cư Thuận Hòa	Đường D1		1,06	1,06	1,06
716	Khu dân cư Thuận Hòa	Đường N1, N2, D2, D3		1,06	1,06	1,06
717	Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh	Đường D1, D2, D3, D4, đường hiện hữu		1,06	1,06	1,06
718	Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh	Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, DN1, DN2		1,06	1,06	1,06
719	Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng	Đường N1, TC2, N10, N8, TC1		1,06	1,06	1,06
720	Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng	Đường N2, N5B, N6B, N7, D8, N6A, D1, D2, D3		1,06	1,06	1,06
721	Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng	Đường N3B, N4B, N9, N11, D4, D7, D8, D9, D5A, D5B, N3A, N4A, N5A, D2-1, D2-2		1,06	1,06	1,06
722	Khu dân cư Cát Tường - Phú Hưng	Đường N3, D6, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16A, D16		1,06	1,06	1,06
723	Khu dân cư Đức Hoàng Phát	Đường quy hoạch 32m		1,06	1,06	1,06
724	Khu dân cư Đức Hoàng Phát	Các đường còn lại		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
725	Nhà ở xã hội Phúc Thành	Đường ĐH 507 (đường Nông Trường - đoạn tương ứng)		1,06	1,06	1,06
726	Nhà ở xã hội Phúc Thành	Đường D6, D7		1,06	1,06	1,06
727	Nhà ở xã hội Phúc Thành	Đường N3, N4, N5, N6, N7, N8, N9		1,06	1,06	1,06
728	Nhà ở xã hội Phúc Thành	Đường N1, N2, D1, D2, D3, D4, D5 à các đường còn lại trong khu dân cư		1,06	1,06	1,06
729	Nhà ở xã hội Hưng Thịnh	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,06	1,06	1,06
730	Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bể Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương	Đường D1, D2		1,06	1,06	1,06
731	Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bể Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương	Đường D3, D4, D5, N1, N2, N3, N4		1,06	1,06	1,06
732	Khu đô thị - Thương mại Dịch vụ Tiến Hưng (Tà Bể Gold) của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Thành Phương	Đường N9		1,06	1,06	1,06
733	Khu dân cư Hạnh Phúc 1	Đường N1, N2, D1, D2		1,06	1,06	1,06
734	Khu dân cư Hạnh Phúc 2	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,06	1,06	1,06
735	Khu dân cư Tiến Hưng (Công ty Đại Hoàng Kim)	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,06	1,06	1,06
736	Khu dân cư Hoàng Hưng Thịnh	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,06	1,06	1,06
737	Khu dân cư Danh Hoàng Long	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,06	1,06	1,06
738	Khu dân cư Kiên Cường Phát	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,06	1,06	1,06
739	Khu dân cư Quang	Đường số 1		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Minh Tiến					
740	Khu dân cư Quang Minh Tiến	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư		1,06	1,06	1,06
741	Các tuyến đường trong khu dân cư Làng Bình Đoàn 16	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

Bảng 57. Phường Đồng Xoài

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	1,05	1,05	1,05
2	Đường Quốc lộ 14	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	1,06	1,06	1,06
3	Đường Quốc lộ 14	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	1,06	1,06	1,06
4	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	1,06	1,06	1,06
5	Đường Phan Bội Châu	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	1,06	1,06	1,06
6	Đường Phan Chu Trinh	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	1,06	1,06	1,06
7	Đường Trần Hữu Độ	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	1,06	1,06	1,06
8	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Quốc lộ 14	Đường Tôn Đức Thắng	1,06	1,06	1,06
9	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Vành đai phía Nam	1,05	1,05	1,05
10	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Quốc lộ 14	Đường số 37	1,06	1,06	1,06
11	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường số 37	Đường Tôn Đức Thắng	1,06	1,06	1,06
12	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phan Bội Châu	Đường số 32 (N7)	1,06	1,06	1,06
13	Đường Trần Huy Liệu	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,06	1,06	1,06
14	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,06	1,06	1,06
15	Đường Phan Văn Trị	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16	Đường Bùi Viện	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,05	1,05	1,05
17	Đường Ngô Đức Kế	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,06	1,06	1,06
18	Đặng Trần Côn	Đường Phan Bội Châu	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,06	1,06	1,06
19	Đường Nam Cao	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,06	1,06	1,06
20	Khu dân cư Thiên Phúc Lợi	Các tuyến đường trong Khu dân cư Thiên Phúc Lợi (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất)		1,06	1,06	1,06
21	Đường N3 Khu dân cư Quang Minh Tiến	Đường Quốc Lộ 14	Đường N6	1,06	1,06	1,06
22	Đường N2 Khu dân cư Quang Minh Tiến	Đường số 32 (N7)	Đường N1	1,06	1,06	1,06
23	Các tuyến đường còn lại trong Khu dân cư Quang Minh Tiến	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
24	Đường số 37	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường số 32 (N7)	1,05	1,05	1,05
25	Khu Dân Cư The Gold Mart	Các tuyến đường trong khu dân cư The Gold Mart (trừ Đường Tôn Đức Thắng)		1,06	1,06	1,06
26	Đường Dương Khuê	Đường Nam Cao	Cuối đường	1,06	1,06	1,06
27	Khu dân cư B85	Các tuyến đường trong khu dân cư B85 (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất)		1,06	1,06	1,06
28	Đường Trần Hữu Độ nói dài (giáp trường chuyên Quang Trung)	Đường Quốc lộ 14	Hết đường	1,06	1,06	1,06
29	Đường nhựa ranh giữa phường Tiến Thành và phường Tân Phú (cũ)	Cầu Suối Cốc	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo - phường Tân Phú (cũ)	1,06	1,06	1,06
30	Đường nhựa Tiến Thành - Tiến Hưng	Đường N6 khu dân cư Quang Minh Tiến	Giáp ranh xã Tiến Hưng (cũ)	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
31	Đường vào Trạm xá K23	Đường Quốc lộ 14	Đường vào nhà văn hóa ấp 2 (phía đối diện vuông góc chiếu sang)	1,06	1,06	1,06
32	Đường vào Trạm xá K23	Đường vào nhà văn hóa ấp 2	Cầu Quận 3	1,06	1,06	1,06
33	Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bung Sê)	Đường Quốc lộ 14	Cầu Bung Sê	1,05	1,05	1,05
34	Đường bên hông Trường Quân sự địa phương ấp 6 (Đường vào Bung Sê)	Cầu Bung Sê	Giáp ranh xã Thuận Lợi	1,05	1,05	1,05
35	Đường nhựa Việt Úc	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7 (phía đối diện vuông góc chiếu sang)	1,06	1,06	1,06
36	Đường nhựa Việt Úc	Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7	Cuối đường	1,06	1,06	1,06
37	Đường vào Trung tâm Khuyến Nông	Đường Quốc lộ 14	Công Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao	1,06	1,06	1,06
38	Khu Dân Cư Trung Tâm Khuyến Nông	Các tuyến đường trong Dân cư		1,06	1,06	1,06
39	Khu Dân Cư Tuấn Trang	Đường D1		1,06	1,06	1,06
40	Khu Dân Cư Tuấn Trang	Đường N1, N2, D2		1,06	1,06	1,06
41	Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Đường số 1		1,06	1,06	1,06
42	Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Đường số 2		1,06	1,06	1,06
43	Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Đường số 3		1,06	1,06	1,06
44	Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân	Đường số 4		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh					
45	Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Đường số 6, số 7, số 8		1,06	1,06	1,06
46	Các tuyến đường trong Khu dân cư Việt Phương	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
47	Đường trục chính khu công nghiệp Đồng Xoài I, các tuyến đường trong khu công nghiệp đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
48	Các tuyến đường trong Khu công nghiệp Đồng Xoài I chưa đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng chưa được quy định trong phụ lục Bảng giá đất các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
49	Khu quy hoạch chợ Tân Thành	Đường D1, N1		1,06	1,06	1,06
50	Khu quy hoạch chợ Tân Thành	Các tuyến đường quy hoạch còn lại trong khu quy hoạch chợ Tân Thành		1,06	1,06	1,06
51	Các tuyến đường trong Khu dân cư Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
52	Đường quy hoạch số 39 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Giáp ranh phường Tiến Thành (cũ)	Đường vành đai 2	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
53	Đường quy hoạch số 21 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa)	Đoạn 1 từ ranh phường Tiến Thành (cũ)	Vành đai 2 (Chưa thông tuyến)	1,06	1,06	1,06
54	Đường QH số 41 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông)	Đường QH số 31	Ranh phường Bình Phước	1,05	1,05	1,05
55	Đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I (đường QH số 31 chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông)	Đường VĐ1	Đường VĐ 2	1,05	1,05	1,05
56	Đường QH D5 (đoạn đường chưa được đầu tư thảm nhựa, đổ bê tông)	QL 14	Đường QH số 39	1,05	1,05	1,05
57	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	1,05	1,05	1,05
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hèm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	1,05	1,05	1,05
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư	Hèm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	1,06	1,06	1,06
61	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	1,05	1,05	1,05
62	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	1,05	1,05	1,05
63	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	1,06	1,06	1,06
64	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	lên đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	1,05	1,05	1,05
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hèm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	1,05	1,05	1,05
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hèm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	1,06	1,06	1,06
68	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	1,06	1,06	1,06
69	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng					
70	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	1,05	1,05	1,05
71	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	1,06	1,06	1,06
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường từ 4m trở lên chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	1,06	1,06	1,06
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	1,05	1,05	1,05
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng		75)			
75	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	1,06	1,06	1,06
76	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	1,06	1,06	1,06
77	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	1,05	1,05	1,05
78	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	1,05	1,05	1,05
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	64, tờ bản đồ số 75)	đường vào khu dân cư Tuấn Trang)			
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	1,06	1,06	1,06
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	1,05	1,05	1,05
82	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hèm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	1,05	1,05	1,05
83	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hèm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	1,06	1,06	1,06
84	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ	Giáp ranh xã Nha Bích	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu đến 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	(phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)				
85	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Giáp ranh phường Bình Phước	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	1,05	1,05	1,05
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết đoạn có giải phân cách cứng (thửa đất số 61 và thửa đất số 19 tờ bản đồ số 47)	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	1,05	1,05	1,05
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hẻm vào trường Tiểu học Tân Thành và phía đối diện (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 75)	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	1,06	1,06	1,06
88	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 14 từ HLLG vào sâu trên 500m có bề rộng mặt đường dưới 4m chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng	Hết ranh phía Tây Ủy ban nhân dân xã Tân Thành cũ (phía đối diện đường vào khu dân cư Tuấn Trang)	Giáp ranh xã Nha Bích	1,06	1,06	1,06
89	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường đã	Giáp ranh phường Bình Phước	Đường Quốc lộ 14	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	được đầu tư thâm nhựa)					
90	Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường đã được đầu tư thâm nhựa)	Giáp ranh phường Bình Phước	Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến)	1,05	1,05	1,05
91	Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường đã được đầu tư thâm nhựa)	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh phường Bình Phước	1,05	1,05	1,05
92	Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường đã được đầu tư thâm nhựa)	Đường Vành đai phía Nam	Giáp ranh phường Bình Phước	1,05	1,05	1,05
93	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn đường chưa được đầu tư thâm nhựa)	Giáp ranh phường Bình Phước	Đường Quốc lộ 14	1,05	1,05	1,05
94	Đường Vành đai phía Nam (đoạn đường chưa được đầu tư thâm nhựa)	Giáp ranh phường Bình Phước	Đường Vành đai 2 (Chưa thông tuyến)	1,05	1,05	1,05
95	Đường quy hoạch số 34 (đoạn đường chưa được đầu tư thâm nhựa)	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh phường Bình Phước	1,05	1,05	1,05
96	Đường quy hoạch số 35 (đoạn đường chưa được đầu tư thâm nhựa)	Đường Vành đai phía Nam	Giáp ranh phường Bình Phước	1,05	1,05	1,05
	Khu vực tờ bản đồ từ số 1 đến số 51 (Bản đồ địa chính phường Đồng Xoài)					
97	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
98	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên					
99	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 7m	Toàn tuyến		1,11	1,11	1,11
100	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 7m	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
101	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 4m	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
102	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 4m	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
	Khu vực các tờ bản đồ còn lại (Bản đồ địa chính phường Đồng Xoài)					
103	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
104	Các tuyến đường giao thông còn lại	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên					
105	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 7m	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
106	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường từ 4m đến dưới 7m	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
107	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 4m	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
108	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng có bề rộng mặt đường dưới 4m	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

Bảng 58. Phường Minh Hưng

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 751	Phía Bắc: Ngã ba đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành)	Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành	1,06	1,06	1,06
2	Đường ĐT 751	Phía Bắc: Hết ranh giới thửa đất số 69, tờ bản đồ số 140; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông ranh giới phường Chơn Thành cũ	Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1	1,11	1,11	1,11
3	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 4 và đường số 9 - Khu phố Minh Long 1	Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lâu) - Khu phố Minh Long 1	1,06	1,06	1,06
4	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 14 và đường số 19 (Ngã tư Ngọc Lâu) - Khu phố Minh Long 1	Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3)	1,06	1,06	1,06
5	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 32 và đường số 41 (Nhà văn hóa khu phố Minh Long 3)	Cầu Bà Và (Ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh)	1,13	1,13	1,13
6	Đường ĐH 05	Đường ĐT 751	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05	1,06	1,06	1,06
7	Đường ĐH 05	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 130; Phía Đông: Ngã ba đường số 52 và đường ĐH 05	Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số 117)	1,06	1,06	1,06
8	Đường ĐH 05	Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 7 và đường ĐH 05 (hết ranh thửa đất số 168 tờ bản đồ số	Đường ĐH 15	1,04	1,04	1,04

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		117)				
9	Đường ĐH 05	Đường ĐT 751	Đường ĐH 06	1,06	1,06	1,06
10	Đường ĐH 06	Ranh giới phường Chơn Thành	Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44	1,05	1,05	1,05
11	Đường ĐH 06	Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 143; Phía Nam: Ngã ba đường ĐH 06 và đường số 44	Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06	1,06	1,06	1,06
12	Đường ĐH 06	Phía Bắc: Ngã ba đường số 36 và đường ĐH 06; Phía Nam: Ngã ba đường bê tông và ĐH 06	Hết tuyến (ranh giới Thành phố Hồ Chí Minh)	1,06	1,06	1,06
13	Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành)	Đường ĐT 751	Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A	1,06	1,06	1,06
14	Đường Ngô Đức Kế (Ranh giới phường Chơn Thành)	Ngã ba đường Ngô Đức Kế và đường số 3A	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
15	Đường số 1 - Khu phố Minh Long 6	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
16	Đường số 2 - Khu phố Minh Long 6	Đường ĐT 751	Đường ĐH 06	1,06	1,06	1,06
17	Đường số 3 - Khu phố Minh Long 6	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 3 và đường số 3A (Nhà Văn hóa Khu phố Minh Long 6)	1,06	1,06	1,06
18	Đường số 3A - Khu phố Minh Long 6	Đường Ngô Đức Kế	Đường số 7	1,05	1,05	1,05
19	Đường số 3B - Khu phố Minh Long 6	Đường số 3	Đường số 7	1,05	1,05	1,05
20	Đường số 3C - Khu phố Minh Long 6	Đường số 3A	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
21	Đường số 4 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
22	Đường số 5 - Khu phố Minh Long 6	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
23	Đường số 6 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
24	Đường số 7 - Khu	Đường ĐT 751	Phía Tây: Hết ranh			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	phố Minh Long 1		thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7	1,06	1,06	1,06
25	Đường số 7 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7	Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 72, tờ bản đồ số 131; Phía Đông: Ngã ba đường số 3 và đường số 7	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
26	Đường số 8 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
27	Đường số 9 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
28	Đường số 10 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
29	Đường số 11 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
30	Đường số 12 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
31	Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7	Đường ĐT 751	Đường số 52	1,05	1,05	1,05
32	Đường số 13 - Khu phố Minh Long 1 và Khu phố Minh Long 7	Đường số 52	Đường ĐH 05	1,05	1,05	1,05
33	Đường số 15 - Khu phố Minh Long 1	Đường ĐT 751	Đường số 52	1,05	1,05	1,05
34	Đường số 16 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Đường số 18	1,05	1,05	1,05
35	Đường số 17 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Đường số 52	1,05	1,05	1,05
36	Đường số 18 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Đường số 16	1,05	1,05	1,05
37	Đường số 20 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
38	Đường số 21 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
39	Đường số 22 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
40	Đường số 23 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Ranh phía Bắc thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137	1,05	1,05	1,05
41	Đường số 23 - Khu	Ranh phía Bắc	Đường số 29			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	phố Minh Long 2	thửa đất số 56 và thửa đất số 60 tờ bản đồ số 137		1,05	1,05	1,05
42	Đường số 24 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
43	Đường số 25 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
44	Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137	1,05	1,05	1,05
45	Đường số 26 - Khu phố Minh Long 2	Ranh phía Bắc thửa đất số 103 tờ bản đồ 136 và thửa đất số 405 tờ bản đồ số 137	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
46	Đường số 27 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
47	Đường số 28 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
48	Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130	1,06	1,06	1,06
49	Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2	Phía Tây: Ngã ba đường số 33; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 130	Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130	1,06	1,06	1,06
50	Đường số 29 - Khu phố Minh Long 2	Phía Tây: Ngã ba đường số 29B; Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 130	Đường ĐH 15	1,06	1,06	1,06
51	Đường số 29A - Khu phố Minh Long 2	Đường số 29	Đường số 29B	1,05	1,05	1,05
52	Đường số 29B - Khu phố Minh Long 2	Suối Bà Và	Suối 1	1,05	1,05	1,05
53	Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136	1,05	1,05	1,05
54	Đường số 30 - Khu phố Minh Long 3	Ranh phía Nam thửa đất số 97 và thửa đất số 98 tờ bản đồ 136	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
55	Đường số 31 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Ngã 3 đường Bê tông (Ranh phía Bắc thửa đất số 11 tờ bản đồ số 137)	1,05	1,05	1,05
56	Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Đường số 40	1,05	1,05	1,05
57	Đường số 32 - Khu phố Minh Long 3	Đường số 40	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
58	Đường số 32A - Khu phố Minh Long 3	Đường số 32	Đường số 30	1,05	1,05	1,05
59	Đường số 32B - Khu phố Minh Long 3	Đường số 32	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
60	Đường số 32C - Khu phố Minh Long 3	Đường số 32	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
61	Đường số 33 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Đường số 35	1,05	1,05	1,05
62	Đường số 34 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
63	Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Ngã 3 đường đường số 33 và 35	1,05	1,05	1,05
64	Đường số 35 - Khu phố Minh Long 2	Ngã 3 đường đường số 33 và 35	Đường số 51	1,05	1,05	1,05
65	Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Ngã tư đường số 40	1,06	1,06	1,06
66	Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3	Ngã tư đường số 40	Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bung Cao)	1,06	1,06	1,06
67	Đường số 36 - Khu phố Minh Long 3	Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 3 (Cầu Bung Cao)	Đường ĐH 06	1,05	1,05	1,05
68	Đường số 37 - Khu phố Minh Long 2	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
69	Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3	Đường ĐT 751	Ngã ba đường số 40	1,06	1,06	1,06
70	Đường số 38 - Khu phố Minh Long 3	Ngã ba đường số 40	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
71	Đường số 39 - Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
72	Đường số 40 - Khu phố Minh Long 3	Đường số 32	Đường số 38	1,05	1,05	1,05
73	Đường số 41 - Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Mương thoát nước - Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128)	1,06	1,06	1,06
74	Đường số 41 - Khu	Mương thoát nước	Hết tuyến			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	phố Minh Long 4	- Khu phố Minh Long 4 (Hết ranh thửa đất số 161 tờ bản đồ số 128)		1,10	1,10	1,10
75	Đường số 43A- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
76	Đường số 43B- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Ngã 4 đường bê tông và đường số 43B	1,05	1,05	1,05
77	Đường số 44- Khu phố Minh Long 5	Đường ĐH 06	Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122	1,05	1,05	1,05
78	Đường số 44- Khu phố Minh Long 5	Ranh phía Tây Nam các thửa đất số 292 tờ bản đồ số 146 và thửa đất số 293 tờ bản đồ số 122	Đường ĐH 06	1,05	1,05	1,05
79	Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128)	1,06	1,06	1,06
80	Đường số 45 - Khu phố Minh Long 4	Ngã tư đường bê tông - Khu phố Minh Long 4 (hết ranh thửa đất số 179 tờ bản đồ số 128)	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
81	Đường số 47- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127	1,05	1,05	1,05
82	Đường số 47- Khu phố Minh Long 4	Ranh phía Bắc các thửa đất số 55 và thửa đất số 58 tờ bản đồ số 127	Đường số 45	1,05	1,05	1,05
83	Đường số 49- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐT 751	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
84	Đường số 51 - Khu phố Minh Long 4	Đường số 41	Đường số 29	1,06	1,06	1,06
85	Đường số 52- Khu phố Minh Long 4	Đường ĐH 05	Đường số 3	1,05	1,05	1,05
86	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới phường	Ngã tư đường số			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Chon Thành (ngã tư giao với đường Cao Bá Quát)	89, đường số 20	1,06	1,06	1,06
87	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường số 89, đường số 20	Ngã tư đường số 84, đường số 97	1,06	1,06	1,06
88	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường số 84, đường số 97	Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01	1,06	1,06	1,06
89	Đường Quốc lộ 13	Phía tây giáp đường số 35, phía đông giáp đường ĐH01	Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69	1,06	1,06	1,06
90	Đường Quốc lộ 13	Phía tây giáp đường ĐH 04, phía đông giáp đường số 69	Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25	1,06	1,06	1,06
91	Đường Quốc lộ 13	Phía tây giáp đường số 36A, phía đông giáp đường số 25	Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11	1,06	1,06	1,06
92	Đường Quốc lộ 13	Phía tây giáp đường số 37, phía đông hết ranh thửa đất số 36 tờ bản đồ số 11	Ranh giới xã Tân Khai	1,06	1,06	1,06
93	Đường ĐT752B	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng	1,06	1,06	1,06
94	Đường ĐT752B	Ngã tư hết đất Nông trường cao su Minh Hưng	Giáp ranh Xã Tân Khai	1,05	1,05	1,05
95	Đường ĐH 01	HLLG đường Quốc lộ 13	Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03	1,06	1,06	1,06
96	Đường ĐH 01	Ngã tư tiếp giáp đường ĐH 03	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
97	Đường ĐH 03	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
98	Đường ĐH04	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường số 19	1,06	1,06	1,06
99	Đường ĐH04	Ngã tư đường số 19	Ngã tư đường số 17 và đường số 31	1,05	1,05	1,05
100	Đường ĐH04	Ngã tư đường số 17 và đường số 31	Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	1,06	1,06	1,06
101	Đường ĐH 05	Đường ĐH04	Đường ĐH15			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
				1,06	1,06	1,06
102	Đường ĐH 12	Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng	Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31	1,06	1,06	1,06
103	Đường ĐH 12	Hết ranh thửa 990 tờ bản đồ số 31	Giáp ranh xã Tân Quan	1,06	1,06	1,06
104	Đường ĐH 15	Đường Quốc lộ 13	Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng	1,06	1,06	1,06
105	Đường ĐH 15	Đường đi trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng	Giáp ranh phường Chơn Thành	1,06	1,06	1,06
106	Đường ĐH 15	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28	1,06	1,06	1,06
107	Đường ĐH 15	Hết ranh thửa đất 118 tờ bản đồ số 28	Ngã ba tiếp giáp đường số 10	1,06	1,06	1,06
108	Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng	Ngã ba đường Quốc lộ 13	Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21	1,06	1,06	1,06
109	Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng	Ngã tư tiếp giáp đường ĐH03 và đường số 21	Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31	1,12	1,12	1,12
110	Đường Trung tâm hành chính thị xã Chơn Thành cũ đi phường Minh Hưng	Phía tây hết ranh thửa đất số 667, phía đông hết ranh thửa đất số 320 tờ bản đồ số 31	Ranh giới phường Chơn Thành	1,05	1,05	1,05
111	Đường N1	Đường Quốc lộ 13	Giáp đường số 19	1,06	1,06	1,06
112	Đường N1	Giáp đường số 19	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
113	Đường số 1	Đường số 6	Suối Lạnh	1,05	1,05	1,05
114	Đường số 2	Đường số 6	Đường Minh Hưng - Đông Nơ	1,05	1,05	1,05
115	Đường số 3	Đường số 6	Suối Lạnh			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
				1,05	1,05	1,05
116	Đường số 4	Đường ĐH 04	Suối Lạnh	1,05	1,05	1,05
117	Đường số 5	Đường số 4	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
118	Đường số 6	Đường số 32	Ranh giới xã Tân Khai	1,05	1,05	1,05
119	Đường số 7	Đường ĐH 04	Đường số 5	1,05	1,05	1,05
120	Đường số 8	Đường ĐH 04	Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	1,05	1,05	1,05
121	Đường số 9	Đường ĐH 04	Ranh giới xã Minh Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	1,05	1,05	1,05
122	Đường số 10	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
123	Đường số 11	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
124	Đường số 12	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
125	Đường số 13	Đường số 2	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
126	Đường số 14	Đường số 1	Ranh giới xã Tân Khai	1,05	1,05	1,05
127	Đường số 15	Đường ĐH 15	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
128	Đường số 16	Đường ĐH 15	Đường N1	1,05	1,05	1,05
129	Đường số 17	Đường ĐH 04	Đường số 5	1,05	1,05	1,05
130	Đường số 18	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
131	Đường số 19	Giáp đường số 58	Giáp đường ĐH04	1,04	1,04	1,04
132	Đường số 19	Giáp đường ĐH04	Giáp đường số 35	1,05	1,05	1,05
133	Đường số 19	Giáp đường số 35	Ngã tư đường N1	1,05	1,05	1,05
134	Đường số 19	Ngã tư đường N1	Giáp đường Cao Bá Quát	1,06	1,06	1,06
135	Đường số 20	HLLG đường Quốc lộ 13	Ngã tư tiếp giáp đường số 21	1,06	1,06	1,06
136	Đường số 20	Ngã tư tiếp giáp đường số 21	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
137	Đường số 21	Ngã ba tiếp giáp	Ngã ba hết ranh			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		với đường trung tâm hành chính huyện cũ đi phường Minh Hưng	thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107	1,06	1,06	1,06
138	Đường số 21	Ngã ba hết ranh thửa đất số 21 tờ bản đồ số 107	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
139	Đường số 22	HLLG đường Quốc lộ 13	Ngã tư giáp với đường số 21	1,06	1,06	1,06
140	Đường số 22	Ngã tư giáp với đường số 21	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
141	Đường số 23	Đường ĐH 12	Ranh giới phường Chơn Thành	1,05	1,05	1,05
142	Đường số 24	Đường ĐH 12	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
143	Đường số 25	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2	1,06	1,06	1,06
144	Đường số 25	Ngã ba đường số 26 hết ranh thửa đất số 3122 tờ bản đồ số 2	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
145	Đường số 26	Đường số 25	Ranh giới xã Tân Khai	1,05	1,05	1,05
146	Đường số 27	Đường số 25	Hết ranh thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2	1,05	1,05	1,05
147	Đường số 28	Đường ĐH 04	Đường số 4	1,05	1,05	1,05
148	Đường số 29	Đường ĐH 04	Giáp ranh thửa đất 2567, tờ bản đồ số 5	1,05	1,05	1,05
149	Đường số 30	Đường ĐH 04	Đường số 4	1,05	1,05	1,05
150	Đường số 31	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
151	Đường số 32	Đường số 6	Đường số 15	1,05	1,05	1,05
152	Đường số 33	HLLG đường Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường ĐH 03	1,06	1,06	1,06
153	Đường số 34	Đường ĐH 05	Đường số 38	1,05	1,05	1,05
154	Đường số 35	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
155	Đường số 36	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
156	Đường số 36A	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
157	Đường số 37	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
158	Đường số 38	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
159	Đường số 39	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
160	Đường số 40	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
161	Đường số 41	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
162	Đường số 42	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
163	Đường số 43	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
164	Đường số 44	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
165	Đường số 45	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
166	Đường số 46	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
167	Đường số 47	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
168	Đường số 48	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
169	Đường số 49	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
170	Đường số 50	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
171	Đường số 51	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
172	Đường số 52	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
173	Đường số 53	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
174	Đường số 54	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
175	Đường số 55	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
176	Đường số 56	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
177	Đường số 57	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
178	Đường số 58	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
179	Đường số 59	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
180	Đường số 60	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
181	Đường số 61	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
182	Đường số 62	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
183	Đường số 63	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
184	Đường số 64	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
185	Đường số 65	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
186	Đường số 66	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
187	Đường số 67	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
188	Đường số 68	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
189	Đường số 69	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
190	Đường số 70	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
191	Đường số 71	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
192	Đường số 72	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
193	Đường số 73	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
194	Đường số 74	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
195	Đường số 75	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
196	Đường số 76	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
197	Đường số 77	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
198	Đường số 79	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
199	Đường số 80	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
200	Đường số 81	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
201	Đường số 82	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
202	Đường số 83	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
203	Đường số 84	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
204	Đường số 85	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
205	Đường số 86	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
206	Đường số 87	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
207	Đường số 88	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
208	Đường số 89	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
209	Đường số 90	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
210	Đường số 91	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
211	Đường số 92	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
212	Đường số 93	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
213	Đường số 94	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
214	Đường số 95	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
215	Đường số 96	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
216	Đường số 97	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
217	Đường số 98	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
218	Đường số 99	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
219	Đường số 100	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
220	Đường số 101	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
221	Đường số 102	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
222	Đường số 103	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
223	Đường số 104	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
224	Đường số 105	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
225	Đường dọc khu dân cư thuộc khu vực Chợ Minh Hưng	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
226	Đường nhựa, đường bê tông còn lại chưa quy định cụ thể ở các	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	mục trên					
227	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,13	1,13	1,13
	Khu dân cư Đại Nam					
228	Đường số 14	Công chào Khu dân cư Đại Nam (Giáp đường Quốc lộ 13)	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
229	Đường số 1	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
230	Đường số 6, 7, 9, 10	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
231	Đường số 4, 5, 11, 17, 19	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
232	Các đường còn lại trong Khu dân cư	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
	Khu dân cư Minh Hưng III					
233	Đường D3	Đường ĐT 752B	Đường N4 - khu dân cư Minh Hưng III	1,06	1,06	1,06
234	Đường N4	Đường Quốc lộ 13	Đường D5 - Khu dân cư Minh Hưng III	1,06	1,06	1,06
235	Các đường còn lại trong Khu dân cư Minh Hưng III	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
	Khu dân cư Phúc Hưng					
236	Đường Định Hướng, Đường N4	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
237	Các đường còn lại trong Khu dân cư Phúc Hưng	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

Bảng 59. Phường Chơn Thành

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Ngã tư Chơn Thành	Phía Đông: Giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 84) Phía Tây: Giáp đường bê tông ((hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 84)	1,06	1,06	1,06
2	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Phía Đông: Giáp đường bê tông (Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Riêng) Phía Tây: Giáp đường bê tông hết ranh đất bà Nguyễn Thị Mòi	Ngã tư đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	1,06	1,06	1,06
3	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	1,06	1,06	1,06
4	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Lạc Long Quân (Đường số 7)	Đường Nguyễn Công Hoan	1,06	1,06	1,06
5	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Phùng Hưng (Ngã 3 tổ 9-10, khu phố 10)	1,06	1,06	1,06
6	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Đường Phùng Hưng (Ngã 3 tổ 9-10, khu phố 10)	Ranh giới phường Minh Hưng	1,06	1,06	1,06
7	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Ngã tư Chơn Thành	Cầu Bến Đình	1,06	1,06	1,06
8	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Cầu Bến Đình	Ngã ba đường Phú Riêng Đò	1,06	1,06	1,06
9	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Ngã ba đường Phú Riêng Đò	Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào văn phòng Khu phố 7	1,06	1,06	1,06
10	Đường 02 tháng 4 (Đường Quốc lộ 13)	Phía Tây: Đường bê tông giáp ranh công ty Medivice 3s Phía Đông: Đường bê tông vào Văn	Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 105 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ)) Hết ranh thửa đất	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		phòng Khu phố 7	số 83, tờ bản đồ số 106 (ranh giới phường Thành Tâm (cũ))			
11	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư Chơn Thành	Cầu Suối Đồi	1,06	1,06	1,06
12	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Cầu Suối Đồi	Cầu Bàu Bàng	1,06	1,06	1,06
13	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Cầu Bàu Bàng	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành)	1,06	1,06	1,06
14	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đường vào Trung tâm y tế khu vực Chơn Thành)	Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42)	1,06	1,06	1,06
15	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Phía Bắc: Đường bê tông giáp ranh đất ông Phan Văn Xem (thửa đất số 87 tờ bản đồ số 15) Phía Nam: Đến mương thoát nước (Hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 42)	Hết ranh thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (ranh giới phường Minh Thành (cũ))	1,06	1,06	1,06
16	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư Chơn Thành	Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83)	1,06	1,06	1,06
17	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Hết ranh UBND phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 83)	Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào Văn phòng khu phố 4	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã ba đường bê tông Phía Bắc: hết ranh đất nhà ông Nguyễn Minh Hùng Phía Nam: đường bê tông vào văn phòng khu phố 4	Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu	1,06	1,06	1,06
19	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Phía Bắc: Hết ranh trường Chu Văn An Phía Nam: Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Hải Hiệu	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	1,06	1,06	1,06
20	Đường Nguyễn Huệ - Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 62 của ông Huỳnh Duy Kha)	1,06	1,06	1,06
21	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 14: 25m)	Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A	1,06	1,06	1,06
22	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã tư đường bê tông hết ranh trường tiểu học Chơn Thành A	Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài	1,06	1,06	1,06
23	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã ba đường Ngô Gia Tự nối dài	Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân	1,06	1,06	1,06
24	Đường Lạc Long Quân (Đường quy hoạch số 7)	Ngã tư đường giáp ranh đất ông Liên Hoàng Quân	Đường 02 tháng 4 (Cách HLBVĐB - Đường Quốc lộ 13: 25m)	1,06	1,06	1,06
25	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Đầu đường Nguyễn Huệ (Đường ĐT 751)	Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ số 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 79)	1,06	1,06	1,06
26	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Phía Đông: Đường tổ 1, khu phố 3 (Hết thửa đất số 84, tờ bản đồ 79) Phía Tây: Đường bê tông (Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		số 79)				
27	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái và đường Ngô Gia Tự	Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60	1,06	1,06	1,06
28	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Phía Đông: Ngã ba đường nhựa hướng ra đường 02 tháng 4 (Hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 60) Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 45, tờ bản đồ số 60	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12)	1,06	1,06	1,06
29	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 56 Phía Tây: Giáp đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 106, tờ bản đồ số 12)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái	1,06	1,06	1,06
30	Đường Phạm Hồng Thái (Đường số 8)	Ngã tư đường Phạm Hồng Thái	Phía Đông: Đén ngã ba (Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49) Phía Tây: Hết ranh đất thửa đất số 5, tờ bản đồ số 49	1,06	1,06	1,06
31	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Đầu tuyến (Cách HLBVĐB - Đường 02 tháng 4: 25m)	Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72)	1,06	1,06	1,06
32	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Ngã tư đường bê tông (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 72)	Cuối tuyến (đường Nguyễn Huệ)	1,06	1,06	1,06
33	Đường Hoàng Hoa Thám (D1)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
34	Đường Phạm Ngọc Thạch (D9)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
35	Đường Nguyễn Văn Linh	Trung tâm hành chính phường Chơn Thành	Ngã tư đường Cao Bá Quát	1,05	1,05	1,05
36	Đường Phan Đình	Toàn tuyến		1,04	1,04	1,04

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Giót (N1)					
37	Đường Phan Đình Phùng (N9)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
38	Các đường quy hoạch còn lại trong khu trung tâm hành chính thị xã	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
39	Đường Phước Long	Đường 02 tháng 4	Đường D5	1,06	1,06	1,06
40	Đường Phước Long	Đường D5	Cuối tuyến	1,06	1,06	1,06
41	Đường Phú Riêng Đỏ (Gò Mạc cũ)	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường tổ Khu phố 6 (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)	1,06	1,06	1,06
42	Đường Phú Riêng Đỏ (Gò Mạc cũ)	Ngã ba đường tổ Khu phố 6 (Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng) (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 34)	Cổng Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35)	1,06	1,06	1,06
43	Đường Phú Riêng Đỏ (Gò Mạc cũ) nối dài	Cổng Gò Mạc (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 35)	Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 193)	1,05	1,05	1,05
44	Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố 1)	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86	1,06	1,06	1,06
45	Đường Âu Cơ (Đường tổ 7, khu phố 1)	Ngã tư hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 86	Đường Lạc Long Quân	1,06	1,06	1,06
46	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cầm)	Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14)	Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27)	1,06	1,06	1,06
47	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cầm)	Hết ranh thửa đất số 771, tờ bản đồ số 27)	Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	1,06	1,06	1,06
48	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cầm)	Cầu Suối Đĩa (Hết đất ông Hoàng Văn Long)	Hết đường điện 110KV	1,06	1,06	1,06
49	Đường Cao Thắng (Đường tổ 3, tổ 4, khu phố Hiếu Cầm)	Đầu đường điện 110KV	Đường Hồ Chí Minh	1,06	1,06	1,06
50	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ	Ngã tư đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 279, tờ bản đồ số 20)	1,06	1,06	1,06
51	Đường tổ 4, khu	Ngã tư đường bê	Phía Đông: Ngã ba	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	phố Trung Lợi	tông (Hết ranh thửa đất số 282 và 279, tờ bản đồ số 20)	hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20			
52	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20 Phía Tây: Giáp đường đất hết thửa đất số 158, tờ bản đồ số 20	Đường Lê Duẩn	1,06	1,06	1,06
53	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư hết thửa đất số 1172, tờ bản đồ số 20	1,06	1,06	1,06
54	Đường Lê Duẩn	Ngã tư hết thửa đất số 325, tờ bản đồ số 20	Phía Đông: Giáp thửa đất số 372, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13	1,07	1,07	1,07
55	Đường Lê Duẩn	Phía Đông: Giáp thửa đất số 372, tờ bản đồ số 13 Phía Tây: Giáp đường bê tông thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13	Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3)	1,06	1,06	1,06
56	Đường Lê Duẩn	Phía Đông: Giáp thửa đất số 99, tờ bản đồ số 3 Phía Tây: Giáp đường đất (thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3)	Giáp đường Cao Bá Quát	1,06	1,06	1,06
57	Đường Ngô Tất Tố (Đường khu phố 9, Hưng Long (cũ) đi Minh Hưng)	Đầu thửa đất số 39, tờ bản đồ số 58	Giáp đường Huỳnh Văn Bánh	1,06	1,06	1,06
58	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường 02 tháng 4	Đường Nguyễn Văn Linh	1,06	1,06	1,06
59	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh	Đường Nguyễn Văn Linh	Ranh giới phường Minh Thành (cũ)	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	giới Chơn Thành - Minh Hưng)					
60	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng)	Đường 02 tháng 4	Ngã ba tổ 9 -10, khu phố 10	1,06	1,06	1,06
61	Đường Cao Bá Quát (Đường ranh giới Chơn Thành - Minh Hưng (cũ))	Ngã ba tổ 9 -10, khu phố 10	Giáp ranh phường Minh Hưng (thửa đất số 815, tờ bản đồ số 1)	1,06	1,06	1,06
62	Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10 khu phố 10, phường Hưng Long (cũ))	Đường 02 tháng 4	Ngã tư đường tổ 9 - 10, khu phố 10	1,06	1,06	1,06
63	Đường Phùng Hưng (Đường liên tổ 9, 10, khu phố 10, phường Hưng Long (cũ))	Ngã tư đường tổ 9 - 10, khu phố 10	Ngã ba đường tổ 9, khu phố 10 (thửa đất số 1185, tờ bản đồ số 6)	1,06	1,06	1,06
64	Đường Trù Văn Thố (Đường 239 cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố 8 (Hết ranh đất văn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82	1,06	1,06	1,06
65	Đường Trù Văn Thố (Đường 239 cũ)	Phía Bắc: Ngã ba tổ 6, Khu phố 8 (Hết ranh đất ăn phòng Khu phố 4) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 173, tờ bản đồ số 82	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh đất thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25	1,06	1,06	1,06
66	Đường Trù Văn Thố (Đường 239 cũ)	Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông sau bệnh viện cũ Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 25	Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 67) Phía Bắc: Ranh giới phường Minh Hưng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29)	1,06	1,06	1,06
67	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường	Đường Trần Quốc Toản	Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Hung Long (cũ)		đất số 63, tờ bản đồ số 103)			
68	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))	Phía Bắc: Ngã ba đường tổ 4, Khu phố 5 (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 63, tờ bản đồ số 103)	Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25)	1,06	1,06	1,06
69	Đường liên khu phố 4, khu phố 5 đến Khu công nghiệp Chơn Thành (Đường sỏi đỏ liên khu 4-5-8 phường Hưng Long (cũ))	Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 706, tờ bản đồ số 25)	Hết tuyến (Hết ranh thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23)	1,06	1,06	1,06
70	Đường sỏi đỏ liên tổ 1, 2, 3 khu phố 5	Cuối đường sỏi đỏ khu phố 5 giáp suối Bến Đình (giáp đất bà Đặng Thị Sang)	Đến ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 102	1,06	1,06	1,06
71	Đường sỏi đỏ tổ 4, khu phố 5	Đường Điều Ong	Ngã ba đường liên tổ 5, khu phố 5 (giáp đất bà Nguyễn Thị Ái) (Hết ranh thửa đất số 19, tờ bản đồ số 103)	1,06	1,06	1,06
72	Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Hiếu Cầm)	Đường Nguyễn Huệ	Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27	1,06	1,06	1,06
73	Đường Hoàng Diệu (đường tổ 4, khu phố Hiếu Cầm)	Hết thửa đất số 1031, tờ bản đồ số 27	Hết thửa đất số 258, tờ bản đồ số 28	1,06	1,06	1,06
74	Đường Trần Quốc Toàn	Đường 02 tháng 4	Ngã tư đường Điều Ong	1,06	1,06	1,06
75	Đường Điều Ong	Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 104	1,06	1,06	1,06
76	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 02 tháng 4	Đường Điều Ong	1,06	1,06	1,06
77	Đường Tô Hiến Thành	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
78	Đường Ngô Đức Kế	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11)	1,06	1,06	1,06
79	Đường Ngô Đức	Ngã ba đường đất	Hết tuyến (Đến	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Kê	(Hết ranh thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 11)	ranh thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6)			
80	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Ngô Gia Tự (Đường số 3)	Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71	1,06	1,06	1,06
81	Đường Đoàn Thị Điểm	Phía Bắc: Hết đường bê tông (Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71) Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 71	Ngã ba đường liên Khu phố 9-Khu phố 2	1,06	1,06	1,06
82	Đường Hồ Hảo Hớn	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
83	Đường Nguyễn Công Hoan	Quốc lộ 14	Đường Ngô Đức Kế (hết ranh thửa đất số 883, tờ bản đồ số 11)	1,06	1,06	1,06
84	Đường Phạm Thế Hiển	Quốc lộ 14	Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 12)	1,06	1,06	1,06
85	Đường Huỳnh Văn Bánh	Đường 02 tháng 4	Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8)	1,06	1,06	1,06
86	Đường Huỳnh Văn Bánh	Phía Bắc: Ngã ba đường đất (Hết ranh thửa đất số 280, tờ bản đồ số 3) Phía Nam: Ngã ba đường Ngô Tất Tố (Hết ranh thửa đất số 955, tờ bản đồ số 8)	Ngã ba đường Cao Bá Quát	1,06	1,06	1,06
87	Đường Tống Duy Tân	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	1,06	1,06	1,06
88	Đường Phan Kế Bính	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
89	Đường Trần Quốc Thảo	Đường 02 tháng 4	Ngã ba đường Ngô Tất Tố	1,06	1,06	1,06
90	Đường Thành Thái	Ngã ba ranh giới Khu phố 1-3	Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 65)	1,06	1,06	1,06
91	Đường Đào Duy Từ	Quốc lộ 14	Hết ranh thửa đất số 253, tờ số 20	1,06	1,06	1,06
92	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Quốc lộ 14	Hết ranh thửa đất số 717, tờ bản đồ số 20	1,06	1,06	1,06
93	Phạm Hồng Thái nối dài (Đường tổ 9, tổ 10, khu phố 10 cũ)	Phía Đông: Đến ngã ba hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 5, tờ bản đồ số 49	Đường Cao Bá Quát	1,06	1,06	1,06
94	Đường tổ 01, tổ 12, khu phố 9	Ngã ba đường Hồ Hảo Hớn	Ngã ba đường Nguyễn Công Hoan	1,06	1,06	1,06
95	Đường tổ 11, khu phố 9	Ngã ba đường Nguyễn Công Hoan	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	1,06	1,06	1,06
96	Đường liên khu phố 9 - khu phố 10	Ngã ba đường tổ 11 khu phố 9	Giáp thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6	1,06	1,06	1,06
97	Đường liên khu phố 9 - khu phố 2	Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 89, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 18	1,06	1,06	1,06
98	Đường liên khu phố 9 - khu phố 2	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 18 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 6, tờ bản đồ số 18	Phía Đông: Ngã ba hết ranh thửa đất số 665, tờ bản đồ số 11 Phía Tây: Ngã ba hết ranh thửa đất số 748, tờ bản đồ số 11	1,06	1,06	1,06
99	Đường liên khu phố 9 - khu phố 2	Ngã ba đường Ngô Đức Kế	Đường tổ 1 - tổ 12, khu phố 9	1,05	1,05	1,05
100	Đường tổ 9, khu phố 10	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01)	Đường Phùng Hưng (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 06)	1,04	1,04	1,04
101	Đường tổ 9, khu phố 10	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số	Đường Phùng Hưng (thửa đất số	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		170, tờ bản đồ số 01)	8, tờ bản đồ số 06)			
102	Đường tổ 9, khu phố 10	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 01)	Ngã ba đường tổ 9 -10 khu phố 10 (Hết ranh thửa đất số 539, tờ bản đồ số 2)	1,05	1,05	1,05
103	Đường ranh giới phường Hưng Long (thị trấn Chơn Thành cũ) - phường Minh Thành (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp)	Đầu ranh thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16	Đường Hồ Chí Minh	1,06	1,06	1,06
104	Đường tổ 9, 10, khu phố Hiếu Cầm	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, Khu phố Hiếu Cầm	Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thành (cũ) (Đường rộng 2m chưa đầu tư nâng cấp)	1,06	1,06	1,06
105	Đường tổ 9, 10, khu phố Hiếu Cầm	Ngã ba đường giáp ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 107	Giáp thửa đất số 24, tờ bản đồ số 109	1,06	1,06	1,06
106	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cầm	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116	1,06	1,06	1,06
107	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cầm	Ngã ba hết ranh thửa đất số 8 và 113, tờ bản đồ số 116	Ngã ba hết ranh thửa đất số 270, tờ bản đồ số 118	1,06	1,06	1,06
108	Đường liên tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cầm	Ngã ba đường đất (Hết ranh đất bà Trần Thị Hải)	Đường Hồ Chí Minh	1,06	1,06	1,06
109	Đường tổ 6 khu phố Hiếu Cầm	Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 111	Hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 111	1,06	1,06	1,06
110	Đường tổ 6 khu phố Hiếu Cầm	Đầu ranh thửa đất số 113, tờ bản đồ số 111	Ngã ba hết ranh thửa đất số 34, tờ bản đồ số 112	1,06	1,06	1,06
111	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cầm	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116	1,06	1,06	1,06
112	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cầm (Nhánh 1)	Hết ranh đất thửa đất số 93, tờ bản đồ số 116	Hết ranh thửa đất 127, tờ bản đồ số 118	1,06	1,06	1,06
113	Đường liên tổ 7A-	Hết ranh đất thửa	Ngã ba đường liên	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	7B, khu phố Hiếu Cầm (Nhánh 2)	đất số 93, tờ bản đồ số 116	tổ 9 - 7B - 5 - 6, khu phố Hiếu Cầm			
114	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cầm (Nhánh 3)	Đường liên tổ 7A-7B, khu phố Hiếu Cầm (Nhánh 2)	Hết ranh thửa đất 169, tờ bản đồ số 118	1,06	1,06	1,06
115	Đường tổ 4, khu phố Hiếu Cầm	Đường Nguyễn Huệ	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29	1,06	1,06	1,06
116	Đường tổ 4, khu phố Hiếu Cầm	Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 28 Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 29	Suối Bàu Bàng	1,06	1,06	1,06
117	Đường tổ 6, khu phố Hiếu Cầm	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111)	Đất nhà ông Võ Văn Thành (thửa đất số 04, tờ bản đồ số 115)	1,06	1,06	1,06
118	Đường tổ 6, khu phố Hiếu Cầm	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 112, tờ bản đồ số 111)	Đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 115)	1,06	1,06	1,06
119	Đường tổ 6, tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Lê Duẩn: thửa đất số 1508, tờ bản đồ số 13)	Đường Cao Bá Quát (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 04)	1,09	1,09	1,09
120	Đường tổ 8, khu phố Trung Lợi	Đường Phan Đình Phùng	Đường tổ 4, khu phố Trung Lợi (hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 13)	1,05	1,05	1,05
121	Đường tổ 7, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 14)	Ranh giới phường Chơn Thành (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 10)	1,10	1,10	1,10
122	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Văn Linh (đường Trung tâm hành chính - Minh Hưng) (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 14)	Phía Nam: Đường điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15)	1,06	1,06	1,06
123	Đường tổ 9, khu	Phía Nam: Đường	Ranh giới phường	1,13	1,13	1,13

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	phố Trung Lợi	điện 110KV (Hết ranh thửa đất số 391, tờ bản đồ số 15) Phía Bắc: Hết thửa đất số 561, tờ bản đồ số 15)	Chơn Thành (thửa đất số 652, tờ bản đồ số 10)			
124	Đường tổ 9, khu phố Trung Lợi	Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà ông Nguyễn Diệu (thửa đất số 59, tờ bản đồ số 15)	Đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng (thửa đất số 26, tờ bản đồ số 15)	1,06	1,06	1,06
125	Đường tổ 8, tổ 3A, khu phố 4	Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Phạm Văn Bảo (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 26)	Ngã ba đường liên khu phố 4-5-8 (hết thửa đất số 919, tờ bản đồ số 26)	1,06	1,06	1,06
126	Đường tổ 3A, khu phố 4	Phía Bắc: Đầu ranh thửa đất số 749, tờ bản đồ số 26 Phía Nam: Đầu ranh thửa đất số 817, tờ bản đồ số 26	Đất nhà bà Nguyễn Thị Thanh Thanh (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 26)	1,13	1,13	1,13
127	Đường tổ 3A, 3B, khu phố 4	Đất nhà bà Võ Thị Khen (thửa đất số 565, tờ bản đồ số 25)	Đất nhà ông Phan Kỹ (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 32)	1,06	1,06	1,06
128	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5	Đất nhà ông Đinh Biên Cương (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 32)	Phía Nam: Ngã ba hết ranh thửa đất số 24, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Ngã ba hết ranh thửa đất số 20, tờ bản đồ số 32	1,06	1,06	1,06
129	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5	Đầu ranh đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31	1,06	1,06	1,06
130	Đường liên khu phố 4 - khu phố 5	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 447, tờ bản đồ số 32 Phía Bắc: Hết ranh thửa đất số 99, tờ bản đồ số 31	Hết tuyến (Giáp ranh thửa đất số 32 tờ bản đồ số 31)	1,06	1,06	1,06
131	Đường tổ 7, khu phố 5	Đầu ranh đất thửa đất số 799, tờ bản	Hết ranh đất thửa đất số 575, tờ bản	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		đồ số 32	đồ số 32			
132	Đường tổ 7, khu phố 5	Đầu ranh đất thửa đất số 400, tờ bản đồ số 32	Hết ranh đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 32	1,06	1,06	1,06
133	Đường tổ 4, khu phố 6	Đường 02 tháng 4	Đất nhà ông Nguyễn Văn Bé (thửa đất số 842, tờ bản đồ số 26)	1,06	1,06	1,06
134	Đường tổ 4, khu phố 6	Ngã ba đường tổ 4 - tổ 5, Khu phố 6 (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 95)	Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (thửa đất số 255, tờ bản đồ số 27)	1,06	1,06	1,06
135	Đường tổ 4 tổ 5 khu phố 6	Đầu ranh đất thửa đất số 54, tờ bản đồ số 95	Hết thửa đất số 19, tờ bản đồ số 99	1,06	1,06	1,06
136	Đường tổ 5, tổ 7, khu phố 6	Đường Nguyễn Huệ	Phía Nam: Hết ranh thửa đất số 403, tờ bản đồ số 34 Phía Bắc: Ngã ba đường hết ranh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 34	1,06	1,06	1,06
137	Đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7	Ngã ba đường tổ 5 - tổ 7, Khu phố 6 (Đầu ranh đất thửa đất số 18, tờ bản đồ số 34)	Ngã ba đường bê tông thửa đất số 6, tờ bản đồ số 35	1,06	1,06	1,06
138	Đường tổ 8, khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riêng Đò (Đầu ranh thửa đất số 134, tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34	1,06	1,06	1,06
139	Đường tổ 8, khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riêng Đò (Đầu ranh thửa đất số 94, tờ bản đồ số 34)	Hết ranh thửa đất số 136, tờ bản đồ số 34	1,06	1,06	1,06
140	Đường tổ 9, khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riêng Đò	Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 570, tờ bản đồ số 34	1,06	1,06	1,06
141	Đường tổ 9, khu phố 7	Ngã ba đường Phú Riêng Đò	Ngã ba đường tổ 8, tổ 9, khu phố 7, thửa đất số 506, tờ bản đồ số 34	1,06	1,06	1,06
142	Đường tổ 7, khu phố 8	Đường Trừ Văn Thố: Đất nhà ông Ngô Văn Diệu (thửa đất số 11, tờ	Suối xóm Hồ (Ranh giới phường Minh Hưng)	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		bản đồ số 29)				
143	Đường tổ 4, khu phố 8	Ngã ba đầu ranh đất nhà ông Lê Thành Công (thửa đất số 302, tờ bản đồ số 30)	Ngã ba đường tổ 9, Khu phố 8 (Hết ranh thửa đất số 88, tờ bản đồ số 23)	1,06	1,06	1,06
144	Đường tổ 5, khu phố 8	Đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 17)	Ngã ba đường liên khu 4-5-8	1,06	1,06	1,06
145	Đường tổ 9, khu phố 8	Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23)	Hết ranh thửa đất số 69, tờ bản đồ số 30	1,06	1,06	1,06
146	Đường tổ 9, khu phố 8	Ngã ba đường Trừ Văn Thố: Đầu ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 23)	Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23)	1,06	1,06	1,06
147	Đường tổ 9, khu phố 8	Ngã ba đường liên khu phố 4, khu phố 8 (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 23)	Ranh giới phường Thành Tâm (cũ) (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 30)	1,05	1,05	1,05
148	Đường tổ 5, Khu phố 8 (tránh mỏ Cao Lanh)	Đầu thửa đất số 238, tờ bản đồ số 18	Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 25	1,06	1,06	1,06
149	Đường nhựa tổ 3 - tổ 4, khu phố Hiếu Cầm	Đầu đường Cao Thắng	Đường Hoàng Diệu	1,06	1,06	1,06
150	Đường tổ 5, tổ 6, khu phố Trung Lợi	Đường Ngô Tất Tố (đầu ranh thửa đất số 621, tờ bản đồ số 13)	Đường Lê Duẩn (hết ranh thửa đất số 861, tờ bản đồ số 13)	1,06	1,06	1,06
151	Các tuyến đường khu dân cư Lâm Sơn 7 (tờ bản đồ số 106, khu phố 7)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
152	Đường tổ 1, khu phố 4 (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ))	Đường Nguyễn Huệ (đầu ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 87)	Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26)	1,06	1,06	1,06
153	Đường tổ 1, khu phố 4 (đối diện UBND phường Hưng Long (cũ))	Giáp suối Bến Đình (hết ranh thửa đất số 461, tờ bản đồ số 26)	Giáp đường tổ 3A, Khu phố 4	1,06	1,06	1,06
154	Đường liên Khu phố 10 - Khu phố Trung Lợi	Phía Bắc: bắt đầu từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Văn	Phía Bắc: giáp thửa đất số 87, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Hai	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Cư Phía Nam: bắt đầu từ thửa đất số 423, tờ bản đồ số 3 của bà Nguyễn Thị Na	Phía Nam: giáp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 của ông Nguyễn Tấn Hải			
155	Đường tổ 6, Khu phố 8 (Đường kế Trạm y tế Chợ Thành)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
156	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới phường Chợ Thành	Đầu đất Công ty gỗ Phong Phú (Ngã tư đường Hồ Chí Minh và đường Quốc lộ 13 cũ)	1,06	1,06	1,06
157	Đường Quốc lộ 13	Đầu đất công ty gỗ Phong Phú (Ngã tư đường Hồ Chí Minh và đường Quốc lộ 13 cũ)	Hết đường số 29	1,06	1,06	1,06
158	Đường Quốc lộ 13	Hết đường số 29	Cầu Tham Rớt	1,06	1,06	1,06
159	Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành)	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới phường Chợ Thành	1,06	1,06	1,06
160	Đường trục chính Khu công nghiệp Chợ Thành	Đường Quốc lộ 13	Mương thoát nước phía tây Khu công nghiệp Chợ Thành	1,06	1,06	1,06
161	Đường Trung tâm hành chính phường Thành Tâm (cũ)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
162	Đường D9	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh Khu công nghiệp Chợ Thành	1,06	1,06	1,06
163	Đường D9	Hết ranh Khu công nghiệp Chợ Thành	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
164	Đường thăm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 169, tờ bản đồ số 211)	1,06	1,06	1,06
165	Đường thăm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	Ngã tư đường (Hết ranh thửa đất số 119, tờ bản đồ số 210)	Cống thoát nước hết ranh công ty bột mì Thành Công	1,06	1,06	1,06
166	Đường thăm nhựa khu phố Hòa Vinh 2 (Đường vào KMC)	Cống thoát nước hết ranh công ty bột mì Thành Công	Hết tuyến (Đường đất)	1,11	1,11	1,11
167	Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ)	Đường D4 (Đường Tô Hiến Thành) (Đầu ranh thửa đất số 139, tờ bản đồ	Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 191	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		số 191)				
168	Đường giáp ranh phường Thành Tâm (cũ) - phường Hưng Long (cũ)	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
169	Đường Hồ Chí Minh	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
170	Đường ranh giới phường Thành Tâm (cũ) - xã Trừ Văn Thố (cũ)	Đường D9 (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 201)	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
171	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ranh giới phường Hưng Long (cũ) (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267)	Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265)	1,06	1,06	1,06
172	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Hết đường vào Cổng chính Khu Công Nghiệp Becamex - Bình Phước (thửa đất số 178, tờ bản đồ số 265)	Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263)	1,05	1,05	1,05
173	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã tư đường N2 (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 263)	Cầu suối ngang (ranh xã Nha Bích)	1,06	1,06	1,06
174	Đường Minh Thành - An Long	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349)	1,06	1,06	1,06
175	Đường Minh Thành - An Long	Đầu đất nhà ông Huỳnh Văn Đáo (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349)	Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159)	1,05	1,05	1,05
176	Đường Minh Thành - An Long	Hết đất nhà bà Lê Thị Gái (thửa đất số 198, tờ bản đồ số 159)	Ranh giới xã An Long, TP. Hồ Chí Minh	1,06	1,06	1,06
177	Đường nhựa Minh Thành - Bàu Nàm	Ranh giới xã Nha Bích	Giáp đập Phước Hòa - Ranh giới TP. Hồ Chí Minh	1,05	1,05	1,05
178	Đường nhựa khu phố 3 - khu phố 5 (Đường số 40)	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)	Ngã 4 đường đất đỏ khu phố Minh Thành 5, phường Chơn Thành (thửa đất số 166, tờ bản	1,04	1,04	1,04

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			đồ số 139)			
179	Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thành (cũ)	Đường Nguyễn Huệ (Đường Quốc lộ 14 cũ): Đất nhà bà Võ Thị Thức (thửa đất số 365 tờ bản đồ số 16)	Đường Cao Bá Quát	1,05	1,05	1,05
180	Đường ranh giới phường Hưng Long (cũ) - phường Minh Thành (cũ)	Đường ĐT 751 (Đường Quốc lộ 14 cũ)(thửa đất số 19, tờ bản đồ số 267)	Đường Hồ Chí Minh (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 176)	1,05	1,05	1,05
181	Đường ĐH 01	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
182	Đường D1, khu phố Thành Tâm 2	Đường D3 (thửa đất số 275, tờ bản đồ số 195)	Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195)	1,06	1,06	1,06
183	Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2	Đường D1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số 195)	Ngã ba đường D5 (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 195)	1,06	1,06	1,06
184	Đường bê tông nhựa, khu phố Thành Tâm 2	Đường D3 (thửa đất số 210, tờ bản đồ số 195)	Ngã ba đường bê tông nhựa (thửa đất số 443, tờ bản đồ số 195)	1,06	1,06	1,06
185	Đường số 11	Từ đất nhà bà Phạm Thị Loan (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 281)	Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159)	1,06	1,06	1,06
186	Đường số 11	Đầu đất nhà ông 7 Cầu (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 159)	Đến hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 157	1,06	1,06	1,06
187	Đường số 25	Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 349	Đến cuối thửa đất số 924, tờ bản đồ số 150	1,05	1,05	1,05
188	Đường số 27	Từ thửa đất số 6, tờ bản đồ số 349	Đến cuối thửa đất số 90, tờ bản đồ số 154	1,06	1,06	1,06
189	Đường Đồng Hưu - Bàu Nam	Từ thửa đất số 228, tờ bản đồ số 165	Giáp đường Minh Thành - Bàu Nam (thửa đất số 799, tờ bản đồ số 129)	1,06	1,06	1,06
190	Đường nhựa, đường bê tông còn lại chưa quy định cụ thể ở các mục trên	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
191	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
Khu trung tâm thương mại Chợ Thành						
192	Đường D1	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
193	Đường N1, N2 và N3	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
Khu dân cư đô thị và thương mại dịch vụ Suối Đồi						
194	Đường D5	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
195	Đường D1	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
196	Đường D3 và D8	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
197	Các đường quy hoạch còn lại	Toàn tuyến (không bao gồm các tuyến đường đã có tên cụ thể đã có quy định giá trong Bảng giá đất)		1,06	1,06	1,06
Khu dân cư Cát Tường - Phú Thành						
198	Đường N3	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
199	Các đường quy hoạch còn lại	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
Khu phố thương mại và dân cư phường Thành Tâm (Khu dân cư HHP)						
200	Đường Quy hoạch số 7 và số 9	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
201	Đường Quy hoạch còn lại (Trừ đường trục chính Khu công nghiệp Chợ Thành - Đường số 6)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
Khu chợ và khu dân cư Thành Tâm						
202	Đường D1	Đường Quốc lộ 13	Đường D3	1,06	1,06	1,06
203	Đường D2	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
204	Các tuyến đường còn lại (Bao gồm đường D1- Đoạn từ đường D3 đến hết quy hoạch chợ và khu dân cư Thành Tâm)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
Khu dân cư Thành Tâm 36,5 ha						
205	Đường N7	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
206	Các tuyến đường còn lại trong Khu dân cư đã được đầu tư hạ tầng	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

Bảng 60. Xã Nha Bích

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Quốc lộ 14	Cầu lò gạch	- Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích - Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 41)	1,07	1,07	1,07
2	Đường Quốc lộ 14	- Phía Đông Nam: Đường vào Nông trường cao su Nha Bích - Phía Tây Bắc: Đường Bê tông (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 41)	- Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) - Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)	1,07	1,07	1,07
3	Đường Quốc lộ 14	- Phía Nam: Đường nhựa (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 37) - Phía Bắc: Đường bê tông (thửa đất số 70, tờ bản đồ số 33)	- Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) - Phía Nam: Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)	1,07	1,07	1,07
4	Đường Quốc lộ 14	- Phía Bắc: Ngã ba đường bê tông (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 120) - Phía Nam: đến Ngã ba Đường ĐH 10 (hết thửa 75, tờ bản đồ số 120)	- Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) - Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)	1,07	1,07	1,07
5	Đường Quốc lộ 14	- Phía Bắc: (hết thửa đất số 176, tờ bản đồ số 121) - Phía Nam: (hết thửa đất số 217, tờ bản đồ số 121)	- Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) - Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)	1,07	1,07	1,07
6	Đường Quốc lộ 14	- Phía Bắc: (hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 122) - Phía Nam: (hết thửa đất số 373, tờ bản đồ số 122)	- Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 122) - Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 122) giáp đường số 47	1,07	1,07	1,07
7	Đường Quốc lộ 14	- Phía Bắc: (hết thửa đất số 44, tờ	Giáp ranh Phường Đồng Xoài (Cầu	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		bản đồ số 122) - Phía Nam: (hết thửa đất số 83, tờ bản đồ số 122) giáp đường số 47	Nha Bích)			
8	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh phường Chơn Thành (Cầu Suối Ngang)	- Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 137) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 137)	1,07	1,07	1,07
9	Đường Quốc lộ 14	- Phía Tây: Ngã ba đường bê tông (thửa đất số 74, tờ bản đồ số 102) - Phía Đông: Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 2 (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 102)	Đến ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước	1,07	1,07	1,07
10	Đường Quốc lộ 14	Từ ranh đất cây xăng số 25 Bình Phước	- Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 96 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn	1,07	1,07	1,07
11	Đường Quốc lộ 14	- Phía Tây Bắc: Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 96 (Trạm xăng dầu Mai Linh) - Phía Đông Nam: Suối Cạn	Giáp ranh cầu Lò Gạch	1,07	1,07	1,07
12	Đường ĐT 756B	Giáp ranh cầu lò gạch	Hết tuyến (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 62)	1,07	1,07	1,07
13	Đường ĐT 756B	Đường Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư Bình Minh) (ngã ba đường nhựa)	1,05	1,05	1,05
14	Đường ĐT 756B	Hết thửa đất số 340, tờ bản đồ số 112 (Khu dân cư	Ranh giới xã Tân Quan	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Bình Minh) (ngã ba đường nhựa)				
15	Đường ĐT 756	Quốc lộ 14	- Phía Tây: Công Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 72)	1,07	1,07	1,07
16	Đường ĐT 756	- Phía Tây: Công Trường THCS Minh Lập (thửa đất số 64, tờ bản đồ số 72) - Phía Đông: Hết ranh thửa đất số 68, tờ bản đồ số 72)	Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72)	1,05	1,05	1,05
17	Đường ĐT 756	Ngã tư (thửa đất số 08, tờ bản đồ số 72)	Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C)	1,04	1,04	1,04
18	Đường ĐT 756	Ngã ba Suối Nghiên (đường ĐT 756 và đường ĐT 756C)	Ranh giới xã Tân Hưng	1,05	1,05	1,05
19	Đường ĐT 756C	Ngã ba giao đường ĐT 756 và đường ĐT 756C	Ranh giới xã Tân Quan	1,07	1,07	1,07
20	Đường huyện lộ ĐH 13	Đường Quốc lộ 14	- Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100) - Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100)	1,07	1,07	1,07
21	Đường huyện lộ ĐH 13	- Phía Tây: Đường bê tông (thửa đất số 144, tờ bản đồ số 100)- Phía Đông: Đường bê tông (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 100)	Hết ranh thửa đất số 203, tờ bản đồ số 65	1,07	1,07	1,07
22	Đường liên xã Nha	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Tân	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Bích - Tân Quan	(Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Thành)	Quan			
23	Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan)	Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh đất nhà ông Trần Văn Minh)	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9	1,11	1,11	1,11
24	Đường ĐH 09 (Đường Nha Bích - Tân Quan) (Đường ấp 1 - Tân Quan)	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 9	Giáp ranh xã Tân Quan	1,06	1,06	1,06
25	Đường nhựa ấp 2	Đường Quốc lộ 14 (Giáp ranh nhà hàng Dũng Luyện)	- Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Xuân Hải (tổ 3) (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16) - Hết ranh đất nhà ông Trần Hữu Đài (tổ 2) (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 16)	1,05	1,05	1,05
27	Đường ĐH 10	Đường Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81	1,05	1,05	1,05
26	Đường ĐH 10	Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 81	Đường huyện lộ ĐH13	1,07	1,07	1,07
28	Đường số 12 (Đi qua tổ 8, tổ 10, tổ 11 - Ấp Minh Lập 3)	Đầu thửa đất số 74, tờ bản đồ số 73 (Tiếp giáp đường ĐH 10)	Cuối thửa đất số 130, tờ bản đồ số 75 (Tiếp giáp đường ĐH 10)	1,07	1,07	1,07
29	Đường số 5	Đường Quốc lộ 14	Cuối thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55	1,07	1,07	1,07
30	Đường số 5	Cuối thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55	Đường ĐT756	1,05	1,05	1,05
31	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 79	1,07	1,07	1,07
32	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	Quốc lộ 14 (Từ thửa đất số 157, tờ bản đồ số 55)	Đến hết thửa đất số 123, tờ bản đồ số 55	1,07	1,07	1,07
33	Đường DH 08	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh khu tái định cư 10 ha	1,05	1,05	1,05
34	Đường DH 08	Hết ranh khu tái định cư 10 ha	Giáp ranh phường Minh Thành	1,07	1,07	1,07
35	Đường số 01	HLLG đường Quốc lộ 14	Thửa đất số 746, tờ bản đồ số 107	1,07	1,07	1,07
36	Đường số 15	HLLG đường Quốc lộ 14	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 96 - đầu nối với đường	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			huyện lộ ĐH 13			
37	Đường số 27	HLLG đường ĐT 756B	Ngã ba đường bê tông đầu ranh thửa đất số 76, tờ bản đồ số 115	1,07	1,07	1,07
38	Đường ĐH 01	Từ thửa đất số 922, tờ bản đồ số 62	Đến hết thửa đất số 858, tờ bản đồ số 62	1,07	1,07	1,07
39	Đường số 40	Từ thửa đất số 483, tờ bản đồ số 62	Đến hết thửa đất số 251, tờ bản đồ số 62	1,07	1,07	1,07
40	Đường nhựa, đường bê tông nông thôn còn lại chưa quy định cụ thể ở trên	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
41	Các đường còn lại	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

Bảng 61. Phường Bình Long

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Lý Tự Trọng	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07
2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Phú	1,07	1,07	1,07
3	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	1,07	1,07	1,07
4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 82	1,07	1,07	1,07
5	Đường Lê Lợi	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Ngô Quyền	1,07	1,07	1,07
6	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	1,07	1,07	1,07
7	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phan Bội Châu	1,07	1,07	1,07
8	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Bội Châu	Đường Lê Hồng Phong	1,07	1,07	1,07
9	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	1,07	1,07	1,07
10	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phan Bội Châu	1,07	1,07	1,07
11	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Bội Châu	1,07	1,07	1,07
12	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Đại Hành	Đường Phan Bội Châu	1,07	1,07	1,07
13	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Bội Châu	Đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07
14	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Bùi Thị Xuân	1,07	1,07	1,07
15	Đường Nguyễn Huệ	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Ngô Quyền (cũ)	1,07	1,07	1,07
16	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền (cũ)	Đường Nguyễn Thái Học	1,07	1,07	1,07
17	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07
18	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	1,07	1,07	1,07
19	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Phú	1,07	1,07	1,07
20	Đường Hùng Vương	Đường Trần Phú	Đường Đoàn Thị Điểm	1,07	1,07	1,07
21	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Du	Đường Ngô Quyền	1,07	1,07	1,07
22	Đường Phan Bội Châu	Đường Ngô Quyền	Đường Đoàn Thị Điểm	1,07	1,07	1,07
23	Đường Phan Bội Châu	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			tông vào Tỉnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118)			
24	Đường ĐT 752	Đường Trần Quang Khải và Ngã ba đường bê tông vào Tỉnh xá Ngọc Long (hết thửa đất số 205, tờ bản đồ số 118)	Đường HCT 1 và Đền hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường)	1,08	1,08	1,08
25	Đường ĐT 752	Đường HCT 1 và Đền hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 129 (giáp ranh khu dân cư Cát Tường)	Ngã Ba Xe Tăng	1,07	1,07	1,07
26	Đường ĐT 752	Ngã Ba Xe Tăng	Đường HCT 3	1,15	1,15	1,15
27	Đường ĐT 752C	Ngã ba Xa Cát (giáp đường Quốc lộ 13)	Giáp ranh xã Minh Đức	1,07	1,07	1,07
28	Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba đường ALT 1	1,13	1,13	1,13
29	Đường Ngô Quyền	Ngã ba đường ALT 1	Đường Trừ Văn Thố	1,07	1,07	1,07
30	Đường Ngô Quyền	Đường Trừ Văn Thố	Đường Hàm Nghi	1,07	1,07	1,07
31	Đường Ngô Quyền	Đường Hàm Nghi	Đường Phan Bội Châu	1,07	1,07	1,07
32	Đường Ngô Quyền	Đường Phan Bội Châu	Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 45	1,07	1,07	1,07
33	Đường Ngô Quyền	Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 45	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,07	1,07	1,07
34	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	1,07	1,07	1,07
35	Đường Trừ Văn Thố	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Phú	1,07	1,07	1,07
36	Đường Trần Phú	Đường Phan Bội Châu	Đường Bùi Thị Xuân	1,07	1,07	1,07
37	Đường Trần Phú	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Ngô Quyền	1,07	1,07	1,07
38	Đường Hàm Nghi	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Trần Phú	1,07	1,07	1,07
39	Đường Hàm Nghi	Đường Trần Phú	Đường Lê Quý Đôn	1,07	1,07	1,07
40	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Trừ Văn Thố	1,07	1,07	1,07
41	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trừ Văn Thố	Đường Trần Hưng Đạo	1,13	1,13	1,13
42	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hàm Nghi	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Hoàng	Đạo				
43	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	1,05	1,05	1,05
44	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Ngô Quyền	Cuối đường (giáp suối)	1,07	1,07	1,07
45	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quyền	1,15	1,15	1,15
46	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Ngô Quyền	Đường Đoàn Thị Điểm	1,07	1,07	1,07
47	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Phan Bội Châu	Đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07
48	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Thái Học	1,05	1,05	1,05
49	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,07	1,07	1,07
50	Đường Sư Vạn Hạnh (KDC Hồ Sa Cát)	Đường Lương Thế Vinh	Cuối đường	1,07	1,07	1,07
51	Đường Cao Bá Quát (KDC Hồ Sa Cát)	Đường Lương Thế Vinh	Cuối đường	1,07	1,07	1,07
52	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Huệ	Đường Đoàn Thị Điểm	1,07	1,07	1,07
53	Đường Tú Xương	Đường Trần Phú	Đường Đoàn Thị Điểm	1,07	1,07	1,07
54	Đường ALT 1	Đường Ngô Quyền	Đường ALT 3	1,05	1,05	1,05
55	Đường ALT 1	Đường ALT 3	Đầu thửa đất số 281, cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111	1,05	1,05	1,05
56	Đường ALT 1	Cuối thửa đất số 279; tờ bản đồ số 111	Cầu cây Sung	1,07	1,07	1,07
57	Đường ALT 2	Đường ĐT 752	Đường ALT1 (Ngã ba Cây Xoài đôi)	1,05	1,05	1,05
58	Đường ALT 3	Đường ĐT 752	Đường ALT 1	1,07	1,07	1,07
59	Đường ALT 4	Ngã Ba Xe Tăng	Giáp ranh xã Minh Đức	1,07	1,07	1,07
60	Đường ALT 5	Đường Đoàn Thị Điểm	Giáp ranh phường An Lộc	1,07	1,07	1,07
61	Đường ALT 5	Đường ALT 5 (đầu thửa đất số 21 và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 112)	Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111)	1,07	1,07	1,07
62	Đường ALT 5	Cuối đường nhựa (hết thửa đất số 10 và thửa đất số 68, tờ bản đồ số 111)	Đường ALT 1 (đầu thửa đất số 540, tờ bản đồ số 111)	1,07	1,07	1,07
63	Đường ALT 6	Đường ALT 1	Đường ALT 5	1,07	1,07	1,07
64	Đường ALT 7	Đường ALT 1 (từ	Điểm đầu thửa đất	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		thửa đất số 280 và thửa đất số 281, tờ bản đồ số 111)	số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109			
65	Đường ALT 7	Điểm đầu thửa đất số 174 và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 109	Đường ALT 3	1,05	1,05	1,05
66	Đường ALT 8	Đường ALT 3	Đường ALT 7	1,07	1,07	1,07
67	Đường ALT 9	Đường ALT 7	Đường ALT 7	1,07	1,07	1,07
68	Đường ALT 10	Đường ALT 11	Đường ALT 3	1,07	1,07	1,07
69	Đường ALT 11	Đường ALT 15	Đường ALT 1	1,10	1,10	1,10
70	Đường ALT 12	Đường ALT 1	Đường ALT 14	1,05	1,05	1,05
71	Đường ALT 12	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường ALT 13	1,07	1,07	1,07
72	Đường ALT 13	Đường ALT 2	Đường Phan Bội Châu	1,08	1,08	1,08
73	Đường ALT 14	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường ALT 1	1,07	1,07	1,07
74	Đường ALT 15	Đường ALT 2	Đường ĐT 752	1,07	1,07	1,07
75	Đường ALT 16	Đường ALT 3	Đường ALT 2	1,05	1,05	1,05
76	Đường ALT 16	Đường ALT 3	ALT 19	1,07	1,07	1,07
77	Đường ALT 17	Đường ĐT 752	Đường ALT 16	1,07	1,07	1,07
78	Đường ALT 18	Đường ĐT 752	Đường ALT 16	1,07	1,07	1,07
79	Đường ALT 19	Ngã ba đường ALT 4	Ngã ba cuối ranh thửa đất số 151 và cuối ranh thửa đất số 206, tờ bản đồ số 109	1,07	1,07	1,07
80	Đường ALT 19	Đầu ranh thửa đất số 297 và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 109	Hết ranh thửa đất số 53, tờ bản đồ 108 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 108	1,07	1,07	1,07
81	Đường ALT 20	Đường ALT 4	Đường ALT 19	1,07	1,07	1,07
82	Đường Trần Quốc Thảo (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Trần Tế Xương	Đường Lê Quang Định	1,07	1,07	1,07
83	Đường Nguyễn Bình Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Quốc lộ 13	Đường Trần Quốc Thảo	1,07	1,07	1,07
84	Đường Nguyễn Bình Khiêm (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Trần Quốc Thảo	Đường Phan Chu Trinh	1,07	1,07	1,07
85	Đường Lê Quang Định (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Quốc lộ 13	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,07	1,07	1,07
86	Đường Nguyễn Đình Chiểu (Khu TTTM	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Bình Khiêm	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	& KDC Thanh Bình)					
87	Đường Trần Tế Xương (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Bình Khiêm	1,07	1,07	1,07
88	Đường Phan Chu Trinh (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Trần Tế Xương	Đường Nguyễn Bình Khiêm	1,07	1,07	1,07
89	Đường Hải Thượng Lãn Ông (Khu TTTM & KDC Thanh Bình)	Đường Trần Tế Xương	Đường Lê Quang Định	1,07	1,07	1,07
90	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Đại Hành	1,07	1,07	1,07
91	Đường Quốc lộ 13	Đường Lê Đại Hành	Đường Lương Thế Vinh	1,07	1,07	1,07
92	Đường Quốc lộ 13	Đường Lương Thế Vinh	Đường HCT 5	1,07	1,07	1,07
93	Đường Quốc lộ 13	Đường HCT 5	Cổng ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16)	1,07	1,07	1,07
94	Đường Quốc lộ 13	Cổng ba miệng (thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16)	Ranh giới phường Bình Long - xã Tân Khai	1,07	1,07	1,07
95	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,07	1,07	1,07
96	Đường Lê Hồng Phong	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Quang Khải	1,07	1,07	1,07
97	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ	Hết đất Kho vật tư cũ	1,05	1,05	1,05
98	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,07	1,07	1,07
99	Đường Trần Quang Khải	Đường ĐT 752	Đường HCT 7	1,07	1,07	1,07
100	Đường Trần Quang Khải	Đường HCT 7	Ngã ba (đường HCT 1 đoạn trường chuyên Bình Long)	1,07	1,07	1,07
101	Đường Lê Đại Hành	Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Phó Duy)	Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2)	1,05	1,05	1,05
102	Đường Lê Đại Hành	Ngã ba đường Lê Đại Hành à đường HCT 26 (đối diện nhà văn hóa Xa Cam 2)	Cuối đường	1,07	1,07	1,07
103	Đường Lê Đại Hành	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			Trung Trực			
104	Đường Lương Thế Vinh (Đường HCT 19 cũ)	Đường Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam)	Đường Cao Bá Quát	1,05	1,05	1,05
105	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Đoàn Thị Điểm	1,07	1,07	1,07
106	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	1,07	1,07	1,07
107	Đường HCT 1	Đường ĐT 752	Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới)	1,05	1,05	1,05
108	Đường HCT 1	Ngã ba đường HCT 7 (thửa đất số 414, tờ bản đồ số 13 mới)	Đường Trần Quang Khải	1,07	1,07	1,07
109	Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức)	Đường ĐT 752	Đường HCT 4	1,07	1,07	1,07
110	Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Đức)	Đường HCT 4	Giáp ranh xã Minh Đức	1,07	1,07	1,07
111	Đường HCT 4	Đường Cao Bá Quát	Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh	1,07	1,07	1,07
112	Đường HCT 4	Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh	Đường HCT 3	1,07	1,07	1,07
113	Đường HCT 5	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	1,07	1,07	1,07
114	Đường HCT 6	Đường Đoàn Thị Điểm	Ngã ba đường HCT 28 và đường HCT 29	1,07	1,07	1,07
115	Đường HCT 7 (Nhánh)	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Quang Khải	1,06	1,06	1,06
116	Đường HCT 7	Đường Trần Quang Khải	Đường HCT 1 (thửa đất số 342, tờ bản đồ số 13 mới)	1,11	1,11	1,11
117	Đường HCT 8	Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2)	Đường HCT 3	1,07	1,07	1,07
118	Đường HCT 8	Đường ĐT 752	Ngã tư Bình Ninh II (Nhà văn hóa Bình Ninh 2)	1,05	1,05	1,05
119	Đường HCT 9	Đường ĐT 752	Đường HCT 13	1,07	1,07	1,07
120	Đường HCT 10	Đường ĐT 752	Đường HCT 12	1,07	1,07	1,07
121	Đường HCT 11	Đường HCT 9	Đường HCT 10	1,07	1,07	1,07
122	Đường HCT 12	Đường ĐT 752	Đường HCT 13	1,07	1,07	1,07
123	Đường HCT 13	Đường HCT 1	Đường HCT 15	1,07	1,07	1,07
124	Đường HCT 14	Đường HCT 13	Hết tuyến	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
125	Đường HCT 15	Đường HCT 1	Đường HCT 8	1,07	1,07	1,07
126	Đường HCT 16	Đường HCT 1	Hết tuyến	1,07	1,07	1,07
127	Đường HCT 17	Đường HCT 1	Hết tuyến	1,07	1,07	1,07
128	Đường HCT 18	Đường ĐT 752	Đường HCT 19	1,07	1,07	1,07
129	Đường HCT 19	Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến)	Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3)	1,07	1,07	1,07
130	Đường HCT 19 nối dài	Suối (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 3)	Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 3	1,05	1,05	1,05
131	Đường HCT 20	Đường HCT 19	Hết tuyến (giáp ranh xã Minh Đức)	1,07	1,07	1,07
132	Đường HCT 21	Đường HCT 27 (kho vật tư Công ty Cao su)	Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long)	1,05	1,05	1,05
133	Đường HCT 21	Đường HCT 27 (trường PTTH Bình Long)	Đường HCT 22	1,04	1,04	1,04
134	Đường HCT 22	Đường HCT 1	Đường HCT 3 (ranh xã Minh Đức)	1,07	1,07	1,07
135	Đường HCT 23	Đường HCT 21	Đường HCT 25	1,07	1,07	1,07
136	Đường HCT 24	Đường HCT 21	Đường HCT 4	1,07	1,07	1,07
137	Đường HCT 25	Kênh hậu đường Cao Bá Quát (Hồ Sa Cát)	Cuối đường	1,07	1,07	1,07
138	Đường HCT 26	HCT 23	HCT 27	1,07	1,07	1,07
139	Đường HCT 27	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường HCT21	1,07	1,07	1,07
140	Đường HCT 27	Đường HCT 21	Cuối đường Lê Đại Hành	1,07	1,07	1,07
141	Đường HCT 28	Đường HCT 6 (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 15)	Đường HCT 7 (thửa đất số 06, tờ bản đồ số 14)	1,07	1,07	1,07
142	Đường HCT 29	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường HCT 6 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 15)	1,07	1,07	1,07
143	Đường ALT 4	Ngã ba xe tăng	Cột mốc 2 mặt (ranh phường An Lộc và phường Hưng Chiến)	1,07	1,07	1,07
144	Đường PĐT 9	Đường Quốc lộ 13	Đường PĐT 7 (thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20 mới)	1,07	1,07	1,07
145	Đường ALT 22	Ngã ba đường HCT 19	Hết tuyến	1,07	1,07	1,07
146	Đường ALT 23	Đường ALT 4	Đường ALT 22	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
147	Đường N1, N2, N5, N7, N10 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long			1,07	1,07	1,07
148	Đường D1, D2, D3, D4, D5, N6, N8, N9 thuộc khu trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long			1,07	1,07	1,07
149	Đường nhựa	Đường HCT 1	Đường HCT 21	1,07	1,07	1,07
150	Đường ĐT 758	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 3	Giáp ranh xã Tân Lợi	1,07	1,07	1,07
151	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phan Bội Châu	1,07	1,07	1,07
152	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Hưng Đạo	1,07	1,07	1,07
153	Đường Nguyễn Du (Tây đường)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trãi	1,07	1,07	1,07
154	Đường Nguyễn Du (Đông đường)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trãi	1,07	1,07	1,07
155	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Phan Bội Châu	Cuối đường	1,07	1,07	1,07
156	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Đại Hành	1,07	1,07	1,07
157	Đường bê tông (dọc theo đường rầy xe lửa)	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Lê Đại Hành	1,07	1,07	1,07
158	Đường bê tông (dọc theo đường rầy xe lửa)	Đường Lê Đại Hành	Đường PĐT 9	1,07	1,07	1,07
159	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường PĐT2	1,07	1,07	1,07
160	Đường PĐT 1	Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu Ba Kiềm	1,07	1,07	1,07
161	Đường PĐT 2	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Giáp ranh xã Tân Quan	1,07	1,07	1,07
162	Đường PĐT 3	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Suối Cầu đỏ (Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 83)	1,07	1,07	1,07
163	Đường PĐT 4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,07	1,07	1,07
164	Đường PĐT 5	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường PĐT 4	1,07	1,07	1,07
165	Đường PĐT 6	Đường PĐT 5	Giáp suối Cầu Đỏ	1,07	1,07	1,07
166	Đường PĐT 7	Đường PĐT 2	Cuối đường	1,07	1,07	1,07
167	Đường PĐT 8	Đường PĐT 9	Đường PĐT 7 (Giáp ranh xã Tân	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			Quan)			
168	Đường PĐT 9	Đường PĐT 2	Cuối đường - Giáp ranh đất lô cao su	1,05	1,05	1,05
169	Đường PĐT 10	Đường PĐT 1	Cuối đường (Mường)	1,07	1,07	1,07
170	Đường PĐT 11	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Đại Hành	1,07	1,07	1,07
171	Đường PĐT 11	Đường Lê Đại Hành	Đường PĐT 12	1,07	1,07	1,07
172	Đường PĐT 12	Đường Quốc lộ 13	Đường PĐT 9	1,07	1,07	1,07
173	Đường PĐT 13	Đường Trần Hưng Đạo	PĐT1 (Cầu Ba Kiềm)	1,07	1,07	1,07
174	Đường PĐT 14	Đường Trần Hưng Đạo	PĐT1 (Cầu Ba Kiềm)	1,07	1,07	1,07
175	Đường PĐT 13, 14 nối dài	Cầu Ba Kiềm	Đường PĐT 9	1,07	1,07	1,07
176	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	1,05	1,05	1,05
177	Đường Đinh Công Tráng	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phan Bội Châu	1,07	1,07	1,07
178	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phan Bội Châu	1,07	1,07	1,07
179	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Quốc lộ 13	Đường PĐT 12	1,07	1,07	1,07
180	Đường bê tông	Đường Trần Hưng Đạo	Thửa đất số 103, Tờ bản đồ 134	1,07	1,07	1,07
181	Đường liên xã	Ngã 3 Xa Trạch	Cầu Xa Trạch 1 giáp xã Tân Quan	1,07	1,07	1,07
182	Đường nhựa khu phố Chà Là - khu phố Sờ Nhì	Đường Quốc lộ 13	HCT 5	1,07	1,07	1,07
183	Đường nhựa khu phố Xa Cát (Đường vào chùa Thiện Tâm)	Đường Quốc lộ 13 (Trừ hành lang lộ giới)	Cống thoát nước (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 105)	1,07	1,07	1,07
184	Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 4, 9, 10, 14, 18, 19, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m			1,08	1,08	1,08
185	Đường bê tông			1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 2, 3, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 15, 16, 17; tờ bản đồ 20 -> đến tờ bản đồ 33; tờ 46, 47 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m					
186	Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 4, 9, 10, 14, 18, 19, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 có có mặt đường hiện hữu rộng trên 6m - 10m			1,05	1,05	1,05
187	Đường bê tông không có tên trong nội bộ các khu phố khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 2, 3, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 15, 16, 17; tờ bản đồ 20 -> đến tờ bản đồ 33; tờ 46, 47) có mặt đường hiện hữu rộng trên 6m - 10m			1,07	1,07	1,07
188	Các đường nội bộ trong khu phố: Phú Sơn, Phú Bình, Phú Cường, Phú Trung, Phú An thuộc bản đồ chính quy tờ bản đồ số 113, 156, 157, 158, 160, 161, 162, 163, 167, 168, 169, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 117 có mặt đường rộng từ 03m đến dưới 6m			1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	và đường mới mở từ 7m - 10m nếu không tiếp giáp đường đã xác định giá					
189	Các đường nội bộ trong khu phố: Bình Tân, Bình An, An Bình, Sóc Du thuộc bản đồ chính quy số: 80, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 114, 115, 116, 118, 119, 129, 130, 131, 159, 164, 165, 166, 170, 171, 117 có mặt đường rộng từ 03m đến dưới 6m và đường mới mở từ 7m - 10m nếu không tiếp giáp đường đã xác định giá.			1,07	1,07	1,07
190	Các thửa đất tiếp giáp đường có mặt đường rộng dưới 3m theo bản đồ chính quy từ bản đồ số 113, 117, 156, 157, 158, 160 đến 163, 168, 169, 172 đến 182 thuộc các khu phố: Phú Sơn, Phú Bình, Phú Cường, Phú Trung, Phú An.			1,07	1,07	1,07
191	Các thửa đất tiếp giáp đường theo bản đồ chính quy có mặt đường rộng dưới 3m và các thửa đất không tiếp giáp đường đi hoặc tiếp giáp đường đi dọc theo các lô cao su mà không thể hiện trên bản đồ chính quy trong khu phố: Bình Tân, Bình An, An Bình, Sóc Du thuộc các tờ bản đồ số: 80, 107 đến 112,			1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	114 đến 119, 129, 130, 131, 159, 164, 165, 166, 170, 171.					
192	Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu rộng từ 07m đến 10m			1,07	1,07	1,07
193	Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m			1,07	1,07	1,07
194	Các đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 78, 81 đến 88, 132 đến 148 không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi tự phát theo các lô cao su			1,07	1,07	1,07
195	Đường nhựa không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 6m - 10m			1,07	1,07	1,07
196	Đường nhựa không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m			1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
197	Đường đất không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 7 có mặt đường hiện hữu rộng từ 3m - 6m			1,07	1,07	1,07
198	Đường đất không có tên trong nội bộ khu phố thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77 có mặt đường hiện hữu dưới 3m			1,14	1,14	1,14
199	Các tuyến đường còn lại thuộc các tờ bản đồ địa chính số: từ 1 đến 77			1,05	1,05	1,05
200	Đường giao thông thuộc các tờ bản đồ số: 79, 89 đến 106, 120 đến 128, 149 đến 155 chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
201	Các tuyến đường thuộc các tờ bản đồ số: 79, 89 đến 106, 120 đến 128, 149 đến 155 còn lại	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
202	Các đường nội bộ trong Khu dân cư Phú Tân trừ đường DT752			1,07	1,07	1,07

Bảng 62. Phường An Lộc

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương	1,06	1,06	1,06
2	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Hồ Xuân Hương	1,05	1,05	1,05
3	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Du (mũi dùi)	1,06	1,06	1,06
4	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du (mũi dùi)	Đường Nguyễn Thái Học	1,06	1,06	1,06
5	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	1,06	1,06	1,06
6	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hai Bà Trưng	1,06	1,06	1,06
7	Đường ĐT 758	Đường Hai Bà Trưng	Ranh giới xã Tân Lợi	1,06	1,06	1,06
8	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	1,06	1,06	1,06
9	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
10	Đường Nguyễn Du	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Huệ	1,06	1,06	1,06
11	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	1,06	1,06	1,06
12	Đường Chu Văn An	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Hưng Đạo	1,06	1,06	1,06
13	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Chu Văn An	1,06	1,06	1,06
14	Đường Nơ Trang Long	Đường ray xe lửa	Đường Nguyễn Thái Học	1,06	1,06	1,06
15	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Du	1,06	1,06	1,06
16	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Du	Đường ray xe lửa	1,06	1,06	1,06
17	Đường Bà Triệu	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	1,05	1,05	1,05
18	Đường Hai Bà Trưng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bà Triệu	1,06	1,06	1,06
19	Đường Hai Bà Trưng	Đường Bà Triệu	Cầu Ba Tạng	1,06	1,06	1,06
20	Đường Hai Bà Trưng	Cầu Ba Tạng	Đường Nguyễn Thái Học	1,06	1,06	1,06
21	Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bà Triệu	1,06	1,06	1,06
22	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Huệ	Đường TPT 18	1,06	1,06	1,06
23	Đường Nguyễn Thái Học	Đường TPT 18	Đường Hai Bà Trưng	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
24	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hai Bà Trưng	Ranh xã Tân Quan	1,05	1,05	1,05
25	Đường PTT 5	Thửa đất số 168, tờ bản đồ số 6	Suối	1,06	1,06	1,06
26	Đường PTT 7	Giáp lô cao su Nhà Nước	Hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 07	1,06	1,06	1,06
27	Đường PTT 8	Đường ĐT 758	Đường PTT 7	1,06	1,06	1,06
28	Đường PTT 9	Đường ĐT 758	Cuối đường	1,06	1,06	1,06
29	Đường PTT 10	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối đường	1,06	1,06	1,06
30	Đường PTT 11	Đường Nơ Trang Long	Nguyễn Du	1,06	1,06	1,06
31	Đường PTT 22 (Nguyễn Thái Học nối dài)	Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 2 (Ngã ba ông Dân)	Ngã ba cuối đất nhà bà Long	1,12	1,12	1,12
32	Đường tổ 2 KP Phú Xuân	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Du	1,05	1,05	1,05
33	Đường bê tông nằm trên ray xe lửa	Đường Trần Hưng Đạo	Đường PTT 4	1,06	1,06	1,06
34	Đường bê tông	Đường Nguyễn Du (thửa đất số 66, tờ bản đồ số 5)	Đường ray xe lửa	1,06	1,06	1,06
35	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 3	Hết ranh đất nhà ông Tuyến Nhật	1,06	1,06	1,06
36	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất nhà ông Tuyến Nhật	Đường TLT 18	1,06	1,06	1,06
37	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 18	Đường TLT 15	1,06	1,06	1,06
38	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 15	Đường vào nhà máy xi măng	1,14	1,14	1,14
39	Đường Quốc lộ 13	Đường vào nhà máy xi măng	Giáp ranh xã Lộc Thành	1,06	1,06	1,06
40	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã ba Sóc Bê (đường TP T1)	1,06	1,06	1,06
41	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba Sóc Bê (đường TP T1)	Hết ranh đất Cây xăng Thạnh Phú	1,05	1,05	1,05
42	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất Cây xăng Thạnh Phú	Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam	1,06	1,06	1,06
43	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam	Đường TLT 3	1,05	1,05	1,05
44	Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
45	Đường ĐT 757	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Tân Hưng	1,05	1,05	1,05
46	Đường bao quanh chợ	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
47	Đường vào nhà máy	Đường Quốc lộ 13	Suối	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	xi măng					
48	Đường vào nhà máy xi măng	Suối	Cuối đường đã thâm nhựa	1,06	1,06	1,06
49	Đường vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
49	Khu dân cư Khang Minh Quân	Các tuyến đường trong khu dân cư (Đường trục chính trừ tuyến Đường vào nhà máy xi măng)		1,06	1,06	1,06
50	Khu dân cư Khang Minh Quân	Các tuyến đường trong khu dân cư Khang Minh Quân (đường còn lại)		1,06	1,06	1,06
51	Khu dân cư Ngọc Điền Phát	Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường trục chính)		1,06	1,06	1,06
52	Khu dân cư Ngọc Điền Phát	Các tuyến đường trong khu dân cư Ngọc Điền Phát (đường còn lại)		1,06	1,06	1,06
53	Đường TPT 1	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 4	1,06	1,06	1,06
54	Đường TPT 1	Đường TPT 4	TLT 21	1,06	1,06	1,06
55	Đường TPT 2	Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú	Cuối đường nâng cấp mở rộng	1,06	1,06	1,06
56	Đường TPT 3	Cầu cây Sung	Đường TPT 27	1,06	1,06	1,06
57	Đường TPT 4	Đường TPT 1	Đường TPT 12	1,06	1,06	1,06
58	Đường TPT 4	Đường TPT 12	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
59	Đường TPT 5	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thuộc tổ 4, khu phố Thanh Hà	Thửa đất số 126, tờ bản đồ số 03 thuộc tổ 6, khu phố Sóc Bung	1,06	1,06	1,06
60	Đường TPT 6	Đường TPT 7	Đường TPT 4	1,06	1,06	1,06
61	Đường TPT 7	Đường TPT 8	Đường TPT 4	1,06	1,06	1,06
62	Đường TPT 8	Đường TPT 5	Đường TPT 12	1,06	1,06	1,06
63	Đường TPT 9	Đường ray xe lửa	Đường TPT 5	1,06	1,06	1,06
64	Đường TPT 10	Đường TPT 5	Đường TPT 8	1,06	1,06	1,06
65	Đường TPT 11	Đường TPT 4	Lô cao su (nhà ông Huỳnh Thái), đường TPT 22	1,06	1,06	1,06
66	Đường TPT 12	Đường TPT 1	Xóm (nhà ông Phạm Sáu), đên nghĩa địa	1,06	1,06	1,06
67	Đường TPT 13	Đường TPT 4	Đường TPT 11	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
68	Đường TPT 14	Đường TPT 1	Đường TPT 15	1,05	1,05	1,05
69	Đường TPT 15	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 1	1,06	1,06	1,06
70	Đường TPT 16	Đường TPT18 (chùa Chương Phước)	Lô cao su (nhà bà Vũ Thị Ngo), đường TPT 20	1,06	1,06	1,06
71	Đường TPT 17	Đường TPT 15	Đường Quốc lộ 13	1,06	1,06	1,06
72	Đường TPT 18	Đường TPT 1	Đường Nguyễn Thái Học	1,06	1,06	1,06
73	Đường TPT 19	Đường TPT 16	Đường TPT 20	1,06	1,06	1,06
74	Đường TPT 20	Đường TPT 18	Đường TPT 22	1,06	1,06	1,06
75	Đường TPT 21	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 18	1,06	1,06	1,06
76	Đường TPT 23	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 1	1,06	1,06	1,06
77	Đường TPT 24	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 23	1,06	1,06	1,06
78	Đường TPT 25	Đường TPT 50	Đường TPT 26	1,06	1,06	1,06
79	Đường TPT 26	Đường Quốc lộ 13	Hết đường nhựa (ngã ba nhà bà Tâm)	1,06	1,06	1,06
80	Đường TPT 27	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 3	1,06	1,06	1,06
81	Đường TPT 28	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 27	1,06	1,06	1,06
82	Đường TPT 29	Đường Quốc lộ 13	Xóm (nhà ông Lê Xuân Đạo), ranh phường An Lộc	1,06	1,06	1,06
83	Đường TPT 30	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 29	1,06	1,06	1,06
84	Đường TPT 31	Đường TPT 32	Đường TPT 30 (Suối)	1,13	1,13	1,13
85	Đường TPT 32	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 31	1,06	1,06	1,06
86	Đường TPT 32	Đường TPT 31	Đường TPT 30	1,06	1,06	1,06
87	Đường TPT 33	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 32	1,06	1,06	1,06
88	Đường TPT 34	Đường TPT 27	Đường TPT 35	1,06	1,06	1,06
89	Đường TPT 35	Đường TPT 34	Đường TPT 39 (Suối)	1,06	1,06	1,06
90	Đường TPT 36	Đường TPT 3	Đường TPT 35	1,06	1,06	1,06
91	Đường TPT 37	Đường TPT 1	Đường TPT 12	1,06	1,06	1,06
92	Đường TPT 38	Đường TPT 26	Đường TPT 48	1,06	1,06	1,06
93	Đường TPT 39	Đường TPT 35	Đường TPT 49	1,06	1,06	1,06
94	Đường TPT 40	Đường TPT 35	Đường TPT 2	1,06	1,06	1,06
95	Đường TPT 41	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 42	1,06	1,06	1,06
96	Đường TPT 42	Trường cấp 2	Lô cao su	1,06	1,06	1,06
97	Đường TPT 43	Đường Quốc lộ 13	Đường TPT 1	1,06	1,06	1,06
98	Đường TPT 44	Đường TPT 20	Đường TPT 19	1,06	1,06	1,06
99	Đường TPT 46	Đường TLT 34	Đường TPT 4 (dọc đường ray)	1,06	1,06	1,06
100	Đường TPT 47	Đường TLT 34	Đường TPT 4 (dọc đường ray)	1,06	1,06	1,06
101	Đường TPT 48	Đường TL T30	Đường TLT30	1,06	1,06	1,06
102	Đường TPT 49	Đập Suối Trâu (ranh phường An	Đường TPT 2	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Lộc (cũ))				
103	Đường TPT 50	Đường TPT 48	Đường Quốc lộ 13	1,06	1,06	1,06
104	Đường TPT 51	Đường TPT 49	Đường TPT 39	1,06	1,06	1,06
105	Đường TPT 52	Đường TPT 40	Đường TPT 51	1,06	1,06	1,06
106	Đường TPT 53	Đường TPT 33	Đường TPT 29	1,06	1,06	1,06
107	Đường TLT 1	Đường TLT 2	Đường ĐT 757	1,06	1,06	1,06
108	Đường TLT 2	Đường Quốc lộ 13	Đường ray xe lửa	1,06	1,06	1,06
109	Đường TLT 2	Đường ray xe lửa	Đường TLT 34	1,06	1,06	1,06
110	Đường TLT 2	Đường TLT 34	Đường ĐT 757	1,06	1,06	1,06
111	Đường TLT 3	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 20	1,06	1,06	1,06
112	Đường TLT 3	Đường TLT 20	Đường TLT 21	1,06	1,06	1,06
113	Đường TLT 3	Đường TLT 21	Xóm (đường TPT 1)	1,05	1,05	1,05
114	Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ)	Đường Quốc lộ 13	Đường Quốc lộ 13	1,06	1,06	1,06
115	Đường TLT 5	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 29	1,06	1,06	1,06
116	Đường TLT 5	Đường TLT 29	Ranh vùng đệm (đường vào nhà máy xi măng)	1,06	1,06	1,06
117	Đường TLT 6	Đường Quốc lộ 13	Đường ĐT 757	1,05	1,05	1,05
118	Đường TLT 7	Suối Càn Lê	Đường TLT 6	1,06	1,06	1,06
119	Đường TLT 8	Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 10	Đường TLT 6	1,06	1,06	1,06
120	Đường TLT 9	Đường TLT 6	Đường TLT 10	1,06	1,06	1,06
121	Đường TLT 10	Đường TLT 6	Đường TLT 11	1,06	1,06	1,06
122	Đường TLT 11	Đường TLT 1	Đường ray xe lửa	1,06	1,06	1,06
123	Đường TLT 12	Đường ĐT 757	Đường TLT 13	1,06	1,06	1,06
124	Đường TLT 13	Đường TLT 15	Đường TLT 1	1,06	1,06	1,06
125	Đường TLT 14	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 12	1,06	1,06	1,06
126	Đường TLT 15	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 13	1,06	1,06	1,06
127	Đường TLT 15	Đường TLT 13	Đường TLT 2	1,06	1,06	1,06
128	Đường TLT 16	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 17	1,06	1,06	1,06
129	Đường TLT 16	Đường TLT 17	Đường TLT 40	1,06	1,06	1,06
130	Đường TLT 17	Đường TLT 16	Đường TLT 18	1,06	1,06	1,06
131	Đường TLT 18	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 17	1,06	1,06	1,06
132	Đường TLT 19	Đường Quốc lộ 13 (chợ)	Đường TLT 2	1,06	1,06	1,06
133	Đường TLT 20	Đường TLT 2	Đường TLT 3	1,06	1,06	1,06
134	Đường TLT 21	Đường TLT 20	Đường TLT 3	1,06	1,06	1,06
135	Đường TLT 22	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 23	1,06	1,06	1,06
136	Đường TLT 22	Đường TLT 23	Cuối tuyến (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47)	1,06	1,06	1,06
137	Đường TLT 23	Đường Nhà máy xi măng	Đường TLT 22	1,06	1,06	1,06
138	Đường TLT 24	Đường TLT 23	Đường TLT 22	1,06	1,06	1,06
139	Đường TLT 25	Đường TLT 22	Đường TLT 24	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
140	Đường TLT 26	Đường TLT 4 (Vòng quanh Đài liệt sĩ)	Đường TLT 5	1,05	1,05	1,05
141	Đường TLT 27	Đường Quốc lộ 13	Đường TLT 28	1,06	1,06	1,06
142	Đường TLT 27	Đường TLT 28	Đường TLT 43	1,06	1,06	1,06
143	Đường TLT 27	Đường TLT 43	Đường TLT 5	1,06	1,06	1,06
144	Đường TLT 28	Đường TLT 27	Đường TLT 5	1,06	1,06	1,06
145	Đường TLT 29	Đường TLT 5	Đường TLT 31	1,06	1,06	1,06
146	Đường TLT 30	Đường TLT 5	Đường TLT 5	1,06	1,06	1,06
147	Đường TLT 31	Đường TLT 5	Đường TLT 29	1,06	1,06	1,06
148	Đường TLT 32	Đường TLT 31	Đường TLT 31	1,06	1,06	1,06
149	Đường TLT 33	Đường TLT 2	Đường TLT 2	1,06	1,06	1,06
150	Đường TLT 34	Đường TLT 2	Đường TPT 5	1,06	1,06	1,06
151	Đường TLT 35	Đường TLT 34	Đường TLT 39	1,06	1,06	1,06
152	Đường TLT 36	Đường TLT 2	Đường TPT 4	1,06	1,06	1,06
153	Đường TLT 37	Đường TLT 2	Đường TPT 5	1,05	1,05	1,05
154	Đường TLT 38	Đường TLT 37	Cuối tuyến	1,06	1,06	1,06
155	Đường TLT 39	Đường TLT 2	Đường TLT 37	1,06	1,06	1,06
156	Đường TLT 40	Đường TLT 2	Đường TLT 16	1,06	1,06	1,06
157	Đường TLT 41	Đường ĐT 757	Đường TLT 6	1,06	1,06	1,06
158	Đường TLT 42	Đường TLT 22	Đường TLT 29	1,06	1,06	1,06
159	Đường TLT 43	Đường Nhà máy xi măng	Đường TLT 27	1,06	1,06	1,06
160	Đường TLT 45	Đường TLT 46	Đường TPT 2	1,06	1,06	1,06
161	Đường TLT 46	Đường TLT 29	Khu bãi rác QH (đường TLT 64)	1,06	1,06	1,06
162	Đường TLT 47	Đường TLT 5	Đường TLT 46	1,06	1,06	1,06
163	Đường TLT 49	Đường TLT 73	Đường TLT 51	1,06	1,06	1,06
164	Đường TLT 50	Đường TLT 46	Đường TLT 32, ranh xã Thanh Phú	1,06	1,06	1,06
165	Đường TLT 51	Đường TLT 31	Đường TLT 49 (nông trường cao su)	1,06	1,06	1,06
166	Đường TLT 52	Đường TLT 36	Suối Tà Nùng	1,06	1,06	1,06
167	Đường TLT 53	Đường TLT 2	Thửa đất số 526, tờ bản đồ số 04	1,06	1,06	1,06
168	Đường TLT 54	Đường sắt (tờ BĐ 60, thửa 67)	Suối cạn (hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60)	1,06	1,06	1,06
169	Đường TLT 55	Đường TLT 46	Ranh xã Minh Đức	1,06	1,06	1,06
170	Đường TLT 56	Đường TLT 55	Đường TLT 57	1,06	1,06	1,06
171	Đường TLT 57	Đường TLT 55	Ranh xã Lộc Thành	1,06	1,06	1,06
172	Đường TLT 58	Đường TLT 55 lô cao su	Đường TLT 59	1,06	1,06	1,06
173	Đường TLT 59	Lô cao su (hết thửa đất số 207, tờ bản	Lô cao su (hết thửa đồ số 51, Tờ bản	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		đồ số 41)	đồ số 41)			
174	Đường TLT 60	Đường TLT 55	Đường TLT 57	1,06	1,06	1,06
175	Đường TLT 64	Đường Nhà máy xi măng	Hết tuyến (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57)	1,06	1,06	1,06
176	Đường TLT 65	Đường TLT 55	Ranh xã Lộc Thành	1,06	1,06	1,06
177	Đường TLT 66	Đường băng tải	Hết tuyến (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 72)	1,06	1,06	1,06
178	Đường TLT 67	Đường TLT 55	Ranh xã Thanh Phú (cũ), (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 38)	1,06	1,06	1,06
179	Đường TLT 68	Đường TLT 67	Đường TLT 45	1,06	1,06	1,06
180	Đường TLT 69	Đường TLT 5	Đường TLT 27	1,05	1,05	1,05
181	Đường TLT 70	Đường Nhà máy xi măng	Đường TLT 44	1,06	1,06	1,06
182	Đường TLT 71	Đường TLT 24	Hết thửa đất số 154, tờ bản đồ số 48	1,06	1,06	1,06
183	Đường TLT 73	Đường TLT 32	Đường TPT 2	1,06	1,06	1,06
184	Các tuyến đường rộng từ 07m trở lên			1,05	1,05	1,05
185	Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 07m. Đường mới mở 07m - 10m			1,06	1,06	1,06
186	Các đường nội bộ trong khu phố, khu phố thuộc phường Phú Thịnh (cũ) (nay là khu phố: Phú Hòa, Phú Thuận, Phú Hưng, Phú Xuân) không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản			1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su					
187	Các tuyến đường bê tông từ 3,5m đến dưới 07m (theo bản đồ chính quy)			1,06	1,06	1,06
188	Các tuyến đường, tuyến hẻm còn lại có bề rộng mặt đường theo bản đồ chính quy nhỏ hơn 3,5m thuộc các tờ bản đồ số 6, 7, 12, 13, 19, 26, 27, 33			1,05	1,05	1,05
189	Các tuyến đường, tuyến hẻm còn lại có bề rộng mặt đường theo bản đồ chính quy nhỏ hơn 3,5m thuộc các tờ bản đồ còn lại			1,06	1,06	1,06
190	Các tuyến đường còn lại			1,09	1,09	1,09

Bảng 63. Phường Phước Bình

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Long, tỉnh Đồng Đai (cũ)	Đường Trường Chinh (hết ranh thửa đất số 364, tờ bản đồ số 31 và Quảng trường 6-1)	1,09	1,09	1,09
2	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trường Chinh (từ ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 36 và Quảng trường 6-1)	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 Tháng 2 (hết ranh thửa đất số 166, tờ bản đồ số 41)	1,09	1,09	1,09
3	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành - Đường 3 tháng 2 (từ ranh thửa đất số 18, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41)	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã 3 Vòng xoay Phước Bình (hết ranh thửa đất số 189, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 141))	1,09	1,09	1,09
4	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thống Nhất (Ngã 3 vòng xoay Phước Bình (từ ranh thửa đất số 190, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 140)	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (hết ranh thửa đất số 243, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 154, tờ bản đồ số 140)	1,09	1,09	1,09
5	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 đường Nguyễn Tất Thành - Đường Thích Quảng Đức (từ ranh thửa đất số 240, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 62, tờ bản đồ số 140)	Ngã 3 Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (hết ranh thửa đất số 283, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 270, tờ bản đồ số 114)	1,09	1,09	1,09
6	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 Nguyễn Tất Thành - Đường Nguyễn Thái Học (từ ranh thửa đất số 154, tờ bản đồ số 13 và thửa đất số 271, tờ bản đồ số	Ngã 3 Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (hết ranh thửa đất số 146, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		114)	118)			
7	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 Nguyễn Tất Thành - Đường bê tông khu phố (từ ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 29, tờ bản đồ số 118)	Giáp ranh xã Bình Tân	1,09	1,09	1,09
8	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (từ ranh thửa đất số 131, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 53)	Đường Đinh Văn Chát và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 52 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 53)	1,09	1,09	1,09
9	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Đường Đinh Văn Chát và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 14, tờ bản đồ số 52)	Đường Đoàn Nữ Hải và đường bê tông (hết ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 49)	1,09	1,09	1,09
10	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Đường Đoàn Nữ Hải và đường bê tông (từ ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 11 và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 49); không bao gồm thửa đất số 139, tờ bản đồ số 11	Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (hết ranh thửa đất số 2, tờ bản đồ số 35 và thửa đất số 1, tờ bản đồ số 43)	1,09	1,09	1,09
11	Đường 3 tháng 2 (Đường ĐT 759)	Đường Hoàng Lệ Kha và đường Tú Xương (từ ranh thửa đất số 117, tờ bản đồ số 28 và thửa đất số 108, tờ bản đồ số 28)	Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (hết ranh thửa đất số 1, tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 20)	1,09	1,09	1,09
12	Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ)	Khu quy hoạch KDC Long Điền và Nghĩa địa Long Điền (từ ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 87)	Ngã 3 đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kìa (hết ranh thửa đất số 249, tờ bản đồ	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			số 87) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (hết ranh thửa đất số 35, tờ bản đồ số 75))			
13	Đường ĐT 759 (Xã Bình Sơn cũ)	Ngã 3 đường ĐT 759 và đường nhựa hướng về Phú Châu + (Bên trái tuyến + 194m hướng xã Đa Kìa (từ ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 54) và Bên phải tuyến giáp đường bê tông (từ ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 54))	Giáp ranh xã Đa Kìa (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 54 và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 54)	1,09	1,09	1,09
14	Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 1)	Ngã 3 giao với ĐT 759	Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn	1,09	1,09	1,09
15	Đường Long Bình - Bình Sơn (đoạn 2)	Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 84 của ông Nguyễn Đình Tuấn	Giáp ranh xã Bình Tân; hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 82 của ông Hoàng Hoàng Hào	1,09	1,09	1,09
16	Đường Long Hưng - Bình Sơn	Giáp ranh xã Bình Tân	Đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 107 của bà Phạm Thị Nguyệt	1,09	1,09	1,09
17	Đường giao thông đầu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
18	Đường Độc Lập	Ngã 3 giao đường Nguyễn Tất Thành - Đường Độc Lập	Ngã 3 giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (hết ranh thửa đất số 683, tờ bản đồ số 44 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 110)	1,09	1,09	1,09
19	Đường Độc Lập	Ngã 3 giao đường Trường Chinh - Đường Độc lập (từ ranh thửa đất số 682, tờ bản đồ số	Ngã 3 giao đường Độc Lập - Đường Nguyễn Tất Thành và Ngã 3 giao đường Độc Lập -	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		44 và thửa đất số 37, tờ bản đồ số 110)	Lê Trọng Tấn (hết ranh thửa đất số 156, tờ bản đồ số 31 và thửa đất số 2, tờ bản đồ số 110)			
20	Đường Phạm Hùng	Giáp đường Độc Lập	Đường Lý Thường Kiệt	1,09	1,09	1,09
21	Đường Lương Định Của	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
22	Đường Phan Huy Ích	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
23	Đường Nguyễn Kim	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
24	Đường Đinh Văn Chát	Đường 3 tháng 2	Ngã ba đường Phan Bá Vành (hết ranh thửa đất số 165 và thửa đất số 187, cùng thuộc tờ bản đồ số 50)	1,09	1,09	1,09
25	Đường Đinh Văn Chát	Ngã ba đường Phan Bá Vành (Từ ranh thửa đất số 164, 186, tờ bản đồ số 50)	Đường Phạm Hùng	1,09	1,09	1,09
26	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	1,09	1,09	1,09
27	Đường Lê Văn Sỹ	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	1,09	1,09	1,09
28	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Điều Ong	Đường Trường Chinh	1,09	1,09	1,09
29	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp	1,09	1,09	1,09
30	Đường Đoàn Đức Thái	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Nơ Trang Long	1,05	1,05	1,05
31	Đường Điều Ong	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Độc Lập	1,09	1,09	1,09
32	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Độc Lập	Đường Nguyễn Tất Thành	1,09	1,09	1,09
33	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Hữu Thọ	1,09	1,09	1,09
34	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Tất Thành	1,09	1,09	1,09
35	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Độc Lập	Đường Lê Anh Xuân	1,12	1,12	1,12
36	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Lý Thường Kiệt	1,09	1,09	1,09
37	Đường Trường	Đường Nguyễn Tất	Đường Độc Lập	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Chinh	Thành				
38	Đường Lê Duẩn	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Tất Thành	1,09	1,09	1,09
39	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Trường Chinh	1,09	1,09	1,09
40	Đường Lê Anh Xuân	Đường Trường Chinh	Đường Độc Lập	1,09	1,09	1,09
41	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Độc Lập	Đường Nguyễn Tất Thành	1,07	1,07	1,07
42	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Hữu Thọ	1,09	1,09	1,09
43	Đường Bé Văn Đàn	Đường Bùi Văn Dũ	Đường Độc Lập	1,08	1,08	1,08
44	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã 3 đường Võ Văn Kiệt - Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 đường Lý Thường Kiệt - Đường Võ Văn Kiệt (hết ranh thửa đất số 163, tờ bản đồ số 26)	1,09	1,09	1,09
45	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã 3 đường Lý Thường Kiệt - Võ Văn Kiệt (Từ ranh thửa đất 72, tờ bản đồ số 7)	Ngã 4 đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (hết ranh thửa đất số 71, tờ bản đồ số 7)	1,09	1,09	1,09
46	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã 4 đường Võ Văn Kiệt - Đường Liên Khu vực 4 (từ ranh thửa đất 65, 13, cùng thuộc tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 92, tờ bản đồ số 101)	Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (thửa đất số 89 và thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78)	1,09	1,09	1,09
47	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh điểm trường tiểu học thôn 7 (hết ranh thửa đất số 89 và hết ranh thửa đất số 95, cùng thuộc tờ bản đồ số 78)	Đường Lý Tự Trọng	1,05	1,05	1,05
48	Đường Phan Đình Giót	Đường Bùi Văn Dũ	Đường Độc Lập	1,06	1,06	1,06
49	Đường Mai Chí Thọ	Giao lộ Lê Duẩn - Phùng Khắc Khoan	Giao lộ Nguyễn Văn Linh - Phùng Khắc Khoan	1,09	1,09	1,09
50	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Văn Kiệt	1,08	1,08	1,08
51	Đường Phùng Khắc	Giao lộ Lê Duẩn -	Giao lộ Nguyễn	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Khoan	Mai Chí Thọ	Văn Linh - Mai Chí Thọ			
52	Đường Lý Thường Kiệt	Giáp đường Võ Văn Kiệt	Giáp đường Phạm Hùng	1,09	1,09	1,09
53	Đường Tô Hiệu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	1,09	1,09	1,09
54	Đường Nguyễn Duy Trinh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	1,09	1,09	1,09
55	Đường Trần Văn Trà	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Văn Kiệt	1,09	1,09	1,09
56	Đường Nơ Trang Long	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
57	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Võ Văn Kiệt	1,09	1,09	1,09
58	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Văn Linh	1,09	1,09	1,09
59	Đường Phan Chu Trinh	Đường Lê Duẩn	Đường Võ Văn Kiệt	1,09	1,09	1,09
60	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	1,06	1,06	1,06
61	Đường Tô Hữu	Đường Phạm Hùng	Đường Độc Lập	1,09	1,09	1,09
62	Đường Tô Ngọc Vân	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
63	Đường Bùi Văn Dụ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Độc Lập	1,14	1,14	1,14
64	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp	1,09	1,09	1,09
65	Đường Hoài Thanh	Toàn tuyến		1,13	1,13	1,13
66	Đường Nguyễn Văn Siêu	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
67	Đường Nguyễn Huy Tự	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
68	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
69	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đường Nguyễn Thái Học - đường Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 42; khu phố 4 và thửa đất số 84, tờ bản đồ số 42; khu phố 3)	1,09	1,09	1,09
70	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đường Nguyễn Thái Học - đường Hồ Tùng Mậu (từ ranh thửa đất số 243, tờ bản	Ngã 3 đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (hết ranh thửa đất số 212, tờ bản	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		đô số 42; khu phố Long Phước và thửa đất số 43, tờ bản đồ số 42; khu phố 10)	đô số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 203, tờ bản đồ số 40; khu phố 10)			
71	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đường Nguyễn Thái Học - Đường Phạm Ngũ Lão (từ ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 39; khu phố Long Phước và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 39; khu phố 10)	Ngã 3 đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 39; khu phố 10)	1,09	1,09	1,09
72	Đường Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đường Nguyễn Thái Học - Đường bê tông bên hông Xưởng điều Hà Lành (từ ranh thửa đất số 421, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 62, tờ bản đồ số 38; khu phố 10)	Giáp ranh xã Bình Tân, (hết ranh thửa đất số 368, tờ bản đồ số 12; khu phố Long Phước và thửa đất số 182, tờ bản đồ số 12; khu phố 10)	1,09	1,09	1,09
73	Đường Hàn Thuyên	Đường 3 tháng 2	Đường Phạm Hùng	1,09	1,09	1,09
74	Đường Lê Văn Ngôn	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	1,09	1,09	1,09
75	Đường Lê Văn Huu	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
76	Đường Nguyễn Hiền	Đường 3 tháng 2	Đường Phạm Hùng	1,09	1,09	1,09
77	Đường Đoàn Nữ Hải	Đường 3 tháng 2	Đường Phạm Hùng	1,09	1,09	1,09
78	Đường Lê Quát	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	1,09	1,09	1,09
79	Đường Đặng Tất	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	1,09	1,09	1,09
80	Đường Đặng Trần Côn	Đường 3 tháng 2	Đường Nguyễn Tất Thành	1,09	1,09	1,09
81	Đường Hồ Văn Huệ	Đường Đặng Trần Côn	Đường Hoàng Lệ Kha	1,09	1,09	1,09
82	Đường Nguyễn Nghiêm	Đường 3 tháng 2	Đường Hoàng Lệ Kha	1,09	1,09	1,09
83	Đường Lương Khánh Thiện	Đường 3 tháng 2	Đường Hoàng Lệ Kha	1,09	1,09	1,09
84	Đường Hoàng Lệ	Đường 3 tháng 2	Đường Đặng Trần Côn	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Kha		Côn			
85	Đường Phan Bá Vành	Đường Lương Khánh Thiện	Đường Đinh Văn Chất	1,09	1,09	1,09
86	Đường Liên Khu 8, khu 9 và thửa đất số 166, tờ bản đồ số 10 (Khu phố 8)	Ngã 3 đường Tú Xương và đường Liên khu 8, 9	Hết ranh thửa đất số 102, tờ bản đồ số 11 (Khu phố 8)	1,09	1,09	1,09
87	Đường Liên Khu 8, khu 9	Ngã 3 đường 3 tháng 2 (từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28)	Tiếp giáp ngã tư đường Hoàng Lê Kha (hết ranh thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28)	1,09	1,09	1,09
88	Đường Tú Xương	Đường 3 tháng 2	Đường liên khu vực 1 (Đường nối giữa Đường ĐT 741 và Đường ĐT 759)	1,09	1,09	1,09
89	Các đường nội ô Khu phố 9 (5 tuyến)	Đường 3 tháng 2	Đường Tú Xương	1,09	1,09	1,09
90	Đường Vườn Ươm khu phố 9	Đường Tú Xương (hết thửa đất số 163, tờ bản đồ số 10)	Ngã 3 đường đất (hết thửa đất số 105, tờ bản đồ số 10)	1,09	1,09	1,09
91	Đường Nguyễn Khuyến	Ngã 3 Nguyễn Khuyến - đường Nguyễn Tất Thành	Đường Hồ Tùng Mậu	1,09	1,09	1,09
92	Đường Bom Bo	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
93	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
94	Đường nội ô khu dân cư Thành Phương	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
95	Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC thị xã Phước Long (cũ)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
96	Đường Lý Tự Trọng	Ngã 4 đường Lý Tự Trọng - đường Hùng Vương - đường Lê Quang Định	Hết ranh thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 18 (hết ranh khu phố Long Điền 1)	1,09	1,09	1,09
97	Đường Lý Tự Trọng	Ranh khu phố Long Giang (thửa đất số 209 và thửa đất số 213, tờ bản đồ số 58)	Ngã ba Cà Kiêu (hết thửa đất số 363, tờ bản đồ số 56 và thửa đất số 112, tờ bản đồ số 55)	1,09	1,09	1,09
98	Đường Lý Tự	Ngã 3 Cà Kiêu (từ	Ngã 3 đường Lý	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Trọng	ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 55 và thửa đất số 323, tờ bản đồ số 56)	Tự Trọng - Đường bê tông khu phố An Lương (hết ranh thửa đất số 38 và thửa đất số 22, cùng thuộc tờ bản đồ số 62)			
99	Đường Lý Tự Trọng	Ngã 3 đường Lý Tự Trọng -Đường bê tông khu phố An Lương (từ ranh thửa đất số 24 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 62)	Giáp ranh phường Phước Long	1,09	1,09	1,09
100	Đường Văn Cao	Đường Trần Quốc Thảo	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
101	Đường Nguyễn Phan Chánh	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
102	Đường Lê Quang Định	Đường Võ Trú	Đường Hùng Vương	1,09	1,09	1,09
103	Đường Nguyễn Thượng Hiền	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Quốc Thảo	1,09	1,09	1,09
104	Đường Ngô Đức Kế	Đường Đào Nguyên Phổ	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
105	Đường Phan Khôi	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
106	Đường Đinh Lễ	Đường Nguyễn Phan Chánh	Đường Lý Tự Trọng	1,09	1,09	1,09
107	Đường Đào Nguyên Phổ	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
108	Đường Trần Quốc Thảo	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
109	Đường Nguyễn Thi	Đường Võ Trú	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
110	Đường Mai Xuân Thưởng	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	1,14	1,14	1,14
111	Đường Đinh Công Tráng	Giáp đường Hùng Vương	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
112	Đường Võ Trú	Đường 3 tháng 2	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
113	Đường Dương Đình Nghệ	Đường 3 tháng 2	Ngã 3 đường Dương Đình Nghệ - Đường Văn Cao	1,09	1,09	1,09
114	Đường Dương Đình Nghệ	Ngã 4 đường Dương Đình Nghệ - Đường Nguyễn Thi (từ ranh thửa đất số 82 và thửa đất số 101, cùng thuộc tờ bản đồ số	Ngã 3 đường Dương Đình Nghệ - Đường Trần Quốc Thảo (hết ranh thửa đất số 20 và thửa đất số 50,	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		22)	cùng thuộc tờ bản đồ số 19)			
115	Đường Dương Đình Nghệ	Ngã 3 đường Trần Quốc Thảo - Đường Dương Đình Nghệ (từ ranh thửa đất số 13, tờ bản đồ số 19 và thửa đất số 62, tờ bản đồ số 2)	Đường Hùng Vương	1,09	1,09	1,09
116	Đường Hùng Vương	Đường 3 tháng 2	Ngã 4 đường Hùng Vương - Đường Đình Lễ	1,09	1,09	1,09
117	Đường Hùng Vương	Ngã 4 đường Hùng Vương - Đường Đình Lễ	Ngã 4 đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt	1,09	1,09	1,09
118	Đường Hùng Vương	Ngã 4 đường Hùng Vương - Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Phước Long, (hết ranh thửa đất số 12 và thửa đất số 17, cùng thuộc tờ bản đồ số 81)	1,09	1,09	1,09
119	Đường Châu Văn Liêm	Đường Độc Lập	Đường Phan Đình Giót	1,09	1,09	1,09
120	Đường Hoàng Cầm	Đường Độc Lập	Đường Phan Đình Giót	1,09	1,09	1,09
121	Đường Hồ Tùng Mậu	Ngã 3 đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đường Hồ Tùng Mậu - Đường Nguyễn Khuyến (hết ranh thửa đất số 144, tờ bản đồ số 13, khu phố 3 và hết ranh thửa đất số 116, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước)	1,09	1,09	1,09
122	Đường Hồ Tùng Mậu	Từ thửa đất số 122, tờ bản đồ số 42, khu phố Long Phước và thửa đất số 143, tờ bản đồ số 13, khu phố 3	Hết ranh thửa đất số 182 và thửa đất số 184, cùng thuộc tờ bản đồ số 13 (Khu phố 3)	1,09	1,09	1,09
123	Đường Hồ Tùng Mậu	Từ thửa đất số 192 và thửa đất số 193, cùng thuộc tờ bản đồ số 13	Hết tuyến (đến thửa đất số 55, tờ bản đồ số 16)	1,09	1,09	1,09
124	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Nguyễn Khuyến	Hết ranh thửa đất số 13 và thửa đất	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 16			
125	Đường Ngô Thị Nhậm	Từ ranh thửa đất số 354 và thửa đất số 35, cùng thuộc tờ bản đồ số 16	Hết tuyến (hết thửa đất số 178 và thửa đất số 179, cùng thuộc tờ bản đồ số 16)	1,09	1,09	1,09
126	Đường Vũ Như Tô	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
127	Đường Lê Thị Riêng	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
128	Đường Nguyễn Huy Lượng	Đường Bùi Văn Dù	Đường Độc Lập	1,09	1,09	1,09
129	Đường nhựa 1 (chưa có tên)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Độc Lập	1,09	1,09	1,09
130	Đường nhựa 2 (chưa có tên)	Đường Vũ Như Tô	Đường Lê Thị Riêng	1,09	1,09	1,09
131	Đường nhựa 3 (chưa có tên)	Đường Lê Văn Sỹ	Đất trụ sở Công an phường Phước Bình (mới)	1,09	1,09	1,09
132	Đường nhựa 4 (chưa có tên)	Đường Trần Xuân Soạn	Đường Bom Bo	1,09	1,09	1,09
133	Đường nhựa 5 (chưa có tên) (2 tuyến)	Đường Tô Hiệu	Đường Nguyễn Duy Trinh	1,09	1,09	1,09
134	Đường Nguyễn Thông	Đường Đặng Trần Côn	Đường Nguyễn Tất Thành	1,09	1,09	1,09
135	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngã 3 đường Phạm Ngũ Lão - đường Nguyễn Thái Học	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 63, tờ bản đồ số 40)	1,09	1,09	1,09
136	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - đường bê tông (Bên phải tuyến: từ ranh thửa đất số 12, tờ bản đồ 40 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 39 và Bên trái tuyến từ: thửa đất số 66, tờ bản đồ số 39)	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (hết ranh thửa đất số 188 và thửa đất số 139, cùng thuộc tờ bản đồ số 09)	1,09	1,09	1,09
137	Đường Phạm Ngũ Lão	Ngã tư đường Phạm Ngũ Lão - Đường Liên Khu vực 1 (Từ ranh	Hết tuyến (đến hết ranh thửa đất số 4 và thửa đất số 5, cùng thuộc tờ bản	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		thửa đất số 86 và thửa đất số 141, cùng thuộc tờ bản đồ số thửa đất số 09)	đồ số thửa đất số 08)			
138	Các tuyến đường nội ô Khu phố 5	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
139	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Giáp đường Nguyễn Tất Thành (vòng xoay) (từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 141)	Ngã tư đường Thích Quảng Đức	1,09	1,09	1,09
140	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Ngã tư đường Thích Quảng Đức	Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (thửa đất số 83 và thửa đất số 36, cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	1,09	1,09	1,09
141	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Hết ranh trường trung học cơ sở Phước Bình (hết thửa đất số 83 và hết thửa đất số 36, tờ bản đồ số 120)	Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (thửa đất số 181 và thửa đất số 278, cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	1,09	1,09	1,09
142	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Hết ranh xưởng điều Sơn Tùng (hết thửa đất số 181 và hết thửa đất số 278 cùng thuộc tờ bản đồ số 120)	Đường Âu cơ (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120)	1,09	1,09	1,09
143	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Đường Âu cơ (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 121 và hết thửa đất số 375, tờ bản đồ số 120)	Đường Phan Thế Hiền (thửa đất số 34 và thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	1,09	1,09	1,09
144	Đường Thống Nhất (Đường ĐT 759)	Đường Phan Thế Hiền (hết thửa đất số 34 và hết thửa đất số 73, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	1,09	1,09	1,09
145	Đường Xóm Chùa (Thích Quảng Đức)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
146	Đường Nội bộ khu văn hóa - TDTT Phước Bình (cũ)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
147	Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình)	Ngã ba giáp đường Độc Lập	Ngã ba nhà ông Nguyễn Mạnh Hiền (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 116)	1,09	1,09	1,09
148	Đường Lê Trọng Tấn, phường Phước Bình)	Đoạn còn lại		1,09	1,09	1,09
149	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Giáp đường Thống Nhất	Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (thửa đất số 289 và thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119)	1,09	1,09	1,09
150	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Ngã ba nhà ông Trần Văn Hưng (hết thửa đất số 289 và hết thửa đất số 314, cùng thuộc tờ bản đồ số 119)	Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124)	1,09	1,09	1,09
151	Đường Hoàng Văn Thụ (Đường Suối Tân)	Ngã ba nhà ông Cao Văn Thục (hết thửa đất số 418, tờ bản đồ số 119 và hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 124)	Ngã ba đường về xã Bình Tân (hết thửa đất số 97, tờ bản đồ số 125)	1,09	1,09	1,09
152	Đường Phan Thế Hiển	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 350m (thửa đất số 241 và thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	1,09	1,09	1,09
153	Đường Phan Thế Hiển	Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 241 và hết thửa đất số 199, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	Hết tuyến (giáp thửa đất số 33, tờ bản đồ số 130)	1,09	1,09	1,09
154	Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá)	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 350m (thửa đất số 93 và thửa đất số 119, cùng thuộc tờ bản đồ số 127)	1,09	1,09	1,09
155	Đường Lam Sơn (Đường vào núi Bà Rá)	Giáp đường Thống Nhất + 350m (hết thửa đất số 93 và hết thửa đất số 119,	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		cùng thuộc tờ bản đồ số 127)				
156	Đường Thành Thái	Giáp đường Thống Nhất	Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121)	1,09	1,09	1,09
157	Đường Thành Thái	Giáp đường Thống Nhất + 400m (thửa đất số 321 và thửa đất số 346, cùng thuộc tờ bản đồ số 121)	Hết tuyến (thửa đất số 12 và thửa đất số 7, cùng thuộc tờ số 121)	1,09	1,09	1,09
158	Đường Âu Cơ	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
159	Đường Tôn Đức Thắng	Giáp ranh phường Phước Long	Ngã tư đường Phan Văn Đạt	1,09	1,09	1,09
160	Đường Tôn Đức Thắng	Ngã tư đường Phan Văn Đạt	Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (thửa đất số 177 và thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70)	1,09	1,09	1,09
161	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ranh Quy hoạch Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang (hết thửa đất số 177 và hết thửa đất số 190, cùng thuộc tờ bản đồ số 70)	Giáp đường Lý Tự Trọng	1,09	1,09	1,09
162	Đường Nguyễn Trãi	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	Đường Hùng Vương + 50 mét	1,09	1,09	1,09
163	Đường Hà Huy Tập	Giáp ranh phường Phước Long (cũ)	Đường Hùng Vương	1,09	1,09	1,09
164	Đường Bùi Viện	Đường Hà Huy Tập	Đường Tôn Thất Đạm	1,09	1,09	1,09
165	Đường Đào Duy Từ	Đường Võ Văn Kiệt	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
166	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Trãi	Đường Tôn Thất Đạm	1,09	1,09	1,09
167	Đường Lý Đạo Thành	Đường Tôn Thất Đạm	Đường QH LKV4	1,09	1,09	1,09
168	Đường Võ Duy Dương	Đường Tôn Thất Đạm	Đường Tăng Bạt Hổ	1,09	1,09	1,09
169	Đường Phan Văn	Đường Tôn Thất	Đường Tăng Bạt	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Đạt	Đạm	Hồ			
170	Đường Trần Khánh Dư	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
171	Đường Tôn Thất Đạm	Đường QHLKV4	Đường Trần Khánh Dư	1,09	1,09	1,09
172	Đường Huyền Trân Công Chúa	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
173	Đường Tăng Bạt Hồ	Đường QHLKV4	Đường Tôn Đức Thắng	1,09	1,09	1,09
174	Đường Lê Chân	Đường Bùi Đắc Tuyên	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
175	Đường Chu Mạnh Trinh	Đường Đào Duy Từ	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
176	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Đào Duy Từ	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
177	Đường Tổng Duy Tân	Đường QHLKV4	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
178	Đường Bùi Đắc Tuyên	Đường Nguyễn Trãi	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
179	Đường Lương Ngọc Quyên	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
180	Đường thuộc Dự án: Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long (cũ)	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
181	Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
182	Đường thuộc dự án Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
183	Đường thuộc dự án Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Nghé xã Phước Tín (cũ) (song song đường ĐT 759)					
184	Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng từ 3,5m trở lên	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
185	Các tuyến đường nhựa, đường bê tông có chiều ngang rộng dưới 3,5m	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
186	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09

Bảng 64. Phường Phước Long

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường 6/1	Giáp đường Lê Văn Duyệt	1,09	1,09	1,09
2	Đường Đinh Tiên Hoàng	Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt	Ngã tư giao đường Trần Quang Khải	1,09	1,09	1,09
3	Đường Đinh Tiên Hoàng	Ngã tư giao đường Trần Quang Khải	Trụ sở UBND phường (cũ)	1,09	1,09	1,09
4	Đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường 6/1	1,09	1,09	1,09
5	Đường 6/1	Ngã ba Nguyễn Tất Thành (giao đường 6/1)	Đường Đinh Tiên Hoàng	1,09	1,09	1,09
6	Đường 6/1	Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng	Tượng đài Chiến thắng	1,09	1,09	1,09
7	Đường 6/1	Tượng đài chiến thắng	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
8	Đường Trần Hưng Đạo	Giao đường Nguyễn Tất Thành	Giao với đường 6/1	1,05	1,05	1,05
9	Đường Trần Hưng Đạo	Giao đường 6/1	Giao với đường Lê Văn A	1,09	1,09	1,09
10	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã Tư Giao với đường Lê Văn A	Hết tuyến đường nhựa Khu phố Long Thủy 4	1,09	1,09	1,09
11	Đường Lê Hồng Phong	Đường Hùng Vương	Đường Lý Thái Tổ	1,11	1,11	1,11
12	Đường Lê Hồng Phong (nói dài)	Đường Lý Thái Tổ	Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 03	1,09	1,09	1,09
13	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Tất Thành (Đường ĐT 741)	Ngã 3 giao đường Tàu Ô	1,09	1,09	1,09
14	Đường Lê Hồng Phong	Ngã 3 giao đường Tàu Ô	Cầu số 3	1,09	1,09	1,09
15	Đường Lê Hồng Phong	Cầu số 3	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	1,11	1,11	1,11
16	Đường Nguyễn Huệ	Tượng đài chiến thắng	Giáp đường Lê Văn Duyệt	1,09	1,09	1,09
17	Đường Nguyễn Huệ	Giao đường Lê Văn Duyệt	Giao đường Lê Hồng Phong	1,09	1,09	1,09
18	Đường Lê Văn A	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09	
19	Đường Trần Quang Khải	Ngã ba đường 6/1	Đường Lê Văn Duyệt	1,09	1,09	1,09
20	Đường Trần Quang Khải	Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt	Ngã ba đường Hồ Long Thủy	1,09	1,09	1,09
21	Đường Cách mạng tháng 8	Tượng đài chiến thắng	Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh	1,09	1,09	1,09
22	Đường Cách mạng tháng 8	Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
23	Đường Hai Bà Trưng	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
24	Đường Tự Do	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
25	Đường Hồ Long Thủy	Ngã tư giáp đường 6/1	Đường Hùng Vương	1,09	1,09	1,09
26	Đường Hồ Long Thủy	Đường Hùng Vương	Ngã ba giáp đường Lý Thái Tô	1,09	1,09	1,09
27	Đường Trần Quốc Toản	Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải	Ngã tư giáp đường Lý Thái Tô	1,09	1,09	1,09
28	Đường Trần Quốc Toản	Giao lộ đường Lê Văn Duyệt	Giao lộ đường Trần Quang Khải	1,09	1,09	1,09
29	Đường Sư Vạn Hạnh	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
30	Đường Lý Thái Tô	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Lê Hồng Phong	1,09	1,09	1,09
31	Đường Lý Thái Tô	Đường Lê Hồng Phong	Cầu An Lương	1,09	1,09	1,09
32	Đường Lê Văn Duyệt	Giao đường Đinh Tiên Hoàng	Giao đường Lý Thái Tô	1,09	1,09	1,09
33	Đường Lê Văn Duyệt	Giao đường Lý Thái Tô	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
34	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Giao đường Đinh Tiên Hoàng	Giao đường Trần Quốc Toản	1,09	1,09	1,09
35	Đường Hàm Nghi	Đường Lý Thái Tô	Ngã ba đường Trần Phú và Lê Văn Duyệt	1,09	1,09	1,09
36	Đường nội bộ khu dân cư y tế khu phố Long Thủy 5	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
37	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Từ thửa đất số 56, tờ bản đồ số 9	Ngã ba giao đường Phạm Hồng Thái	1,09	1,09	1,09
38	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ngã ba đường Phạm Hồng Thái	Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01	1,09	1,09	1,09
39	Đường Nguyễn Văn Cừ	Từ Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 04	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,09	1,09	1,09
40	Đường Trần Phú	Ngã ba đường Hàm Nghi	Đường Trần Hưng Đạo	1,09	1,09	1,09
41	Đường Thanh Niên	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
42	Đường Phan Bội Châu	Ngã ba giáp đường 6/1 và đường Nguyễn Tất Thành	Đường Nguyễn Xí	1,06	1,06	1,06
43	Đường Kim Đồng	Đường Hồ Long Thủy	Đường Nguyễn Văn Giáp	1,09	1,09	1,09
44	Đường Bà Triệu	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
45	Đường Cao Bá Quát	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
46	Đường Phan Đình Giót	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
47	Đường Hoàng Diệu	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
48	Đường Nguyễn Văn	Ngã ba giáp đường	Đường Nguyễn Xí	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Giáp	Hồ Long Thủy				
49	Đường Nguyễn Văn Giáp	Đường Nguyễn Xí	Hết tuyến đường nhựa	1,09	1,09	1,09
50	Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi	Ngã ba giáp đường Trần Quang Khải	Ngã ba giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	1,09	1,09	1,09
51	Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã ba Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m)	Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
52	Đường vào sân vận động	Ngã ba giáp đường Lê Văn Duyệt	Ranh sân vận động	1,09	1,09	1,09
53	Đường Hùng Vương	Từ đường Hồ Long Thủy	Cầu giáp ranh xã Long Giang (cũ)	1,09	1,09	1,09
54	Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
55	Đường Trần Quang Khải (nối dài)	Đường Hồ Long Thủy	Đường Lê Hồng Phong	1,09	1,09	1,09
56	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hết tuyến (thửa đất số 44, tờ bản đồ số 05)	1,09	1,09	1,09
57	Đường Nguyễn Xí	Đường Nguyễn Văn Giáp	Đến hết đường nhựa (giáp ranh bến xe)	1,09	1,09	1,09
58	Đường Cù Chính Lan	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đến hết tuyến	1,09	1,09	1,09
59	Đường Hồ Huân Nghiệp	Đường 6/1	Đến hết tuyến	1,09	1,09	1,09
60	Đường nhựa bên hông sân vận động	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Hồ Long Thủy	1,09	1,09	1,09
61	Đường nhựa đầu nối ra đường bên hông sân vận động	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
62	Đường bên hông công an PCCC	Đường Lý Thái Tổ	Thửa đất số 193, tờ bản đồ số 03	1,09	1,09	1,09
63	Đường Lê Quý Đôn	Giáp đường 6/1	Giáp đường Trần Hưng Đạo	1,09	1,09	1,09
64	Đường Lê Quý Đôn	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết ranh nhà trẻ Tuổi Thơ (thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125)	1,09	1,09	1,09
65	Đường Lê Quý Đôn	Hết ranh nhà trẻ Tuổi Thơ (thửa đất số 12 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 125)	Giáp đường Đinh Công Trứ	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
66	Đường nội ô chợ Phước Long	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường 6/1	1,09	1,09	1,09
67	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 giao đường Võ Văn Kiệt	Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng	1,12	1,12	1,12
68	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng	Cầu Suối Dung	1,09	1,09	1,09
69	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Suối Dung (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 116)	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	1,09	1,09	1,09
70	Đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Tượng Đức Mẹ (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)	1,07	1,07	1,07
71	Đường Nguyễn Tất Thành	Tượng Đức Mẹ (thửa đất số 78, tờ bản đồ số 62)	Cầu Thác Mẹ	1,09	1,09	1,09
72	Đường Nguyễn Tất Thành	Cầu Thác Mẹ	Giáp ranh xã Phú Nghĩa	1,09	1,09	1,09
73	Đường Ngô Quyền	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Giáp đường Lê Quý Đôn	1,09	1,09	1,09
74	Đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp đường Đinh Tiên Hoàng	Giáp đường Trần Hưng Đạo	1,09	1,09	1,09
75	Đường Đinh Công Trứ	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến nhựa hiện hữu (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 122 và thửa đất số 25, tờ bản đồ số 54)	1,09	1,09	1,09
76	Đường Yên Thế	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
77	Đường Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Tất Thành	Đập tràn Thủy điện Thác Mơ	1,09	1,09	1,09
78	Đường Nguyễn Văn Huyền	Giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp đường Trần Hưng Đạo	1,09	1,09	1,09
79	Các tuyến đường bê tông đầu nối trực tiếp ra đường Nguyễn Tất Thành	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
80	Đường nhựa mới mở (đoạn nắn tuyến)	Cầu Thác Mẹ	Đường Nguyễn Tất Thành (hướng đi xã Phú Nghĩa)	1,09	1,09	1,09
81	Đường nhựa (hẻm 178 Nguyễn Tất Thành)	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
82	Đường nhựa cạnh nhà 1552 (đối diện đường Đinh Công Trứ)	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
83	Đường Huỳnh Khương An	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
84	Đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã 3 giao đường Lê Trọng Tấn	1,09	1,09	1,09
85	Đường Võ Văn Kiệt	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57)	1,09	1,09	1,09
86	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh QH khu tái định cư (thửa đất số 73, tờ bản đồ số 57)	Giáp ranh phường Phước Bình (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 57)	1,09	1,09	1,09
87	Đường Lê Trọng Tấn	Ngã ba giao đường Độc Lập	Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65)	1,09	1,09	1,09
88	Đường Lê Trọng Tấn	Ngã ba giao đường hẻm (hết ranh thửa đất số 569, tờ bản đồ số 65)	Ngã ba giao đường Âu Cơ	1,09	1,09	1,09
89	Đường Bà Rá	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
90	Đường Tôn Đức Thắng	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Bình	1,09	1,09	1,09
91	Đường Nguyễn Trãi	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Bình	1,09	1,09	1,09
92	Đường Hoàng Văn Thái	Ngã ba giao đường Độc Lập	Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65)	1,14	1,14	1,14
93	Đường Hoàng Văn Thái	Ngã ba giao đường Sản Xuất (hết ranh thửa đất số 317 và thửa đất số 386, cùng thuộc tờ bản đồ số 65)	Ngã ba giao đường Âu Cơ	1,11	1,11	1,11
94	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba đường nhựa	1,09	1,09	1,09
95	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã ba đường nhựa	Hết 02 nhánh đường nhựa	1,09	1,09	1,09
96	Đường Hà Huy Tập	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Giáp ranh phường Phước Bình	1,09	1,09	1,09
97	Đường Phan Đăng Lưu	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong	1,09	1,09	1,09
98	Đường Âu Cơ	Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư giao đường Lê Hồng Phong	1,09	1,09	1,09
99	Đường Âu Cơ	Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Phước Bình	1,09	1,09	1,09
100	Đường Lạc Long	Ngã ba giao đường	Suối (Hết ranh	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Quân	Lê Hồng Phong (Cầu Số 3)	thửa đất số 610, tờ bản đồ số 66)			
101	Đường Bùi Viện	Đường Hà Huy Tập	Đường Tôn Thất Đạm	1,09	1,09	1,09
102	Đường Tôn Thất Đạm	Đường Bùi Viện	Đường QH liên khu vực IV	1,09	1,09	1,09
103	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	Đường Lê Hồng Phong	1,09	1,09	1,09
104	Đường Lương Văn Can	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
105	Đường Tàu Ô	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Bà Rá	1,09	1,09	1,09
106	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
107	Đường Cao Xuân Huy	Đường Nguyễn Tất Thành	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
108	Đường Phạm Phú Thứ	Đường Nguyễn Trãi	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
109	Các tuyến đường nhựa hẻm đường Hoàng Văn Thái và hẻm đường Lê Trọng Tấn	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
110	Đường Thống Nhất	Giáp ranh phường Phước Bình (cũ) hướng về ngã ba Phước Quả	Đường bê tông (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 104, tờ bản đồ số 93)	1,09	1,09	1,09
111	Đường Thống Nhất	Đường bê tông (thửa đất số 93, tờ bản đồ số 107 và thửa đất số 103, tờ bản đồ số 93)	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 108 và thửa đất số 78, tờ bản đồ số 109	1,09	1,09	1,09
112	Đường Thống Nhất	Thửa đất số 56 và thửa đất số 67, cùng thuộc tờ bản đồ số 109	Hết ranh chợ tạm và hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 114	1,09	1,09	1,09
113	Đường Thống Nhất	Thửa đất số 23 và thửa đất số 64, cùng thuộc tờ bản đồ số 114	Hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 40 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 94	1,09	1,09	1,09
114	Đường Thống Nhất	Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 94 và thửa đất số 6, tờ bản đồ số 115	Giáp ranh xã Phú Trung	1,09	1,09	1,09
115	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba Phước Quả (ngã ba Thống Nhất - Điện Biên	Ngã ba đường bê tông xi măng (hết thửa đất số 172 và	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Phù)	thửa đất số 250, cùng thuộc tờ bản đồ số 86)			
116	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba đường bê tông xi măng (thửa đất số 171 và thửa đất số 218, cùng thuộc tờ bản đồ số 86)	Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế	1,09	1,09	1,09
117	Đường Điện Biên Phủ	Ngã ba Điện Biên Phủ - Yên Thế	Lòng Hồ Thác Mơ	1,09	1,09	1,09
118	Đường Mạc Đăng Dung	Giao ngã 3 giáp đường Thống Nhất	Ngã ba đường bê tông, xi măng (hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 111 và thửa đất số 239, tờ bản đồ số 92)	1,09	1,09	1,09
119	Đường Mạc Đăng Dung	Ngã ba đường bê tông, xi măng (thửa đất số 262 và thửa đất số 231, cùng thuộc tờ bản đồ số 92)	Giáp ranh xã Phú Trung	1,09	1,09	1,09
120	Đường Bạch Đằng	Ngã ba giáp đường Điện Biên Phủ	Giáp lòng hồ Thác Mơ	1,09	1,09	1,09
121	Đường bê tông, xi măng giữa thôn Phước Thiện - Phước Quả	Đường Thống Nhất	Ngã ba đường đất (hết thửa đất số 235 và thửa đất số 163, cùng thuộc tờ bản đồ số 85)	1,09	1,09	1,09
122	Đường Lam Sơn	Cầu số 4	Ngã 3 giao đường Bà Rá	1,05	1,05	1,05
123	Các tuyến đường nhựa, bê tông chưa có ở trên có chiều rộng mặt đường từ 3,5m trở lên	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
124	Các tuyến đường nhựa, bê tông chưa có ở trên có chiều rộng mặt đường dưới 3,5m	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
125	Các tuyến đường giao thông còn lại	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09

Bảng 65. Xã Thuận Lợi

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành)	Đường D1: Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
2	Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành)	Đường D2: Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
3	Khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành)	Đường D3: Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
4	Ngoài khu dân cư Thuận Phú 2, Thuận Phú 1 (đối với đất của các hộ gia đình và cá nhân trên trục đường ĐT 741)	Hết ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc); Thuận Phú 1 (Công Thành)	Giáp ranh phường Bình Phước	1,09	1,09	1,09
5	Đường ĐT 741	Giáp ranh đất khu dân cư Thuận Phú 2 (Công ty Cổ phần Hồng Phúc), Thuận Phú 1 (Công Thành).	Hết ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17)	1,09	1,09	1,09
6	Đường ĐT 741	Giáp ranh thửa đất bà Võ Thị Tuyết Nhi (thửa đất số 218, tờ bản đồ số 17)	Hết ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25)	1,09	1,09	1,09
7	Đường ĐT 741	Giáp ranh thửa đất ông Lê Quốc Phong (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 25)	Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước	1,09	1,09	1,09
8	Đường ĐT 741	Nhà máy nước Thuận Lợi - Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước	- Hết ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178) - Hết ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			đồ số 179)			
9	Đường ĐT 741	- Giáp ranh Công ty TNHH xuất nhập khẩu Cao Nguyên Bình Phước (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 178)- Giáp ranh Công ty TNHH Cao su Thuận Lợi (thửa đất số 17, tờ bản đồ số 179)	- Hết ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173- Hết ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước	1,09	1,09	1,09
10	Đường ĐT 741	- Giáp ranh thửa đất số 22, tờ bản đồ số 173 - Giáp ranh đất Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Huệ Phước	- Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Hết ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160	1,09	1,09	1,09
11	Đường ĐT 741	- Hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 157 - Giáp ranh thửa đất số 62, tờ bản đồ số 160	Giáp ranh giới xã Phú Riêng	1,09	1,09	1,09
12	Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
13	Đường giao thông đầu nối trục đường ĐT741 phạm vi 200m (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
14	Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Công - Thuận Lợi)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
15	Đường ĐT 741 (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
16	Đường giao thông đầu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200 m (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
17	Các tuyến đường còn lại (Dự án KDC Thái Thành - Thuận Lợi)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Đường ĐT 758	Tượng đài Chiến Thắng (đường ĐT 741)	Ngã ba Xí nghiệp chế biến	1,09	1,09	1,09
19	Đường ĐT 758	Ngã ba Xí nghiệp chế biến	Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14)	1,09	1,09	1,09
20	Đường ĐT 758	Hết ranh nhà văn hóa ấp Thuận Phú 3 (Thửa đất số 458; Thửa đất số 320, Tờ bản đồ số 14)	Cầu Sông Bé	1,09	1,09	1,09
21	Đường giao thông giáp phường Bình Phước	Đầu đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 67, tờ bản đồ số 50 (hộ ông Chu Văn Toàn)	1,09	1,09	1,09
22	Đường giao thông nông thôn đầu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
23	Đường giao thông nông thôn đầu nối trục đường ĐT 758 phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
24	Đường kết nối xã Thuận Lợi với xã Phú Riềng	Đường ĐT 758	Giáp ranh xã Phú Riềng	1,09	1,09	1,09
25	Đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Đường ĐT 758	Ngã tư Bảy Thạnh	1,09	1,09	1,09
26	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 163 (giáp ranh nghiệp vụ cao su)	Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 143 (giáp ranh Cao su Phú Riềng Đỏ)	1,09	1,09	1,09
27	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm	Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 147	Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147	1,09	1,09	1,09
28	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tâm	Thửa đất số 274, tờ bản đồ số 147	Thửa đất số 839, tờ bản đồ số 151 (giáp ranh xã Đồng Tâm)	1,09	1,09	1,09
29	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Đồng Tiến	Toàn tuyến		1,11	1,11	1,11
30	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi -	Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 110	Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 114	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Thuận Phú (cũ)					
31	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 113	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 112	1,09	1,09	1,09
32	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 112	Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 111	1,09	1,09	1,09
33	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 111	Thửa đất số 180, tờ bản đồ số 117	1,09	1,09	1,09
34	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 117	Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 125 (ngã tư Bảy Thạnh)	1,09	1,09	1,09
35	Đường giao thông liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú (cũ)	Thửa đất số 213, tờ bản đồ số 125	Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 126 (ranh cao su Thuận Phú)	1,09	1,09	1,09
36	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
37	Đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trải nhựa, bê tông	Toàn tuyến		1,11	1,11	1,11
38	Đường giao thông liên thôn, liên ấp còn lại	Toàn tuyến		1,13	1,13	1,13
39	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09

Bảng 66. Xã Tân Lợi

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 753	Giáp ranh xã Đồng Tâm	Cầu Cự	1,07	1,07	1,07
2	Đường ĐT 753	Cầu Cự	Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27	1,07	1,07	1,07
3	Đường ĐT 753	Hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 27	Giáp ranh Cầu Mã Đà	1,07	1,07	1,07
4	Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ)	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
5	Đường DH Tân Hòa - Tân Lợi	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
6	Đường tuyến số 3	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
7	Đường tuyến số 4	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
8	Đường giao thông nông thôn đầu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, đã được đầu tư nhựa, bê tông xi măng	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
9	Đường giao thông nông thôn đầu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m, chưa được đầu tư nhựa, bê tông xi măng	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
10	Đường Xuyên tâm	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
11	Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ)	Giáp ranh xã Đồng Phú	Tiếp giáp Suối Rạch Bé	1,05	1,05	1,05
12	Đường Đồng Phú - Bình Dương (cũ)	Thửa đất số 394 và 395, Tờ bản đồ số 25	Hết Thửa đất số 19 và 538, Tờ bản đồ số 23	1,05	1,05	1,05
13	Đất đấu giá 07 thửa trong ngã ba ấp Thạch Màng	Thửa đất số 387 đến 393, Tờ bản đồ số 26		1,07	1,07	1,07
14	Đất đấu giá thửa đất số 54, tờ bản đồ số 103			1,07	1,07	1,07
15	Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC xã Tân Hưng cũ	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
16	Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC xã Tân Hòa cũ	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
17	Các tuyến đường còn lại trong khu TTHC xã Tân Lợi cũ	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
18	Các tuyến đường	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	giao thông có kết cấu nhựa, bê tông bề rộng mặt đường từ 5m trở lên					
19	Các tuyến đường giao thông có kết cấu nhựa, bê tông bề rộng mặt đường dưới 5m	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
20	Các tuyến đường còn lại chưa được đầu tư mặt nhựa, bê tông có đầu nối 2 điểm	Toàn tuyến		1,11	1,11	1,11
21	Các tuyến đường còn lại chưa được đầu tư mặt nhựa, bê tông chỉ đầu nối 1 điểm	Toàn tuyến		1,11	1,11	1,11

Bảng 67. Xã Đồng Tâm

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh Phường Bình Phước (cầu 2)	Hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)	1,08	1,08	1,08
2	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Nghĩa Trung (bên trái đường Quốc lộ 14) Hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)	Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122)	1,08	1,08	1,08
3	Đường Quốc lộ 14	Đường bê tông đi vào Đội 4 - Khu dân cư kiểu mẫu ấp Đồng Tiến 4 (Hết thửa đất số 39, tờ bản đồ số 122)	Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100)	1,08	1,08	1,08
4	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh đất Công ty TNHH Nam Anh (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 101) Hết ranh đất cây xăng Cường Đại Phát (hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 100)	Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)	1,08	1,08	1,08
5	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh trường Tiểu học Đồng Tâm (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 229) Đường bê tông vào đội 5, ấp Đồng Tâm 4 (thửa đất số 238, tờ bản đồ số 241)	Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
6	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm 5 (Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 186)	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	1,08	1,08	1,08
7	Khu dân cư Đồng Tiến (ĐT-HOUSE)	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,08	1,08	1,08
8	Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận)	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,08	1,08	1,08
9	Khu dân cư Đồng Tiến (Công ty địa ốc Minh Thuận)	Riêng trục đường chính tiếp giáp khu dân cư (hướng đi Nhà văn hóa Suối Bình)	1,08	1,08	1,08	
10	Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land)	Các đường đầu nối trục tiếp ra đường ĐT 753 (tính cự ly dưới 120m từ đường ĐT 753)	1,08	1,08	1,08	
11	Khu dân cư Tân Phước (Công ty TNHH Sông Tiền Land)	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư		1,08	1,08	1,08
12	Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh	Các đường đầu nối trục tiếp ra đường ĐT 753 (tính cự ly dưới 120m từ đường ĐT 753)	1,08	1,08	1,08	
13	Khu dân cư Thương mại Liên tỉnh	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư		1,08	1,08	1,08
14	Khu dân cư Homeland (công ty TNHH MTV xây dựng Tuấn Thuận)	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,08	1,08	1,08
15	Đường ĐT 753	Giáp ranh Phường Bình Phước	Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 295)	1,08	1,08	1,08
16	Đường ĐT 753	Đường bê tông giáp ranh cây xăng Nhật Quang (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 45)	Giáp ranh Cầu Cứ (giáp xã Tân Lợi)	1,08	1,08	1,08
17	Đường ĐT 753B	Quốc lộ 14	Hết ranh thửa đất số 50, tờ bản đồ số 259	1,08	1,08	1,08

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Đường ĐT 753B	Đoạn còn lại		1,08	1,08	1,08
19	Đường giao thông nông thôn đầu nối trục đường Quốc lộ 14 [đoạn từ giáp ranh phường Bình Phước (Cầu 2) đến hết ranh Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh hướng đi xã Bù Đăng (bên trái đường Quốc lộ 14); hết đường B3 - ranh giữa ấp Cầu 2 và ấp Đồng Tiến 4 (bên phải đường Quốc lộ 14)] trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
20	Đường giao thông nông thôn đầu nối trục đường Quốc lộ 14 (đoạn còn lại) trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
21	Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đầu nối trục đường Quốc lộ 14 trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
22	Đường ĐH Cây số 9 (đường kết nối ngang Quốc lộ 14 với ĐT 755 và nối ĐT 753) đầu nối trục đường Quốc lộ 14 ngoài phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
23	Các tuyến đường trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính xã Đồng Tâm	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
24	Đường Lam Sơn - Tân Phước	Đường ĐT 753B (giáp ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số	Thửa đất số 110, số 155, tờ bản đồ 213 (tiếp giáp đường	1,08	1,08	1,08

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		254)	ĐT 753)			
25	Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi	Quốc lộ 14	Hết thửa đất số 142 (bên phải) và thửa đất số 149 (bên trái), Tờ bản đồ số 229	1,05	1,05	1,05
26	Đường ĐH Đồng Tâm - Thuận Lợi	Đoạn còn lại		1,08	1,08	1,08
27	Đường giao thông nông thôn đầu nối trục đường ĐT 753 phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
28	Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đầu nối trục đường ĐT 753 trong phạm vi 500m	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
29	Đường Thanh Niên, đường ĐH Tân Phước - Đồng Tiến (cũ) đầu nối trục đường ĐT 753 ngoài phạm vi 500m	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
30	Đường Đồng Tiến - Tân Phú (cũ)	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 270	Thửa đất số 209, tờ bản đồ số 290	1,08	1,08	1,08
31	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
32	Đường giao thông có hàng lang lộ giới 14m trở lên tính từ tim đường	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
33	Đường giao thông có hàng lang lộ giới từ 10 - 14m tính từ tim đường	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
34	Đường giao thông liên thôn, liên ấp có kết cấu trải nhựa, bê tông	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
35	Đường giao thông liên thôn, liên ấp còn lại	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
36	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08

Bảng 68. Phường Đồng Phú

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Giáp ranh phường Đồng Xoài	Đường Tô 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha)	1,11	1,11	1,11
2	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tô 99 (Tân Phú cũ, hết ranh đất khu dân cư 17ha)	Hết ranh đất Hạt Kiểm Lâm	1,07	1,07	1,07
3	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Giáp ranh đất Hạt Kiểm Lâm	Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ	1,05	1,05	1,05
4	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Tân Phú cũ	Đường Tô 6 (Tân Phú cũ, đường xuống khu Trưng Đồng Ca)	1,07	1,07	1,07
5	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tô 6 (Tân Phú cũ, đường xuống Khu Trưng Đồng Ca)	Giáp ranh xã Tân Tiến (cũ)	1,05	1,05	1,05
6	Đường ĐT 741	Giáp ranh thị trấn Tân Phú (cũ)	Hết ranh Thửa đất số 74 và số 87, Tờ bản đồ số 222	1,07	1,07	1,07
7	Đường ĐT 741	Giáp ranh Thửa đất số 74, Tờ bản đồ số 222 Đường Tô 32 (Thửa đất số 87, Tờ bản đồ số 222)	Đường Tô 33 (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 222) Đường Tô 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 222)	1,07	1,07	1,07
8	Đường ĐT 741	Đường Tô 33 (Thửa đất số 206, Tờ bản đồ số 222) Đường Tô 28 (Thửa đất số 211, Tờ bản đồ số 222)	Đường Tô 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224) Đường Tô 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)	1,07	1,07	1,07
9	Đường ĐT 741	Đường Tô 27 (Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224) Đường Tô 22 (Thửa đất số 395, Tờ bản đồ số 224)	Đường Tô 23 (Hết ranh Thửa đất số 256, Tờ bản đồ số 224) Đường Tô 18 (Hết ranh Thửa đất số 424, Tờ bản đồ số 224)	1,07	1,07	1,07
10	Đường ĐT 741	Đường Tô 23 (Thửa đất số 388, Tờ bản đồ số 224) Đường Tô 18 (Thửa đất số 275,	Giáp ranh xã Tân Lập (cũ)	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Tờ bản đồ số 224)				
11	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Tân Lập (cũ)	Đường Tô 23B (Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 234)Đường Tô 26B (Thửa đất số 113, Tờ bản đồ số 234)	1,07	1,07	1,07
12	Đường ĐT 741	Đường Tô 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234)	Đường Tô 9 (Thửa đất số 54, Tờ bản đồ số 243)	1,07	1,07	1,07
13	Đường ĐT 741	Đường Tô 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242)	Tiếp giáp ranh Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188)	1,07	1,07	1,07
14	Đường ĐT 741	Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188)	Giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh	1,07	1,07	1,07
15	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
16	Đường Mai Thúc Loan	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
17	Đường Nguyễn Thị Định	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
18	Đường Nguyễn Tất Thành	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
19	Đường Phú Riêng Đỏ	Giáp ranh khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	Đường Tô 29 (Tân Phú cũ)	1,09	1,09	1,09
20	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Tô 29 (Tân Phú cũ)	Đường Nguyễn Văn Linh	1,05	1,05	1,05
21	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Âu Cơ	1,07	1,07	1,07
22	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Âu Cơ	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,07	1,07	1,07
23	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp ranh xã Tân Tiên cũ	1,05	1,05	1,05
24	Đường Lý Nam Đế	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
25	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phú Riêng Đỏ	1,07	1,07	1,07
26	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường ĐT 741)	1,07	1,07	1,07
27	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07
28	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Phú Riêng Đỏ	1,07	1,07	1,07
29	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Phú Riêng Đỏ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			(đường ĐT 741)			
30	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07
31	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
32	Đường Trường Chinh	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Trần Phú	1,07	1,07	1,07
33	Đường Lê Duẩn	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Trần Phú	1,07	1,07	1,07
34	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Thọ	1,07	1,07	1,07
35	Đường Nguyễn Chí Thanh	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
36	Đường khu dân cư 17ha	Đường D1		1,07	1,07	1,07
37	Đường khu dân cư 17ha	Các đường còn lại (trừ đường D6, N8, N9)		1,07	1,07	1,07
38	Đường khu dân cư 17ha	Đường D6		1,07	1,07	1,07
39	Đường khu dân cư 17ha	Đường N8, N9		1,07	1,07	1,07
40	Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến)	Đường D1.A		1,07	1,07	1,07
41	Đường khu dân cư thị trấn Tân Phú (Quang Minh Tiến)	Các đường còn lại trong khu dân cư		1,07	1,07	1,07
42	Khu dân cư Mỹ Khánh Vy	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,07	1,07	1,07
43	Khu dân cư Xuân Hường	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,07	1,07	1,07
44	Khu dân cư Tân Phú I	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,07	1,07	1,07
45	Khu dân cư Tân Phú II	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,07	1,07	1,07
46	Khu dân cư Nhà Máy Nước	Đường trục chính nối ra đường Phạm Ngọc Thạch		1,07	1,07	1,07
47	Khu dân cư Nhà Máy Nước	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư		1,07	1,07	1,07
48	Khu dân cư Hoàn Thành	Các tuyến đường trong khu dân cư		1,07	1,07	1,07
49	Khu dân cư Tân Phú	Các tuyến đường		1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	(khu dân cư Thịnh Trí)	trong khu dân cư				
50	Khu dân cư Ngọc Thảo	Các tuyến đường trong khu dân cư và tiếp giáp với đường giao thông nông thôn		1,07	1,07	1,07
51	Đường Hùng Vương	Đường Lý Nam Đế	Đường Nguyễn Hữu Thọ	1,07	1,07	1,07
52	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Nguyễn Văn Linh	1,07	1,07	1,07
53	Đường Phạm Ngọc Thạch	Cách Mạng Tháng Tám	Đường Phú Riêng Đò	1,07	1,07	1,07
54	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Phú Riêng Đò	Hết ranh khu dân cư Hoàn Thành	1,06	1,06	1,06
55	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp ranh khu dân cư Hoàn Thành	Cầu Bà Mụ	1,07	1,07	1,07
56	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,05	1,05	1,05
57	Đường Tôn Đức Thắng (nối dài)	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh thửa đất số 1159, tờ bản đồ số 19	1,07	1,07	1,07
58	Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Cổng chính Bộ chỉ huy quân sự huyện Đồng Phú	1,07	1,07	1,07
59	Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Ngã ba đường nhựa (hết Thửa đất số 214, 228, Tờ bản đồ số 42)	1,07	1,07	1,07
60	Các đường trong khu hoa viên Quân sự - Kiểm lâm	Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú)	Đường Tô 44 (Tân Phú cũ)	1,07	1,07	1,07
61	Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Hết thửa đất số 57 và số 32, Tờ bản đồ số 43	1,07	1,07	1,07
62	Đường Tân Phú - Tân Phước (Đường vào khu B - khu công nghiệp Bắc Đồng Phú)	Từ ranh Thửa đất số 472, Tờ bản đồ số 21	Hết Thửa đất số 63, Tờ bản đồ số 22	1,07	1,07	1,07
63	Đường đi xã Tân Lợi (đường từ Trung tâm thương mại đến xã Tân Lợi)	Đường Hùng Vương	Hết Thửa đất số 8 và số 9, Tờ bản đồ số 37	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
64	Tuyến đường giao thông trung tâm thôn Dên Dên (đường nhựa)	Cổng Chùa Phật Đà (Thửa đất số 146, 183, Tờ bản đồ số 33)	Cổng chào làng Hải Phòng (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 27)	1,05	1,05	1,05
65	Các tuyến đường giao thông trong thôn Dên Dên (không phân biệt phạm vi)	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
66	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	1,07	1,07	1,07
67	Đường Lê Đại Hành	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	1,07	1,07	1,07
68	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Nhân Tông	Đường Tôn Đức Thắng	1,05	1,05	1,05
69	Đường Ngô Quyền	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	1,05	1,05	1,05
70	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Phú Riềng Đỏ	Đường Tôn Đức Thắng	1,05	1,05	1,05
71	Đường Lý Thái Tổ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Tôn Đức Thắng	1,07	1,07	1,07
72	Đường Lý Tự Trọng	Đường Đinh Bộ Lĩnh	Đường Âu Cơ	1,07	1,07	1,07
73	Đường Âu Cơ	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tôn Đức Thắng	1,09	1,09	1,09
74	Đường Điện Biên Phủ	Đường Âu Cơ	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,07	1,07	1,07
75	Đường Lê Lợi	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Nguyễn Huệ	1,07	1,07	1,07
76	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Trãi	1,07	1,07	1,07
77	Đường Trần Văn Trà	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Nguyễn Huệ	1,07	1,07	1,07
78	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Đại Hành	Đường Ngô Quyền	1,07	1,07	1,07
79	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07
80	Đường Nguyễn Du	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07
81	Đường Chu Văn An	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07
82	Đường Võ Thị Sáu	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
83	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
84	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
85	Đường Lạc Long Quân	Đường Phú Riêng Đò	Đường Tôn Đức Thắng	1,07	1,07	1,07
86	Đường Lạc Long Quân	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến (đảo yếm Sơn Hà)	1,04	1,04	1,04
87	Đường Lê Thái Tông	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
88	Đường Trần Quốc Toản	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
89	Đường Hai Bà Trưng	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
90	Đường An Dương Vương	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
91	Đường Bắc Nam 2	Đường Phạm Ngọc Thạch	Giáp khu dân cư Thịnh Trí	1,07	1,07	1,07
92	Đường Bắc Nam 3	Đường Lạc Long Quân	Đường Nguyễn Hữu Thọ	1,07	1,07	1,07
93	Đường Bắc Nam 4	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài)	1,07	1,07	1,07
94	Đường Bắc Nam 7	Đường Lạc Long Quân	Giáp ranh Thừa đất số 60, Tờ bản đồ số 18	1,07	1,07	1,07
95	Đường Đông Tây 10	Đường Tô 23 nối dài	Giáp ranh thừa đất số 88, tờ bản đồ số 19	1,06	1,06	1,06
96	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường Tôn Đức Thắng (nối dài)	1,07	1,07	1,07
97	Đường Đông Tây 9 (Tổ 23 nối dài)	Đường Tôn Đức Thắng (nối dài)	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
98	Các tuyến đường Tô đầu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Đường Tô 7, 9, 11 (Tân Phú cũ)	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
99	Các tuyến đường Tô đầu nối đường Cách Mạng Tháng Tám: Các tuyến còn lại	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
100	Các tuyến đường Tô đầu nối đường Phú Riêng Đò	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
101	Các tuyến đường Tô đầu nối đường Tôn Đức Thắng	Toàn tuyến		1,13	1,13	1,13
102	Các tuyến đường Tô đầu nối đường Nguyễn Văn Linh	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
103	Các tuyến đường Tô đầu nối đường Hùng Vương	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
104	Đường tuyến số 1	Thửa đất số 73 và số 369, Tờ bản đồ số 176	Hết thửa đất số 79 và số 256, Tờ bản đồ số 205	1,08	1,08	1,08
105	Đường tuyến số 2	Đường ĐT 741	Hết Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231	1,05	1,05	1,05
106	Đường tuyến số 2	Tiếp giáp Thửa đất số 36 và số 70, Tờ bản đồ số 231	Hết Thửa đất số 29 và số 5, Tờ bản đồ số 183	1,07	1,07	1,07
107	Đường tuyến số 3	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Hết ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61	1,07	1,07	1,07
108	Đường tuyến số 3	Từ ranh Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 63 và Thửa đất số 393, Tờ bản đồ số 61	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	1,07	1,07	1,07
109	Đường tuyến số 3	Đất Ban quản lý khu kinh tế tỉnh quản lý (giáp ranh thị trấn Tân Phú cũ)	Cầu Suối Rạt (hết thửa đất số 307 và số 242, Tờ bản đồ số 116)	1,07	1,07	1,07
110	Đường tuyến số 3	Cầu Suối Rạt (Thửa đất số 87 và số 245, Tờ bản đồ số 136)	Giáp ranh xã Tân Lợi (hết Thửa đất số 26 và số 111, tờ bản đồ số 138)	1,05	1,05	1,05
111	Đường tuyến số 4 (Tổ 34, thôn Thắng Lợi)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Đường điện 500KV	1,07	1,07	1,07
112	Đường tuyến số 4 (Tổ 34, Thôn Thắng Lợi)	Đường điện 500KV	Giáp ranh xã Tân Lợi	1,07	1,07	1,07
113	Đường tuyến số 4	Đoạn còn lại	1,07	1,07	1,07	1,07
114	Đường tuyến số 5 (đường nhựa)	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 174	Hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 199	1,07	1,07	1,07
115	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đông Xoài cũ	Giáp ranh phường Bình Phước	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	1,13	1,13	1,13
116	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đông Xoài cũ	Giáp ranh Tân Phú cũ	Giáp ranh xã Tân Lập cũ	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
117	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	Hết thửa đất số 288, tờ bản đồ số 147	1,07	1,07	1,07
118	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 163	Hết thửa đất số 425 và số 46, Tờ bản đồ số 163	1,07	1,07	1,07
119	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 184, tờ bản đồ số 162	Hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 162	1,07	1,07	1,07
120	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 175	Hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 175	1,07	1,07	1,07
121	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài cũ (kết cấu đường trải lớp đá mi)	Thửa đất số 73, Tờ bản đồ số 176	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 205	1,07	1,07	1,07
122	Đường Tô 43 (tiếp giáp với khu dân cư Mỹ Khánh Vy)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (đường ĐT 741)	Tiếp giáp đường Phú Riêng Đò kéo dài tới khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	1,07	1,07	1,07
123	Đường Tô 21 (đường nhựa) (Tân Lập cũ)	Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 237	Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 237	1,07	1,07	1,07
124	Đường Tô 20, 26 và 36 (đường nhựa) (Tân Lập cũ)	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
125	Đường vào Trung tâm hành chính mới xã Tân Tiến cũ	Đầu ranh thửa đất số 403, Tờ bản đồ số 219)	Hết ranh Thửa đất số 8, Tờ bản đồ số 135)	1,07	1,07	1,07
126	Đường giao thông nông thôn đầu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ đường Tô 33 (thửa đất số 206,	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	tờ bản đồ số 221); đường Tô 28 (thửa đất số 211, tờ bản đồ số 221) đến đường Tô 27 (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 224); đường Tô 22 (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m					
127	Đường giao thông nông thôn đầu nối trục đường ĐT 741 [đoạn từ giáp ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 222; giáp ranh thửa đất số 87, tờ bản đồ số 222 đến đường Tô 33 (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 221); đường Tô 28 (thửa đất số 318, tờ bản đồ số 221) và đoạn từ đường Tô 27 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 224); đường Tô 22 (thửa đất số 395, tờ bản đồ số 224) đến hết ranh thửa đất số 256, tờ bản đồ số 224); đường Tô 18 (hết ranh thửa đất số 268, tờ bản đồ số 224)] trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
128	Đường giao thông nông thôn đầu nối trục đường ĐT 741 (đoạn từ Đường Tô 23B (Thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 234) đến Đường Tô 9 (Thửa đất số 17, Tờ bản đồ số 242) và đoạn từ Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 188) đến giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh) trong phạm vi	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	200m					
129	Đường giao thông nông thôn đầu nối trục đường ĐT 741 đoạn còn lại trong phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
130	Đất đấu giá 23 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa)	Thửa đất số 110 đến thửa đất số 124 (trừ thửa đất số 113) và thửa đất số 75, 76, 77, 80, 81, 82, 85, 86, 89, tờ bản đồ số 76		1,07	1,07	1,07
131	Đất đấu giá 2 lô tại khu Chợ xã Tân Lập (đường nhựa)	Thửa đất số 113 và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 76		1,07	1,07	1,07
132	Khu dân cư thôn 9 - Tân Lập.	Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư		1,07	1,07	1,07
133	Đường liên xã Tân Phú - Tân Tiến cũ (đoạn điều chỉnh)	Ranh thị trấn Tân Phú cũ	Đường Tô 47, thôn Thái Dũng	1,07	1,07	1,07
134	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Phú cũ	Toàn tuyến		1,10	1,10	1,10
135	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
136	Đường giao thông liên thôn có kết cấu trải nhựa, bê tông	Toàn tuyến		1,10	1,10	1,10
137	Đường giao thông liên thôn còn lại	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
138	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Tiến và Tân Lập cũ	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

Bảng 69. Phường Lộc Ninh

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Quốc lộ 13	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Tấn Phát	1,07	1,07	1,07
2	Đường Quốc lộ 13	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường Nguyễn Bình	1,07	1,07	1,07
3	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Bình	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	1,07	1,07	1,07
4	Đường Quốc lộ 13	Đường Hùng Vương	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,07	1,07	1,07
5	Đường Quốc lộ 13	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Giáp ranh xã Lộc Tấn	1,07	1,07	1,07
6	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Hết đất cây xăng Minh Tú	1,07	1,07	1,07
7	Đường Quốc lộ 13	Giáp đất cây xăng Minh Tú	Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái	1,07	1,07	1,07
8	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	1,07	1,07	1,07
9	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	1,07	1,07	1,07
10	Đường 7 tháng 4	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba đường Điện Biên Phủ	1,07	1,07	1,07
11	Đường 7 tháng 4	Ngã ba đường Điện Biên Phủ	Đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07
12	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba Sơn Hà	1,07	1,07	1,07
13	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Ngã ba Sơn Hà	Hết tuyến (Qua hố bom Làng 10)	1,07	1,07	1,07
14	Đường Điện Biên Phủ	Đường 7 tháng 4	Giáp cầu Ông Kỳ	1,07	1,07	1,07
15	Đường Điện Biên Phủ	Giáp cầu Ông Kỳ	Đường Lê Lợi	1,07	1,07	1,07
16	Đường Điện Biên Phủ	Đường Lê Lợi	Hết đường nhựa	1,07	1,07	1,07
17	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	1,07	1,07	1,07
18	Đường 3 tháng 2	Đường Nguyễn Tấn Thành	Đường Trần Văn Trà	1,07	1,07	1,07
19	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Văn Trà	Hết tuyến	1,07	1,07	1,07
20	Đường Hùng Vương	Đường Quốc lộ 13	Đường 7 tháng 4	1,07	1,07	1,07
21	Đường Hùng Vương	Đường 7 tháng 4	Đường Đồng Khởi	1,07	1,07	1,07
22	Đường Hùng Vương	Đường Đồng Khởi	Đường Huỳnh Văn Nghệ	1,07	1,07	1,07
23	Hẻm đường Hùng Vương	Đường 7 tháng 4	Đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
24	Đường khu phố Ninh Thái	Đường Huỳnh Tấn Phát	Giáp ranh xã Lộc Thái cũ	1,07	1,07	1,07
25	Đường ven suối	Đầu ranh đất Trường Sao Mai mới	Cầu ngập	1,07	1,07	1,07
26	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
27	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nơ Trang Long	Đường Lê Hồng Phong	1,05	1,05	1,05
28	Đường Huỳnh Tấn Phát	Đường Quốc lộ 13	Công sau nhà máy chế biến mù	1,07	1,07	1,07
29	Đường Huỳnh Tấn Phát	Công sau nhà máy chế biến mù	Đường Quốc lộ 13	1,07	1,07	1,07
30	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Đồng Khởi	Đường Điện Biên Phủ	1,07	1,07	1,07
31	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường 3 tháng 2	1,07	1,07	1,07
32	Đường Lê Lợi	Giáp xã Lộc Thuận cũ	Đường Nguyễn Trãi	1,07	1,07	1,07
33	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Trãi	Hết tuyến	1,07	1,07	1,07
34	Đường Lý Thái Tổ	Đường Quốc lộ 13	Đường Nơ Trang Long	1,07	1,07	1,07
35	Đường Lý Thái Tổ	Đường Nơ Trang Long	Ngã ba hồ Bom Làng 10	1,07	1,07	1,07
36	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba hồ Bom Làng 10	Giáp ranh xã Lộc Tấn	1,07	1,07	1,07
37	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	1,07	1,07	1,07
38	Đường Lý Tự Trọng	Đường Hùng Vương	Đường 7 tháng 4	1,07	1,07	1,07
39	Đường Ngô Quyền	Đường Quốc lộ 13	Hết tuyến	1,07	1,07	1,07
40	Đường Nguyễn Bính	Đường Quốc lộ 13	Cuối đường	1,07	1,07	1,07
41	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Đường 7 tháng 4	Đường Huỳnh Tấn Phát	1,07	1,07	1,07
42	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cầu ngập	Đường Trần Hưng Đạo	1,07	1,07	1,07
43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường 7 tháng 4	Đường Đồng Khởi	1,07	1,07	1,07
44	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Giáp hẻm số 39	1,07	1,07	1,07
45	Đường Nguyễn Du	Giáp hẻm số 39	Giáp ngã ba đi xã Lộc Hiệp cũ	1,07	1,07	1,07
46	Đường Nguyễn Huệ	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
47	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
48	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Quốc lộ 13	Đường Nơ Trang Long	1,07	1,07	1,07
49	Đường Nguyễn Tất	Đường Nơ Trang	Giáp ranh xã Lộc	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Thành	Long	Thiện cũ			
50	Đường Nguyễn Thị Định	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
51	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường 3 tháng 2	1,07	1,07	1,07
52	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ	1,07	1,07	1,07
53	Đường Nguyễn Văn Cừ	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
54	Đường Nguyễn Văn Linh	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
55	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Quốc lộ 13	Cuối đường	1,07	1,07	1,07
56	Đường Nơ Trang Long	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Lý Thái Tổ	1,07	1,07	1,07
57	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Du	1,07	1,07	1,07
58	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lý Thường Kiệt	Giáp đường Lộc Tấn	1,07	1,07	1,07
59	Đường Phan Bội Châu	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Thuận cũ	1,07	1,07	1,07
60	Đường Phan Bội Châu	Ngã tư Biên Phòng	Cầu ông Năm Tài	1,07	1,07	1,07
61	Đường Phan Bội Châu	Cầu ông Năm Tài	Hết ranh đất lô Cao Su	1,07	1,07	1,07
62	Đường Phan Chu Trinh	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Tấn	1,07	1,07	1,07
63	Đường Phan Chu Trinh	Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ	Đường Nguyễn Tất Thành	1,07	1,07	1,07
64	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Quốc lộ 13	Đường Nguyễn Văn Linh	1,07	1,07	1,07
65	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Văn Linh	Cuối đường	1,07	1,07	1,07
66	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 7 tháng 4	Hết đất bà Thanh Tề	1,07	1,07	1,07
67	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đất bà Thanh Tề	Đường Quốc lộ 13	1,07	1,07	1,07
68	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
69	Đường Trần Quốc Toản	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
70	Đường Trần Văn Trà	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
71	Đường Trương Công Định	Đường Nơ Trang Long	Đường Lê Hồng Phong	1,07	1,07	1,07
72	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7 trong khu quy hoạch khu dân cư thị trấn (cũ)	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
73	Đường kè suối cầu Lò Heo	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 26	1,07	1,07	1,07
74	Đường từ cầu Ông Kỳ đi công sau nhà máy chế biến cao su Lộc Ninh	Đường Điện Biên Phủ	Đường Huỳnh Tấn Phát	1,07	1,07	1,07
75	Các tuyến đường nội bộ trong khu đô thị Trung tâm hành chính - Thương mại - Dịch vụ dân cư huyện Lộc Ninh (cũ)	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
76	Đường D1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Phú	1,07	1,07	1,07
77	Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Nguyễn Bình	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
78	Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Trường tiểu học Lộc Ninh A	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
79	Đường Phan Châu Trinh	Ngã tư Biên Phòng	Ngã ba đường Nguyễn Huệ	1,07	1,07	1,07
80	Đường Phan Châu Trinh	Ngã ba đường Nguyễn Huệ	Giáp ranh xã Lộc Thiện cũ	1,07	1,07	1,07
81	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba mới	Ngã ba cầu Đò	1,07	1,07	1,07
82	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba cầu Đò	Ngã ba cuối trường cấp III	1,07	1,07	1,07
83	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba cuối trường cấp III	Ranh xã Lộc Khánh cũ	1,07	1,07	1,07
84	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba nhà ông Lân	Ngã ba nhà ông Sáu Thu	1,07	1,07	1,07
85	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba nhà ông Sáu Thu	Giáp đường liên xã	1,07	1,07	1,07
86	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba cũ (xóm bung)	Cầu Đò	1,07	1,07	1,07
87	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Cầu Đò	Đền ranh Lộc Ninh - Lộc Hưng	1,07	1,07	1,07
88	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn	Ngã ba Năm Bé	Nhà văn hóa ấp 3 (Cũ: Ngã ba Hai Thư) - Nhà văn hóa ấp 3 mới	1,07	1,07	1,07
89	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Tấn	Nhà văn hóa ấp 3 mới	Giáp ranh xã Lộc Tấn	1,07	1,07	1,07
90	Đường liên xã Lộc	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Ninh - Lộc Hưng					
91	Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3	Giáp đường Quốc lộ 13	Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130	1,07	1,07	1,07
92	Đường liên thôn Lộc Thái 1 - Lộc Thái 3	Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 130	Hết tuyến	1,07	1,07	1,07
93	Đường tránh Quốc lộ 13	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
94	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh xã Lộc Hưng	Hết đất cây xăng Minh Tú	1,07	1,07	1,07
95	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Hết đất cây xăng Minh Tú	Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái	1,07	1,07	1,07
96	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Hết ranh đất Ngân hàng Agribank Lộc Thái	Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	1,07	1,07	1,07
97	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Hết ranh đất nhà nghỉ Trung Thành	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	1,07	1,07	1,07
98	Đường khu 1 - Đoạn 1	Thửa đất số 2	Thửa đất số 18	1,07	1,07	1,07
99	Đường khu 1 - Đoạn 2	Thửa đất số 3	Thửa đất số 19	1,07	1,07	1,07
100	Đường khu 2	Thửa đất số 21	Thửa đất số 29	1,07	1,07	1,07
101	Đường khu 3	Thửa đất số 30	Thửa đất số 43	1,07	1,07	1,07
102	Đường khu 4 - Đoạn 1	Thửa đất số 44	Thửa đất số 69	1,07	1,07	1,07
103	Đường khu 4 - Đoạn 2	Thửa đất số 45	Thửa đất số 68	1,07	1,07	1,07
104	Đường khu 5	Thửa đất số 70	Thửa đất số 81	1,07	1,07	1,07
105	Đường khu 6	Thửa đất số 82	Thửa đất số 106	1,07	1,07	1,07
106	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Quang	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Cầu Bù Linh	1,07	1,07	1,07
107	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã ba đội 2, Nông trường VII	Ngã ba đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng tại thửa đất số 802, tờ bản đồ số 83	1,07	1,07	1,07
108	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã 3 Công an xã tại thửa 26 tờ bản	Giáp ranh xã Lộc Hưng tại thửa đất	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		117	số 352, tờ bản đồ 120			
109	Đường liên xã Lộc Ninh - Lộc Hưng	Ngã 4 đất công ty cao su tại thửa 41 tờ bản 78	Ngã 3 Tam Lang tại thửa đất số 57, tờ bản đồ 83	1,07	1,07	1,07
110	Đường kè suối Lộc Ninh	Cầu chế biến Lộc Ninh	Cầu đò xã Lộc Hưng	1,05	1,05	1,05
111	Đường kè suối Cầu Mua	Cầu mua thôn Lộc Thái 3	Nhà ông Năng	1,05	1,05	1,05
112	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư nhựa có độ rộng mặt đường $\geq 3,5m$			1,07	1,07	1,07
113	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) đã được đầu tư bê tông có độ rộng mặt đường $\geq 3,5m$			1,06	1,06	1,06
114	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) chưa được đầu tư bê tông vẫn còn đường đất (hoặc rải sỏi) có độ rộng mặt đường $\geq 3,5m$			1,07	1,07	1,07
115	Những con đường chưa đặt tên trong khu quy hoạch tại thị trấn Lộc Ninh (cũ) có độ rộng mặt đường $< 3,5m$ không phân biệt bê tông hoặc đường đất			1,07	1,07	1,07
116	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5 m trở lên			1,09	1,09	1,09
117	Các tuyến đường còn lại			1,07	1,07	1,07

Bảng 70. Xã Lộc Thành

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê)	Ngã tư Đồng Tâm	1,05	1,05	1,05
2	Đường ĐT 754	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	1,07	1,07	1,07
3	Đường ĐT 754	Cầu số 1	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	1,07	1,07	1,07
4	Đường ĐT 754	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	Giáp ranh Campuchia	1,07	1,07	1,07
5	Đường ĐT 754	Ngã ba công Khu di tích Tà Thiêt	Giáp ranh tỉnh Tây Ninh	1,07	1,07	1,07
6	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thuộc địa bàn xã Lộc Thịnh (cũ)		1,05	1,05	1,05
7	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43	1,07	1,07	1,07
8	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 16, 17; tờ bản đồ số 43	Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16	1,07	1,07	1,07
9	Đường Quốc lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 90, 104; tờ bản đồ số 16	Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ)	1,07	1,07	1,07
10	Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (cũ)	Ngã tư Đồng Tâm	Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ)	1,05	1,05	1,05
11	Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Thành (cũ)	Ngã ba Lộc Thành - Lộc Thịnh	Giáp ranh xã Lộc Thành	1,05	1,05	1,05
12	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh thị xã Bình Long (cũ) (Cầu Cần Lê)	Ngã tư Đồng Tâm	1,07	1,07	1,07
13	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	1,07	1,07	1,07
14	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Cầu số 1	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	1,07	1,07	1,07
15	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính	Giáp đường nhựa khu tái định cư Phước Hòa	Giáp ranh Vương quốc Campuchia	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	từ HLLG)					
16	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Ngã ba công Khu di tích Tà Thiết	Giáp ranh tỉnh Tây Ninh	1,07	1,07	1,07
17	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng	Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34	1,07	1,07	1,07
18	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng	Thửa đất số 45, 151; tờ bản đồ số 34	Ngã ba cây xăng Lộc Thành	1,07	1,07	1,07
19	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Hưng	Ngã ba cây xăng Lộc Thành	Giáp ranh xã Lộc Hưng	1,07	1,07	1,07
20	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thiện (cũ)	Ngã ba cây xăng Lộc Thành	Giáp ranh xã Lộc Thiện (cũ)	1,07	1,07	1,07
21	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Lộc Bình	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	1,07	1,07	1,07
22	Đường qua trung tâm xã Lộc Thành	Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1	Nhà văn hóa ấp Kliêu	1,07	1,07	1,07
23	Đường liên ấp	Nhà văn hóa ấp Kliêu	Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao	1,07	1,07	1,07
24	Đường liên ấp	Ngã ba nhà ông Lâm Kh Lao	Trại heo Huy Anh (Lộc Ninh 5)	1,07	1,07	1,07
25	Đường liên ấp	Nhà văn hóa ấp Tà Tê 1	Đập nước Tà Tê	1,07	1,07	1,07
26	Đường liên ấp	Ngã ba nhà ông Mã Hữu Kỳ	Thửa đất số 63, 65 tờ bản đồ số 37	1,07	1,07	1,07
27	Đường liên ấp	Xưởng đũa Lộc Hà	Giáp đường liên ấp Tà Tê 1 - Tà Tê 2	1,07	1,07	1,07
28	Đường liên ấp Tà Tê 2	Đập nước Tà Tê 2	Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á)	1,07	1,07	1,07
29	Đường liên ấp (đường công chào ấp Tân Bình 1)	Công chào ấp Tân Bình 1	Đội 4 nông trường cao su Lộc Ninh	1,07	1,07	1,07
30	Đường nhựa Tân Bình 1	Thửa số 05, tờ bản đồ số 10	Thửa số 24, tờ bản đồ số 10	1,07	1,07	1,07
31	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5m trở lên			1,08	1,08	1,08
32	Các tuyến đường còn lại			1,05	1,05	1,05

Bảng 71. Xã Lộc Hưng

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ)	Cầu Sóc Lớn	1,07	1,07	1,07
2	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ)	Cầu Sóc Lớn	Hết ranh đất Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	1,07	1,07	1,07
3	Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ)	Giáp ranh Trường mẫu giáo Tuổi Thơ	Hết ranh đất Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh	1,07	1,07	1,07
4	Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thịnh (cũ)	Giáp ranh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lộc Khánh	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	1,07	1,07	1,07
5	Đường liên xã Lộc Khánh - Lộc Thái (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Khánh - xã Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Ủy ban nhân dân xã Lộc Khánh (cũ)	1,07	1,07	1,07
6	Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ)	Ngã ba áp Sóc Lớn - Ba Ven	Cầu Ba Ven	1,07	1,07	1,07
7	Đường Lộc Khánh đi xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ)	Cầu Ba Ven	Giáp ranh xã An Khương, thị xã Bình Long (cũ)	1,07	1,07	1,07
8	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Thái - xã Lộc Điền	Cầu Ông Đô	1,07	1,07	1,07
9	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Cầu Ông Đô	Ngã ba Trường tiểu học A (Đi áp 8)	1,07	1,07	1,07
10	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Điền (cũ)	Nhà máy hạt điều Lộc Thái	Nhà thờ Lộc Điền	1,07	1,07	1,07
11	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Thuận (cũ)	Ngã ba nghĩa địa áp 2 Lộc Điền	Giáp ranh xã Lộc Thuận (cũ)	1,07	1,07	1,07
12	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ)	Giáp Trường tiểu học A	Giáp ranh lô cao su	1,07	1,07	1,07
13	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (cũ)	Giáp ranh lô cao su	Giáp xã Lộc Quang (cũ)	1,07	1,07	1,07
14	Đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh (cũ)	Ngã ba Trường tiểu học Lộc Điền A	Giáp ranh xã Lộc Điền - xã Lộc Khánh (cũ)	1,07	1,07	1,07
15	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư Đồng Tâm	Giáp ranh đất cây xăng Lộc Phát (Thửa đất số 388, tờ bản đồ số 20)	1,07	1,07	1,07
16	Đường Quốc lộ 13	Cây xăng Lộc Phát	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
17	Đường ĐT 754	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	1,07	1,07	1,07
18	Đường ĐT 754	Cầu số 1	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	1,07	1,07	1,07
19	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành	Ngã ba Giáng Hương	Cổng Bẫy Phụng	1,07	1,07	1,07
20	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành	Cổng Bẫy Phụng	Giáp ranh xã Lộc Thành	1,07	1,07	1,07
21	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ)	Đường Quốc Lộ 13	Ngã ba Đường vào ấp 7 (Hết ranh nhà bà Đỗ Thị Dung)	1,07	1,07	1,07
22	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Đường vào ấp 7 (giáp ranh nhà bà Đỗ Thị Dung)	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	1,07	1,07	1,07
23	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ)	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu Suối 1	1,07	1,07	1,07
24	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh (cũ)	Cầu Suối 1	Giáp ranh xã Lộc Khánh (cũ)	1,07	1,07	1,07
25	Đường tránh Quốc lộ 13	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	1,07	1,07	1,07
26	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường Quốc Lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) - trừ các tuyến đường đã có trong bảng giá	Ngã tư Đồng Tâm	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	1,06	1,06	1,06
27	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) - trừ các tuyến đường đã có trong bảng giá	Ngã tư Đồng Tâm	Cầu số 1	1,07	1,07	1,07
28	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 754 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG) - trừ các tuyến đường đã có trong bảng giá	Cầu số 1	Giáp ranh xã Lộc Thịnh (cũ)	1,07	1,07	1,07
29	Các tuyến đường giao thông nông thôn có mặt đường từ 3,5m trở lên			1,07	1,07	1,07
30	Các tuyến đường còn lại			1,07	1,07	1,07

Bảng 72. Xã Lộc Tấn

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Phan Chu Trinh	Thuộc địa bàn xã Lộc Thiện (cũ)		1,06	1,06	1,06
2	Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 106	Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114	1,06	1,06	1,06
3	Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 114	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112	1,06	1,06	1,06
4	Đường liên xã Lộc Thiện - thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 112	Thửa đất số 159, tờ bản đồ số 116	1,06	1,06	1,06
5	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành (cũ)	Hết đất Ủy ban xã Lộc Thiện (cũ)	Ngã ba Lộc Bình	1,05	1,05	1,05
6	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thái (cũ)	Ngã ba Lộc Bình	Giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	1,06	1,06	1,06
7	Đường làng 10 Lộc Thiện (cũ)	Ngã ba hó Bom	Cổng chào K54	1,08	1,08	1,08
8	Đường áp K54	Cổng chào K54	Nghĩa trang K54	1,06	1,06	1,06
9	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (cũ)	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh - xã Lộc Thái (cũ)	Ngã tư Mũi Tôn	1,05	1,05	1,05
10	Đường nhựa	Ngã ba hó Bom	Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 94	1,06	1,06	1,06
11	Đường nhựa	Nhà ông Thái Tài	Nhà máy điều Hoàng Chuẩn	1,06	1,06	1,06
12	Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á)	Giáp ranh xã Lộc Thành	Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87	1,05	1,05	1,05
13	Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 308, tờ bản đồ số 87	Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87	1,06	1,06	1,06
14	Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 87	Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87	1,06	1,06	1,06
15	Đường Quốc Lộ 14C (đường Xuyên Á)	Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 87	Hết ranh xã Lộc Tấn	1,06	1,06	1,06
16	Đường đi Tà Nôt	Ngã tư Mũi Tôn	Ngã ba Biên Giới (Đội 3)	1,06	1,06	1,06
17	Đường đi Tà Nôt	Ngã ba Biên Giới (Đội 3)	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
18	Đường nhựa	Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 105	Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 99	1,06	1,06	1,06
19	Đường nhựa	Cổng bản giáp ranh xã Lộc Thái (cũ)	Cổng chào áp 11A	1,06	1,06	1,06
20	Đường nhựa	Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 103	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 102	1,06	1,06	1,06

21	Đường nhựa	Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 84	Thửa đất số 428, tờ bản đồ số 84	1,06	1,06	1,06
22	Đường nhựa	Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 98	Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 98	1,05	1,05	1,05
23	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22- Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	1,09	1,09	1,09
24	Đường Quốc lộ 13	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	Ngã ba liên ngành	1,06	1,06	1,06
25	Đường Quốc lộ 13	Ngã ba liên ngành	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	1,06	1,06	1,06
26	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Thạnh (cũ)	1,06	1,06	1,06
27	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Ngã ba liên ngành	Giáp ranh Lộc Hiệp (cũ)	1,06	1,06	1,06
28	Đường liên xã Lộc Tân - Thị trấn Lộc Ninh (cũ)	Nhà hàng Sơn Hà	Ngã ba hố bom làng 10	1,06	1,06	1,06
29	Đường liên xã Lộc Tân - Lộc Thạnh	Ngã ba nhà hát cũ	Cổng làng 9 Lộc Thạnh	1,06	1,06	1,06
30	Đường 13	Cầu suối 2	Đường tuần tra biên giới	1,06	1,06	1,06
31	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh thị trấn Lộc Ninh (cũ)	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	1,06	1,06	1,06
32	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	- Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 22 - Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 51	Ngã ba liên ngành	1,05	1,05	1,05
33	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Ngã ba liên ngành	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	1,06	1,06	1,06
34	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ)	Giáp ranh xã Lộc Thạnh	1,06	1,06	1,06
35	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5m trở lên			1,09	1,09	1,09
36	Các tuyến đường còn lại			1,08	1,08	1,08

Bảng 73. Xã Lộc Thạnh

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh xã Lộc Tân	Trạm kiểm soát Hoa Lư	1,08	1,08	1,08
2	Đường nhựa vào Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (cũ)	Đường Quốc lộ 13	Hết ranh đất Trạm y tế xã (cũ)	1,08	1,08	1,08
3	Đường nhựa	Ngã ba áp 8A	Hết ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ)	1,08	1,08	1,08
4	Đường nhựa	Giáp ranh đất Chợ xã Lộc Hòa (cũ)	Cổng chào áp 7	1,08	1,08	1,08
5	Đường nhựa	Cổng chào Nhà văn hóa áp Thạnh Trung	Hết ranh đất trường Trung học cơ sở Lộc Thạnh	1,08	1,08	1,08
6	Các tuyến đường nhựa trong khu dân cư trung tâm cụm xã (cũ)			1,08	1,08	1,08
7	Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ)	Giáp ranh đất Trạm y tế xã (cũ)	Ngã ba nhà Huyện Thông	1,08	1,08	1,08
8	Đường liên xã Lộc Hòa - Lộc An (cũ)	Ngã ba nhà Huyện Thông	Cổng chào áp 6	1,05	1,05	1,05
9	Đường liên xã Lộc Tân - Lộc Thạnh	Cổng làng 9 (giáp ranh xã Lộc Tân)	Đường Quốc lộ 13 (giáp ranh xã Lộc Hòa (cũ))	1,08	1,08	1,08
10	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường Quốc lộ 13 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Giáp ranh xã Lộc Tân	Trạm kiểm soát Hoa Lư	1,08	1,08	1,08
11	Đường 13B (đường ĐT 754C)	Ngã ba Chiu Riu	Cầu suối 2	1,08	1,08	1,08
12	Đường 13B (đường ĐT 754C)	Cầu suối 2	Giáp đường tuần tra biên giới	1,08	1,08	1,08
13	Các đường giao thông theo quy hoạch xây dựng vùng lõi khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc lộ 13)			1,08	1,08	1,08
14	Các đường vành đai, đường ngang và đường dọc trong khu quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư (trừ các đường nằm trong đoạn Quốc Lộ			1,08	1,08	1,08

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	13)					
15	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5m trở lên			1,08	1,08	1,08
16	Các tuyến đường còn lại			1,08	1,08	1,08

Bảng 74. Xã Lộc Quang

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 756	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	1,06	1,06	1,06
2	Đường ĐT 756	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	1,06	1,06	1,06
3	Đường ĐT 756	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	1,11	1,11	1,11
4	Đường ĐT 756	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83	1,05	1,05	1,05
5	Đường ĐT 756	Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	1,06	1,06	1,06
6	Đường ĐT 756	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	1,06	1,06	1,06
7	Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Thuận (cũ)	Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20	1,06	1,06	1,06
8	Đường nhựa liên ấp Soor Rung, Tân Lợi, Tân Hai	Công chào Tân Hai	Giáp Đường ĐT 756	1,05	1,05	1,05
9	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Thuận (cũ)	Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 23	Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 60	1,06	1,06	1,06
10	Đường nhựa liên ấp Tân Hai	Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 6	Thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3	1,07	1,07	1,07
11	Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Phú (cũ)	Thửa đất số 444, tờ bản đồ số 6	Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 7	1,06	1,06	1,06
12	Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Thuận (cũ)	Thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 20	1,06	1,06	1,06
13	Đường nhựa vào Trường mẫu giáo Lộc Quang	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88	Thửa đất số 195, tờ bản đồ số 69	1,06	1,06	1,06
14	Đường nhựa vào Công an xã Lộc Quang	Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 88	Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 67	1,06	1,06	1,06
15	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	1,06	1,06	1,06
16	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	1,06	1,06	1,06
17	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Đường ĐT 759B (đường Quốc lộ 13 - đường Hoàng Diệu cũ)	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36	1,06	1,06	1,06
19	Các tuyến đường nhựa trong khu quy hoạch trung tâm cụm xã	Toàn tuyến	Toàn tuyến	1,06	1,06	1,06
20	Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A	Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49	Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55	1,06	1,06	1,06
21	Đường nhựa liên ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A	Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 267, tờ bản đồ số 24	1,06	1,06	1,06
22	Đường nhựa quanh hồ cầu trắng	Toàn tuyến	Toàn tuyến	1,06	1,06	1,06
23	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ)	Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41	1,06	1,06	1,06
24	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc An (cũ)	Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 35	1,06	1,06	1,06
25	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ)	Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62	1,06	1,06	1,06
26	Đường liên xã Lộc Hiệp - Lộc Phú (cũ)	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 62	Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 63	1,06	1,06	1,06
27	Đường bê tông trong khu phân lô bán đấu giá ấp Hiệp Hoàn	Toàn tuyến	Toàn tuyến	1,06	1,06	1,06
28	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 23	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	1,06	1,06	1,06
29	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	1,06	1,06	1,06
30	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	1,06	1,06	1,06
31	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 759B trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 41	Thửa đất số 344, tờ bản đồ số 36	1,05	1,05	1,05
32	Các tuyến đường đầu	Thửa đất số 82, tờ	Thửa đất số 150, tờ	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	bản đồ số 8	bản đồ số 22			
33	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	1,06	1,06	1,06
34	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 281, tờ bản đồ số 5	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	1,06	1,06	1,06
35	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 68	Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 83	1,06	1,06	1,06
36	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 385, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	1,06	1,06	1,06
37	Các tuyến đường đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 756 trong phạm vi 200m (tính từ HLLG)	Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 54	Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 8	1,06	1,06	1,06
38	Đường liên xã Lộc Quang - Lộc Ninh	Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 60	Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 51	1,05	1,05	1,05
39	Các tuyến đường nhựa còn lại từ 3m trở lên	Toàn tuyến	Toàn tuyến	1,06	1,06	1,06
40	Các tuyến đường giao thông nông thôn có bề rộng đường theo bản đồ địa chính từ 3,5m trở lên			1,06	1,06	1,06
41	Các tuyến đường còn lại			1,06	1,06	1,06

Bảng 75. Phường Tân Khai

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Quốc lộ 13	Ranh giới xã Tân Khai - Phường Bình Long	Trạm thu phí	1,06	1,06	1,06
2	Đường Quốc lộ 13	Trạm thu phí	Điểm đầu cây xăng Tân Kiệt	1,06	1,06	1,06
3	Đường Quốc lộ 13	Điểm đầu cây xăng Tân Kiệt	Hết ranh đất cây xăng ĐVT	1,06	1,06	1,06
4	Đường Quốc lộ 13	Giáp ranh đất cây xăng ĐVT	Ranh giới xã Tân Khai - Phường Minh Hưng	1,06	1,06	1,06
5	Đường Trục Chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 10	Ngã tư giao đường Đông Tây 7	1,06	1,06	1,06
6	Đường Trục Chính Bắc Nam	Ngã tư giao đường Đông Tây 7	Vòng xoay ngã năm giao đường Đông Tây 15	1,06	1,06	1,06
7	Đường Trục Chính Bắc Nam	Đoạn còn lại		1,06	1,06	1,06
8	Đường Bắc Nam 1	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
9	Đường Bắc Nam 1a	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
10	Đường Bắc Nam 1b	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
11	Đường Bắc Nam 2	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
12	Đường Bắc Nam 3	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
13	Đường Bắc Nam 4	Đường Đông Tây 1	Đường Đông Tây 7	1,06	1,06	1,06
14	Đường Bắc Nam 4a	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
15	Đường Bắc Nam 4b	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
16	Đường Bắc Nam 5	Đường Đông Tây 1	Đường Đông Tây 7	1,06	1,06	1,06
17	Đường Bắc Nam 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	1,06	1,06	1,06
18	Đường Bắc Nam 5b	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	1,06	1,06	1,06
19	Đường Bắc Nam 5c	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Đông Tây 7	1,06	1,06	1,06
20	Đường Bắc Nam 12	Đường ĐT 756C	Ngã tư Đường vào cầu Huyện ủy	1,06	1,06	1,06
21	Đường Trục chính Đông Tây	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
22	Đường Đông Tây 1	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	1,06	1,06	1,06
23	Đường Đông Tây 1	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã tư giao đường Bắc Nam 7	1,06	1,06	1,06
24	Đường Đông Tây 2	Ngã ba tiếp giáp	Ngã tư giao đường	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		đường Bắc Nam 1	trục chính Bắc Nam			
25	Đường Đông Tây 2	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	1,06	1,06	1,06
26	Đường Đông Tây 3	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	1,06	1,06	1,06
27	Đường Đông Tây 3	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	1,06	1,06	1,06
28	Đường Đông Tây 4	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
29	Đường Đông Tây 4a	Ngã ba tiếp giáp Đường Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	1,06	1,06	1,06
30	Đường Đông Tây 4b	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	1,06	1,06	1,06
31	Đường Đông Tây 4c	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 5	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	1,06	1,06	1,06
32	Đường Đông Tây 5	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	1,06	1,06	1,06
33	Đường Đông Tây 5a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	1,06	1,06	1,06
34	Đường Đông Tây 6	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường trục chính Bắc Nam	1,06	1,06	1,06
35	Đường Đông Tây 6a	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 2	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 3	1,06	1,06	1,06
36	Đường Đông Tây 7	Ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	1,06	1,06	1,06
37	Đường Đông Tây 7	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	1,06	1,06	1,06
38	Đường Đông Tây 9	Đường Quốc lộ 13	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	1,06	1,06	1,06
39	Đường Đông Tây 9	Ngã tư giao đường trục chính Bắc Nam	Ngã ba tiếp giáp đường Bắc Nam 7	1,05	1,05	1,05
40	Đường Đông Tây 10	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 4	1,06	1,06	1,06
41	Đường Đông Tây 11	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
42	Đường Đông Tây 12	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
43	Đường Đông Tây 13	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 3	1,06	1,06	1,06
44	Đường Đông Tây 14	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 3	1,06	1,06	1,06
45	Đường Đông Tây 15	Đường Quốc lộ 13	Đường Trục chính Bắc Nam	1,06	1,06	1,06
46	Đường Đông Tây 15	Đoạn còn lại		1,06	1,06	1,06
47	Đường Đông Tây 16	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
48	Đường Đông Tây 17	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
49	Đường ĐT 756C	Ngã ba Tân Quan	Đến hết thửa đất số 339, tờ bản đồ số 23	1,06	1,06	1,06
50	Đường ĐT 756C	Từ thửa đất số 347, tờ bản đồ số 23	Cầu bà Hồ giáp ranh xã Tân Quan	1,06	1,06	1,06
51	Đường ĐT 756C	Ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7	Giáp ranh thôn Đồng Nơ 1	1,06	1,06	1,06
52	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Ngã tư công Nông trường 425	Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sốc 5 (đến hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81)	1,06	1,06	1,06
53	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Ngã ba bê tông xi măng tổ 4, Sốc 5 (từ hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 81)	Đến cầu Sốc 5 (giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh)	1,06	1,06	1,06
54	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Ngã ba đoạn giáp ranh xã Tân Khai - Minh Đức	Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (đến hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95)	1,06	1,06	1,06
55	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Văn phòng thôn Đồng Nơ 3 (từ hết ranh thửa đất số 195, tờ bản đồ số 95)	Nhà ông Mai Viết Huê (đến hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100)	1,05	1,05	1,05
56	Đường ĐT 756C (Đường huyện 245)	Nhà ông Mai Viết Huê (từ hết ranh thửa đất số 09, tờ bản đồ số 100)	Ngã tư công Nông trường 425	1,06	1,06	1,06
57	Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2	Giáp đường Quốc lộ 13	Đến 300m	1,06	1,06	1,06
58	Đường vào Khu công nghiệp Tân Khai 2	Cách đường Quốc lộ 13 từ 300m trở lên	Khu công nghiệp Tân Khai 2	1,06	1,06	1,06
59	Đường liên ranh thôn 1-2	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	1,06	1,06	1,06
60	Đường liên ranh thôn 1-2	Từ 200m trở lên	Đường Bắc Nam 12	1,06	1,06	1,06
61	Đường liên ranh	Đường Bắc Nam	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	thôn 1-2	12				
62	Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	1,06	1,06	1,06
63	Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5)	Từ 200m trở lên	Đường Bắc Nam 12	1,06	1,06	1,06
64	Đường nhựa thôn 2 (tổ 4-5)	Đường Bắc Nam 12	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
65	Các tuyến đường đầu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới xã Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	1,06	1,06	1,06
66	Các tuyến đường đầu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới xã Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	1,06	1,06	1,06
67	Các tuyến đường đầu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ ranh giới xã Tân Khai - Phường Bình Long đến Trạm thu phí)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
68	Các tuyến đường đầu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tân Kiệt)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	1,06	1,06	1,06
69	Các tuyến đường đầu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tân Kiệt)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	1,06	1,06	1,06
70	Các tuyến đường đầu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ Trạm thu phí đến điểm đầu cây xăng Tân Kiệt)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
71	Các tuyến đường đầu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tân Kiệt đến hết ranh đất)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	cây xăng ĐVT)					
72	Các tuyến đường đầu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tân Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	1,06	1,06	1,06
73	Các tuyến đường đầu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ điểm đầu cây xăng Tân Kiệt đến hết ranh đất cây xăng ĐVT)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
74	Các tuyến đường đầu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới xã Tân Khai - Phường Minh Hưng)	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến 200m	1,06	1,06	1,06
75	Các tuyến đường đầu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới xã Tân Khai - Phường Minh Hưng)	Từ 200m trở lên	Đến 500m	1,06	1,06	1,06
76	Các tuyến đường đầu nối với đường Quốc lộ 13 (đoạn từ hết ranh đất cây xăng ĐVT đến ranh giới xã Tân Khai - Phường Minh Hưng)	Từ 500m trở lên	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
77	Các tuyến đường đầu nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã ba Tân Quan đến Cụm công nghiệp Lê Vỹ)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến 200m	1,06	1,06	1,06
78	Các tuyến đường đầu nối với đường ĐT756C (đoạn từ Cụm công nghiệp Lê Vỹ đến cầu bà Hồ giáp ranh xã Tân Quan)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến 200m	1,06	1,06	1,06
79	Các tuyến đường đầu	Từ hành lang lộ	Đến 200m	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	nối với đường ĐT756C (đoạn từ ngã tư giao đường Đông Tây 1 và đường Bắc Nam 7 đến giáp ranh thôn Đồng Nơ 1)	giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)				
80	Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	1,06	1,06	1,06
81	Đường nhựa vào Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Nhà văn hóa thôn Tàu Ô	Ngã ba (thửa đất số 625, tờ bản đồ số 7)	1,06	1,06	1,06
82	Đường nhựa vào hồ Sen Trắng	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Ranh đường sắt cũ	1,06	1,06	1,06
83	Đường nhựa vào Trường Tiểu học Tân Khai B	Từ hành lang lộ giới đường Quốc lộ 13 (thửa đất không tiếp giáp đường Quốc lộ 13)	Đến hết thửa đất số 229, tờ bản đồ số 26	1,06	1,06	1,06
84	Đường nhựa vào đập Bầu Úm	Ngã ba Đình thân	Công ty cấp thoát nước	1,06	1,06	1,06
85	Đường nhựa vào cầu Huyện ủy	Ngã năm	Giáp ranh xã Tân Quan	1,06	1,06	1,06
86	Đường nhựa tổ 2, thôn 2 (tuyến 1)	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 12	1,06	1,06	1,06
87	Đường nhựa tổ 1-2, thôn 2 (tuyến 2)	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 12	1,06	1,06	1,06
88	Đường nhựa thôn 1	Đường Quốc lộ 13	Đường Bắc Nam 12	1,06	1,06	1,06
89	Đường xã	Ngã ba chợ Tân Hiệp (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 82)	Đến hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81	1,06	1,06	1,06
90	Đường xã	Từ hết ranh thửa đất số 27, tờ bản đồ số 81	Ngã tư quận 1	1,06	1,06	1,06
91	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B)	Ngã tư công Nông trường 425	Giáp ranh phường Minh Hưng	1,06	1,06	1,06
92	Đường giao thông	Ngã tư công Nông	Ngã tư Tân Lập	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B)	trường 425	thứ nhất (đến hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73)			
93	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư (Đường ĐT 752B)	Ngã tư Tân Lập thứ nhất (từ hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 73)	Giáp ranh xã Minh Đức	1,06	1,06	1,06
94	Tuyến số 1 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ)	Từ hành lang lộ giới đường ĐT756C (thửa đất không tiếp giáp đường ĐT756C)	Đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ số 81	1,06	1,06	1,06
95	Tuyến số 2 thuộc trung tâm hành chính Tân Hiệp (cũ)	Từ thửa đất số 97, tờ bản đồ số 82	Đến hết thửa đất số 235, tờ bản đồ số 81	1,06	1,06	1,06
96	Đường nhựa đi Trung tâm bảo trợ xã hội Tân Hiệp	Ngã tư quận 1	Giáp ranh xã Minh Đức	1,06	1,06	1,06
97	Đường nhựa đi Phú Gia	Ngã tư quận 1	Công Nông trại Phú Gia	1,06	1,06	1,06
98	Đường nhựa đi thôn Bàu Lùng (đường do xã quản lý)	Ngã tư quận 1	Nhà văn hóa thôn Bàu Lùng	1,06	1,06	1,06
99	Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 1	Từ thửa đất số 449, tờ bản đồ số 81	Đến hết ranh thửa đất số 200, tờ bản đồ số 85	1,06	1,06	1,06
100	Đường bê tông trục chính thôn Tân hiệp 5	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 379, tờ bản đồ số 81)	Đến hết ranh thửa đất số 297, tờ bản đồ số 64	1,06	1,06	1,06
101	Đường bê tông trục chính Sóc 5	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 17, tờ bản đồ số 88)	Đường nhựa đi Phú Gia (đến hết ranh thửa đất số 39, tờ bản đồ số 78)	1,06	1,06	1,06
102	Đường liên thôn Tân Hiệp 1 - Tân Hiệp 5	Đường ĐT 756C (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 63)	Đường ĐT 756C (đến hết ranh thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84)	1,06	1,06	1,06
103	Đường nhựa thôn Đồng Tân	Ngã ba đường ĐT 756C	Nhà ông Tô Duy Hùng (đến hết ranh thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68)	1,06	1,06	1,06
104	Đường nhựa thôn Đồng Tân	Nhà ông Tô Duy Hùng (từ hết ranh	Giáp ranh xã Minh Đức	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		thửa đất số 16, tờ bản đồ số 68)				
105	Đường nhựa từ ngã ba chợ Đồng Nơ đến ngã năm	Từ thửa đất số 359, tờ bản đồ số 95	Đến hết ranh thửa đất số 323, tờ bản đồ số 95	1,06	1,06	1,06
106	Đường nhựa thôn Đồng Nơ 4	Từ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 90	Đến hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 90	1,06	1,06	1,06
107	Các tuyến đường nhựa, bê tông có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
108	Các tuyến đường còn lại tại các thôn: 1, 2, 3, Tàu Ô, 5, 6, 7	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
109	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
110	Các tuyến đường còn lại tại các thôn: Đồng Nơ 1, Đồng Nơ 2, Đồng Nơ 3, Đồng Nơ 4, Đồng Nơ 5, Đồng Tân, Tân Hiệp 1, Tân Hiệp 2, Tân Hiệp 3, Tân Hiệp 4, Tân Hiệp 5, Bàu Lùng, Tân lập và Sóc 5	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
	Khu dân cư tại khu phố 1, thị trấn Tân Khai (cũ)					
111	Đường D1, D4 và N4	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
112	Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
	Khu dân cư ấp 2, xã Đồng Nơ (cũ)					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
113	Đường N3	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
114	Đường N4	Đường ĐT 756C	Đường D2	1,06	1,06	1,06
115	Đường N1, N2, N4 (Đoạn từ đường D2 đến đường D3), D2 (Đoạn từ đường N3 đến đường N4)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
116	Đường D1 và đường D2 (Đoạn từ đường N2 đến đường N3)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
117	Đường D3	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

Bảng 76. Xã Tân Hưng

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 756	Ngã 3 dốc cà phê (thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31)	Ngã 3 giao đường ĐT 758 (thửa đất số 254, tờ bản đồ số 41)	1,06	1,06	1,06
2	Đường ĐT 756	Cầu suối Cát (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 4; ranh giới xã Tân Quan)	Ngã 3 dốc cà phê (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 31)	1,06	1,06	1,06
3	Đường ĐT 756	Ngã 3 giao đường ĐT 758 (thửa đất số 259, tờ bản đồ số 41; trường THCS Tân Hưng)	Ranh giới xã Nha Bích (thửa đất số 594, tờ bản đồ số 15)	1,06	1,06	1,06
4	Đường ĐT 756	Giáp ranh xã Lộc Quang	Cầu suối Cát (thửa đất số 326, tờ bản đồ số 81; ranh giới xã Tân Quan)	1,06	1,06	1,06
5	Đường ĐT 757	Cầu Bà Nùng ranh giới Tân Hưng - P. An Lộc (thửa đất số 87, tờ bản đồ 68)	Giáp đường ĐT 756	1,05	1,05	1,05
6	Đường ĐT 757	Giáp ranh với cao su Nông trường Trà Thanh - công ty cao su Bình Long (Hộ ông Hoàng Giáp Sơn) (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 122)	Điểm cuối thửa đất số 247, tờ bản đồ số 123 (Đất hộ ông Lê Hoàng Đản; đối diện Trường THCS Thanh An)	1,06	1,06	1,06
7	Đường ĐT 757	Thửa đất số 254, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Phạm Văn Dung; đối diện trường THCS Thanh An)	Điểm cuối thửa đất số 371, tờ bản đồ số 123 (Chủ sử dụng: Vũ Văn Giới)	1,06	1,06	1,06
8	Đường ĐT 757	Thửa đất số 369, tờ bản đồ số 123 (chủ sử dụng: Bùi Thị Yến)	Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 130)	1,06	1,06	1,06
9	Đường ĐT 757	Ngã tư giao đường bê tông Tổ 6, Trung Sơn (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 131)	Cầu Trà Thanh giáp ranh xã Bình Tân	1,06	1,06	1,06
10	Đường ĐT 758	Ngã 3 giao đường	Giáp ranh đất cao	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		ĐT 756 (thửa đất số 249, tờ bản đồ số 41, nhà Bia tưởng niệm xã Tân Hưng cũ)	su nhà nước (hết thửa đất số 168, tờ bản đồ số 41)			
11	Đường ĐT 758	Từ lô cao su nhà nước (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 40; đất cao su)	Cầu Sông bé giáp ranh xã Thuận Lợi (thửa đất số 135, tờ bản đồ số 16)	1,06	1,06	1,06
12	Đường nhựa từ Ngã 5 đi Cầu Đúc	Ngã 5 trường Trung học phổ thông Trần Phú A	Cầu Đúc, giáp ranh xã Tân Quan (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 57)	1,06	1,06	1,06
13	Đường nhựa từ Ngã 5 đi Minh Lập	Ngã 5 trường Trung học phổ thông Trần Phú A đi ấp Hưng Phát	Ngã 3 giao ĐT 756 (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 11)	1,06	1,06	1,06
14	Đường nhựa ấp 7 - ấp 5 (giáp ranh xã Tân Lợi cũ đi An Khương cũ)	Ngã ba đi ấp 7 (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 104)	Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100)	1,06	1,06	1,06
15	Đường nhựa ấp 5 (An Khương cũ) - ấp Trà Thanh (Thanh An cũ)	Ngã ba nhà ông Nôi (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 100)	Giáp ranh xã Thanh An cũ (thửa đất số 729, tờ bản đồ số 70)	1,06	1,06	1,06
16	Đường nhựa thác số 4 vào Cây xăng An Khương	Ngã ba nhà bà Thạch (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 105)	Giáp ranh xã Tân Quan (Tân Lợi cũ, thửa đất số 538, tờ bản đồ số 109)	1,06	1,06	1,06
17	Đường nhựa Địa Hạt - Sóc Dầm	Đường ĐT 757 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 123)	Hết đất Đình thần Thanh An (thửa đất số 349, tờ bản đồ số 129)	1,06	1,06	1,06
18	Đường trục chính ấp Sở Xiêm	Từ cổng chào ấp Sở Xiêm (thửa đất số 143, tờ bản đồ số 26)	Ngã 3 giao đường Tân Hưng - Long Tân (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34)	1,06	1,06	1,06
19	Đường trục chính Vườn ươm ấp Sóc Quả	Ngã 3 giao ĐT 758 (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 43)	Hết tuyến (thửa đất số 190, tờ bản đồ số 44)	1,06	1,06	1,06
20	Đường trục chính ấp Hưng Yên	Ngã 3 giao ĐT 756 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 55)	Ngã 3 giao đường ĐT 758 (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 42)	1,06	1,06	1,06
21	Ngã 3 vào nhà máy 30/4 đi cầu Long	Ngã 3 giao đường ĐT 756 (thửa đất	Đến hết đường nhựa, đầu ấp Sóc	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Tân	số 112, tờ bản đồ số 26)	ruộng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 34)			
22	Ngã 3 xã đi hồ An Khương	Ngã ba xã (thửa đất số 848, tờ bản đồ số 99)	Ngã 3 bà Út Cua (thửa đất số 536, tờ bản đồ số 94)	1,06	1,06	1,06
23	Ngã 3 xã đi hồ An Khương (đoạn còn lại)	Ngã 3 bà Út Cua (thửa đất số 535, tờ bản đồ số 94)	Hồ An Khương (thửa đất số 527, tờ bản đồ số 70)	1,05	1,05	1,05
24	Đường nhựa áp 4 đi đường ĐT 757	Từ ngã 3 nhà ông Vinh (thửa đất số 1578, tờ bản đồ số 70)	Đường ĐT 757 (thửa đất số 671, tờ bản đồ số 84)	1,06	1,06	1,06
25	Đường nhựa áp 2 đi đường ĐT 757	Ngã 3 nhà bà Hằng (thửa đất số 222, tờ bản đồ số 94)	Đường ĐT 757 (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 69)	1,05	1,05	1,05
26	Đường nhựa áp 2 đi đường ĐT 757	Ngã 3 nhà ông Khéc (thửa đất số 479, tờ bản đồ số 69)	Đường ĐT 757 (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 87)	1,06	1,06	1,06
27	Đường nhựa vào đập thủy điện Srok Phu Miêng	Ngã ba trạm y tế xã Tân Quan (thửa đất số 364, tờ bản đồ số 123)	Công Thủy điện Srok Phu Miêng (thửa đất số 357, tờ bản đồ số 76)	1,06	1,06	1,06
28	Đường bê tông của các tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 ấp Hưng Lập B	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
29	Các tuyến đường ở khu chợ Tân Hưng	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
30	Các tuyến đường ở khu chợ Thanh An (cũ)	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
31	Đường Bê tông xi măng nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên nối với đường ĐT 756, ĐT 757 và đường ĐT 758 trong phạm vi 300m từ HLLG	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
32	Các tuyến đường nhựa còn lại	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
33	Đường bê tông có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
34	Các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Tân Hưng (cũ) và xã Thanh An (cũ)					
35	Các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã An Khương (cũ)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

Bảng 77. Xã Tân Quan

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 758	Giáp ranh phường An Lộc (Từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 60)	Đài Liệt sỹ (Hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141)	1,07	1,07	1,07
2	Đường ĐT 758	Điểm cuối Đài Liệt sỹ (Từ hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 141)	Ngã 3 Thác Số 4	1,07	1,07	1,07
3	Đường ĐT 758	Ngã 3 Thác số 4	Ngã 3 đi Thanh An (Hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	1,07	1,07	1,07
4	Đường ĐT 756	Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	Cầu Suối Cát (Hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 77)	1,07	1,07	1,07
5	Đường ĐT 756	Ngã 3 đi Thanh An (Từ hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 61)	Ngã 5 Tân Hưng (Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 61)	1,07	1,07	1,07
6	Đường ĐT 756C	Cầu bà Hồ giáp ranh xã Tân Khai (Từ thửa đất số 104, tờ bản đồ số 101)	Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101	1,07	1,07	1,07
7	Đường ĐT 756C	Từ hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 101)	Hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92)	1,07	1,07	1,07
8	Đường ĐT 756C	Từ hết thửa đất số 184, tờ bản đồ số 92)	Hết thửa đất số 366, tờ bản đồ số 93	1,07	1,07	1,07
9	Đường ĐT 756B	Đường ĐT 756C (Từ thửa đất số 191, tờ bản đồ số 63)	Đến hết ranh trường tiểu học Tân Quan áp Xa Lách (Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106)	1,07	1,07	1,07
10	Đường ĐT 756B	Từ hết ranh trường tiểu học Tân Quan áp Xa Lách (Từ hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 106)	Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 107)	1,07	1,07	1,07
11	Đường ĐT 756C	Từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115	Hết thửa đất số 1706, tờ bản đồ số 70	1,07	1,07	1,07
12	Đường ĐT 756C	Từ hết thửa đất số	Hết thửa đất số	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		1706, tờ bản đồ số 70	947, tờ bản đồ số 70			
13	Đường ĐT 756C	Ngã ba đường đất (Từ hết thửa đất số 947, tờ bản đồ số 70)	Giáp ranh xã Nha Bích (Hết thửa đất số 462, tờ bản đồ số 71)	1,07	1,07	1,07
14	Đường ĐH 09	Từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 114	Hết thửa đất số 128, tờ bản đồ số 109	1,07	1,07	1,07
15	Đường ĐH 09	Từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 115	Hết thửa đất số 116, tờ bản đồ số 118	1,07	1,07	1,07
16	Đường liên xã	Cầu Xa Trạch 1 (Từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 29)	Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)	1,08	1,08	1,08
17	Đường liên xã	Cuối dốc nghĩa địa 23 Lớn (Từ hết thửa đất số 630, tờ bản đồ số 16)	Ngã 3 Sờ Líp (Hết thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10)	1,06	1,06	1,06
18	Đường liên xã	Ngã 3 Sờ Líp (Từ hết thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10)	Áp Sóc Lết (Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2)	1,07	1,07	1,07
19	Đường Liên xã	Ngã 3 Sờ Líp (Từ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 57)	Áp Xạc Lây (Hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 35)	1,07	1,07	1,07
20	Đường nhựa từ Công Chào Văn Hiến 1 đi áp Sóc Lớn	Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 10	Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 17	1,07	1,07	1,07
21	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng	Ngã 3 thác số 4 (Giáp đường ĐT 758)	Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 7, tờ bản đồ số 126)	1,07	1,07	1,07
22	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Tân Hưng	Ngã 3 giáp đường ĐT 758 (Từ thửa đất số 19, tờ bản đồ số 161)	Giáp ranh xã Tân Hưng (Hết thửa đất số 56, tờ bản đồ số 124)	1,07	1,07	1,07
23	Đường nhựa từ Ngã 3 Sóc Trào đi áp Sóc Trào B	Từ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 61	Hết thửa đất số 411, tờ bản đồ số 146	1,07	1,07	1,07
24	Đường liên xã	Ngã ba Sóc Ruộng 1 (Từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 100)	Ngã ba Xa Lách (Hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106)	1,07	1,07	1,07
25	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Nha	Từ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 106	Hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Bích		108			
26	Đường nhựa liên xã Tân Quan - Minh Hưng	Từ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 105	Hết thửa đất số 134, tờ bản đồ số 65	1,07	1,07	1,07
27	Đường nhựa từ ấp Long Bình đi ấp Văn Hiến 2	Đường ĐT 756C (Thửa đất số 225, tờ bản đồ số 95)	Hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 87	1,07	1,07	1,07
28	Đường nhựa từ ấp Xạc Lây đi ấp Sóc Tranh	Đường ĐT 756C (đường đối diện trường mầm non Tân Quan)	Hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 89	1,07	1,07	1,07
29	Đường ĐH 11	Ngã 3 Quang Minh (Từ thửa đất số 4, tờ bản đồ số 157)	Hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157	1,07	1,07	1,07
30	Đường ĐH 11	Từ hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 157	Giáp ranh cao su Nông trường cao su Xa Trạch	1,07	1,07	1,07
31	Đường liên xã ấp Chà Hòa đi Nha Bích	Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 71	Hết Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 123	1,07	1,07	1,07
32	Đường nhựa số 06	Thửa đất số 277, tờ bản đồ số 70	Hết Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 67	1,07	1,07	1,07
33	Đường nhựa từ cầu Xe Be đến giáp ranh ấp Trường An	Từ thửa đất số 43, tờ bản đồ số 51	Hết thửa đất số 87, tờ bản đồ số 46	1,07	1,07	1,07
34	Đường nhựa Ấp Trường Thịnh đi Ấp Trường An	Từ thửa đất số 643, tờ bản đồ số 16	Hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32	1,07	1,07	1,07
35	Đường nhựa ấp Núi Gió - Phú Thịnh	Từ thửa đất số 29, tờ bản đồ số 60	Hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 149	1,07	1,07	1,07
36	Đường nhựa bên hông chợ Tân Quan	Từ thửa đất số 232, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 983, tờ bản đồ số 64	1,07	1,07	1,07
37	Đường nhựa ngã 4 chợ Tân Quan	Từ thửa đất số 198, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 93	1,07	1,07	1,07
38	Khu dân cư Phước An (Công ty TNHH Địa ốc Hoa Đào)	Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Phước An		1,07	1,07	1,07
39	Đường N1 (phía Tây Chợ Tân Quan)	Từ thửa đất số 251, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 290, tờ bản đồ số 93	1,07	1,07	1,07
40	Đường N2 (phía Đông Chợ Tân Quan)	Từ thửa đất số 252, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 414, tờ bản đồ số 93	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
41	Đường D1 (phía Nam Chợ Tân Quan)	Từ thửa đất số 297, tờ bản đồ số 93	Hết thửa đất số 321, tờ bản đồ số 93	1,07	1,07	1,07
42	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 756B và đường ĐT 756C trong phạm vi 200m đầu tính từ HLLG	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
43	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,10	1,10	1,10
44	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

Bảng 78. Xã Minh Đức

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐH 246	Ngã ba T&T (thửa đất số 324, tờ bản đồ số 66)	Suối (Hết thửa đất số 191 và thửa đất số 106 thuộc tờ bản đồ số 66)	1,06	1,06	1,06
2	Đường ĐH 246	Suối (Đầu thửa đất số 38 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 65)	Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65	1,06	1,06	1,06
3	Đường ĐH 246	Hết ranh thửa đất số 56 thuộc tờ bản đồ số 65	Hết ranh thửa đất số 17, tờ bản đồ số 53	1,06	1,06	1,06
4	Đường ĐH 246	Ngã 3 giao đường ĐT 752 tới đường ĐH 246	Phía Đông: Đường bê tông hết ranh trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 211, tờ bản đồ số 11	1,06	1,06	1,06
5	Đường ĐH 246	Phía Đông: Đường bê tông hết ranh Trường tiểu học Minh Tâm Phía Tây: Hết ranh thửa đất số 210, tờ bản đồ số 11	Hết thửa đất số 331 và thửa đất số 365 thuộc tờ bản đồ số 11	1,06	1,06	1,06
6	Đường ĐH 246	Từ đầu thửa đất số 363 và thửa đất số 386 thuộc tờ bản đồ số 11	Giáp ranh xã Minh Đức cũ	1,06	1,06	1,06
7	Đường bê tông trường THCS áp 1A	Trường THCS Minh Đức	Ngã ba Tuấn Thêu (thửa đất số 444, tờ bản đồ số 66)	1,06	1,06	1,06
8	Đường bê tông trường THCS áp 1A	Trường THCS Minh Đức	Hết ranh đất ông Tăng (thửa đất số 401, tờ bản đồ số 66)	1,06	1,06	1,06
9	Đường bê tông trường THCS áp 1A	Trường THCS Minh Đức	Hết ranh đất ông Thực (thửa đất số 174, tờ bản đồ số 65)	1,06	1,06	1,06
10	Đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	UBND xã Minh Đức và từ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 66	Suối (Đến hết thửa đất số 39 và thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 73)	1,06	1,06	1,06
11	Đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Suối (Từ đầu thửa đất số 40 và thửa đất số 50 thuộc tờ	Đến hết ranh thửa đất số 23 và thửa đất số 40 thuộc tờ	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		bản đồ số 73)	bản đồ số 64			
12	Đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Từ thửa đất số 9 và thửa đất số 41 thuộc tờ bản đồ số 64	Đến hết ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39	1,06	1,06	1,06
13	Đường Lộ đāl áp 3	Đầu ranh đất thuộc thửa đất số 61, thửa số 62, tờ bản đồ số 73)	Hết ranh đất thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 73)	1,06	1,06	1,06
14	Đường nhựa áp 1A đi áp Sóc Ruộng	Từ thửa đất số 53, tờ bản đồ số 73	Hết thửa đất số 52, tờ bản đồ số 74	1,06	1,06	1,06
15	Đường nhựa áp 1A	Ngã ba nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 118, tờ bản đồ số 66)	Ngã 3 trường THCS Minh Đức (hết ranh thửa đất số 372, tờ bản đồ số 66)	1,06	1,06	1,06
16	Đường nhựa áp 1B	Ngã ba bên hông nông trường Bình Minh (Giao với đường ĐH 246, từ đầu thửa đất số 73, tờ bản đồ số 66)	Giáp đất nông trường Bình Minh (Đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 59)	1,06	1,06	1,06
17	Đường nhựa từ áp 2 đi áp Chà Lon	Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Suối (Đến hết thửa đất số 133 và thửa đất số 124 thuộc tờ bản đồ số 73)	1,06	1,06	1,06
18	Đường nhựa từ áp 2 đi áp Chà Lon	Suối (Từ đầu thửa đất số 67, tờ bản đồ số 72 và đầu thửa đất số 163, tờ bản đồ số 73)	Đến hết thửa đất số 29 và thửa đất số 38 thuộc tờ bản đồ số 43	1,06	1,06	1,06
19	Đường xã Minh Đức đi xã Tân Khai	Giáp đường liên xã (xã Minh Đức cũ)	Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74	1,06	1,06	1,06
20	Đường xã Minh Đức đi xã Tân Khai	Giáp ranh thửa đất số 52 và thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 74	Hết thửa đất số 27 và thửa đất số 40 thuộc tờ bản đồ số 44	1,06	1,06	1,06
21	Đường ĐT 752	Giáp ranh phường Bình Long	Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02	1,06	1,06	1,06
22	Đường ĐT 752	Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 02	Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			bản đồ số 11			
23	Đường ĐT 752	Phía Bắc: Hết thửa đất số 170, tờ bản đồ số 11 Phía Nam: Hết thửa đất số 169, tờ bản đồ số 11	Giáp sông Sài Gòn (giáp tỉnh Tây Ninh)	1,06	1,06	1,06
24	Đường Nhựa vào Nhà máy xi măng	Đường ĐT 752 (Ngã ba Hòa Đào)	Ngã tư nhà máy xi măng (Hết ranh thửa 374 và 151 tờ bản đồ số 9)	1,06	1,06	1,06
25	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Giáp ranh xã Tân Khai	Giáp ranh Suối	1,05	1,05	1,05
26	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Ranh Suối	Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ)	1,06	1,06	1,06
27	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Giao ngã tư đường Nhựa ĐT752 (xã Minh Tâm cũ)	Ngã tư nhà máy xi măng	1,06	1,06	1,06
28	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Ngã tư nhà máy xi măng	Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ	1,06	1,06	1,06
29	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	Ngã Tư ranh đường liên xã Minh Tâm - An Phú cũ	Đến hết ranh suối; giáp xã Lộc Thành	1,06	1,06	1,06
30	Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ	Cầu Ba Nông	Cầu càn Lê 1	1,06	1,06	1,06
31	Đường ranh giữa xã An Phú cũ và Minh Tâm cũ	Cầu càn Lê 1	Ngã ba đường nhựa liên xã (Lô 3/92, Nông trường Xa Cam)	1,05	1,05	1,05
32	Đường giáp ranh phường Hưng Chiến (cũ)	Đầu thửa đất số 78, tờ bản đồ số 7	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
33	Đường nhựa liên ấp 1 đến ấp 3	Đầu thửa đất số 130, tờ bản đồ số 11	Hết thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22	1,06	1,06	1,06
34	Đường nhựa ấp 3 xã Minh Tâm cũ đi phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long	Đầu thửa đất số 444, tờ bản đồ số 22	Hết thửa đất số 249, tờ bản đồ số 7	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
35	Đường nhựa ấp 2 - Sóc Vàng, xã Minh Tâm đi Sóc Rul, xã An Phú	Đầu thừa đất số 316, tờ bản đồ số 6	Hết thừa đất số 247, tờ bản đồ số 6	1,06	1,06	1,06
36	Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 1)	Đầu thừa đất số 57, tờ bản đồ số 20	Hết thừa đất số 4, tờ bản đồ số 17	1,06	1,06	1,06
37	Đường nhựa ngã 3 Sóc Vàng đi cầu Thanh Niên ấp 4, xã Minh Tâm (Đoạn 2)	Từ đầu thừa đất số 4, tờ bản đồ số 17	Đến hết thừa đất số 220, tờ bản đồ số 5	1,06	1,06	1,06
38	Đường nhựa vô nhà máy xi măng Minh Tâm	Ngã tư nhà máy xi măng	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
39	Đường nhựa liên xã An Phú cũ	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
40	Đường từ ngã 4 Tầng Hách đến ngã 4 Phúc Sơn	Từ thừa đất số 1125, tờ bản đồ số 51	Đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	1,06	1,06	1,06
41	Đường từ ngã 3 nghĩa địa Tầng Hách đi Phường An Lộc (đường số 1)	Từ thừa đất số 283, tờ bản đồ số 51	Giáp ranh phường An Lộc	1,06	1,06	1,06
42	Đường Nhựa ấp sóc 5 (ĐT 752B-QH QL14C cũ)	Ngã 4 đường ĐT752	Giáp đất trại giam Tổng Chân (K4)	1,05	1,05	1,05
43	Đường Nhựa ấp 4	Ngã 4 đường ĐT752	Giáp suối	1,05	1,05	1,05
44	Đường từ ngã 3 Phố Lố đến cổng chào An Tân	Từ thừa đất số 31, tờ bản đồ số 84	Đến thừa đất số 126, tờ bản đồ số 50	1,06	1,06	1,06
45	Đường Nhựa Bình Phú - Sóc Rul	Giáp ranh phường Bình Long (thừa đất số 45, tờ bản đồ số 93)	Hết thừa đất số 53, tờ bản đồ số 94	1,06	1,06	1,06
46	Đường Bình Phú - Sóc Rul	Từ thừa đất số 54, tờ bản đồ số 93	Giáp ranh xã Minh Tâm cũ	1,06	1,06	1,06
47	Đường nhựa đi phường An Lộc (xã Thanh Lương cũ)	Ngã ba giao đường liên xã An Phú (cũ) (Từ thừa đất số 40, tờ bản đồ số 86)	Hết ranh thừa đất số 21, tờ bản đồ số 83	1,05	1,05	1,05
48	Đường giao thông nông thôn có độ rộng từ 3m trở lên	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
49	Các tuyến đường còn	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	lại					

Bảng 79. Xã Phước Sơn

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 755	Ranh giới xã Thống Nhất - Phước Sơn (cũ)	Hết ranh Công ty Hà Mỹ thôn 1	1,06	1,06	1,06
2	Đường ĐT 755	Giáp ranh Công ty Hà Mỹ thôn 1	Nhà văn hóa thôn 2	1,06	1,06	1,06
3	Đường ĐT 755	Nhà văn hóa thôn 2	Hết địa phận thôn 3	1,06	1,06	1,06
4	Đường ĐT 755	Hết địa phận thôn 3	Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toán	1,06	1,06	1,06
5	Đường ĐT 755	Ngã ba Đường vào Trường THCS Võ Trường Toán	Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn 6	1,06	1,06	1,06
6	Đường ĐT 755	Giáp ranh Nhà thờ Tin lành Bù Xa thôn 6	Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ)	1,06	1,06	1,06
7	Đường ĐT 755	Ngã ba đường xã Phước Sơn đi xã Đồng Nai (cũ)	Giáp ranh xã Bù Đăng	1,06	1,06	1,06
8	Đường ĐT 755	Ngã tư trung tâm cụm xã Thống Nhất (cũ)	Hết ranh xưởng điều Trường Thủy	1,06	1,06	1,06
9	Đường ĐT 755	Hết ranh xưởng điều Trường Thủy	Ngã 3 xã cũ	1,06	1,06	1,06
10	Đường ĐT 755	Ngã 3 xã cũ	Ranh xã Phước Sơn	1,06	1,06	1,06
11	Đường ĐT 755	Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn	Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m	1,06	1,06	1,06
12	Đường ĐT 755	Ngã tư Thống Nhất đi Lam Sơn + 500m	Ngã 3 ông Hoàng Cá Mắm (thôn 4 Thống Nhất)	1,06	1,06	1,06
13	Đường ĐT 755	Ngã 3 tổ 1, tổ 2 (thôn 4 Thống Nhất)	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
14	Đường Ngã 3 bà Hải đi xã Đồng Nai (cũ) (đường liên xã)	Đường ĐT 755	Ranh xã Thọ Sơn	1,06	1,06	1,06
15	Đường nhà nghỉ Cao Nguyên đi Thôn 8 Thống Nhất	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	Ngã 3 nhà ông Triệu Tiến Tài	1,06	1,06	1,06
16	Đường từ Ngã 3 xã cũ đi Bàu Cá Rô	Đường ĐT 755	Giáp đất lâm phần	1,06	1,06	1,06
17	Đường vào Sóc ông La	Ngã 3 Tám Láo	Ngã 3 NVH thôn 11 Thống Nhất	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Đường từ Ngã 3 Cây Phượng đi Ngã 3 ông Sính	Đường ĐT 755	Đường ĐT 755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	1,06	1,06	1,06
19	Tuyến đường tổ 1, tổ 2 thôn 4 Thống Nhất	Ngã 3 tổ 1, tổ 2 thôn 4 Thống Nhất	Ngã ba Đạ Có thôn 4 Thống Nhất	1,06	1,06	1,06
20	Tuyến đường Ngã 3 thôn 12 Thống Nhất	Ngã 3 thôn 12 Thống Nhất	Giáp ranh xã Đăng Hà (cũ)	1,06	1,06	1,06
21	Tuyến đường tổ 4, thôn 3 Thống Nhất	Đường tổ 4 thôn 3 Thống Nhất	Ngã 3 tổ 2 thôn 1 Thống Nhất	1,06	1,06	1,06
22	Tuyến đường Ngã 3 tổ 2 thôn 1 Thống Nhất	Ngã 3 tổ 2 thôn 1 Thống Nhất	Hết Tuyến	1,06	1,06	1,06
23	Đường thôn 8 đến thôn 11 Thống Nhất	Nhà văn hóa thôn 8 Thống Nhất	Tổ 2 thôn 11 Thống Nhất	1,06	1,06	1,06
24	Đường đi ngã ba Ba Tàu đến Bàu Cá rô	Đường ĐT 755	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
25	Ngã 3 Xe Vàng đi Lòng Hồ	Ngã ba Xe Vàng	Hết ranh đất ông Bùi Văn Biển	1,06	1,06	1,06
26	Đường Ngã 3 xe Vàng đi Lòng hồ	Hết ranh ông Bùi Văn Biển	Giáp Suối	1,05	1,05	1,05
27	Đường Ngã 3 xe Vàng đi Lòng hồ	Giáp Suối	Ngã 3 đường vào NVH Thôn 8	1,05	1,05	1,05
28	Đường số 1 chợ Thống Nhất	Đường ĐT 755	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
29	Đường số 2 chợ Thống Nhất	Đường ĐT 755	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
30	Đường ĐT 755B	Ranh xã Thống Nhất cũ	Cầu số 3	1,06	1,06	1,06
31	Đường ĐT 755B	Cầu số 3	Hết ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường	1,06	1,06	1,06
32	Đường ĐT 755B	Giáp ranh nhà ông Nguyễn Khoa Trường	Ngã 3 nhà ông Thoại	1,06	1,06	1,06
33	Đường ĐT 755B	Ngã 3 nhà ông Thoại	Cầu Đăng Hà (Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng)	1,06	1,06	1,06
34	Đường ĐT 755B	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	Hết ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn 7 Thống Nhất)	1,06	1,06	1,06
35	Đường ĐT 755B	Giáp ranh trường tiểu học Đường Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường thôn 7 Thống Nhất)	Ngã 3 Xưởng điều ông Tân	1,06	1,06	1,06
36	Đường ĐT 755B	Ngã 3 Xưởng điều	Ngã 3 nhà hàng	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		ông Tân	Tuần Lợi			
37	Đường ĐT 755B	Ngã 3 nhà hàng Tuần Lợi	Ngã ba Tám (thôn 9 Thống Nhất)	1,06	1,06	1,06
38	Đường ĐT 755B	Ngã ba Tám (thôn 9 Thống Nhất)	Ranh xã Đăng Hà (cũ)	1,06	1,06	1,06
39	Khu dân cư Thống Nhất (Công ty TNHH Bất động sản Green Land)	Tuyến đường trong khu dân cư		1,06	1,06	1,06
40	Đường đi Bàu Tre (DHA.05)	Đường ĐT 755B	Lò gạch ông Sừ	1,05	1,05	1,05
41	Đường đi Bàu Tre (DHA.05)	Lò gạch ông Sừ	Đường BTXM giáp ranh ông Bàn Văn Minh và ông Lâm Văn Sen	1,05	1,05	1,05
42	Đường Ngã 3 ông Thoại đi xã Đắc Lua (DHA.11)	Đường ĐT 755B	Giáp ranh xã Đắc Lua	1,05	1,05	1,05
43	Đường Thôn 4 Đăng Hà đi Thôn 2 Đăng Hà (DHA.13)	Ngã 3 Bằng Lăng	Nhà ông Tô Duy Văn	1,05	1,05	1,05
44	Đường Thôn 4 Đăng Hà đi Thôn 2 Đăng Hà (DHA.13)	Nhà ông Tô Duy Văn	Dốc khi	1,05	1,05	1,05
45	Đường Thôn 2 Đăng Hà đi Thôn 1 Đăng Hà (DHA.12)	Ngã 3 ông Xuyên	Giáp ranh xã Đắc Lua	1,05	1,05	1,05
46	Đường Thôn 3 đi Dốc Đen (DHA.14)	Ngã 3 ông Thọ	Cầu ông Hiền	1,05	1,05	1,05
47	Đường Thôn 3 đi Dốc Đen (DHA.14)	Cầu ông Hiền	Giáp ranh xã Đắc Lua	1,05	1,05	1,05
48	Đường Bù Có	Trường TH Phước Sơn (Điểm trường Bù Xa)	Hết ranh đất ông Trịnh Văn Phiến	1,05	1,05	1,05
49	Đường Thôn 5 đi Thôn 4	Đường ĐT 755	Giáp Suối	1,05	1,05	1,05
50	Đường Thôn 5 đi Thôn 4	Giáp Suối	Ngã 3 Đường Thôn 4 đi Thôn 7	1,05	1,05	1,05
51	Các tuyến đường thuộc khu QHTTHC xã Phước Sơn (cũ)	Đường ĐT 755 Đường Ngã 3 Xe Vàng	Cuối đường	1,05	1,05	1,05
52	Đường đi chùa Thanh Phước	Đường ĐT 755	Ngã 4 Bù N'hai	1,05	1,05	1,05
53	Đường đi chùa Thanh Phước	Ngã 4 Bù N'hai	Ngã 3 ông Dương	1,05	1,05	1,05
54	Đường đi Bàu Đĩa	Đường ĐT 755	Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng)	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
55	Đường đi Bàu Đĩa	Giáp suối (hết đất ông Hoàng Văn Sùng)	Ngã 3 Láng Dầu	1,05	1,05	1,05
56	Đường BTXM đoạn nhà ông Lương Văn Dụng	Đường ĐT 755	Giáp đất ông Hoàng Văn Cài	1,05	1,05	1,05
57	Đường Thôn 3 đi Bàu Cá Rô	Đường ĐT 755	Đất Lâm Phần	1,05	1,05	1,05
58	Đường từ Ngã 3 Tàu đi đường Bàu Cá Rô Thôn 2 Thống Nhất	Đường ĐT 755	Ngã 3 Bàu Cá Rô	1,05	1,05	1,05
59	Đường cạnh cây xăng Hoàng Phát	Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà)	Giáp đất ông Lê Đình Bé	1,05	1,05	1,05
60	Đường cạnh NVH thôn 8 Thống Nhất	Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà)	Giáp suối	1,05	1,05	1,05
61	Đường Làng Thôn 1 Thống Nhất	Đường ĐT 755	Ngã 3 nhà ông Nguyễn Văn Hiếu	1,05	1,05	1,05
62	Đường từ nhà ông Linh Văn Hoàng đi ngã 3 ông Phạm Quang Minh	Đường ĐT 755	Ngã 3 ông Phạm Quang Minh	1,05	1,05	1,05
63	Đường NVH thôn 3 Thống Nhất	Đường ĐT 755	Đường ĐT-755B (Sao Bọng - Đăng Hà)	1,05	1,05	1,05
64	Đường Ngã 3 Cây xăng Thiên Bảo	Đường ĐT 755	Ngã 3 ông Tuyền	1,05	1,05	1,05
65	Đường cạnh trường Nguyễn Văn Trỗi (cũ)	Đường ĐT 755	Giáp đất lâm phần	1,05	1,05	1,05
66	Đường Ngã 3 ông Hoàng Cá Mắm	Đường ĐT 755	Ngã 3 ông Hoàng Văn Bản	1,05	1,05	1,05
67	Đường vào nông trường cao su Thống Nhất	Đường ĐT 755	Giáp suối	1,05	1,05	1,05
68	Đường vào trạm Kiểm Lâm Đăng Hà	Đường ĐT 755	Giáp đất lâm phần	1,05	1,05	1,05
69	Đường cạnh điểm trường tiểu học thôn 10 Thống Nhất	Đường ĐT 755	Giáp đất ông Phan Văn Tuấn	1,05	1,05	1,05
70	Các tuyến đường thuộc khu dân cư Thôn 3, xã Thống Nhất (cũ) (đối diện UBND xã)	Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà) khu nhà ông Tân	Đường công sau chợ Thống Nhất	1,06	1,06	1,06
71	Các tuyến đường thuộc khu dân cư	Đường ĐT 755 (Sao Bọng - Đăng Hà)	Đường trường THCS Thống Nhất	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Thôn 3, xã Thống Nhất (cũ) (sau UBND xã)	Hà) khu nhà bà Ban đến khu vực Ngã 4				
72	Đường nội ô thôn 3 Thống Nhất, xã Phước Sơn	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
73	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09

Bảng 80. Xã Nghĩa Trung

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Quốc lộ 14	Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi	Cầu Pan Toong	1,05	1,05	1,05
2	Đường Quốc lộ 14	Cầu Pan Toong	Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung	1,09	1,09	1,09
3	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh trụ sở UBND xã Nghĩa Trung	Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát	1,09	1,09	1,09
4	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh dự án Khu dân cư Trường Thịnh Phát	Ngã ba đường 36	1,09	1,09	1,09
5	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường 36	Cầu 38	1,09	1,09	1,09
6	Đường Quốc lộ 14	Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung	Hết trụ sở Nông trường cao su	1,09	1,09	1,09
7	Đường Quốc lộ 14	Hết trụ sở Nông trường cao su	Ranh giữa thôn 8 - thôn Bình Lợi	1,09	1,09	1,09
8	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh với xã Đồng Tâm	Cầu 23 (gần chợ Bù Na)	1,09	1,09	1,09
9	Đường Quốc lộ 14	Cầu 23 (gần chợ Bù Na)	Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116	1,09	1,09	1,09
10	Đường Quốc lộ 14	Thửa đất 305 tờ bản đồ số 116	Ranh giữa thôn 11 - thôn Bình Trung	1,09	1,09	1,09
11	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba 32	Ngã ba 33	1,09	1,09	1,09
12	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba 33	Ngã ba Đức Liễu	1,09	1,09	1,09
13	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba Đức Liễu	Cầu 38	1,09	1,09	1,09
14	Đường Sao Bọng - Đăng Hà	Ngã ba Sao Bọng	Ngã ba Đường vào tổ 7 thôn 2	1,09	1,09	1,09
15	Đường Sao Bọng - Đăng Hà	Ngã ba Đường vào tổ 7 thôn 2	Ranh giữa thôn 9 - xã Phước Sơn	1,09	1,09	1,09
16	Đường bên hông chợ Đức Liễu cũ (2 bên)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
17	Đường tổ 3B	Bên hông điện lực	Giáp Nhà máy tinh bột VeDan	1,09	1,09	1,09
18	Đường tổ 1	Đường Quốc lộ 14	Đầu ranh đất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1,09	1,09	1,09
19	Đường tổ 1	Đầu ranh đất Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đối diện Nhà máy tinh bột VeDan	1,09	1,09	1,09
20	Đường liên xã Đức Liễu - Nghĩa Bình	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	(cũ)					
21	Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung	Đường Quốc Lộ 14	Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh	1,09	1,09	1,09
22	Đường nhựa Nghĩa Bình - Nghĩa Trung	Hết đất ông Nguyễn Tuấn Anh	Giáp ranh xã Nghĩa Trung (cũ)	1,09	1,09	1,09
23	Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ)	Ranh xã Nghĩa Bình - Đức Liễu (cũ)	Ngã 3 Minh Đức	1,09	1,09	1,09
24	Đường liên xã Nghĩa Bình - Thống Nhất (cũ)	Ngã 3 Minh Đức	Giáp ranh xã Phước Sơn	1,09	1,09	1,09
25	Đường Sóc 28	Đường Quốc lộ 14	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
26	Đường Sóc 29	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Đức Liễu (cũ)	1,09	1,09	1,09
27	Đường vào nhà văn hóa thôn Bình Thọ	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh thôn Bình Tiến	1,09	1,09	1,09
28	Đường vào nông trường cao su Nghĩa Trung	Đường Quốc lộ 14	Vườn cao su Nghĩa trang Nghĩa Trung	1,09	1,09	1,09
29	Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến	Ngã ba sân bay	Giáp ranh thôn Bình Tiến	1,09	1,09	1,09
30	Đường liên thôn Bình Trung - Bình Tiến	Nhà ông Biện Văn Hai	Giáp ranh thôn Bình Tiến	1,09	1,09	1,09
31	Đường hai bên chợ Nghĩa Trung	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m	1,09	1,09	1,09
32	Đường ĐT 759	Ngã ba đường Quốc lộ 14	Ranh giới xã Phước Tân, Huyện Phú Riềng (cũ)	1,09	1,09	1,09
33	Đường ĐT 753B	Ngã ba 21 đi qua Lam Sơn	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 131	1,09	1,09	1,09
34	Đường ĐT 753B	Từ thửa đất số 11, tờ bản đồ 131	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
35	Trục đường chính Thôn 3 đi Thôn 2	Đường Quốc lộ 14	Đường ĐT 753B	1,09	1,09	1,09
36	Đường đi thôn 2	Ngã 3 công chào thôn 2	Giáp ranh xã Nghĩa Bình (cũ)	1,09	1,09	1,09
37	Đường nội ô khu Trung tâm hành chính	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
38	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09

Bảng 81. Xã Bù Đăng

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Quốc lộ 14	Ranh xã Thọ Sơn	Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai	1,07	1,07	1,07
2	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Vườn chuối đi Đồng Nai	Ngã ba Nhà văn hóa thôn 2	1,07	1,07	1,07
3	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Nhà văn hóa thôn 2	Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ)	1,07	1,07	1,07
4	Đường Quốc lộ 14	Ranh Đoàn Kết - Đức Phong (cũ)	Phía Bắc: Hết thửa đất số 90, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Hết thửa đất số 133, tờ bản đồ số 3	1,07	1,07	1,07
5	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Từ thửa đất số 91, tờ bản đồ số 3 Phía Nam: Từ thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9	Phía Bắc: Ngã 3 nhà ông Năng (Hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 9) Phía Nam: Hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 9	1,07	1,07	1,07
6	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Từ ngã 3 nhà ông Năng (từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 37) Phía Nam: Từ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 9	Phía Bắc: Đường bê tông vào Miêu (hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 43)	1,07	1,07	1,07
7	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường bê tông vào Miêu (từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 43) Phía Nam: Đường Điều Ong (từ thửa đất số 52, tờ bản đồ số 43)	Cầu Bù Đăng	1,07	1,07	1,07
8	Đường Quốc lộ 14	Cầu Bù Đăng	Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 8)	1,07	1,07	1,07
9	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường Đoàn Đức Thái Phía Nam: Nhà Thờ Bù Đăng (từ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 8)	Đường 14 tháng 12	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
10	Đường Quốc lộ 14	Đường 14 tháng 12	Ngã tư Đường Lê Quý Đôn	1,07	1,07	1,07
11	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư Đường Lê Quý Đôn	Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong	1,07	1,07	1,07
12	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường Nguyễn Thị Minh Khai Phía Nam: Đường Lê Hồng Phong	Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 51)	1,07	1,07	1,07
13	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Bù Đăng (cũ) Phía Nam: Đường ra huyện đội (từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 51)	Cổng ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung)	1,07	1,07	1,07
14	Đường Quốc lộ 14	Cổng ngang khu Đức Thiện (nhà Thành - Dung)	Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Hết thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10	1,07	1,07	1,07
15	Đường Quốc lộ 14	Phía Bắc: Đường vào hội trường khu Đức Thiện Phía Nam: Từ thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10	Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ)	1,07	1,07	1,07
16	Đường Quốc lộ 14	Ranh giới Đức Phong - Minh Hưng (cũ)	Ngã 3 Đường vào Thác Đứng thôn 01	1,07	1,07	1,07
17	Đường Quốc lộ 14	Ngã 3 Đường vào Thác Đứng thôn 01	Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179	1,07	1,07	1,07
18	Đường Quốc lộ 14	Ranh xưởng điều Cao Nguyên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 179	Ngã ba Minh Hưng	1,07	1,07	1,07
19	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Minh Hưng	Ranh đất nhà ông Chuẩn thửa đất số 20, tờ bản đồ số 177	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
20	Đường Quốc lộ 14	Ranh đất nhà ông Chuẩn thửa đất số 20, tờ bản đồ số 177	Đường Quốc lộ 14 ngã 3 Đường vào thôn 7	1,07	1,07	1,07
21	Đường Quốc lộ 14	Đường Quốc lộ 14 ngã 3 Đường vào thôn 7	Ngã ba Nông trường Minh Hưng	1,07	1,07	1,07
22	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Nông trường Minh Hưng	Hết ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m)	1,07	1,07	1,07
23	Đường Quốc lộ 14	Hết ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 166 (cách cầu 38 dài 370m)	Cầu 38	1,07	1,07	1,07
24	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba Nông trường Minh Hưng	Hết ranh đất nông trường bộ Minh Hưng	1,07	1,07	1,07
25	Đường 14/12	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
26	Đường Hùng Vương	Ngã ba đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 49	1,07	1,07	1,07
27	Đường Hùng Vương	Phía Tây: Đường Võ Thị Sáu Phía Đông: Từ thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49	Ngã tư đường Hai Bà Trưng	1,07	1,07	1,07
28	Đường Hùng Vương	Ngã tư đường Hai Bà Trưng	Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Hết thửa đất số 172, tờ bản đồ số 13	1,07	1,07	1,07
29	Đường Hùng Vương	Phía Tây: Đường Lê Quý Đôn Phía Đông: Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13	Cầu Vĩnh Thiện	1,07	1,07	1,07
30	Đường số 1	Phía bên trái chợ chính		1,07	1,07	1,07
31	Đường số 2	Phía bên phải chợ chính		1,07	1,07	1,07
32	Đường số 3	Phía trái chợ phụ		1,07	1,07	1,07
33	Đường số 4	Phía phải chợ phụ		1,07	1,07	1,07
34	Đường Lê Lợi	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
35	Đường Lê Quý Đôn	Ngã tư đường Quốc lộ 14	Ngã 3 đường Hai Bà Trưng	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
36	Đường Lê Quý Đôn	Ngã 3 đường Hai Bà Trưng	Ngã 4 giáp đường D1	1,07	1,07	1,07
37	Đường Lê Quý Đôn	Ngã 4 giáp đường D1	Ngã 3 đường Trần Phú	1,07	1,07	1,07
38	Đường Lê Quý Đôn	Ngã 3 đường Trần Phú	Ngã 3 đường Hùng Vương	1,07	1,07	1,07
39	Đường Lê Quý Đôn	Ngã tư đường Quốc lộ 14	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	1,07	1,07	1,07
40	Đường Đoàn Đức Thái	Ngã ba đường Quốc lộ 14	Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 8	1,07	1,07	1,07
41	Đường Đoàn Đức Thái	Phía Tây: Đường Trần Hưng Đạo Phía Đông: Từ thửa đất số 25, tờ bản đồ số 36	Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 36	1,07	1,07	1,07
42	Đường Đoàn Đức Thái	Phía Tây: Đường Nơ Trang Long Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 36	Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (Phía Tây: Hết thửa đất số 122, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 121, tờ bản đồ số 2)	1,07	1,07	1,07
43	Đường Đoàn Đức Thái	Ngã ba vào nhà ông Ba Tuyên (Phía Bắc: Từ thửa đất số 87, tờ bản đồ số 2, Phía Nam: Từ thửa đất số 123, tờ bản đồ số 2)	Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, Phía Đông: Hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 2)	1,07	1,07	1,07
44	Đường Đoàn Đức Thái	Ngã ba đường bê tông giáp ranh xã Đoàn Kết cũ (Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 2)	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,07	1,07	1,07
45	Đường Nguyễn Huệ	Ngã ba giao đường Quốc lộ 14	Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo	1,07	1,07	1,07
46	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư giáp đường Trần Hưng Đạo	Cuối tuyến	1,07	1,07	1,07
47	Đường Ngô Gia Tự	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
48	Đường Trần Phú	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
49	Đường Võ Thị Sáu	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
50	Đường Hai Bà Trưng	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
51	Đường Trần Hưng Đạo	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
52	Đường Điều Ong	Ngã ba giao đường Quốc lộ 14	Phía Đông: Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng Phía Tây: Hết thửa đất số 130, tờ bản đồ số 8	1,07	1,07	1,07
53	Đường Điều Ong	Phía Đông: Ngã ba giao đường Hai Bà Trưng Phía Tây: Từ thửa đất số 1, tờ bản đồ số 13	Ngã 3 Sóc ông Đổ (Phía Tây: Hết thửa đất số 61, tờ bản đồ số 60, Phía Đông: Hết thửa đất số 65, tờ bản đồ số 60)	1,07	1,07	1,07
54	Đường Điều Ong	Ngã 3 Sóc ông Đổ (Phía Tây: Từ thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64, Phía Đông: Từ thửa đất số 5, tờ bản đồ số 64)	Cuối tuyến (Đập thủy lợi Bù Môn)	1,07	1,07	1,07
55	Đường nhựa vào Sóc Bù Môn	Ngã 3 Sóc ông Đổ (Phía Tây: Từ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 60, Phía Đông: Hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 64)	Cuối tuyến	1,07	1,07	1,07
56	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
57	Đường Lê Hồng Phong	Ngã tư đường Quốc lộ 14	Ngã tư đường D1	1,07	1,07	1,07
58	Đường Lê Hồng Phong	Ngã tư đường D1	Giáp đường Lý Thường Kiệt	1,07	1,07	1,07
59	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Lê Hồng Phong	1,07	1,07	1,07
60	Đường Lý Thường Kiệt	Ngã ba Lê Hồng Phong	ĐT 755	1,07	1,07	1,07
61	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba vào hồ Bra măng	1,07	1,07	1,07
62	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đoạn còn lại		1,07	1,07	1,07
63	Đường Nơ Trang Long	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
64	Đường Nguyễn Văn Cừ	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
65	Đường số 3 Xường	Đường Quốc lộ 14	Ngã tư nhà ông	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	điều Long Đăng		Bọt (thửa đất số 20, tờ bản đồ số 15)			
66	Đường số 3 Xường điều Long Đăng	Đoạn còn lại		1,07	1,07	1,07
67	Đường D1	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
68	Đường bên hông nhà thuộc Hà Loan	Đường Quốc lộ 14	Ngã 3 đường Lê Lợi	1,07	1,07	1,07
69	Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yên Cam)	Đường Hùng Vương	Cầu sắt Đức Hòa	1,07	1,07	1,07
70	Đường Cầu sắt Đức Hòa (đường bên hông nhà bà Yên Cam)	Cầu sắt Đức Hòa	Ngã ba vị trí đập lấy nước thủy lợi Bù Môn, thôn Vĩnh Thiện	1,05	1,05	1,05
71	Đường quanh hồ 7 mẫu	Đường Quốc lộ 14	Nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Hết thửa đất số 230, tờ bản đồ số 9)	1,07	1,07	1,07
72	Đường quanh hồ 7 mẫu	Hết ranh nhà ông Lê Xuân Huy (Phía Bắc: Từ thửa đất số 160, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 229, tờ bản đồ số 9)	Nhà ông Hồ Minh Toàn (Phía Tây: Hết thửa đất số 192, tờ bản đồ số 9, Phía Đông: Hết thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9)	1,07	1,07	1,07
73	Đường quanh hồ 7 mẫu	Hết ranh nhà ông Hồ Minh Toàn (Phía Bắc: Từ thửa đất số 193, tờ bản đồ số 9, Phía Nam: Từ thửa đất số 49, tờ bản đồ số 14)	Ngã ba giao đường Điều Ong	1,07	1,07	1,07
74	Đường bên hông huyện đội	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
75	Đường Ngã 3 Lê Quý Đôn đi Nguyễn Thị Minh Khai	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
76	Đường vào sóc Bù Ra Mang	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba cuối tuyến (Hết ranh nhà ông Điều MRắc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 5)	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
77	Đường ĐT 755	Cầu Đăk Chậm (ranh xã Phước Sơn)	Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6)	1,07	1,07	1,07
78	Đường ĐT 755	Trung tâm hành chính xã Đoàn Kết cũ (đường D6)	Cầu Tân Minh	1,07	1,07	1,07
79	Đường ĐT 755	Cầu Tân Minh	Giáp ranh thị trấn Đức Phong cũ	1,07	1,07	1,07
80	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba Vườn chuối	Hết ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 106 tờ bản đồ 75)	1,07	1,07	1,07
81	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Giáp ranh trại heo nhà ông Sang (thửa 106 tờ bản đồ 75)	Giáp ranh xã Thọ Sơn	1,07	1,07	1,07
82	Đường Thác Đứng	Giáp đường ĐT 755	Ngã 4 danh lam Thác Đứng	1,07	1,07	1,07
83	Đường sân bay cũ (Tránh lũ)	Ngã 3 tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt	Đường ĐT 755	1,07	1,07	1,07
84	Đường liên thôn	Đường Lý Thường Kiệt (Quán cà phê 92)	Ngã ba Đường vào chùa Thanh Đức	1,07	1,07	1,07
85	Đường liên thôn	Đường ĐT 755 (ngã 3 Tân Minh)	Dốc bà Thơm (bà Tham)	1,07	1,07	1,07
86	Đường liên thôn	Ngã 3 nhà ông Tư Nghĩa	Đi thôn Đoàn Kết (thôn 7 - Đoàn Kết cũ) (tiếp giáp đường ĐT 755)	1,07	1,07	1,07
87	Đường ĐT 760	Ngã ba Minh Hưng	Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hào (thửa 40 tờ bản đồ 189)	1,07	1,07	1,07
88	Đường ĐT 760	Hết ranh nhà ông Vũ Văn Hào (thửa 40 tờ bản đồ 189)	Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Hưng Phước)	1,05	1,05	1,05
89	Đường ĐT 760	Đường bê tông phải tuyến (vào Hội trường thôn Hưng Phước)	Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2	1,05	1,05	1,05
90	Đường ĐT 760	Đường bê tông phải tuyến vào Nhà hàng ẩm thực Bến Tre 2	Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ bản đồ 116)	1,07	1,07	1,07
91	Đường ĐT 760	Đường bê tông phải tuyến (Hết thửa đất số 304 tờ	Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã BomBo)	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		bản đồ 116)				
92	Đường hai bên chợ Minh Hưng	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang bên hông nhà lồng chợ chính	1,07	1,07	1,07
93	Đường xâm nhập nhựa	Đường Quốc lộ 14	Khu bảo tồn Thác Đứng Bù Đẳng	1,07	1,07	1,07
94	Đường xâm nhập vào thôn Hưng Phát (thôn 7 Minh Hưng cũ)	Hết ranh Khu dân cư thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ)	Nhà ông Bùi Văn Tuy (thửa 89 tờ bản đồ 124)	1,07	1,07	1,07
95	Đường xâm nhập nhựa thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ)	Đường ĐT 760	Khu dân cư thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ)	1,07	1,07	1,07
96	Đường xâm nhập nhựa thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Nhà thờ Giáo xứ Minh Hưng vào thôn Hưng Phú (thôn 5 Minh Hưng cũ)	Đường Quốc lộ 14	Toàn tuyến	1,07	1,07	1,07
97	Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 thôn Hưng Thịnh (thôn 3 Minh Hưng cũ) đi Đập thủy lợi Hưng Phú	Đường Quốc lộ 14	Đập Thủy lợi Hưng Phú	1,07	1,07	1,07
98	Đường Bê tông từ Quốc lộ 14 đi thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ), vào Nhà văn hóa thôn Hưng Tân đến hết thửa 170 tờ bản đồ số 128 (đường ngã ba Hành)	Đường Quốc lộ 14	Hết thửa 170 tờ bản đồ 128	1,07	1,07	1,07
99	Đường xâm nhập nhựa từ Quốc lộ 14 đi nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân (thôn 1 Minh Hưng cũ)	Đường Quốc lộ 14	Nhà văn hóa cộng đồng thôn Hưng Tân	1,07	1,07	1,07
100	Đường Bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào trường	Đường Quốc lộ 14	Cuối đường	1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Mẫu giáo Minh Hưng)					
101	Ngã 3 thôn Hưng Tân đi thôn Minh Hưng, thôn Hưng Thịnh, thôn Hưng Phú	Ngã 3 giáp đường thôn Hưng Tân (đường ngã ba Hành)	Ngã 3 đường đi thôn Hưng Phú	1,07	1,07	1,07
102	Đường thôn Vĩnh Thiện (vào quán Hồn Việt)	Giáp đường Lê Hồng Phong (nhà ông Nguyễn Thượng Dũng)	Giáp đường Lý Thường Kiệt (nhà yển Bốn Xê)	1,05	1,05	1,05
103	Đường hai bên trái, phải khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
104	Đường nội bộ khu dân cư Phan Bội Châu	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
105	Đường phía sau khu dân cư và thương mại, Dịch vụ Phan Bội Châu	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
106	Các đường nội bộ khu dân cư Đức Lập	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
107	Đường N2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác)	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
108	Đường N3 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác)	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
109	Đường D2 (Khu liên kế Dự án Trụ sở Huyện ủy, Công an huyện và các cơ quan khác)	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
110	Đường D2 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Hòa)	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
111	Đường D3 (Khu Văn hóa giáo dục thôn Đức Hòa)	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
112	Đường nội bộ trong Khu dân cư thôn 3, Minh Hưng (thôn	Các tuyến đường trong Khu dân cư		1,07	1,07	1,07

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Hưng Thịnh)					
113	Đường N1 - Khu dân cư Lê Quý Đôn	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
114	Đường N2 - Khu dân cư Lê Quý Đôn	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
115	Đường D4 - Khu dân cư Lê Quý Đôn	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
116	Đường bê tông thôn Minh Hưng (thôn 2 Minh Hưng cũ) tiếp giáp Quốc lộ 14 (đường vào chùa Hoàn Liên Hoa)	Quốc lộ 14	Cuối đường	1,05	1,05	1,05
117	Đường Phước Sơn - Đồng Nai (địa phận xã Bù Đăng)	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
118	Đường liên thôn (nối dài từ Nguyễn Thị Minh Khai đi thôn 1 Đoàn kết)	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	Hết tờ bản đồ số 103	1,05	1,05	1,05
119	Các tuyến đường đất còn lại có bề rộng nhỏ hơn 4m hoặc đường không cắt lộ giới	Toàn tuyến		1,13	1,13	1,13
120	Các tuyến đường đã được đầu tư bê tông, nhựa hoặc đường đất chưa được quy định ở trên	Toàn tuyến		1,13	1,13	1,13

Bảng 82. Xã Thọ Sơn

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Quốc lộ 14	Ranh giới xã Phú Sơn cũ	Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ	1,10	1,10	1,10
2	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh cây xăng Duy Kỳ	Hết ranh đất nhà bà Lương (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 95)	1,10	1,10	1,10
3	Đường Quốc lộ 14	Ranh đất nhà ông Nhâm (thửa đất số 172, tờ bản đồ số 95)	Ngã ba Đường vào đập thủy lợi	1,10	1,10	1,10
4	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Đường vào đập thủy lợi	Ngã ba Đường vào công Nông trường	1,10	1,10	1,10
5	Đường Quốc lộ 14	Ngã ba Đường vào công Nông trường	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	1,10	1,10	1,10
6	Đường Quốc lộ 14	Giáp ranh xã Phú Sơn cũ (Km 896 + 400)	Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600)	1,10	1,10	1,10
7	Đường Quốc lộ 14	Chợ Thọ Sơn (Km 898 + 600)	Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800)	1,10	1,10	1,10
8	Đường Quốc lộ 14	Ngã 3 Sơn Hiệp (Km 899 + 800)	Giáp ranh xã Bù Đăng (Km 903 + 400)	1,10	1,10	1,10
9	Đường Quốc lộ 14 cũ	Ngã ba đường tránh đường Quốc lộ 14 cũ	Hết ranh cây xăng Duy Kỳ	1,10	1,10	1,10
10	Đường hai bên chợ Phú Sơn cũ	Toàn tuyến		1,10	1,10	1,10
11	Đường hai bên chợ Thọ Sơn	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m	1,10	1,10	1,10
12	Đường liên thôn	Ngã ba Đường vào đập thủy lợi Nông trường	Hết ranh đất nhà ông Anh (thửa đất số 447, tờ bản đồ số 90)	1,10	1,10	1,10
13	Đường liên thôn	Ngã ba Đường vào công Nông trường	Giáp ranh Nông trường cao su (thửa đất số 340, tờ bản đồ số 90)	1,10	1,10	1,10
14	Các tuyến đường còn lại Khu dân cư Trung tâm hành chính xã Phú Sơn cũ	Toàn tuyến		1,10	1,10	1,10
15	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba Vườn chuối (Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 72)	Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72)	1,10	1,10	1,10

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
16	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba đường rẽ vào thôn 6 (thôn 5 cũ) (Thửa đất số 29, tờ bản đồ số 72)	Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106)	1,10	1,10	1,10
17	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Tụy (Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 106)	Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	1,10	1,10	1,10
18	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Ngã ba công chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112)	1,10	1,10	1,10
19	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba công chào Công ty An Phước (Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 112)	Hết ranh đất ông Điều Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113)	1,10	1,10	1,10
20	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất ông Điều Quang (Thửa đất số 32, tờ bản đồ số 113)	Hết tuyến	1,10	1,10	1,10
21	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Hùng (Thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)	1,10	1,10	1,10
22	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Hết ranh đất nhà ông Ngọt (Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 115)	Ngã 3 Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121)	1,10	1,10	1,10
23	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã 3 Bù Chóp (Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 121)	Cuối tuyến	1,10	1,10	1,10
24	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Giáp ranh xã Đoàn Kết - Thọ Sơn cũ	Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38)	1,03	1,03	1,03
25	Đường Đoàn Kết - Đồng Nai	Ngã ba ông Đình Công Thành (Thửa đất số 28&266, tờ bản đồ số 38)	Giáp ranh xã Đồng Nai - Thọ Sơn cũ	1,10	1,10	1,10
26	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Nhà ông Trần Trọng Thống thửa đất số 164&238, tờ bản đồ số 48	Nhà ông Đoàn Công Thúc thửa đất số 24&3, tờ bản đồ số 43	1,10	1,10	1,10
27	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Nhà ông Đoàn Công Thúc thửa đất số 24 &3, tờ bản đồ số 43	Ngã ba chùa Ông Tông thửa đất số 276 &23, tờ bản đồ số 35	1,10	1,10	1,10

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
28	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Ngã ba chùa Ông Tông thửa đất số 276 & 23, tờ bản đồ số 35	Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32	1,10	1,10	1,10
29	Đường liên thôn Sơn Lập - Sơn Thọ	Cuối nhà ông Nguyễn Văn Nhân thửa đất số 294 & 335, tờ bản đồ số 32	Cầu Sông R lấp nhà ông Đặng Minh Lộc giáp cầu Sông R Lấp tờ bản đồ số 33	1,10	1,10	1,10
30	Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa	Ngã 3 Sơn Lợi (giáp đường Quốc lộ 14)	Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2)	1,10	1,10	1,10
31	Đường liên thôn Sơn Lợi - Sơn Hòa	Ngã 3 vào trường THCS (Cấp 1,2)	Suối Sơn Hòa	1,10	1,10	1,10
32	Đường vào trường Tiểu học Thọ Sơn	Toàn tuyến		1,10	1,10	1,10
33	Các tuyến đường bê tông xi măng theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của huyện Bù Đăng	Đường thôn	Rẫy ông Đạo, thôn Sơn Thọ	1,10	1,10	1,10
34	Đường bê tông xi măng	Đoạn vào nhà văn hóa thôn Sơn Thọ		1,10	1,10	1,10
35	Đường bê tông xi măng	Nhà ông Quỳnh	Rẫy ông Phong, thôn Sơn Lập	1,10	1,10	1,10
36	Đường bê tông xi măng	Nhà ông Năm	Rẫy ông Mạnh, thôn Sơn Lập	1,10	1,10	1,10
37	Đường nối tiếp bê tông xi măng	Đoạn nhà ông Toán, thôn Sơn Lập		1,10	1,10	1,10
38	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		1,12	1,12	1,12
39	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
40	Các tuyến đường trong khu quy hoạch 5ha của xã Thọ Sơn	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05

Bảng 83. Xã Đắk Nhau

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 760	Giáp ranh xã Bom Bo	Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79	1,08	1,08	1,08
2	Đường ĐT 760	Giáp ranh thửa 204, tờ bản đồ số 79	Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn	1,08	1,08	1,08
3	Đường ĐT 760	Hết ranh của hàng điện thoại Ngọc Sơn	Ngã ba thôn 2 đi thôn 5	1,08	1,08	1,08
4	Đường ĐT 760B	Ngã ba chuông trâu	Ngã ba Nùng	1,10	1,10	1,10
5	Đường ĐT 760B.Nhựa	Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 25	Hết cây xăng Chung Chiếu	1,08	1,08	1,08
6	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết cây xăng Chung Chiếu	Hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9	1,08	1,08	1,08
7	Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau	Giáp ranh xã Bom Bo	Ngã ba Nùng	1,08	1,08	1,08
8	Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau	Ngã ba Nùng	Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51	1,08	1,08	1,08
9	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 93, tờ bản đồ số 51	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49	1,08	1,08	1,08
10	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 49	Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46	1,08	1,08	1,08
11	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 191, tờ bản đồ số 46	Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47	1,08	1,08	1,08
12	Đường ĐT 760B.Nhựa	Hết thửa đất số 180, tờ bản đồ số 47	Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34	1,08	1,08	1,08
13	Đường ĐT 760B	Hết thửa đất số 209, tờ bản đồ số 34	Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34	1,08	1,08	1,08
14	Đường ĐT 760B	Hết thửa đất số 165, tờ bản đồ số 34	Giáp ranh xã Thọ Sơn	1,05	1,05	1,05
15	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53	Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 51	1,08	1,08	1,08
16	Đường thâm nhập nhựa	Đường liên xã Bom Bo - Đắk Nhau (Thửa đất số 120 và 62, tờ bản đồ số 24)	Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 15	1,08	1,08	1,08
17	Đường thâm nhập nhựa	Đường ĐT 760B (Thửa đất số 208, tờ bản đồ số 49)	Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13	1,08	1,08	1,08

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
18	Đường thâm nhập nhựa	Hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13	Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42	1,08	1,08	1,08
19	Đường thâm nhập nhựa	Đầu thửa đất số 19, tờ bản đồ số 42	Đường ĐT 760B (Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 47)	1,08	1,08	1,08
20	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 203, tờ bản đồ số 49	Thửa đất số 401, tờ bản đồ số 02	1,08	1,08	1,08
21	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02	Thửa đất số 132, tờ bản đồ số 48	1,08	1,08	1,08
22	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 14	Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 13	1,08	1,08	1,08
23	Đường thâm nhập nhựa	Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 14	Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14	1,10	1,10	1,10
24	Đường bê tông nhựa	Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 02	Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 05	1,08	1,08	1,08
25	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
26	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
27	Ngã ba thôn 2 đi thôn 5 (Đối diện điểm trường mẫu giáo Đội 3 Trung đoàn 719)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
28	Ngã ba thôn 3 đi ngã ba Tuấn Linh thôn 4	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
29	Ngã ba ông Xây (Bom Bo đến dốc ngầm)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
30	Ngã ba Cây xăng Chung Chiêu đến nhà văn hóa thôn 5	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
31	Ngã ba Bảy Liềm đến ngã ba tổ 4 thôn 2	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
32	Đường số 1	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
33	Đường số 2	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
34	Đường số 3	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
35	Đường số 4	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
36	Đường số 6	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
37	Đường 4B - Bê tông xi măng (Nhà ông Phát thợ mộc)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
38	Các tuyến đường thuộc khu TTHC xã Đak Nhau	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
39	Tuyến đường số 7 và 7A thuộc Khu TTHC	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	xã Đường 10 cũ					

Bảng 84. Xã Bom Bo

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 760	Cầu Sông Lấp (giáp ranh xã Minh Hưng)	Thửa đất số 34, 124 tờ bản đồ số 78	1,09	1,09	1,09
2	Đường ĐT 760	Thửa đất số 34, 124 tờ bản đồ số 78	Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77 (Nhà Thăng Bền)	1,09	1,09	1,09
3	Đường ĐT 760	Thửa đất số 54, 48 tờ bản đồ số 77	Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75 (Nhà Thanh Hương)	1,09	1,09	1,09
4	Đường ĐT 760	Thửa đất số 73, 65 tờ bản đồ số 75	Ngã ba Tình Nghĩa	1,09	1,09	1,09
5	Đường ĐT 760	Ngã ba Tình Nghĩa	Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71 (Đường vào nhà thờ)	1,09	1,09	1,09
6	Đường ĐT 760	Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 66; Thửa đất số 1, tờ bản đồ số 71	Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam)	1,09	1,09	1,09
7	Đường ĐT 760	Thửa đất số 178, 177 tờ bản đồ số 80 (Cổng nhà chú Nam)	Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn 3)	1,09	1,09	1,09
8	Đường ĐT 760	Thửa đất số 66, 67 tờ bản đồ số 79 (Hội trường thôn 3)	Thửa đất số 141, 308 tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - Quy hoạch khu dân cư thôn 4)	1,09	1,09	1,09
9	Đường ĐT 760	Thửa đất số 141, 308, tờ bản đồ số 58 (Nhà ông Cừ - Quy hoạch khu dân cư thôn 4)	Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55	1,09	1,09	1,09
10	Đường ĐT 760	Thửa đất số 97, 82 tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55	1,09	1,09	1,09
11	Đường ĐT 760	Thửa đất số 74, 64 tờ bản đồ số 55	Thửa đất số 26, 197 tờ bản đồ số 55	1,09	1,09	1,09
12	Đường ĐT 760	Thửa đất số 26, 197 tờ bản đồ số 55	Cầu Sập	1,09	1,09	1,09
13	Đường ĐT 760	Cầu Sập	Ngã ba công chào thôn 8	1,09	1,09	1,09
14	Đường ĐT 760	Ngã ba công chào thôn 8	Hết ranh Công Nhà văn hóa Bom	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			Bo			
15	Đường ĐT 760	Hết ranh Công Nhà văn hóa Bom Bo	Hết ranh nhà ông Sáu Lực	1,09	1,09	1,09
16	Đường ĐT 760	Giáp ranh nhà ông Sáu Lực	Ngã ba ông Võ Lý Hùng	1,09	1,09	1,09
17	Đường ĐT 760	Ngã ba ông Võ Lý Hùng	Giáp ranh xã Đăk Nhau	1,09	1,09	1,09
18	Các tuyến đường trong khu trung tâm hành chính xã	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
19	Đường từ nhà bà Sâm Mai và Trần Văn Tửu đến nhà bà Lê Thị Đồi	Thửa đất số 122, 101 tờ bản đồ số 80	Thửa đất số 88, 7 tờ bản đồ số 66	1,09	1,09	1,09
20	Đường 23 (đường liên xã)	Đường ĐT 760	Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 55	1,09	1,09	1,09
21	Đường 24 (đường liên xã)	Đường ĐT 760	Thửa đất số 10 & 22, tờ bản đồ số 55	1,09	1,09	1,09
22	Đường Ba Trà đi thôn 678	Đường ĐT 760	Đất ông Dương Văn Hùng (lối vào đường vành đai xã) thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64	1,09	1,09	1,09
23	Tuyến nghĩa tình đến khu đất nhỏ Nguyễn Thanh Tâm	Đường ĐT 760	Thửa đất số 47 và 54, tờ bản đồ số 52	1,09	1,09	1,09
24	Tuyến đường vành đai xã	Ranh đất ông Nguyễn Văn Cháp (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80) - Đất ông Lữ Văn Lâm (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 66)	Hết ranh đất ông Dương Văn Hùng (thửa đất số 65, tờ bản đồ số 64); Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 64	1,09	1,09	1,09
25	Đường liên xã Bom Bo - Đăk Nhau	Ngã tư Bom Bo	Ngã ba đường Sân Bống	1,09	1,09	1,09
26	Đường liên xã Bom Bo - Đăk Nhau	Ngã ba đường Sân Bống	Hết ranh Trường Lương Thế Vinh	1,09	1,09	1,09
27	Đường liên xã Bom Bo - Đăk Nhau	Giáp ranh Trường Lương Thế Vinh	Giáp ranh xã Đăk Nhau	1,13	1,13	1,13
28	Đường đi Đăk Liên	Ngã tư Bom Bo	Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng	1,09	1,09	1,09
29	Đường đi Đăk Liên	Ngã tư nhà ông Đỗ Đình Hùng	Ngã ba nhà ông Ngô	1,09	1,09	1,09
30	Đường đi Đăk Liên	Ngã ba nhà ông Ngô	Ngã ba nhà ông Tuấn Anh	1,09	1,09	1,09
31	Đường đi Đăk Liên	Ngã ba nhà ông Ngô	Ngã ba vào Trường cấp 1, 2	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			Trần Văn Ôn			
32	Đường đi Đăk Liên	Ngã ba vào trường Cấp 1, 2 Trần Văn Ôn	Hết ranh đất lâm phần	1,09	1,09	1,09
33	Đường Nội Ô	Hết ranh nhà ông Ba Thành	Ngã ba Cây xăng Tân Mỹ Hoa đường đi Đăk Nhau	1,09	1,09	1,09
34	Đường Nội Ô	Hết ranh nhà ông Cao Văn Yên	Ngã ba đường nhà Ông Trúc Lam	1,09	1,09	1,09
35	Đường hai bên chợ Bom Bo	Hành lang nhà lồng chợ chính	Hành lang nhà lồng chợ chính vào sâu 15m	1,09	1,09	1,09
36	Đường ô trường Tiểu học	Ngã ba nhà ông Tiên	Ngã ba nhà ông Long Quý	1,09	1,09	1,09
37	Đường Thôn 7 - Thôn 9	Ngã ba vào Trường cấp 1, 2 Trần Văn Ôn	Ngã ba nhà ông Tô Văn Tường	1,09	1,09	1,09
38	Đường bên hông Trung tâm thương mại	Hết ranh nhà ông Đỗ Đình Hà	Suối Đăk Liên	1,09	1,09	1,09
39	Đường vào Khu dân cư Thái Thành	Ngã ba nhà ông Toàn	Khu dân cư Thái Thành	1,09	1,09	1,09
40	Đường vành đai Bom Bo giáp với đường 10 cũ	Ngã ba ông Xây	Ngã ba nhà ông Thái	1,05	1,05	1,05
41	Khu dân cư Thái Thành - Bom Bo (Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh Bất động sản Thái Thành)	Các tuyến đường trong Khu dân cư (không bao gồm đường ĐT 760)		1,09	1,09	1,09
42	Đường bên hông Thái Thành	Đường ĐT 760	UBND xã Bom Bo	1,05	1,05	1,05
43	Các tuyến đường bê tông, nhựa còn lại	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
44	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,12	1,12	1,12

Bảng 85. Xã Thiện Hưng

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường Nguyễn Huệ	Ranh xã Thanh Hòa (cũ)	Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 74)	1,06	1,06	1,06
2	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư vòng xoay (Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 74)	Cây xăng thị trấn Thanh Bình (cũ), hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 09	1,06	1,06	1,06
3	Đường Nguyễn Huệ	Cây xăng thị trấn Thanh Bình (cũ), hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 09	Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44	1,06	1,06	1,06
4	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 44	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05	1,05	1,05
5	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Ranh xã Thiện Hưng cũ	1,05	1,05	1,05
6	Đường Lê Duẩn	Ngã ba Công Chánh	Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51	1,06	1,06	1,06
7	Đường Lê Duẩn	Giáp đường Nguyễn Trãi và hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 51	Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46	1,06	1,06	1,06
8	Đường Lê Duẩn	Giáp đường Nguyễn Lương Bằng và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 46	Ngã ba Sỏ Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10	1,06	1,06	1,06
9	Đường Lê Duẩn	Ngã ba Sỏ Nhỏ (Đường D11) và hết thửa đất số 496, tờ bản đồ số 10	Hết thửa đất số 633, tờ bản đồ số 10	1,05	1,05	1,05
10	Đường Lê Duẩn	Hết thửa đất số 633, tờ bản đồ số 10	Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tô)	1,06	1,06	1,06
11	Đường Lê Duẩn	Giáp suối (Hết ranh đất ông Trần Bù Tô)	Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20)	1,06	1,06	1,06
12	Đường Lê Duẩn	Hết ranh thửa đất số 94 và thửa đất số 91, tờ bản đồ số	Cầu sông Bé mới	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		20)				
13	Đường Hùng Vương	Vòng xoay	Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch	1,05	1,05	1,05
14	Đường Hùng Vương	Giao lộ đường Phạm Ngọc Thạch	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
15	Đường Lê Hồng Phong	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
16	Đường trong khu vực chợ (cũ)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
17	Đường Nguyễn Trãi	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
18	Đường Lê Văn Sỹ	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
19	Đường Trần Huy Liệu	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
20	Đường Nguyễn Lương Bằng	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
21	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759)	Bệnh viện Bù Đốp (Cầu số 1 (ông Điều Tài) cũ)	1,05	1,05	1,05
22	Đường Phạm Ngọc Thạch	Bệnh viện Bù Đốp (Cầu số 1 (ông Điều Tài) cũ)	Giáp ranh xã Thanh Hoà (cũ)	1,06	1,06	1,06
23	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hoàng Văn Thụ (D1)	1,06	1,06	1,06
24	Đường trong Trung tâm thương mại	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
25	Đường Nguyễn Chí Thanh	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
26	Đường 7/4	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Chu Văn An	1,06	1,06	1,06
27	Đường Phan Đăng Lưu	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
28	Đường Lý Tự Trọng	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
29	Đường Chu Văn An	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
30	Đường Hoàng Văn Thụ	Vòng xoay	Đường tránh	1,06	1,06	1,06
31	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường tránh	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,06	1,06	1,06
32	Đường Hoàng Văn Thụ (nối dài)	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường ĐT 759B	1,06	1,06	1,06
33	Đường Tô Hiến Thành	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
34	Đường khu phố Thanh Xuân	Đầu nối đường Hùng Vương (từ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 76)	Đầu nối đường Hùng Vương (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 16)	1,05	1,05	1,05
35	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
36	Đường Lương Đình	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Cửa					
37	Đường Cống Quỳnh	Đường Nguyễn Huệ	Giáp đường Nguyễn Đình Chiểu (D2)	1,06	1,06	1,06
38	Đường nhựa Cần Đơn	Đường Lê Duẩn (Đường ĐT 759)	Trụ điện 02	1,06	1,06	1,06
39	Đường nhựa Cần Đơn	Trụ điện 02	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
40	Đường Lê Thị Riêng	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
41	Đường D4	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
42	Đường Tôn Thất Tùng	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
43	Đường Suối Đá áp Thanh Trung	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02)	1,06	1,06	1,06
44	Đường Suối Đá áp Thanh Trung	Hết ranh đất bà Bùi Thị Thùy Dung (thửa đất số 212 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02)	Suối Đá	1,06	1,06	1,06
45	Đường Suối Đá áp Thanh Trung	Suối Đá	Đường Lê Duẩn	1,06	1,06	1,06
46	Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài)	Giáp đường Hoàng Văn Thụ (D1)	Ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (phía Bắc)	1,06	1,06	1,06
47	Đường Nguyễn Văn Trỗi (nối dài)	Ngã ba đi ấp 3 Thanh Hòa (phía Bắc)	Ranh xã Thanh Hòa (cũ)	1,06	1,06	1,06
48	Đường áp Thanh Trung	Đường Lê Duẩn	Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 04)	1,06	1,06	1,06
49	Đường ranh ấp Thanh Tâm - Thanh Sơn	Đường Lê Duẩn	Ngã 3 Kiệt Lành	1,06	1,06	1,06
50	Đường cặp hàng rào Công an huyện	Đường Hoàng Văn Thụ	Đến ranh đội Quản lý thị trường	1,06	1,06	1,06
51	Đường giao thông đầu nối từ đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Huệ vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	này)					
52	Đường nhựa bên hông Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ)	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đến ngã ba Đường Nhựa (hết thửa đất số 374, tờ bản đồ số 17)	1,06	1,06	1,06
53	Đường bê tông quanh Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đốp (cũ)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
54	Đường trong khu đầu giá Trung Tâm Y tế cũ (Đường vào hồ bơi Hạnh Ngộ)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
55	Đường nhựa đi công ty Chuối	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 24 và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 28)	Ranh xã Thiện Hưng cũ (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 5)	1,06	1,06	1,06
56	Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn	Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 20	Ngã ba (Hết thửa số 104, tờ bản đồ số 20)	1,06	1,06	1,06
57	Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy	Thửa đất số 91, tờ bản đồ số 20	Hết thửa đất số 86, tờ bản đồ số 20 (xưởng điều Thu Đoàn)	1,06	1,06	1,06
58	Đường nhựa đi ấp Thanh Thủy (Công chào ấp)	Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 13	Hết thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13	1,06	1,06	1,06
59	Đường nhựa ấp Thanh Trung đi ấp Thiện Cư	Thửa đất số 574, tờ bản đồ số 11	Hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 11 (Hết ranh thị trấn Thanh Bình (cũ))	1,06	1,06	1,06
60	Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn	Ngã ba Kiệt Lành	Trụ sở ấp Thanh Tâm (hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 12)	1,06	1,06	1,06
61	Đường nhựa đi ấp Thanh Sơn	Ngã ba Kiệt Lành	Hết thửa đất số 413, tờ bản đồ số 11	1,06	1,06	1,06
62	Các tuyến đường trong Khu quy hoạch song song Chu Văn An, Nguyễn Huệ	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
63	Đường nhựa (Sao Biển)	Đường Nguyễn Huệ	Hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 45	1,06	1,06	1,06
64	Đường bê tông bên hông Trường THCS Thanh Bình	Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36	Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 36	1,06	1,06	1,06
65	Đường nhựa giáp	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	ranh Trụ Sở khối Mặt trận - Đoàn thể					
66	Tuyến đường song song giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
67	Các đường đầu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Trãi	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
68	Các đường đầu nối giữa đường Chu Văn An và đường Nguyễn Huệ	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
69	Tuyến đường bê tông nối từ đường Hùng Vương đến đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
70	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74	1,06	1,06	1,06
71	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ) (đường quán tỉnh)	Hết ranh thửa đất số 81, tờ bản đồ số 74	Hết ranh thửa đất số 213, tờ bản đồ số 16	1,06	1,06	1,06
72	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66	1,06	1,06	1,06
73	Đường bê tông giáp ranh giữa Thanh Hòa và Thanh Bình (cũ)	Hết ranh thửa đất số 11, tờ bản đồ số 66	Hết ranh thửa đất số 74, tờ bản đồ số 8	1,06	1,06	1,06
74	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Tân Tiến	Cổng Tầm Ron	1,06	1,06	1,06
75	Đường ĐT 759B	Cổng Tầm Ron	Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao)	1,13	1,13	1,13
76	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường vào ấp 7 (ngã ba Cây Sao)	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)	1,06	1,06	1,06
77	Đường ĐT 759B	Ngã ba nhà ông Luyện (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 84)	Cầu sông Bé mới	1,06	1,06	1,06
78	Đường ĐT 759B	Giáp ranh thị trấn	Hết ranh trại hòm	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Thanh Bình (cũ)	Ba Đình			
79	Đường ĐT 759B	Hết ranh trại hòm Ba Đình	Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng	1,06	1,06	1,06
80	Đường ĐT 759B	Ngã ba xuống đường sau chợ Thiện Hưng	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 178	1,06	1,06	1,06
81	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 178	Hết ranh Đài tưởng niệm	1,06	1,06	1,06
82	Đường ĐT 759B	Hết ranh Đài tưởng niệm	Giáp ranh xã Hưng Phước và Phước Thiện (cũ)	1,05	1,05	1,05
83	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ)	Cổng chào áp 8	1,06	1,06	1,06
84	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Cổng chào áp 8	Nhà văn hóa áp 8	1,05	1,05	1,05
85	Đường D11 vào UBND xã Thanh Hòa (cũ)	Nhà văn hóa áp 8	Chùa Thanh Vân	1,05	1,05	1,05
86	Đường cổng chào áp 3	Giáp thị trấn Thanh Bình (cũ)	Giáp ranh xã Thiện Hưng cũ	1,06	1,06	1,06
87	Đường Quy hoạch trung tâm hành chính xã Thanh Hòa (cũ)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
88	Đường nhựa áp 1	Đường ĐT759B	Hết ranh nhà văn hóa áp 1	1,06	1,06	1,06
89	Đường nhựa áp 2	Đường ĐT759B	Ngã tư áp 2 và áp 3	1,06	1,06	1,06
90	Đường nhựa áp 7 (ngã ba cây Sao)	Đường ĐT759B	Ngã tư UBND xã Thanh Hòa (cũ)	1,06	1,06	1,06
91	Đường nhựa áp 7 (ngã ba quán cây me)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 129	1,06	1,06	1,06
92	Đường nhựa áp 6	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 126, tờ bản đồ số 126	1,06	1,06	1,06
93	Đường nhựa áp 4 (ngã ba nhà ông Hỷ)	Đường ĐT759	Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 91	1,06	1,06	1,06
94	Đường nhựa áp 9	Ngã tư trường tiểu học áp 9	Hết Nhà văn hóa áp 9	1,06	1,06	1,06
95	Đường nhựa áp 3 giáp ranh xã Thiện Hưng cũ (hướng trụ sở Trung đoàn 717)	Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 112	Hết ranh thửa đất số 40, tờ bản đồ số 110	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
96	Đường nhựa ấp 3 giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ) (hướng từ đường Nguyễn Văn Trỗi)	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)	Hết ranh thửa đất số 91, tờ bản đồ số 116	1,06	1,06	1,06
97	Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ)	Đường ĐT759B	Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 125	1,06	1,06	1,06
98	Đường bê tông giáp ranh giữa thị trấn Thanh Bình - xã Thanh Hòa (cũ)	Hết ranh thửa đất số 4, tờ bản đồ số 125	Hết ranh thửa đất số 6 và thửa đất số 11, tờ bản đồ số 129	1,06	1,06	1,06
99	Đường bê tông vào ấp 6	Đường ĐT759B	Hết thửa đất số 4, tờ bản đồ số 124	1,06	1,06	1,06
100	Đường bê tông vào ấp 6	Đường ĐT759B	Hết thửa đất số 254, tờ bản đồ số 124	1,06	1,06	1,06
101	Đường bê tông vào ấp 6	Đường ĐT759B	Hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 123	1,06	1,06	1,06
102	Đường nhựa thôn 3 ranh giữa xã Thiện Hưng - xã Thanh Hòa (cũ)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
103	Đường nhựa vào ấp 8	Cổng chào ấp 8	Ngã 3 Đài tưởng niệm	1,06	1,06	1,06
104	Đường giao thông đầu nối từ đường ĐT759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
105	Đường khu dân cư ấp 3	Hết ranh đất ông Huân (thửa đất số 14, tờ bản đồ số 118)	Hết ranh đất nhà ông Mên (hết ranh thửa đất số 96, tờ bản đồ số 115)	1,06	1,06	1,06
106	Đường tránh	Cổng Tầm Roong	Hết ranh đất ông Ham (hết ranh thửa đất số 244, tờ bản đồ số 124)	1,06	1,06	1,06
107	Đường vào Nghĩa địa ấp 4	Nhà ông Vũ Văn Khản (thửa đất số 02, tờ bản đồ số 84)	Nhà ông Dương Văn Đông (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 91)	1,06	1,06	1,06
108	Đường nhựa ranh giữa xã Thanh Hòa - thị trấn Thanh Bình (cũ) (vào nhà văn)	Hết ranh nhà ông Luyện (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 84)	Hết ranh thửa đất số 47, tờ bản đồ số 91	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	hóa ấp 4)					
109	Đường bê tông giáp ranh giữa xã Thanh Hòa và thị trấn Thanh Bình (cũ)	Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 124	Hết ranh thửa đất số 192, tờ bản đồ số 120	1,06	1,06	1,06
110	Đường nhựa	Ngã ba đò chi khu	Ngã ba nhà bà Ti thôn 3	1,06	1,06	1,06
111	Đường quanh chợ Thiện Hưng	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
112	Đường trong khu vực chợ	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
113	Đường nhựa	Từ ngã ba chợ	Trạm xá E717	1,06	1,06	1,06
114	Đường quanh Bến xe mới Thiện Hưng	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
115	Đường Quy hoạch khu 3,4 ha	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
116	Đường nhựa	Ngã ba thôn 6	Hết ranh thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu	1,06	1,06	1,06
117	Đường nhựa	Ngã ba bến xe mới vào 30m	Nhà văn hóa cộng đồng	1,06	1,06	1,06
118	Đường nhựa	Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ)	Đến ngã ba trụ sở Trung Đoàn (hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 30 và thửa đất số 27, tờ bản đồ số 148)	1,06	1,06	1,06
119	Đường nhựa	Hết ranh Trạm xá E717	Hết ranh trụ sở Trung Đoàn 717	1,06	1,06	1,06
120	Đường nhựa thôn 4	Đường ĐT759B	Ngã ba nhà thờ Châu Ninh (hết ranh thửa đất số 25, thửa đất số 32, thửa đất số 40 và thửa đất số 48, tờ bản đồ số 138)	1,06	1,06	1,06
121	Đường nhựa thôn 2	Đường ĐT759B	Hết thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138	1,15	1,15	1,15
122	Đường nhựa thôn 2	Hết thửa đất số 605 và thửa đất số 641, tờ bản đồ số 138	Đường nhựa thôn 5	1,06	1,06	1,06
123	Đường nhựa thôn 3	Giáp ranh thị trấn Thanh Bình (cũ)	Hết ranh thửa đất số 43 và thửa đất số 46, tờ bản đồ số 145	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
124	Đường nhựa thôn 3	Hết ranh thửa đất số 59, tờ bản đồ số 145	Hết ranh thửa đất số 49, tờ bản đồ số 145	1,06	1,06	1,06
125	Đường nhựa thôn 5	Đường ĐT 759B vào 30m (ngã ba hạt Kiểm lâm)	Chùa Tâm Pháp	1,06	1,06	1,06
126	Đường nhựa thôn 6	Ngã ba thôn 6	Hết ranh thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 171)	1,06	1,06	1,06
127	Đường nhựa thôn 6	Giáp ranh đất thửa đất nhà ông Lưu Văn Châu	Ngã tư thôn 6	1,06	1,06	1,06
128	Đường nhựa thôn 6	Ngã 4 thôn 6	Hết ranh nhà văn hóa ấp 6 (thửa đất số 101 và thửa đất số 120, tờ bản đồ số 140)	1,06	1,06	1,06
129	Đường nhựa thôn 4	Ngã 3 Nhà thờ	Hết thửa đất số 6 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 138	1,06	1,06	1,06
130	Đường nhựa thôn 4	Giáp ranh thửa đất số 6 và thửa đất số 38, tờ bản đồ số 138	Ngã ba thôn 1	1,06	1,06	1,06
131	Đường giao thông đầu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
132	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

Bảng 86. Xã Tân Tiến

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Lộc Tấn	Giáp ranh xã Lộc Quang	1,05	1,05	1,05
2	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Lộc Hiệp (cũ)	Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ)	1,09	1,09	1,09
3	Đường ĐT 759B	Hết ranh UBND xã Tân Thành (cũ)	Giáo xứ Tân Thành	1,09	1,09	1,09
4	Đường ĐT 759B	Giáo xứ Tân Thành	Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết	1,09	1,09	1,09
5	Đường ĐT 759B	Giáp ranh đất ông Võ Đình Chiết	Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ)	1,09	1,09	1,09
6	Đường ĐT 759B	Hết ranh Bưu điện xã Tân Thành (cũ)	Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21)	1,09	1,09	1,09
7	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường xóm (hết ranh thửa đất số 51, tờ bản đồ số 21)	Giáp ranh xã Tân Tiến cũ	1,04	1,04	1,04
8	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Tân Thành (cũ)	Ngã ba đường nhựa K2	1,09	1,09	1,09
9	Đường ĐT 759B	Ngã ba đường nhựa K2	Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên	1,07	1,07	1,07
10	Đường ĐT 759B	Giáp ranh đất nhà bà Lê Bên	Công chào áp Tân An	1,09	1,09	1,09
11	Đường ĐT 759B	Công chào áp Tân An	Giáp ranh xã Thanh Hòa (cũ)	1,09	1,09	1,09
12	Đường giao thông đầu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
13	Đường liên doanh	Đường ĐT 759B	Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ	1,09	1,09	1,09
14	Đường liên doanh	Hết ranh đất Trường THCS xã Tân Thành cũ	Đồn cầu trắng	1,10	1,10	1,10
15	Đường trong khu vực chợ Tân Thành	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
16	Đường nhựa áp Tân Lợi	Đường ĐT759B (công chào áp Tân Lợi)	Ngã ba Biên Hồ (hết ranh thửa đất số 104 và thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16)	1,09	1,09	1,09
17	Đường nhựa áp Tân Lợi	Đường liên doanh (ngã ba nhà bà	Ngã ba Biên Hồ (hết ranh thửa đất	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		Năm Lâu)	số 104 và thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16)			
18	Đường nhựa ấp Tân Lợi	Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 16	Hết thửa đất số 427, tờ bản đồ số 9	1,09	1,09	1,09
19	Đường nhựa ấp Tân Phú	Đường liên doanh (Công chào ấp Tân Phú)	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 407, tờ bản đồ số 17)	1,09	1,09	1,09
20	Đường nhựa ấp Tân Phong	Đường liên doanh (Công chào ấp Tân Phong)	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 120, tờ bản đồ số 8)	1,09	1,09	1,09
21	Đường nhựa ấp Tân Phong	Đường liên doanh (ngã ba cây tung)	Hết ranh thửa đất số 202, tờ bản đồ số 7	1,09	1,09	1,09
22	Đường nhựa ấp Tân Hội	Đường liên doanh (công chào ấp Tân Hội)	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
23	Đường nhựa ấp Tân Hội	Đường liên doanh (công chào cũ ấp Tân Hội)	Hết ranh thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6	1,09	1,09	1,09
24	Đường nhựa ấp Tân Lập đi Tân Phú	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 215, thửa đất số 266, tờ bản đồ số 26	1,09	1,09	1,09
25	Đường nhựa giáp ấp Tân Phú	Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng tài chính)	Hết ranh thửa đất số 31 và thửa đất số 324, tờ bản đồ số 25	1,09	1,09	1,09
26	Đường nhựa ấp Tân Phú	Đường ĐT 759B (ngã ba nhà ông Thắng Công an)	Hết ranh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 21	1,09	1,09	1,09
27	Đường nhựa ấp Tân Định	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 69 và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 24	1,09	1,09	1,09
28	Đường nhựa ấp Tân Định	Đường ĐT 759B (công chào ấp Tân Định)	Hết ranh từ thửa đất số 331 và thửa đất số 76 đến thửa đất số 92, tờ bản đồ số 24	1,09	1,09	1,09
29	Đường nhựa vào hồ bơi Ngọc Thủy	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24	1,09	1,09	1,09
30	Đường nhựa ấp Tân Hiệp	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 232, tờ bản đồ số 23	1,09	1,09	1,09
31	Đường nhựa ấp Tân	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Hiệp	(công chào áp Tân Hiệp)	số 32, tờ bản đồ số 14			
32	Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ	Đường ĐT 759B	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
33	Đường nhựa giáp ranh xã Lộc Hiệp cũ	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 111, tờ bản đồ số 14	1,09	1,09	1,09
34	Đường nhựa C3	Ngã 3 đường Liên Doanh	Hết ranh thửa đất số 104, tờ bản đồ số 9	1,09	1,09	1,09
35	Đường nhựa áp Tân Đông	Đường ĐT 759B (công chào áp Tân Đông)	Đập Bù Đạo	1,09	1,09	1,09
36	Đường nhựa khu dân cư đội 3 - đội 5 Trung đoàn 717	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
37	Đường nhựa giáp ranh xã Tân Tiến - Tân Thành cũ	Đường ĐT 759B	Suối Bù Đạo	1,09	1,09	1,09
38	Đường nhựa áp Tân Đông	Từ đập tràn suối Bù Đạo	Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ	1,09	1,09	1,09
39	Đường nhựa áp Tân Đông	Ranh địa giới hành chính xã Tân Tiến cũ	Cầu sắt áp Tân Hiệp	1,09	1,09	1,09
40	Đường nhựa áp Tân Phú	Đường liên doanh (Từ Cây xăng Hoàng Anh)	Nhà ông Lê Văn Thiện (áp Tân Lập)	1,09	1,09	1,09
41	Đường bê tông bên cạnh trường mầm non	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
42	Đường nhựa giáp Tân Hội - Tân Lợi	Đường liên doanh	Công ty Thanh Tông	1,09	1,09	1,09
43	Đường nhựa áp Tân Định	Từ ngã ba nhà bà Đồng Thị Huỳnh (thửa đất số 354, tờ bản đồ số 24)	Đến ranh thửa đất số 92 và thửa đất số 280, tờ bản đồ số 24	1,09	1,09	1,09
44	Đường nhựa áp Tân Đông	Từ ngã ba (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 41)	Hết ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41	1,09	1,09	1,09
45	Đường nhựa áp Tân Đông	Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44)	Hết ranh thửa đất số 33, tờ bản đồ số 43	1,09	1,09	1,09
46	Đường nhựa áp Tân Đông	Từ ngã ba (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 44)	Hết ranh thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44	1,09	1,09	1,09
47	Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đội 3	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Trung đoàn 717					
48	Đường nhựa ngã tư cầu Trắng đi Đới 5 Trung đoàn 717	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
49	Đường Sóc Nê	Ngã ba Sóc Nê	Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học	1,09	1,09	1,09
50	Đường Sóc Nê	Hết ranh đất Trường cấp II+III và Trường tiểu học	Suối Đá	1,09	1,09	1,09
51	Đường Sóc Nê	Suối Đá	Hết ranh đất nhà ông 3 đến (Thửa đất số 631, tờ bản đồ số 88)	1,09	1,09	1,09
52	Đường trong khu vực chợ Tân Tiên	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
53	Đường nhựa K2	Đường ĐT 759B	Suối K2	1,09	1,09	1,09
54	Đường nhựa K2	Suối K2	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
55	Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa	Đường ĐT 759B (đoạn nấn cua)	Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72)	1,09	1,09	1,09
56	Đường nhựa giáp ấp Tân Bình, Tân Hòa	Hết ranh đất ông Phan Văn Hoàng (Hết ranh thửa đất số 60, tờ bản đồ số 72)	Ngã ba nhà Trường Yên (Hết ranh thửa đất số 525, tờ bản đồ số 72)	1,09	1,09	1,09
57	Đường nhựa ấp Tân An	Đường ĐT 759B (công chào ấp Tân An)	Hết ranh đất ông Nông Văn Piu (Hết ranh thửa đất số 100, tờ bản đồ số 79)	1,09	1,09	1,09
58	Đường nhựa ấp Tân Thuận	Đường ĐT 759B (công chào ấp Tân Thuận)	Hết ranh đất ông Đinh Hoàng Tuấn (Hết ranh thửa đất số 57, tờ bản đồ số 70)	1,09	1,09	1,09
59	Đường nhựa ấp Tân Nhân	Đường ĐT 759B (công chào ấp Tân Nhân)	Hết ranh đất ông Bùi Văn Quý (thửa đất số 201, tờ bản đồ số 77)	1,09	1,09	1,09
60	Đường nhựa ấp Tân An	Đường ĐT 759B	Hết ranh thửa đất số 380, tờ bản đồ số 73)	1,09	1,09	1,09
61	Đường nhựa H8	Đường ĐT 759B	Ngã tư máy trà ông Viện (Hết ranh thửa đất số 170, tờ	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			bản đồ số 80)			
62	Đường nhựa giáp ranh Tân Thành - Tân Tiến	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
63	Đường nhựa ấp Tân An (Đường Đào Tiên)	Đường ĐT 759B	Ngã ba nhà ông Thái Hoàng Dếng	1,09	1,09	1,09
64	Đường bê tông, nhựa (bên cạnh Cây xăng Thanh Xô)	Đường ĐT 759B	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
65	Đường nhựa ấp Tân Bình (công chào Tân Bình)	Đường ĐT 759B	Hết tuyến	1,09	1,09	1,09
66	Đường nhựa ấp Tân Hòa (bên cạnh Cây xăng Hoàng Trọng)	Đường ĐT 759B	Kênh nhánh N12	1,09	1,09	1,09
67	Đường nhựa ấp Tân Thuận (trại cá Tư Nghĩa)	Đường ĐT 759B	Ngã ba nhà ông Bé Văn Ba	1,09	1,09	1,09
68	Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 2 Thanh Hòa)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
69	Đường nhựa giáp ranh Tân Tiến - Thanh Hòa (ấp 6 Thanh Hòa)	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
70	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Giáp ranh xã Lộc Thạnh	Giáp ranh xã Lộc Tấn	1,09	1,09	1,09
71	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Nông trường II	Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119	1,09	1,09	1,09
72	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 119	Ngã ba Trạm y tế	1,09	1,09	1,09
73	Đường liên xã Lộc An - Lộc Tấn cũ	Ngã ba Trạm y tế	Giáp ranh xã Lộc Quang	1,09	1,09	1,09
74	Các tuyến đường giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên			1,05	1,05	1,05
75	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09

Bảng 87. Xã Hưng Phước

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 759B	Giáp ranh xã Thiện Hưng	Cầu sắt 2	1,05	1,05	1,05
2	Đường ĐT 759B	Cầu sắt 2	Hết trụ sở UBND xã Hưng Phước	1,05	1,05	1,05
3	Đường ĐT 759B	Hết trụ sở UBND xã Hưng Phước	Cửa khẩu Hoàng Diệu	1,05	1,05	1,05
4	Đường Quy hoạch trung tâm UBND xã Phước Thiện (cũ)	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
5	Đường giao thông đầu nối từ đường ĐT 759B vào 200m (trừ các đoạn đã quy định giá đất cụ thể trong phụ lục này)	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
6	Đường nhựa ấp Tân Hưng	Đường ĐT 759B	Hết ranh nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 62, thửa đất số 9 đến thửa đất số 106, tờ bản đồ số 63)	1,05	1,05	1,05
7	Đường nhựa vào trạm y tế (đối diện công chào ấp 6)	Đường ĐT 759B	Ngã ba Nhà văn hóa ấp Tân Hưng (Tờ bản đồ số 61, thửa đất số 19 đến tờ bản đồ số 48, thửa đất số 771)	1,05	1,05	1,05
8	Đường vào trường học cũ	Đường ĐT 759B	Vòng ra chợ cũ (thửa đất số 104, tờ bản đồ số 66 đến thửa đất số 45, tờ bản đồ số 62)	1,05	1,05	1,05
9	Đường vào nhà văn hóa ấp Tân Trạch	Đường ĐT 759B	Ngã ba nhà bà Hương (Tờ bản đồ số 66, thửa đất số 16 đến thửa đất số 76)	1,05	1,05	1,05
10	Đường nhựa ấp Điện Ánh	Đường ĐT 759B	Nhà Văn hóa ấp Điện Ánh (Đập M16) (Tờ bản đồ số 481, thửa đất số 16 đến thửa đất số 119, tờ bản đồ số 49)	1,05	1,05	1,05
11	Đường DH07 (đường vào ấp Tân Lập)	Đường ĐT 759B	Ban quản lý rừng phòng hộ Bù Đốp (Tờ bản đồ số 39,	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			thửa đất số 22 đến thửa đất số 7)			
12	Đường vào chùa Phước Thiện (đổi diện áp 4 Hưng Phước)	Đường ĐT 759B	Chùa Phước Thiện (Tờ bản đồ số 44, thửa đất số 101 đến thửa đất số 117)	1,05	1,05	1,05
13	Đường vào cầu suối	Đường ĐT 759B	Cầu suối (Tờ bản đồ số 41, thửa đất số 66 đến thửa đất số 67)	1,05	1,05	1,05
14	Đường nhựa	Đường ĐT 759B (ngã ba hạt Kiểm lâm)	Hết ranh thửa đất số 85, tờ bản đồ số 22	1,05	1,05	1,05
15	Đường nhựa	Hết ranh thửa đất số 85, tờ bản đồ số 22	Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13	1,05	1,05	1,05
16	Đường nhựa	Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 13	Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 8	1,05	1,05	1,05
17	Đường nhựa áp 5 - Phước Tiến	Đường ĐT 759B	Ngã ba Đường vào điểm lẻ Trường Tiểu học áp Phước Tiến	1,05	1,05	1,05
18	Đường nhựa áp 5 - Phước Tiến	Ngã ba Đường vào điểm lẻ Trường Tiểu học áp Phước Tiến	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
19	Đường nhựa áp 4 - Bù Tam	Đường ĐT 759B	Nghĩa địa áp Bù Tam	1,05	1,05	1,05
20	Đường nhựa áp 3	Đường ĐT 759B	Hết ranh Công ty La Ra	1,05	1,05	1,05
21	Đường vào áp 6	Đường ĐT 759B	Hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 30 áp 6	1,05	1,05	1,05
22	Đường vào áp 6	Đường ĐT 759B (Công chào văn hóa)	Hết tuyến	1,05	1,05	1,05
23	Các tuyến đường đất còn lại	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05

Bảng 88. Xã Đắk Ô

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Phú Nghĩa - xã Đắk Ô	Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 55 thuộc tờ bản đồ số 47	1,11	1,11	1,11
2	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 72, thửa đất số 55 thuộc tờ bản đồ số 47	Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48	1,11	1,11	1,11
3	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 44 đến thửa đất số 477, tờ bản đồ số 48	Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62	1,11	1,11	1,11
4	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 57, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 62	Trường học, trạm y tế	1,11	1,11	1,11
5	Đường ĐT 741	Trường học, trạm y tế	Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46	1,11	1,11	1,11
6	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 58, thửa đất số 463 thuộc tờ bản đồ số 46	Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41	1,11	1,11	1,11
7	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 17, thửa đất số 87 thuộc tờ bản đồ số 41	Giáp ranh xã Bù Gia Mập	1,11	1,11	1,11
8	Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ô)	Hết ranh thửa đất số 29, tờ bản đồ số 49	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24	1,11	1,11	1,11
9	Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ô)	Hết ranh thửa đất số 121, tờ bản đồ số 50 đến thửa đất số 561, tờ bản đồ số 24	Ngã ba Đường vào Mỏ Đá	1,11	1,11	1,11
10	Đường huyện 3 (Ngã tư chợ đi thôn 6 xã Đắk Ô)	Ngã ba Đường vào Mỏ Đá	Ranh giới xã Bù Gia Mập	1,11	1,11	1,11
11	Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù Bung, thôn 10)	Hết ranh thửa đất số 3, tờ bản đồ số 59	Hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 233 thuộc tờ bản đồ số 39	1,11	1,11	1,11

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
12	Đường huyện 11 (Ngã tư chợ đi thôn Bù Bung, thôn 10)	Hết ranh thửa đất số 18, thửa đất số 233 thuộc tờ bản đồ số 39	Giáp đường tuần tra biên giới	1,11	1,11	1,11
13	Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3)	Giáp đường ĐT 741	Ngã ba thôn 3	1,11	1,11	1,11
14	Đường huyện 01 (Đường thôn 9 - thôn 3)	Ngã ba thôn 3	Giáp đường tuần tra biên giới	1,11	1,11	1,11
15	Đường Đăk Ô 06 (thôn Đăk Lim đi thôn 4)	Giáp đường ĐT 741	Đến ngã ba đường Đăk Ô 12	1,11	1,11	1,11
16	Đường Đăk Ô 14	Giáp đường ĐT 741	Đến ngã ba đường Đăk Ô 12	1,11	1,11	1,11
17	Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đăk Ô	Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT36, CT43 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đăk Ô)		1,11	1,11	1,11
18	Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đăk Ô	Các tuyến đường nội bộ thuộc cụm CT08, CT09, CT14, CT15, CT16, CT33, CT34, CT37, CT39 (Khu Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã Đăk Ô)		1,11	1,11	1,11
19	Các tuyến đường thuộc Khu Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Đăk Ô	Các tuyến đường nội bộ còn lại		1,11	1,11	1,11
20	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		1,12	1,12	1,12
21	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,12	1,12	1,12

Bảng 89. Xã Phú Nghĩa

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 760	Ngã ba Tỉnh Ủy Tiền Giang	Suối Tiền Giang	1,06	1,06	1,06
2	Đường ĐT 760	Suối Tiền Giang	Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108)	1,06	1,06	1,06
3	Đường ĐT 760	Giáp ranh đất nhà ông Tuấn (thửa đất số 1, tờ bản đồ số 108)	Ngã tư Quốc Tế	1,06	1,06	1,06
4	Đường ĐT 760	Ngã tư Quốc Tế	Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2	1,06	1,06	1,06
5	Đường ĐT 760	Hết ngã ba Đường vào Hội trường thôn 2	Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng	1,06	1,06	1,06
6	Đường ĐT 760	Chùa Thanh Hoa hướng Bù Đăng	Hết ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng	1,06	1,06	1,06
7	Đường ĐT 760	Giáp ranh chợ Phú Văn + 200m hướng Bù Đăng	Ranh đất lâm phần	1,06	1,06	1,06
8	Đường ĐT 760	Ranh đất lâm phần	Giáp ranh huyện Bù Đăng (cũ)	1,06	1,06	1,06
9	Đường ĐT 760	Tiếp giáp đường trung tâm xã	Hết ranh thửa đất số 377, tờ bản đồ số 83	1,06	1,06	1,06
10	Đường ĐT 760	Hết ranh thửa đất số 377, tờ bản đồ số 83	Giáp ranh xã Phú Nghĩa cũ	1,06	1,06	1,06
11	Đường ĐT 760	Ngã tư Phú Nghĩa	Ngã ba NT Tỉnh ủy Tiền Giang	1,06	1,06	1,06
12	Đường ĐT 760	Ngã tư Phú Nghĩa	Giáp ranh đường vành đai trung tâm	1,06	1,06	1,06
13	Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ)	Ngã tư quốc tế	Hết ranh đất hộ bà Trần Thị Phẩm (thửa đất số 46, tờ bản đồ số 84)	1,06	1,06	1,06
14	Đường thôn 1 xã Phú Văn (cũ)	Ngã tư nhà văn hóa thôn 1 (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 108)	Nhà bà Nguyễn Thị Thủy (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 108)	1,06	1,06	1,06
15	Đường tổ 15, thôn 3 xã Phú Văn (cũ)	Giáp đường ĐT 760 (Lò rèn ông Nam)	Nhà ông Lê Thanh Dung (hết ranh thửa đất số 15, tờ bản đồ số 100)	1,06	1,06	1,06
16	Đường chợ thôn 2	Giáp đường ĐT	Ngã 3 Nhà ông	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	(Đường bàn cờ khu vực chợ)	760	Điền (hết ranh thửa đất số 305, tờ bản đồ số 99)			
17	Đường chợ thôn 2 (Đường bàn cờ khu vực chợ)	Giáp đường ĐT 760	Hết ranh đất nhà bà Thời (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 100)	1,06	1,06	1,06
18	Đường dưới lòng hồ (thôn 1)	Giáp đường trên lòng hồ (thửa đất số 383, tờ bản đồ số 103)	Giáp đường trên lòng hồ	1,06	1,06	1,06
19	Đường trên lòng hồ	Giáp đường ĐT 760 (Quán cà phê Cát Bụi)	Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ) (đổi diện quán nhà ông Hồng)	1,06	1,06	1,06
20	Các tuyến đường khu đầu giá thôn 1	Giáp đường ĐT 760	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Tuyền (thửa đất số 493, tờ bản đồ số 103)	1,06	1,06	1,06
21	Đường ĐT 741	Ngã ba chốt số 6	Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ)	1,06	1,06	1,06
22	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Đức Hạnh (cũ)	Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28)	1,06	1,06	1,06
23	Đường ĐT 741	Đầu ngã ba xưởng đá Thanh Dung (Hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28)	Ngã ba Đường vào chùa Hưng Thạnh (Hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63)	1,06	1,06	1,06
24	Đường ĐT 741	Ngã ba đường vào chùa Hưng Thạnh (hết thửa đất số 291, tờ bản đồ số 63)	Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60)	1,06	1,06	1,06
25	Đường ĐT 741	Đầu đường đôi (hết thửa đất số 501, tờ bản đồ số 60)	Ngã tư tiếp giáp đường 19/5	1,06	1,06	1,06
26	Đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường 19/5	Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện	1,06	1,06	1,06
27	Đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường vành đai trung tâm huyện	Cầu Phú Nghĩa	1,06	1,06	1,06
28	Đường ĐT 741	Cầu Phú Nghĩa	Đầu ngã ba góc gỗ	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
29	Đường ĐT 741	Đầu ngã ba góc gỗ	Ngã ba Đức Lập	1,06	1,06	1,06
30	Đường ĐT 741	Ngã ba Đức Lập	Ngã ba Toàn Hữu	1,06	1,06	1,06
31	Đường ĐT 741	Ngã ba Toàn Hữu	Ngã ba Sóc Cùi	1,06	1,06	1,06
32	Đường ĐT 741	Ngã ba Sóc Cùi	Ngã ba cây xăng Thanh Thương	1,06	1,06	1,06
33	Đường ĐT 741	Ngã ba cây xăng Thanh Thương	Giáp ranh xã Đăk Ơ	1,06	1,06	1,06
34	Trung tâm Đức Hạnh	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129 đến thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119	1,06	1,06	1,06
35	Trung tâm Đức Hạnh	Hết ranh thửa đất số 276, tờ bản đồ số 129, thửa đất số 396, tờ bản đồ số 119	Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106	1,06	1,06	1,06
36	Trung tâm Đức Hạnh	Hết ranh thửa đất số 59, thửa đất số 68 thuộc tờ bản đồ số 106	Ngã tư Quốc tế	1,06	1,06	1,06
37	Đường thôn 19/5	Ngã ba thôn Phước Sơn (giáp đường trung tâm xã)	Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118	1,06	1,06	1,06
38	Đường thôn 19/5	Hết ranh thửa đất số 155, tờ bản đồ số 118	Cổng 19/5	1,06	1,06	1,06
39	Đường thôn 19/5	Cổng 19/5 (ranh giới xã Phú Nghĩa và xã Đức Hạnh (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	1,06	1,06	1,06
40	Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai	Giáp đường thôn 19/5	Cầu 19/5	1,06	1,06	1,06
41	Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai	Cầu 19/5	Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114	1,06	1,06	1,06
42	Đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai (ĐH.06)	Hết thửa đất số 4, thửa đất số 13 thuộc tờ bản đồ số 114	Giáp đường ĐT 760	1,06	1,06	1,06
43	Đường Đội 3 - Bình Đức 2	Ngã ba Hội trường Bình Đức 2	Giáp đường trung tâm xã	1,06	1,06	1,06
44	Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.14)	Ngã ba hội trường Thôn Sơn Trung (đường trung tâm xã)	Hết ranh thửa đất số 287, tờ bản đồ số 107 (giáp xã Phú Văn (cũ))	1,06	1,06	1,06
45	Đường Liên xã 01	Ngã tư Quốc Tế	Hết ranh thửa đất	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	(ĐHA.28)	(đường trung tâm xã)	số 86, tờ bản đồ số 107			
46	Đường Liên xã 01 (ĐHA.28)	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 107	Bến dò	1,06	1,06	1,06
47	Đường Đội 4 - Sơn Trung (ĐHA.03)	Hết ranh thửa đất số 9, thửa đất số 154 thuộc tờ bản đồ số 85	Nhà ông Hữu Chạy (đền thửa đất số 85, tờ bản đồ số 85)	1,06	1,06	1,06
48	Đường Phước Sơn - Đường 19/5	Giáp đường trung tâm xã Đức Hạnh (cũ)	Suối (đất bà Thủy Nhi)	1,06	1,06	1,06
49	Đường Phước Sơn - Đường 19/5	Suối (đất bà Thủy Nhi) (hết thửa đất số 22, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 125)	Giáp đường 19/5 đi Bù K'Roai	1,06	1,06	1,06
50	Đường đi Xóm Mới	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
51	Đường đi Xóm Chài	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
52	Đường Xóm Mới nối 19/5	Giáp Đường Xóm Mới	Giáp đường 19/5	1,06	1,06	1,06
53	Đường sau khu tái định cư	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
54	Đường Đội 2 (Bình Đức 1 cũ)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
55	Đường Đội 2 Bình Đức 1 (mới)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
56	Đường vào trung tâm Bình Đức 1	Ngã ba nhà bà Thái Thị Hương (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 130)	Giáp trung tâm Bình Đức 1	1,06	1,06	1,06
57	Đường thôn Sơn Trung đi thôn Bù K'Roai	Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 298, tờ bản đồ số 111)	Giáp đường thôn 19/5 đi thôn Bù K'Roai	1,06	1,06	1,06
58	Đường vào chùa	Tiếp giáp đường trung tâm xã (thửa đất số 281, tờ bản đồ số 128)	Hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 128	1,06	1,06	1,06
59	Đường N18 (Khu dân cư phía Tây)	Ngã tư đường ĐT 741	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	1,06	1,06	1,06
60	Đường N19 (Đường A2- Khu dân cư Phía Tây)	Ngã ba đường D17	Ngã ba đường D17a (đường B1)	1,06	1,06	1,06
61	Đường D17a (Đường B1- Khu dân cư phía Tây)	Ngã ba đường ĐT 760	Ngã ba đường D17a (đường B1)	1,06	1,06	1,06
62	Đường D17 (Khu	Ngã ba đường N18	Ngã ba đường N19	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	dân cư phía tây)		(đường A2)			
63	Đường N4 (khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường D3	Ngã ba đường D2	1,06	1,06	1,06
64	Đường D2 (khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường ĐT 760	Ngã ba đường N4	1,06	1,06	1,06
65	Đường D3 (khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường ĐT 760	Ngã ba đường N4	1,06	1,06	1,06
66	Đường N4a (Đường NB1 - khu dân cư khu 2)	Ngã ba đường D3	Ngã ba đường D2	1,06	1,06	1,06
67	Đường N8 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ) (Hướng Đông))	Ngã ba đường ĐT 741	Ngã ba đường vành đai trung tâm	1,06	1,06	1,06
68	Đường N9 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	Ngã ba đường vành đai trung tâm	1,06	1,06	1,06
69	Đường N10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường D15	Ngã ba đường D11	1,06	1,06	1,06
70	Đường N11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	Ngã ba đường vành đai trung tâm	1,06	1,06	1,06
71	Đường D15 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N9	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	1,06	1,06	1,06
72	Đường D14 (Khu Trung tâm hành chính huyện)	Ngã ba đường N10	Ngã ba đường N11	1,06	1,06	1,06
73	Đường D12 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N9	Ngã tư đường N11	1,06	1,06	1,06
74	Đường D11 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N9	Ngã ba đường N11	1,06	1,06	1,06
75	Đường D10 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường N8	Ngã tư đường N11	1,06	1,06	1,06
76	Đường D8 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã ba đường Vành đai	Ngã ba đường N7	1,06	1,06	1,06
77	Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã ba đường Vành đai	Ngã ba đường N7	1,06	1,06	1,06
78	Đường N7 (Khu trung tâm hành chính huyện (cũ))	Ngã ba đường ĐT 741	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	1,06	1,06	1,06
79	Đường thôn Đăk Sơn	Ngã ba đường ĐT	Hết ranh quy	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		741	hoạch chợ huyện			
80	Đường thôn Đăk Sơn	Giáp ranh quy hoạch chợ huyện	Ngã ba xường mộc ông Hùng	1,06	1,06	1,06
81	Đường thôn Đăk Sơn	Ngã ba xường mộc ông Hùng	Ngã ba Hoa Thuận	1,06	1,06	1,06
82	Đường thôn Bù Gia Phúc 1	Ranh đất cao su 778 (thửa đất số 142, tờ bản đồ số 16)	Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39	1,06	1,06	1,06
83	Đường thôn Bù Gia Phúc 1	Hết ranh thửa đất số 105, tờ bản đồ số 39	Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37	1,06	1,06	1,06
84	Đường thôn Bù Gia Phúc 1	Hết ranh thửa đất số 56, tờ bản đồ số 37	Công thôn Bù Gia Phúc 1 (Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 8)	1,06	1,06	1,06
85	Đường thôn đi Bù Cà Mau	Giáp đường ĐT 741	Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59)	1,06	1,06	1,06
86	Đường thôn đi Bù Cà Mau	Quán ông Lập (hết ranh thửa đất số 137, tờ bản đồ số 59)	Suối Tà Niên	1,06	1,06	1,06
87	Đường thôn Tân Lập Góc gỗ đi đường ĐT 760	Giáp đường ĐT 741	Ngã ba Sơn Hà	1,06	1,06	1,06
88	Đường thôn Tân Lập Góc gỗ đi đường ĐT 760	Ngã ba Sơn Hà	Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến)	1,06	1,06	1,06
89	Đường thôn Tân Lập Góc gỗ đi đường ĐT 760	Ngã ba đường ĐT 760 (ngay nhà ông Hồng Chiến)	Đường An Lương	1,06	1,06	1,06
90	Đường thôn Hai Căn	Giáp đường ĐT 741	Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43)	1,06	1,06	1,06
91	Đường thôn Hai Căn	Ngã ba (Hết thửa đất số 105, thửa đất số 48 thuộc tờ bản đồ số 43)	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
92	Đường liên thôn Bù Gia Phúc 2	Giáp đường ĐT 741 (Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36)	Ngã ba Hải Yến (Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 39)	1,06	1,06	1,06
93	Đường đi vào thôn Khắc Khoan	Giáp đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
94	Đường đi vào thôn Khắc Khoan	Hết ranh thửa đất số 334, tờ bản đồ số 63	Hết ranh khu niệm phạt đường Tiên Sơn	1,06	1,06	1,06
95	Đường N1 (Khu dân cư B11, B12)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường D1	1,06	1,06	1,06
96	Đường N2 (Khu dân cư B11, B12)	Ngã ba tiếp giáp đường D1	Ngã ba tiếp giáp đường D21	1,06	1,06	1,06
97	Đường N25 (Khu dân cư B11, B12)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường D21	1,06	1,06	1,06
98	Đường N3 (Khu dân cư B11, B12)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường D21	1,06	1,06	1,06
99	Đường N26 (Khu dân cư B11, B12)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã tư tiếp giáp đường D21	1,06	1,06	1,06
100	Đường D1 (Khu dân cư B11, B12)	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Ngã ba tiếp giáp đường N26	1,06	1,06	1,06
101	Đường D2 (Khu dân cư B11, B12)	Ngã ba mũi tàu tiếp giáp đường D1	Ngã ba tiếp giáp đường N26	1,06	1,06	1,06
102	Đường D21 (Khu dân cư B11, B12)	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Ngã ba tiếp giáp đường N26	1,06	1,06	1,06
103	Đường N4b (Khu dân cư E20)	Ngã tư tiếp giáp đường D2	Ngã ba tiếp giáp đường D1	1,06	1,06	1,06
104	Đường D1 (Khu dân cư E20)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 760	Ngã ba tiếp giáp đường N3	1,06	1,06	1,06
105	Đường Vành đai trung tâm (phía Đông)	Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp ĐT760	1,06	1,06	1,06
106	Đường vành đai trung tâm hành chính huyện (cũ)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741 (Cây xăng Trọng Tường)	Ngã ba đường D8	1,06	1,06	1,06
107	Đường D19 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
108	Đường D7 (Khu trung tâm xã Phú Nghĩa)	Ngã tư tiếp giáp đường N7	Ngã tư tiếp giáp đường ĐT 760	1,06	1,06	1,06
109	Đường N15 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường D16	1,06	1,06	1,06
110	Đường D16 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường vành đai trung tâm	Ngã ba tiếp giáp đường vành đai ngoài	1,06	1,06	1,06
111	Đường NB1 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường N15	Ngã ba tiếp giáp đường NB3	1,06	1,06	1,06
112	Đường NB2 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường N15	Ngã ba tiếp giáp đường vành đai	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	học Phú Nghĩa)		ngoài			
113	Đường NB3 (Khu dân cư trường tiểu học Phú Nghĩa)	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường D16	1,06	1,06	1,06
114	Đường N17 (đường sau lưng bộ đội)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
115	Đường nội bộ N1	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
116	Đường nhựa vào cao su Phú Thịnh (cạnh cây xăng Thanh Lương)	Đường ĐT 741	Cầu Bù Ka	1,05	1,05	1,05
117	Đường nhựa vào dốc 3 tầng	Đường ĐT 741	Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11	1,06	1,06	1,06
118	Đường nhựa vào dốc 3 tầng	Hết ranh thửa đất số 157, thửa đất số 145 thuộc tờ bản đồ số 11	Dốc 3 tầng	1,06	1,06	1,06
119	Đường vào đội 3 thôn Khắc Khoan	Đường ĐT 741	Hết tuyến	1,06	1,06	1,06
120	Đường nhựa thôn Phú Nghĩa	Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 16	Hết tuyến (ranh xã Phú Văn (cũ))	1,06	1,06	1,06
121	Các tuyến đường nội bộ khu A23, A24	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
122	Đường D15a (Sau lưng Điện lực)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
123	Đường N13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Đường ĐT 741	Tiếp giáp đường vành đai trung tâm	1,06	1,06	1,06
124	Đường D15c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
125	Đường N13a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
126	Đường D15b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
127	Đường N13b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
128	Đường N13c (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
129	Đường N14a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
130	Đường D13 (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
131	Đường D10a (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
132	Đường D10b (Khu Trung tâm hành chính huyện (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
133	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		1,10	1,10	1,10
134	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06

Bảng 90. Xã Đa Kia

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 759	Đầu thửa đất số 44 tờ bản đồ số 119 (phía xã Đa Kia)	Hết ranh nghĩa địa Bình Tân	1,08	1,08	1,08
2	Đường ĐT 759	Hết ranh nghĩa địa Bình Tân	Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106	1,08	1,08	1,08
3	Đường ĐT 759	Cầu Đa Kia hết thửa đất số 142 tờ bản đồ số 106	Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia)	1,05	1,05	1,05
4	Đường ĐT 759	Đầu ranh Nhà Văn Hóa thôn Bình Tân thuộc thửa 116 tờ bản đồ số 106 (Hướng về UBND xã Đa Kia)	Ranh giới xã Thiện Hưng	1,08	1,08	1,08
5	Đường ĐT 759	Từ hết ranh thửa số 44 tờ 119 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12	1,08	1,08	1,08
6	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 160, tờ số 12 và hết ranh thửa 154 tờ số 12 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29	1,08	1,08	1,08
7	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 553, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 761 tờ bản đồ số 29 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45	1,08	1,08	1,08
8	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 661, tờ bản đồ số 45 và thửa đất số 45 tờ bản đồ số 45 hướng đi Phước Bình	Hết ranh thửa đất số 374 tờ bản đồ số 46	1,08	1,08	1,08
9	Đường ĐT 759	Từ ranh thửa số 10 tờ số 53 hướng đi Phước Bình	Đến hết ranh thửa đất số 52, tờ số 53	1,08	1,08	1,08
10	Đường ĐT 760	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759	Ngã tư Nhà thờ tin lành Bình Hà 1 (thửa đất số 473, tờ bản đồ số 31)	1,08	1,08	1,08
11	Đường ĐT 760	Ngã tư Nhà thờ tin	Hết ranh Hội	1,08	1,08	1,08

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		lành Bình Hà 1 (thửa 473 tờ 31)	trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22)			
12	Đường ĐT 760	Hết ranh Hội trường thôn Bình Hà 2 (thửa đất số 50, tờ bản đồ số 22)	Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15)	1,08	1,08	1,08
13	Đường ĐT 760	Suối Ten (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 15)	Cầu Sông Bé (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03)	1,08	1,08	1,08
14	Đường vào thôn Bình Tiên 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu)	Giáp đường ĐT 759	Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) hướng ra đường ĐT 759	1,08	1,08	1,08
15	Đường vào thôn Bình Tiên 1 (Đường vào Trung tâm hành chính xã hiện hữu)	Đầu ranh thửa đất số 112 tờ bản đồ số 102 (ông Bình) Hướng ra đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 86 (ông Nguyễn Văn Thắng), tờ bản đồ số 102 (Đường mặt khu Trung tâm hành chính xã)	1,08	1,08	1,08
16	Đường quy hoạch vào trung tâm hành chính xã cũ	Giáp đường ĐT 759	Khu trung tâm hành chính xã Phước Minh cũ	1,08	1,08	1,08
17	Đường thôn Bình Tân	Giáp đường ĐT 759	Ngã 3 đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106)	1,08	1,08	1,08
18	Đường thôn Bình Tân	Ngã 3 đường rẽ vào trung tâm hành chính xã cũ (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ 106)	Trung tâm hành chính xã (đầu ranh đất thửa đất số 86, tờ bản đồ số 102)	1,08	1,08	1,08
19	Đường thôn Bình Tân	Ngã 3 đường rẽ vào trung tâm hành chính xã (hết ranh thửa đất số 8, tờ bản đồ số 106 của bà Phạm Thị Thúy Hà)	Ngã ba Suối Muông (hết ranh đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 17, tờ bản đồ số 95)	1,08	1,08	1,08
20	Đường thôn Bình Tân + Bù Tam	Ngã ba Suối Muông (hết ranh	Ngã ba Suối địa (giáp ranh đất ông	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		đất ông Hà Sỹ Quý thửa đất số 17, tờ bản đồ số 95)	Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92			
21	Đường thôn Bù Tam	Ngã ba Suối địa (giáp ranh đất ông Hoàng Văn Thắng) thửa đất số 263, tờ bản đồ số 92	Trụ sở UBND xã Phước Minh (cũ)	1,08	1,08	1,08
22	Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kìa (cũ)	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 15 tờ bản đồ số 129	1,08	1,08	1,08
23	Đường liên xã	Ngã tư đường N7	Ngã ba (Bách hóa xanh), ranh đất ông Nguyễn Tấn Ba, thửa đất số 37, tờ bản đồ số 170	1,08	1,08	1,08
24	Đường liên xã	Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149)	Cổng chào thôn 3	1,08	1,08	1,08
25	Đường liên xã	Đi thôn 6B+300m (hết ranh đất Dịch vụ Phương Kiều, thửa đất số 307, tờ bản đồ số 149)	Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B)	1,08	1,08	1,08
26	Đường liên xã	Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B)	Giáp ranh xã Long Bình cũ	1,08	1,08	1,08
27	Đường trục xã	Ngã ba thôn 6B (Trường Tiểu học Bình Thắng B)	Ngã tư Dốc Vông	1,08	1,08	1,08
28	Đường trung tâm xã	Ngã tư đường N7	Giáp nghĩa địa thôn 5	1,08	1,08	1,08
29	Đường trung tâm xã N3	Đường D1 (Trạm y tế xã)	Đường D8	1,08	1,08	1,08
30	Đường trung tâm xã D4	Đường D3 (Quán Sen hồ)	Ngã ba đường D7	1,08	1,08	1,08
31	Đường đi xã Bình Thắng cũ	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số 38	1,08	1,08	1,08
32	Đường đi xã Bình Thắng cũ đoạn 2	Hết ranh thửa đất số 86, tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 589, tờ bản đồ số	Giáp ranh xã Bình Thắng (cũ)	1,08	1,08	1,08

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		38				
33	Đường nhựa ranh giới giữa xã Phước Minh - xã Đa Kìa (cũ)	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 13	1,08	1,08	1,08
34	Đường nhựa vào trường TH Đa Kìa A	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 650, tờ bản đồ số 12	1,08	1,08	1,08
35	Đường nhựa thôn 2	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 142, tờ bản đồ số 10 và hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12	1,08	1,08	1,08
36	Đường vào nhà thờ An Bình	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 128 và 427, tờ bản đồ số 12	1,08	1,08	1,08
37	Đường nhựa thôn 3	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 65 và 73, tờ bản đồ số 19	1,08	1,08	1,08
38	Đường nhựa thôn 3	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 47 và 231, tờ bản đồ số 28	1,08	1,08	1,08
39	Đường nhựa thôn Bình Thủy	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 173 và 215, tờ bản đồ số 20	1,08	1,08	1,08
40	Đường nhựa thôn Bình Thủy	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 149 và 367, tờ bản đồ số 30	1,08	1,08	1,08
41	Các tuyến đường nhựa nội đô thuộc khu Quy hoạch 1/500 thôn 4 (Trung tâm hành chính xã)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
42	Đường nhựa thôn 6	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 71 và 114, tờ bản đồ số 51	1,08	1,08	1,08
43	Đường nhựa thôn 6	Đường ĐT 759 (công chào thôn 6)	Hết thửa đất số 131, tờ bản đồ số 46	1,08	1,08	1,08
44	Các tuyến đường bê tông đầu nối trực tiếp ra đường ĐT 759 trong phạm vi 250m	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
45	Đường nhựa ngã ba nhà máy nước	Đường ĐT 759	Hết thửa đất số 47 và 81, tờ bản đồ số 50	1,08	1,08	1,08
46	Đường nhựa vào	Đường ĐT 760	Hết thửa đất số	1,08	1,08	1,08

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trường TH Đa Kia C		170, tờ bản đồ số 33 và thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32			
47	Đường nhựa thôn Bình Hà 1	Đường ĐT 760	Hết thửa đất số 142 và 143, tờ bản đồ số 40	1,08	1,08	1,08
48	Đường nhựa thôn Bình Hà 1	Đường ĐT 760	Hết thửa đất số 64 và 68, tờ bản đồ số 21	1,08	1,08	1,08
	Khu dân cư Đa Kia					
49	Đường N1	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
50	Các tuyến đường còn lại trong Khu dân cư Đa Kia	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
	Khu dân cư thôn Bình Lợi					
51	Đường D1 (đường gom ĐT 759)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
52	Các tuyến đường nội bộ còn lại trong Khu dân cư thôn Bình Lợi	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
	Khu Quy hoạch 1/500 Trung tâm hành chính xã					
53	Đường N4	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
54	Các tuyến đường nội bộ còn lại của Khu quy hoạch	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
55	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
56	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08

Bảng 91. Xã Bù Gia Mập

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Đăk Ô	Giáp ranh tỉnh Lâm Đồng	1,05	1,05	1,05
2	Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập	Các tuyến đường nội bộ Trung tâm xã Bù Gia Mập		1,05	1,05	1,05
3	Các tuyến đường trung tâm xã Bù Gia Mập	Hết ranh nhà ông Chu Văn Dũng (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 45)	Ngã ba nhà bà Đặng Thị Hon (thửa đất số 208, tờ bản đồ số 28)	1,05	1,05	1,05
4	Đường ĐT 760B	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 741	Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28)	1,05	1,05	1,05
5	Đường ĐT 760B	Hết ranh nhà ông Phạm Ngọc Thảo (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 28)	Hết ranh Công viên Quốc gia Bù Gia Mập	1,05	1,05	1,05
6	Đường ĐT 760B	Hết ranh Công viên Quốc gia Bù Gia Mập	Hết ranh đất nhà ông Điều Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28)	1,05	1,05	1,05
7	Đường ĐT 760B	Hết ranh nhà ông Điều Khên (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 28)	Đền nhà ông Điều Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35)	1,05	1,05	1,05
8	Đường ĐT 760B	Nhà ông Điều Thơm (thửa đất số 83, tờ bản đồ số 35)	Hết ranh đất nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39)	1,05	1,05	1,05
9	Đường ĐT 760B	Hết ranh nhà ông Đào Đức Sơn (thửa đất số 234, tờ bản đồ số 39)	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Công Mùi (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 44)	1,05	1,05	1,05
10	Đường nhựa nối Đăk Côn, Bù Rên	Đường ĐT 741	Suối Đăk Côn	1,05	1,05	1,05
11	Đường nhựa thôn Cầu Sắt	Đường ĐT 741	Nhà Lương Văn Tuyển (Hết ranh thửa đất số 191, tờ bản đồ số 19)	1,05	1,05	1,05
12	Đường nhựa đi thôn Đăk Á	Từ ngã ba cây xăng Hoàng Duyên (hết ranh thửa đất số 440, tờ bản đồ số 39)	Hết ranh thửa đất số 73, tờ bản đồ số 42	1,05	1,05	1,05
13	Các tuyến đường nội bộ trong Khu dân cư	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05

	định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại thôn Đăk Á					
14	Các tuyến đường nhựa, bê tông còn lại	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
15	Các tuyến đường còn lại	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05

Bảng 92. Xã Phú Riêng

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Thuận Lợi	Đường vào chùa Pháp Tịnh	1,08	1,08	1,08
2	Đường ĐT 741	Đường vào chùa Pháp Tịnh	Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân	1,08	1,08	1,08
3	Đường ĐT 741	Trường THCS Nguyễn Du + 200m đi về hướng xã Bình Tân	Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su	1,05	1,05	1,05
4	Đường ĐT 741	Ngã ba Đường vào Nhà máy chế biến mủ cao su	Cầu suối Rạt	1,08	1,08	1,08
5	Đường ĐT 741	Cầu suối Rạt	Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riêng cũ	1,08	1,08	1,08
6	Đường ĐT 741	Giáp khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riêng cũ	Hết khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riêng cũ	1,05	1,05	1,05
7	Đường ĐT 741	Hết Khu quy hoạch chi tiết TTHC huyện Phú Riêng cũ	Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 93)	1,05	1,05	1,05
8	Đường ĐT 741	Ngã ba giao Đường ĐT 741 (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 93)	Hết ranh đất trạm thu phí	1,08	1,08	1,08
9	Đường ĐT 741	Giáp đất trạm thu phí	Ngã ba đi Long Tân cũ	1,08	1,08	1,08
10	Đường ĐT 741	Ngã ba đi Long Tân cũ	Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình	1,08	1,08	1,08
11	Đường ĐT 741	Ngã ba Bù Nho cũ đi Long Hà + 300m đi về hướng phường Phước Bình	Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình	1,08	1,08	1,08
12	Đường ĐT 741	Đường vào suối Tân + 200m hướng đi phường Phước Bình	Giáp ranh xã Bình Tân	1,08	1,08	1,08
13	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư giáp Đường ĐT 741	Hết ranh trụ sở UBND xã Phú	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			Riêng			
14	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Hết ranh trụ sở UBND xã Phú Riềng	Ngã tư Cầu đường	1,08	1,08	1,08
15	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư Cầu đường	Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung	1,08	1,08	1,08
16	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư Cầu đường + 500m đi về hướng xã Phú Trung	Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa	1,12	1,12	1,12
17	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ranh giữa 2 thôn Phú Vinh và Phú Hòa	Giáp ranh giới xã Phú Trung	1,05	1,05	1,05
18	Đường ĐT 757	Ngã ba Bù Nho	Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà	1,08	1,08	1,08
19	Đường ĐT 757	Hết đất Trường THPT Nguyễn Khuyến + 100m về hướng Long Hà	Giáp ranh xã Long Hà	1,08	1,08	1,08
20	Đường Số 2 TTTM Bù Nho	Lô đất LA2-1	Lô đất LC1-9	1,08	1,08	1,08
21	Đường Số 4 TTTM Bù Nho	Lô đất LE1-1	Lô đất LC2-6	1,08	1,08	1,08
22	Đường Số 6 TTTM Bù Nho	Lô đất LF1-2	Lô đất LC2-15	1,08	1,08	1,08
23	Khu đô thị Phú Cường	Các tuyến đường trong khu dân cư	1,10	1,10	1,10	
24	Đường số 1 TTTM Phú Riềng	Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Tiếp giáp đường số 3 TTTM	1,08	1,08	1,08
25	Đường số 2 TTTM Phú Riềng	Tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Tiếp giáp đường số 3 TTTM	1,08	1,08	1,08
26	Đường số 3 TTTM Phú Riềng	Lô phố chợ LG 24	Hết ranh đất chợ cũ	1,08	1,08	1,08
27	Đường liên xã Bù Nho đi Long Tân (cũ)	Ngã ba Đường ĐT 741 Đường vào Long Tân cũ	Giáp ranh xã Long Tân (cũ)	1,08	1,08	1,08
28	Đường Tân Phước - Tân Hiệp 2	Đường liên xã Bù Nho - Long Tân (cũ)	Đường ĐT 757	1,08	1,08	1,08
29	Đường D1	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
30	Đường D2	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
31	Đường liên xã Bù	Đường ĐT 741	Đường ĐT 741 +	1,08	1,08	1,08

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Nho đi xã Phước Tân (cũ)		500m về hướng xã Phước Tân (cũ)			
32	Đường liên xã Bù Nho đi xã Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 741 + 500m về hướng xã Phước Tân (cũ)	Ranh xã Phước Tân (cũ)	1,08	1,08	1,08
33	Đường ĐH. Bù Nho - Long Tân - Tân Hưng, Hớn Quản (cũ)	Đường N3a	Giáp ranh xã Long Tân (cũ)	1,08	1,08	1,08
34	Đường N9 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
35	Đường D6 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
36	Đường D6A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
37	Đường D6B (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
38	Đường D6C (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
39	Đường D6D (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
40	Đường D6E (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
41	Đường D7 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
42	Đường N2a (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
43	Đường D9 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
44	Đường N3 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
45	Đường N3a (TTHC huyện)	Đường N9	Đường ĐT 741	1,08	1,08	1,08
46	Đường N3a (TTHC huyện)	Đường ĐT 741	Đường D7	1,08	1,08	1,08
47	Đường N4 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
48	Đường N4A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
49	Đường N4B (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
50	Đường N4d (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
51	Đường N7 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
52	Đường N7a (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
53	Đường N7b (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	huyện)					
54	Đường nội bộ khu TMDV (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
55	Đường D3 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
56	Đường D3A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
57	Đường D3B (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
58	Đường D3C (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
59	Đường D3D (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
60	Đường D3E (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
61	Đường D4 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
62	Đường N4C (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
63	Đường D5 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
64	Đường D5A (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
65	Đường N5 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
66	Đường N6 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
67	Đường Tân Phú 1 (TTHC huyện)	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
68	Đường nội ô Khu dân cư Phú Riêng 13,9 ha: Đường số: 1,2,4,8,10	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
69	Đường nội ô Khu dân cư Phú Riêng 13,9 ha: Đường số: 5,11	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
70	Đường nội ô Khu dân cư Phú Riêng 13,9 ha: Đường số: 3, 6, 7, 9 (ĐT 741)	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
71	Đường N8	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
72	Đường số 1 TTTM Bù Nho	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
73	Đường số 3 TTTM Bù Nho	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
74	Đường số 5 TTTM	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Bù Nho					
75	Đường vòng nối đường ĐT 741 với đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã ba tiếp giáp Đường ĐT 741	Ngã ba tiếp giáp đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	1,08	1,08	1,08
76	Đường giao thông đầu nối trục đường ĐT 741 và ĐT 757 phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
77	Đường giao thông đầu nối trục đường ĐT 741 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
78	Đường vào nông trường 10 cũ	Ngã tư Phú Riềng	Giáp lô cao su nông trường 10	1,08	1,08	1,08
79	Đường Khu dân cư Xuân Anh	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Giáp đất bà Trần Thị Lanh (Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 41)	1,08	1,08	1,08
80	Đường Phú Tân - Phú Lợi	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy	1,08	1,08	1,08
81	Đường Phú Tân - Phú Lợi	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ) + 200m về phía ngã ba nhà ông Vy	Ngã ba nhà ông Vy	1,08	1,08	1,08
82	Đường Phú Riềng - Phú Trung (ĐT 795 đi ĐT 741)	Đường 312 cũ (thôn Phú Bình)	Giáp ranh xã Phú Trung	1,05	1,05	1,05
83	Đường thôn Phú Vinh	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã tư (hết thửa đất số 1 tờ bản đồ số 43)	1,05	1,05	1,05
84	Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản (cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ))	Đường N9	Đường Tân Phú 1	1,05	1,05	1,05
85	Đường Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng (cũ) hướng về cầu Long Tân – Tân Hưng, Hớn Quản	Đường Tân Phú 1	Đường N3a	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	(cũ) (Đường Tân Bình - Tân Hoà (cũ))					
86	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
87	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		1,14	1,14	1,14

Bảng 93. Xã Phú Trung

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 759	Giáp ranh phường Phước Long	Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến	1,14	1,14	1,14
2	Đường ĐT 759	Ngã ba Đường vào Nhà văn hóa thôn Đồng Tiến	Nga ba đường N7	1,09	1,09	1,09
3	Đường ĐT 759	Nga ba đường N7	Giáp ranh xã Nghĩa Trung	1,09	1,09	1,09
4	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Ngã ba Quốc lộ 14 và đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14	1,09	1,09	1,09
5	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	UBND xã + 500m về hướng Quốc lộ 14	UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng	1,09	1,09	1,09
6	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	UBND xã 1000m về phía xã Phú Riềng	Giáp ranh giới xã Phú Riềng	1,09	1,09	1,09
7	Đường Quốc lộ 14	Ranh xã Đồng Tâm	Ranh xã Nghĩa Trung	1,09	1,09	1,09
8	Đường Thác Ba	Giáp đường ĐT 759	Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba	1,09	1,09	1,09
9	Đường Thác Ba	Giáp đường ĐT 759 + 200m về Thác Ba	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Quỳnh Như (thửa đất số 101, tờ bản đồ số 101)	1,09	1,09	1,09
10	Đường Thác Ba	Từ đầu thửa đất ông Nguyễn Như Vàng (thửa đất số 27, tờ bản đồ số 102)	Đến Cầu Thác Ba	1,09	1,09	1,09
11	Đường Thác Ba	Từ cầu Thác Ba	Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung	1,05	1,05	1,05
12	Đường thôn Đồng Tâm đi Nghĩa Trung	Giáp thôn Bù Tổ	Đến giáp ranh xã Nghĩa Trung	1,09	1,09	1,09
13	Đường Bến Tre	Đường ĐT 759	Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ)	1,09	1,09	1,09
14	Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 759	Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng	1,09	1,09	1,09
15	Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 759 + 200m về xã Phú Riềng	Ngã ba đường đi Phước Tân - Phú Trung (cũ) kết nối đường ĐT 753B	1,09	1,09	1,09

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
			(ĐH 312 cũ)			
16	Đường Bù Nho - Phước Tân (cũ)	Ngã ba đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) kết nối đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Giáp ranh xã Phú Riêng	1,09	1,09	1,09
17	Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ)	Đường ĐT 753B (ĐH 312 cũ)	Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24)	1,09	1,09	1,09
18	Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ)	Giáp lô CS NT (hết ranh thửa đất số 21 tờ 24)	Hết thửa đất 251 tờ 115 của ông Phạm Văn Thông	1,05	1,05	1,05
19	Đường Phú Trung - Phước Tân (cũ) kết nối ĐH312 cũ với ĐT 759	Đường ĐH312	Giáp đường Phước Tân - Bù Nho (cũ)	1,09	1,09	1,09
20	Đường N4	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
21	Đường N5	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
22	Đường N7	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
23	Đường D1	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
24	Đường giao thông đầu nối trục đường Quốc lộ 14 và ĐT 753B (ĐH 312 cũ) phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,10	1,10	1,10
25	Đường giao thông đầu nối trục đường ĐT 759 phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09
26	Đường Đồng Tâm - Bù Tổ	Đường Thác Ba	Giáp ranh phường Phước Long	1,05	1,05	1,05
27	Đường D2	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
28	Đường Thôn Đồng Tiến	Đường ĐT 759	Hết ranh thửa đất số 18 tờ bản đồ số 76	1,05	1,05	1,05
29	Đường Bình Trung đi Bình Tân	Ngã ba Bình Trung (Tiếp giáp đường ĐT 759)	Giáp ranh xã Bình Tân	1,05	1,05	1,05
30	Đường Bình Trung đi Phường Phước Bình	Đường Bình Trung đi Bình Tân	Giáp ranh phường Phước Bình	1,05	1,05	1,05
31	Đường Đồng Tháp đi xã Phú Trung	Ngã ba tiếp giáp ĐT 759 (từ đầu thửa đất 69 tờ bản đồ số 115)	Ngã ba tiếp giáp Đường xã Phú Trung - xã Phước Tân (cũ) (Đến hết thửa đất số 500 tờ bản đồ số 115)	1,05	1,05	1,05
32	Các tuyến đường	Toàn tuyến thuộc		1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	trung tâm xã	các tờ bản đồ: 23, 24, 31, 46				
33	Đường thôn Phú An	Đường ĐT 753B (ngã 3 hội trường thôn Phú An)	Đền lô cao Su NT (hết ranh thửa đất 245 tờ 15)	1,05	1,05	1,05
34	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		1,14	1,14	1,14
35	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		1,11	1,11	1,11

Bảng 94. Xã Long Hà

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 757	Giáp ranh xã Phú Riềng	Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B	1,06	1,06	1,06
2	Đường ĐT 757	Hết đất Trường Tiểu học Long Hà B	Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng	1,06	1,06	1,06
3	Đường ĐT 757	Cách UBND xã Long Hà 500m hướng xã Phú Riềng	Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà	1,06	1,06	1,06
4	Đường ĐT 757	Hết ranh đất trụ sở UBND xã Long Hà	Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ)	1,06	1,06	1,06
5	Đường ĐT 757	Hết ranh Trường THPT Ngô Quyền (điểm trường cũ)	Cầu Trà Thanh	1,06	1,06	1,06
6	Đường ĐT 757B	Từ ngã ba đường ĐT 757 đi xã Long Bình (cũ)	Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long	1,06	1,06	1,06
7	Đường ĐT 757B	Đầu đập NT6 thuộc Thôn 11 và thôn Thanh Long	Chòi mù tổ 8, Đội Long Hà	1,06	1,06	1,06
8	Đường ĐT 757B	Chòi mù tổ 8, Đội Long Hà	Giáp ranh xã Bình Tân	1,06	1,06	1,06
9	Đường liên xã Long Tân (cũ) đi Bù Nho (cũ)	Giáp ranh xã Phú Riềng	Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính)	1,06	1,06	1,06
10	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn Long Tân 1, thôn Long Tân 2)	Ngã ba đường bê tông thôn Long Tân 2 (Ngã ba Nhà ông Tính)	Giáp ranh khu QH đầu giá TTHC xã (góc phía Bắc)	1,06	1,06	1,06
11	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Đoạn UBND xã - TTTM)	Giáp ranh khu QH đầu giá TTHC xã (góc phía Tây Nam)	Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM)	1,06	1,06	1,06
12	Đường liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (Khu dân cư thôn 4, thôn 5)	Ngã ba tiếp giáp đường QH số 2 (TTTM)	Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118)	1,06	1,06	1,06
13	Trung tâm xã Long Tân (cũ) (kéo dài)	Ngã ba tạp hóa Hưng Kiều (thửa đất số 235, tờ bản đồ số 118)	Ngã ba khu đất Hậu Cần Quân Sự	1,06	1,06	1,06
14	Đường quy hoạch số	Tiếp giáp đường	Ngã ba Đường vào	1,06	1,06	1,06

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	2 (trung tâm thương mại Long Tân cũ)	liên xã Long Tân (cũ) - Bù Nho (cũ) (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 118)	trường THCS Long Tân (hết ranh thửa đất số 527, tờ bản đồ số 118)			
15	Đường QH số 3, 4 (Trung tâm thương mại Long Tân cũ)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
16	Đường QH số 5, 6, 7 (Trung tâm thương mại Long Tân cũ)	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
17	Khu dân cư Hoàng Việt (Công ty TNHH MTV TMĐT BĐS Hoàng Việt)	Các tuyến đường trong Khu dân cư Hoàng Việt)		1,06	1,06	1,06
18	Khu dân cư An Phú (Công ty TNHH MTV ĐT TM BĐS An Phú)	Các tuyến đường trong Khu dân cư An Phú)		1,06	1,06	1,06
19	Khu quy hoạch đầu giá TTHC xã Long Tân (cũ) (Trừ đường số 4 và đường số 8 khu TTHC xã Long Tân (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
20	Đường số 4 (Khu quy hoạch đầu giá TTHC xã Long Tân (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
21	Đường số 8 (Khu quy hoạch đầu giá TTHC xã Long Tân (cũ))	Toàn tuyến		1,06	1,06	1,06
22	Đường liên huyện Phú Riêng (cũ) - cầu Long Tân đi Tân Hưng (Hơn Quán (cũ))	Ngã ba tiếp giáp đường 327	Cầu Long Tân	1,06	1,06	1,06
23	Đường giao thông đầu nối trục đường ĐT 757 và ĐT 757B phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
24	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2	Từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 14	Hết ranh Cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riêng tiếp giáp thửa 61, tờ 63	1,05	1,05	1,05
25	Đường dọc Sông Bé	Từ thửa đất số 61,	Hết ranh thửa 24,	1,05	1,05	1,05

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	giai đoạn 2	tờ bản đồ số 63	tờ 51 tiếp giáp đường ĐT 757			
26	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 3	Đường ĐT 757	Giáp ranh xã Bình Tân	1,05	1,05	1,05
27	Đường thôn Phu Mang 1 kết nối đường dọc Sông Bé	Đường dọc Sông Bé từ ranh thửa đất số 140, tờ bản đồ 07	Đường ĐT 757B (hướng đi xã Bình Tân)	1,05	1,05	1,05
28	Đường dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú (cũ) đến kết nối 2 KCN Long Tân – Long Hà	Từ thửa đất số 203, tờ bản đồ số 130	Hết thửa đất số 10, tờ bản đồ số 137	1,05	1,05	1,05
29	Đường dọc Sông Bé giai đoạn 2 (Long Tân cũ)	Từ thửa đất số 13, tờ bản đồ số 115	Hết thửa đất số 188, tờ bản đồ số 130	1,05	1,05	1,05
30	Đường giao thông liên xã	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07
31	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		1,07	1,07	1,07

Bảng 95. Xã Bình Tân

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
1	Đường ĐT 741	Giáp ranh phường Phước Bình	Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài	1,08	1,08	1,08
2	Đường ĐT 741	Ranh UBND xã Bình Tân cũ + 500m về hướng Đồng Xoài	Giáp ranh xã Long Hưng cũ	1,08	1,08	1,08
3	Đường ĐT 741	Giáp ranh xã Long Hưng cũ	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình	1,08	1,08	1,08
4	Đường ĐT 741	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía phường Phước Bình	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng	1,08	1,08	1,08
5	Đường ĐT 741	Ngã ba Bình Tân (xã Long Hưng cũ) 300m về phía Phú Riềng	Giáp ranh giới xã Phú Riềng	1,08	1,08	1,08
11	Đường ĐT 757B	Giáp ranh với xã Long Hà (tính dọc 2 bên đường)	Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà	1,08	1,08	1,08
6	Đường ĐT 757B	Cách trụ sở UBND xã 500m về hướng xã Long Hà	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4)	1,08	1,08	1,08
7	Đường ĐT 757B	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4)	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang	1,08	1,08	1,08
8	Đường ĐT 757B	Cầu xã Bình Tân (thôn Bình Tân 4) + 400m hướng Lộc Quang (cũ)	Đầu Lô 53 - NT3, đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa số 98, tờ bản đồ số 66)	1,08	1,08	1,08
10	Đường ĐT 757B	Đầu lô 53 - NT3 đất nhà ông Hoàng Văn Khang (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 66)	Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66)	1,08	1,08	1,08
9	Đường ĐT 757B	Ranh thửa đất bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66)	Cầu Lộc Quang (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 58)	1,08	1,08	1,08
12	Đường liên xã Long	Đường ĐT 741	Cách trường Mẫu	1,08	1,08	1,08

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
	Hung (cũ) - Long Bình (cũ)		giáo Long Hưng (cũ) đi về phía Long Bình (cũ) 1000m			
13	Đường liên xã Long Hưng (cũ) - Long Bình (cũ)	Đầu lô 81 - Nông trường Long Hưng	Hết ranh đất ông Thiều Đình Kỳ tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7	1,08	1,08	1,08
14	Đường Liên xã Long Hưng (cũ) - Bình Sơn (cũ)	Trường Tiểu học Long Hưng (Điểm thôn 7)	Hết ranh đất ông Lê Đình Bốn tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13	1,08	1,08	1,08
15	Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình	Ngã ba nhà ông Phù Vinh Pầu (thửa đất số 89, tờ bản đồ số 62)	Đất tiếp giáp ranh Phường Phước Bình (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 64)	1,08	1,08	1,08
16	Đường liên xã Bình Tân đi xã Phước Tân (cũ)	Ngã ba Bình Hiếu - Giáp Đường ĐT 741	Nhà ông Bùi Mót + 200m hướng về NT8	1,11	1,11	1,11
17	Đường liên xã Bình Tân đi Phường Phước Bình	Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu	Ngã ba Bưu điện Bình Hiếu + 200m hướng về phường Phước Bình	1,08	1,08	1,08
18	Đường liên xã Bình Tân đi xã Bình Sơn (cũ)	Giáp ranh Phường Phước Long	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Việt Khương (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 138)	1,08	1,08	1,08
19	Đường Liên xã	Ngã ba cây xăng ông Trình	Cầu Cửu Long	1,08	1,08	1,08
20	Đường liên xã	Cầu Cửu Long (tính 2 bên đường)	Hết ranh bà Lê Thị Lý (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66) tiếp giáp đường ĐT 757B	1,10	1,10	1,10
21	Đường QH 12m	Đường ĐH	Cuối tuyến đường QH 12m, đến ranh đất nhà ông Nhị	1,08	1,08	1,08
22	Đường QH 17m	Đường ĐH	Cuối tuyến đường QH 17m, đến ranh đất nhà ông Tều	1,08	1,08	1,08
23	Đường QH 15m	Đường QH 12m	Đường QH 17m	1,08	1,08	1,08
24	Đường giao thông đầu nối đường trung tâm xã	Ranh thửa đất của ông Nguyễn Văn Thập tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 50, tờ bản	Hết ranh đất ông Nguyễn Như Hưng tính dọc 2 bên đường (thửa đất số 96, tờ bản đồ số	1,08	1,08	1,08

TT	Tên đường	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Điểm đầu	Điểm cuối			
		đồ số 125)	107)			
25	Đường quanh chợ	Ngã ba cây xăng ông Trình	Cuối tuyến đường quanh chợ, hết ranh đất nhà ông Nguyễn Đức Thọ	1,08	1,08	1,08
26	Đường quanh chợ	Đầu ranh đất Cây xăng Thành Long	Ngã ba vào Nhà văn hóa Thôn Bình Tân 2	1,08	1,08	1,08
27	Trung tâm Long Bình (cũ)	Ngã ba nhà ông Trần Đức Long	Hết ranh ông Nguyễn Ngọc Mai	1,11	1,11	1,11
28	Tuyến đường số 1 Khu dân cư Bình Tân	Đường ĐT 741	Giáp ranh cao su Nông trường Phước Bình	1,08	1,08	1,08
29	Đường từ Trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân	Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ)	Giáp ranh xã Phú Trung	1,08	1,08	1,08
30	Đường từ đường ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	Giáp Đường liên xã Bình Tân - xã Phước Tân (cũ)	Giáp ranh phường Phước Bình	1,08	1,08	1,08
31	Đường từ đường ĐT 741 (gần Công ty Cao su Phước Long, xã Bình Tân) đến đường ĐT 759	Đường ĐT 741	Giáp ranh phường Phước Bình	1,08	1,08	1,08
32	Đường giao thông đầu nối trục đường ĐT 741 phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
33	Đường giao thông đầu nối trục đường ĐT 757B phạm vi 200m	Toàn tuyến		1,08	1,08	1,08
34	Đường dọc sông bé	Giáp ranh xã Long Hà	Đất ông Đặng Đình Hoạt	1,05	1,05	1,05
35	Các đường giao thông liên xã còn lại	Toàn tuyến		1,05	1,05	1,05
36	Các tuyến đường nhựa, bê tông nông thôn mới thuộc Trung tâm xã	Bao gồm các tờ bản đồ số: 106, 114, 124, 125		1,08	1,08	1,08
37	Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã	Toàn tuyến		1,09	1,09	1,09